

Công Giáo - Huyền Thoại và Tội Ác



Dominic Nguyễn Chấn (Charlie Nguyễn)

Mục Lục

THAY LỜI TỰA (**)	2
.....	3
NHẬP ĐỀ	4
1 ĐỘC THẦN GIÁO (**)	18
1.1 CÁI NÔI CỦA CÁC ĐẠO CHÚA: VÙNG LƯỠI LIỀM PHÌ NHIỀU Ở CẬN ĐÔNG.	18
(The Fertile Cressent of The Near East)	18
1.1.1 Sơ lược lịch sử của dân tộc Sumer và địa danh Babylon.	19
1.1.2 Tìm hiểu thêm về những phát minh đầu tiên của dân tộc Sumer.	23
1.2. CÁC ĐẠO THỜ THIÊN CHÚA LÀ NHỮNG BIẾN DẠNG CỦA ĐẠO THỜ BÒ.	27
I. ĐẠO DO THÁI.	31
II. ĐẠO KITÔ.	31
III. ĐẠO HỒI.	32
1.3. ABRAHAM: ÔNG TỔ CỦA CÁC ĐẠO CHÚA	33
1.4. Thiên Chúa Elohim của Đạo Do Thái Nguyên thủy	38
(Pre-Mosaic Judaism)	38
1.5. THIÊN CHÚA JEHOVAH CỦA ĐẠO DO THÁI MAI-SEN	40
(MOSAIC JUDAISM)	40
1.6. THIÊN CHÚA BA NGÔI CỦA ĐẠO KITÔ	44
(The Trinity God or The Christian God)	44
1.7. THIÊN CHÚA ALLAH CỦA ĐẠO HỒI	49
1.8. NHỮNG NÉT ĐẶC TRƯNG CỦA CÁC ĐẠO THỜ CHÚA	53
1.8.1. Thiên Chúa Độc Thần Giáo là đàn ông da trắng, lấm điều hơn đàn	53
bà và độc ác hơn dã thú.	53
1.8.2. Tín đồ Thiên Chúa Giáo cuồng tín và hiếu sát.	55
1.8.3. Cổng Trời và ngày tận thế là hai nỗi ám ảnh lớn nhất của các tín đồ thờ Chúa.	56
2. KITÔ GIÁO (**)	59
2.1. NGUỒN GỐC HUYỀN THOẠI KITÔ	59

2.2 CÁI KHỔ CỦA JESUS TRÊN THẬP GIÁ.	62
2.3: CÁC YẾU TỐ HÌNH THÀNH KITÔ GIÁO	65
2.3.1. CÁI NỖI DO THÁI VỚI HUYỀN THOẠI KITÔ	65
2.3.2 CÁI LÒ THẦN THOẠI HY LẠP ĐỂ RA KINH THÁNH TÂN ƯỚC VÀ THUYẾT NGÔI LỜI NHẬP THỂ	66
2.3.3 KHOA THẦN HỌC VIỄN TƯỞNG TÂY PHƯƠNG	66
2.3.4 THAM VỌNG CHINH PHỤC TOÀN CẦU CỦA ĐẾ QUỐC LA MÃ	67
2.4 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐỂ TRUY TÌM "JESUS THẬT"	69
2.5 JESUS ĐÃ SỐNG CUỘC ĐỜI NHƯ THẾ NÀO?	74
2.6 HUYỀN THOẠI PHỤC SINH	79
2.7 NHỮNG CHUYỆN BÍ MẬT Ở NÚI SỌ (The Secrets of Golgotha)	83
2.8 TẤM VẢI LIỆM JESUS LÀ HỒ CHÔN ĐẠO CÔNG GIÁO	88
3 TỘI ÁC (**)	93
3.1 CON BẠCH TUỘC CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (Octopus Dei)	93
3.2 DÒNG TÊN Thánh Phanxico Xavie, Cố Đạo Đắc Lộ và chữ Quốc ngữ	100
THAY LỜI KẾT (**)	109

THAY LỜI TỰA (**)

(** : tựa do người chép sách tự đặt)

Thư Ngỏ

Kính thưa quý vị độc giả và quý thân hữu,

Cho đến nay đã qua nhiều năm, các bài viết của tôi hầu hết đều nhắm trọng tâm vào việc “Giải Hoặc Ki Tô Giáo”, bao gồm cả Công Giáo và Tin Lành, để phục vụ lợi ích của dân tộc, góp phần bảo vệ truyền thống văn hóa Việt Nam. Các bài viết đó đều là những công trình lao động tim óc đã được bộc lộ ra ngoài với tất cả tấm lòng chân thành và trung thực của tôi.

Tôi đã được nhiều giới độc giả trong và ngoài nước tán thành ủng hộ. Đặc biệt là các anh em trong nhóm Giao-Điểm đã nhiệt liệt hoan nghênh các tác phẩm của tôi. Từ đầu năm 2001 đến nay, Giao-Điểm đã xuất bản 4 cuốn sách của tôi và sẽ tiếp tục tác phẩm thứ năm trong những ngày sắp tới. Nhiều bài viết của tôi đã được đăng trên tạp chí Giao-Điểm (xuất bản mỗi tam cá nguyệt). Quan trọng hơn cả là trên Trang Nhà Giao-Điểm, ít nhất tôi cũng có mỗi tháng một bài được truyền đi trên mạng lưới toàn cầu (www.giaodiem.com) liên tục trong 3 năm qua (từ 4/2001 đến 4/2004).

Tôi biết ơn Giao-Điểm rất nhiều, vì nếu không có sự khuyến khích và ủng hộ tích cực của các anh em đó thì đến nay các tác phẩm văn hóa của tôi rất có thể đã bị thất lạc trên một chặng đường nào đó trong cuộc chiến đấu đơn độc đầy cam go của tôi trong 10 năm qua. Để đền đáp ơn tri ngộ đó, tôi đã viết “**Di Chúc Văn Hóa**” theo đúng luật pháp Hoa Kỳ, với nội dung chính yếu là: tất cả các tác phẩm văn hóa của tôi đã do Giao-Điểm xuất bản sẽ thuộc bản quyền của Giao-Điểm sau khi tôi mệnh chung; các thân nhân của tôi không có quyền cản trở việc xuất bản, tái bản và phổ biến các tác phẩm này.

Nay, do sự tự nguyện của một nhóm anh em bạn tại Houston có khả năng chuyên môn về kỹ thuật tin

học giúp tôi mở một trang webpage riêng để tôi có thể tập trung và phổ biến các bài viết của mình với tư cách hoàn toàn độc lập. **Tôi ước mong lập trường của mình sẽ vững chắc trước sau như một, không nghiêng ngả theo một xu hướng chính trị nào, không bị phe phái chính trị nào lợi dụng. Từ trước đến nay, cũng như từ nay về sau, tôi chỉ có hai mục tiêu:**

Thứ nhất là “Giải hoặc Ki Tô Giáo” và đồng thời phổ biến những kiến thức cần biết về các tiềm năng nguy hiểm của các đạo độc thần (monotheist religions).

Thứ hai : Tất cả để phục vụ những lợi ích của dân tộc và tổ quốc Việt Nam. Ngoài ra, tôi không nhắm phục vụ lợi ích riêng tư của bất cứ ai và cũng không nhắm đả kích một cá nhân nào với lý do thù oán riêng tư.

Sau khi đã minh định lập trường và các mục tiêu chiến đấu của tôi như trên, tôi ước mong quý độc giả và các thân hữu hãy ủng hộ tôi bằng cách tìm đọc và phổ biến cho nhiều người khác cùng đọc Trang Nhà “Tôn Giáo và Dân Tộc” tại ba nơi sau đây (mirror site):

- <http://charlienguyen.com/>
- <http://home.earthlink.net/~charlienguyen>
- <http://home.comcast.net/~charlieng> (nay không còn hoạt động nữa - SH)

Trân trọng cảm ơn và kính chào quý độc giả cùng các bạn.

Houston, ngày 02 tháng Sáu 2004

Bùi Văn Chấn

Bút hiệu Charlie Nguyễn



David & Goliath

NHẬP ĐỀ

Công Giáo La Mã là một đặc sản văn hóa phi nhân tính (inhuman) của Tây Phương, bắt nguồn sâu xa từ cái nôi tối cổ của nền văn minh du mục Ả Rập là Babylon. Những huyền thoại làm đảo lộn lịch sử thế giới và gieo tai họa khủng khiếp cho cả loài người như những huyền thoại về Vườn Địa Đàng (Garden of Eden) huyền thoại con người được Thượng Đế tạo ra từ đất sét (clay), huyền thoại về Chúa Cứu Thế Ki Tô (Christos / Messiah / Savior) đều xuất phát từ Babylon. Thậm chí phần lớn những nghi lễ tại các nhà thờ Công Giáo ngày nay như các giám mục khi làm lễ thường đội nón hình đầu cá (fish-head mitre), Bánh Thánh hình tròn (round-shaped Host), Mặt Nhật để dâng Minh Thánh Chúa mạ vàng (Gilded Monstrance) trông giống như mặt trời tỏa ánh sáng (sunburst design), ảnh tượng Đức Mẹ bế Chúa Cứu Thế hài đồng v.v... Tất cả đều là những sản phẩm văn hóa du mục của Babylon, đặc biệt là đạo thờ thần Mặt Trời, mà những Tổ Phụ Sáng Lập đã tiếp thu gần như trọn vẹn để lập ra đạo Công Giáo La Mã như ta thấy hiện nay.

Trong thế giới sơ khai có rất nhiều dân tộc thờ Thần Cá. Người Babylon tin Chúa Cứu Thế là Cá. Trong Kinh Thánh cổ Talmud của đạo Do Thái, danh từ Chúa Cứu Thế (Messiah) còn được gọi là DAG có nghĩa là cá. Các dân tộc Bắc Âu từ thuở xa xưa thờ thần Cá Frigga và họ kiêng thịt chỉ ăn cá vào ngày thứ sáu. Từ đó, danh từ trong Anh ngữ của dân Anglo-Saxon (gốc Bắc Âu) mới có chữ Friday là ngày Thứ Sáu. Trong Đạo Hindu của Ấn Độ thì Thượng đế Vishnu là vị thần nửa người nửa cá (half fish - half man).

Người Hy Lạp đặt ra tên JESUS bằng cách ghép chữ đầu của tiếng ICHTBUS, nghĩa là Cá (Fish) là các chữ đầu của cụm từ EOU UIOS SOTER, nghĩa là Con của Đức Chúa Trời (Son of God) để tạo thành tên IESOUS (hàm ý JESUS là Thần Cá Cứu Thế Con của Thượng Đế). Điều này cho thấy ngay tên của JESUS cũng là một sản phẩm thần thoại có nguồn gốc tôn giáo của thời kỳ bán khai của nhân loại. Người Anh và Pháp phiên âm danh từ Hy Lạp IESOUS thành JESUS. (Xin đọc Deceptions and Myths of the Bible - Lloyd M. Graham p. 326- 327). Người Hoa phiên âm JESUS thành GIA-TÔ. Trong sách Kinh Nguyên Toàn Niên của hai giáo phận Hà Nội và Bùi Chu có Kinh Cầu Hồn Hán tự có câu : "Thần Chúa Gia Tô thực tội thi ân chi đại", có nghĩa là: Chúa Giêsu chuộc tội và ban ơn rất lớn.

Đặc biệt nhất là nghi lễ "Rước Minh Thánh Chúa", một nghi lễ thiêng liêng và quan trọng số một của đạo Công Giáo, chính là nghi lễ rập khuôn đúng theo tục lệ man rợ của người Babylon thời xưa làm lễ tế thần bằng cách bắt những cô gái trinh hoặc những trẻ thơ trong đám những người nô lệ cô thế để làm vật hy sinh. Các nạn nhân vô tội bị nướng chín như heo quay để tế thần. Sau đó các tu sĩ và giáo dân đạo thờ thần Baal vui vẻ chia nhau ăn thịt nạn nhân trong tiếng trống và phèng la inh ỏi. Do đó, ngôn ngữ Tây phương phát sinh ra danh từ CANNI-BAL để gọi những tu sĩ của đạo thờ thần Baal (priests of Baal), tức thần Molech, cha của Chúa Cứu Thế Tammuz (Tammuz, the Savior), mà dân Babylon tôn thờ cách đây khoảng mười ngàn năm.

Cũng như tại các nhà thờ Công Giáo ngày nay, các linh mục làm lễ MISA, có nghĩa là Bữa Tiệc tế thần Jehovah (Đức Chúa Cha) bằng thân xác của Đức Chúa Con (Jesus). Sau khi Chúa Cha ăn thịt Chúa Con xong thì đến phiên các cha cố và giáo dân cùng chia nhau ăn bánh thánh và uống rượu nho mà họ gọi là "Rước Lễ" hoặc chịu "Phép Minh Thánh Chúa" (Corpus Christi). Giáo lý Công Giáo buộc mọi tín đồ phải tin rằng lúc rước lễ là lúc họ đang ăn thịt thật và uống máu thật của Jesus đã chết thối cách đây gần hai ngàn năm! Đó là nghi lễ tôn giáo trọng đại của những người tự hào là

"văn minh" đang sống trong một nước "mọi rợ" phương Đông là nước Việt Nam! Nhờ phúc đức của ông bà tổ tiên nhân hậu để lại nên dân tộc Việt Nam chỉ có khoảng 8% dân số hồ hởi phần khởi chạy theo nền văn minh khoái khẩu món thịt người (Cannibal). Số còn lại 92% dân số Việt Nam may mắn đều là dân "mọi rợ" (theo nghĩa "mọi rợ" của sách kinh Công Giáo dưới cặp mắt cú vọ của các cố đạo thừa sai cũng như dưới cặp mắt mơ huyền của các cố đạo bản xứ mất gốc.)

Theo sử gia Hislop thì cái ý nghĩ quái đản về sự ăn thịt Chúa của người Công Giáo là học đòi tục lệ của tà giáo mọi rợ ăn thịt người. Các tu sĩ tà giáo bị buộc phải ăn thịt của mỗi người bị hy sinh một chút. Vì vậy danh từ "Canah-Baal" có nghĩa là tu sĩ đạo thờ Thiên Chúa Baal. Danh từ này trở thành căn ngữ cho tiếng Anh "Cannibal" có nghĩa là kẻ ăn thịt đồng loại. (The idea of eating the flesh of God was of cannibalistic inception. Since heathen priests ate a portion of all sacrifices, in case of human sacrifices, priests of Baal were required to eat human flesh. Thus Canah-Baal, that is priests of Baal, has provided the basis for our modern word Cannibal that means the person who eats the flesh of other human beings. - The Two Babylon by Hislop. p.232).

Sử gia trứ danh Duran, người Pháp, với những bộ sử lớn lao của ông đã được dịch ra rất nhiều thứ tiếng trên thế giới đã viết : "Niềm tin về sự biến thể của bánh và rượu thành máu và thịt của Chúa Jesus trong nghi lễ Công Giáo La Mã là một trong những nghi lễ cổ xưa nhất của những tôn giáo thời ăn lông ở lỗ" (The belief in transubstantiation as practiced in the Roman Catholic Church is one of the oldest ceremonies of primitive religion. - The Story of Civilization : The Reformation, p. 749).

Những chuyện hết sức kinh dị dã man khiến không ai ngờ có thể có trong đạo Công Giáo mà nhiều người đã lầm tưởng là đạo của người văn minh. Càng tìm hiểu về đạo Công Giáo, mọi người đều sẽ phải sửng sốt để nhận ra rằng Công Giáo La Mã thực sự chỉ là đạo của những linh hồn bán khai. Tôi thiết nghĩ những người Công Giáo Việt Nam hải ngoại có trình độ Anh ngữ cao nên tìm đọc cuốn sách nghiên cứu rất công phu của Hội Nghiên Cứu Thánh Kinh Ralph Woodrow (Ralph Woodrow Evangelistic Association P.O. Box 124 Riverside CA 92502) là tác phẩm **BABYLON MYSTERY RELIGION - ANCIENT AND MODERN**, xuất bản lần đầu năm 1966 và tái bản năm 1990 với 350.000 ấn bản. Danh từ "**Tôn giáo của Huyền thoại Babylon**" chính là tên gọi của hội này áp dụng cho Giáo Hội Công Giáo La Mã (Roman Catholic Church).

Trong Lời Giới Thiệu của Tiến sĩ Alberto Rivera, cựu linh mục Dòng Tên, nhân dịp nhà xuất bản Chic Publications ở California cho ra mắt tác phẩm The Secret History of The Jesuits được dịch ra từ tác phẩm nguyên bản tiếng Pháp của linh mục Dòng Tên Edmond Paris năm 1975, Tiến Sĩ Rivera đã viết: "*Các tổ phụ sáng lập đạo Công Giáo đã tuân thủ hầu như nguyên vẹn hệ thống tôn giáo cổ của Babylon, pha trộn thêm vào đó là khoa thần học Do Thái Giáo và khoa triết lý của Hy Lạp. Tất cả những thứ đó đã dọn đường cho sự hình thành guồng máy Công Giáo La Mã. Quyền lực của Giáo Hoàng và của các định chế Công Giáo không những chỉ phá hoại sinh mạng thể xác con người như các tu sĩ dòng Đa Minh đã làm qua hệ thống Tòa án Dị giáo, mà còn len lỏi xâm nhập vào mọi lãnh vực của đời sống nhân loại. . . . bằng cách áp đặt các chế độ độc tài và làm suy yếu các nền dân chủ như nền dân chủ của Hoa Kỳ. Hồi những người Công Giáo (Hoa Kỳ và Canada), tôi viết vì sự cứu rỗi của các người.*"

(The Early Fathers observed most of the ancient Babylonian system plus Jewish theology and Greek philosophy. They paved the way for the Roman Catholic machine that was to come into existence. . . The power of pope and the Roman Catholic institution, not by just destroying the physical life of the people as the Dominican priests were doing through the Inquisition, but by infiltration and penetration into every sector of life . . . , by setting up dictatorships and weakening democracies such as the USA.... Yours, for the Savation of

the Roman Catholic people. Dr. Alberto Rivera, Ex-Jesuit Priest. - The Secret History of the Jesuits - Dr. Rivera's Introduction).

Sử gia Hoa Kỳ Lloyd M. Graham đã bỏ công nghiên cứu rất công phu những tội ác của Công Giáo La Mã. Trước hết là tội lừa bịp và mê hoặc dân chúng bằng những huyền thoại của Babylon và Syria. Ông tố cáo tội ăn cắp trắng trợn của tà giáo ác ôn này ngay trên trang bìa tác phẩm trứ danh của ông (**Deceptions and Myths of The Bible** 484 trang, A Citadel Press Book, 1991) "*Kinh Thánh chẳng phải là Lời Chúa mà là những thứ ăn cắp của ngoại giáo. Huyền thoại Vườn Địa Đàng với Adam Evà ăn cắp từ kho Babylon. Các huyền thoại như Trận Đại Hồng Thủy, tàu No-e, Isaac, Salomon, Samson và thậm chí ngay cả tên thánh Mai-sen cũng đều là đồ ăn cắp từ thần thoại của Syria.*" (..The Bible is not the word of God but a steal from pagan sources. Its Eden, including Adam and Eve, were taken from the Babylonian account, its Flood and Deluge ...its Ark and Ararat their equivalents in a score of of Deluge myths, even the names of Noah's sons are copies, so also were Isaac's sacrifice, Salomon's judgement and Samson 's pillar act. Moses is fashioned after the Syrian Mises.)

Công Giáo La Mã là tên sát nhân vô địch trong lịch sử nhân loại. Từ ngày bạo chúa La Mã Constantine sáng lập ra nó năm 325 đến nay nó đã giết hại trên hai trăm triệu người (Wars, tyranny and oppression of Christian nations since the days of Constantine have caused the death of more than 200.000.000 people - p.463). Về phương diện văn minh và văn hóa, Công Giáo La Mã đi tới đâu là hủy diệt toàn bộ nền văn minh, văn hóa của người ta đến đó. Nó đã hủy diệt không còn dấu tích các nền văn hóa của các dân tộc Da Đỏ ở châu Mỹ LaTinh. Vào thế kỷ 5 nó đã tiêu hủy nền văn minh vô cùng quý giá của Hy Lạp, tổng giám mục Chrysotom khoe : "*Mọi dấu vết của nền triết học và văn chương của thế giới cổ đã bị xóa sạch khỏi mặt đất*". (By the fifth century the destruction of the ancient world has vanished from the face of the earth - p. 281).

Công Giáo là tên thủ phạm đã làm cho nền văn minh nhân loại bị thụt lùi 15 thế kỷ. "*Trong 15 thế kỷ đó dân Công Giáo không biết trái đất tròn. Trái lại, dân Hy Lạp từ thế kỷ 6 TCN đã được Pythagore dạy rằng trái đất chẳng những tròn mà còn quay quanh mặt trời. Vào thế kỷ 3 TCN Aristarchus đã phác họa lý thuyết về Thái Dương Hệ tương tự như phát minh vĩ đại của Copernicus thế kỷ 19. Cũng vào thế kỷ 3 TCN, Erathostine đã đo được chu vi của trái đất.*" (This resulted in fifteen hundred years of darkness, in which the Christian people did not know the earth is round. And yet as the sixth century B. C., Pythagoras taught that the earth was not only round but going around the sun. In third century B.C., Aristarchus outlined the true heliocentric theory developed as a great discovery nineteenth century later by Copernicus. In the third century B. C. Erathostene measured the circumference of the earth - p. 448)

Giáo lý Công Giáo dạy rằng : "*Máu của Jesus đã rửa sạch tội lỗi của thế gian. Thử hỏi kẻ nào là thủ phạm đã cuốn sạch sự thiện lành của thế giới này? Đó là tà đạo Công Giáo chẳng những lấy sự ngu dốt để xây dựng giáo hội mà còn dùng đến cả những thủ đoạn bất lương, sự ác độc và phương tiện chiến tranh nữa*" (According to their teaching: The blood of Christ washed away the sins of the world. What it actually washed away the sanity of the world ? it takes more than ignorance to found a religion, it takes dishonesty, cruelty and war as well -p.447)

"*Người Công Giáo tin rằng 'thánh' Phê Rô và các giáo hoàng đứng đầu Hội Thánh có quyền buộc hay tha tội cho mọi người trên thế gian. Chẳng lẽ những bậc thánh hiền có trước Jesus như Pythagoras, Plato, Socrates và Đức Phật Thích Ca cũng cần phải tùy thuộc vào cái quyền buộc tội hay tha tội đó của gã Do Thái đánh cá ngu dốt hay sao?*" (Catholics are indeed credulous but they cannot be so credulous as to believe that pre-Christian sages like Pythagoras, Plato, Socrates and Buddha require this ignorant Jewish fisherman to bind and loose their souls. - p. 438)

"Bất cứ ai tin rằng bánh và rượu nho có thể biến thể thành thịt và máu thật của Jesus để gọi là "Bánh Hằng Sống" bởi mấy câu nói làm nhảm của một thằng cổ đạo ngu dốt thì hãy thử cho một chút arsenic vào bánh và rượu đó xem Minh Thánh Chúa có thành một liều thuốc độc giết người không ? Cái lễ thói ngu ngốc của tín đồ Công Giáo ăn thịt uống máu Jesus với hy vọng sẽ hấp thụ được những đức tính giống như Jesus là cái tỳ vết nghi lễ mọi rợ của những kẻ chuyên ăn thịt sống mê tín tin tưởng rằng cứ ăn thịt uống máu của ai thì sẽ có những đặc tính tốt của người đó như sức mạnh , lòng can đảm v.v..." (Anyone who think that ordinary bread and wine are actually transubstantiated into the flesh and blood of Christ by the numbled words of an ignorant priest should put a little arsenic in them first. He will find then that the flesh and blood of Christ are deadly poison. The ignorant Christian custom of eating and drinking commonplace bread and wine in the hope of gaining some Christlike virtue is but a relic of the savage rite of omophagia - the eating and drinking another person's flesh and blood to acquire his qualities , strength, courage and so on. - 335).

Công Giáo La Mã không phải là một tôn giáo mà là một Đế Quốc. Phải gọi nó là Đế Quốc Công Giáo vì nó chiếm toàn Âu Châu và Bắc Phi làm lãnh thổ của nó và đế quốc Công Giáo chẳng khởi đầu từ Jesus mà thật sự khởi đầu từ tên Bạo Chúa La Mã Constantine. Người Công Giáo coi Constantine là "người của Chúa" vì y ngưỡng mộ cây thập ác với khẩu hiệu " Dưới dấu hiệu Thánh Giá ta sẽ chinh phục thế giới" .Tên bạo chúa này đã chiếm toàn Âu Châu cho Công Giáo do Jesus dạy y làm như vậy hay sao ? . Sử gia Gibbon viết chí lý như sau : "*Công Giáo La Mã dùng bạo lực để bảo vệ đế quốc do nó thủ đắc bằng sự lừa dối*" (p. 454).

Người Công Giáo Ái Nhĩ Lan ngày nay đang chiến đấu chống Anh quốc để dành độc lập quốc gia và để bảo vệ niềm tin Công Giáo, nhưng họ quên rằng chính Giáo hoàng Adrian IV đã bán đứng đất nước Ái Nhĩ Lan cho Anh Quốc vào thế kỷ 12. Ngày nay văn khố Vatican còn lưu trữ bức thư của GH Adrian IV gửi vua Anh Henry II như sau : "*Không còn nghi ngờ gì nữa, như Ngài đã biết, Ái Nhĩ Lan và các đảo của nó đều đã thuộc Giáo Hội La Mã vì dân chúng đã tiếp nhận đức tin Công Giáo. Nếu Ngài muốn chiếm đảo quốc này để khai thác, áp đặt luật pháp và bắt mọi người phải nộp thuế cho Tòa Thánh, tôi (giáo hoàng) sẵn sàng chuyển nhượng đảo quốc đó cho Ngài*". (It is not doubted and you know it, that Ireland and all its islands which have received the Faith belong to the Church of Rome. If you wish to enter that Island to drive vice of it , to cause law to be obeyed and Saint Peter's pence to be paid by every house, it will please us to assign it to you. -page 470).

Mấy chục năm sau, vào cuối thế kỷ 12, Giáo Hoàng Innocent III xúi giục vua Pháp tấn công Anh quốc vì ở Anh có phong trào chống Công Giáo có thể gây nguy hại đến "quyền lợi thiêng liêng" (the divine right) của Tòa Thánh. (p. 469).

Giáo Sử Công Giáo là Huyết Lệ Sử của nhân loại. Đoàn quân Thập Tự của Công Giáo La Mã tàn bạo dã man không thể tưởng tượng nổi. Trong cuộc thánh chiến với Hồi giáo tại Jerusalem nó đã giết hại sáu chục ngàn trẻ em. Bọn chúng nhân danh Chúa Ki Tô phạm những tội ác làm rợn tóc gáy của mọi người. Xin hãy nghe Thập Tự Quân viết thư về gia đình để khoe thành tích tội ác của chúng : "*Ở nhà có biết chúng tôi đối xử với kẻ thù của chúng ta như thế nào ở Jerusalem không? Ở cổng thành Solomon và tại Đền Thánh Chúa, đoàn kỵ binh của chúng tôi phải lội qua những vũng máu của địch lên tới đầu gối của đoàn ngựa*". (If you would know how we treated our enemies at Jerusalem know that in the portico of Salomon and in the Temple, our men rode through the unclean blood of the Saracenes which came up to the knees of our horses. - 462)

Giáo Hội Công Giáo La Mã chẳng những là một tổ chức tội ác vô tiền khoáng hậu với qui mô rộng lớn khắp thế giới mà nó còn là một trung tâm sản xuất đồ giả lớn nhất thế giới để thu lợi. Đồ giả phổ

biến nhất của Tòa Thánh là các "Thánh Tích" (relics). Chúng lấy răng chó con hay răng súc vật đem bán và nói đó là những chiếc răng sữa của Chúa Jesus, lấy mảnh da loài vật để làm giả miếng da cắt được từ lỗ rốn của Ngôi Hai Thiên Chúa hoặc là miếng da cắt từ đầu chim của Ngài khi cha mẹ đưa Ngài đến Đền Thánh chịu phép cắt bì (The Circumcision). Chúa chỉ chịu phép cắt bì một lần duy nhất nhưng Tòa Thánh có tới ba miếng da quy đầu của Ngài. Chúa cũng chỉ bị đóng đinh trên thập giá một lần duy nhất với một cây thập giá duy nhất làm bằng hai khúc gỗ và ba cái đinh, nhưng tổng số gỗ và đinh mà Vatican đem bán làm bằng có về "Ơn Cứu Chuộc thiêng liêng vô cùng của Chúa nếu thu gom lại có thể đóng được một chiếc tàu lớn để vượt Thái Bình Dương."

Đại úy trưởng toán hành hình Jesus trên đồi Golgotha tên là Longinus, cũng là một tín đồ bí mật của Jesus, đã không đập gãy chân Jesus như y đã đập gãy chân hai kẻ bị đóng đinh cùng một lượt với Jesus. Nhờ vậy Jesus đã thoát chết vì được cứu sống sau đó. Đại úy Longinus cũng chỉ quệt nhẹ vào cạnh sườn Jesus để che mắt bọn lính dưới quyền nên chỉ tạo cho Jesus một vết trầy nhẹ mà thôi. Tiếng Hy Lạp trong bản chính Kinh Thánh Tân Ước là NYSSEIN, có nghĩa là vết trầy nhẹ (a light scratch). Vào thế kỷ 5, Jerôme dịch "kinh thánh" từ nguyên bản Hy Lạp sang tiếng La Tinh. Tên lưu manh Jerôme đã dịch NYSSEIN thành APERIRE, có nghĩa là "vết thương mở toang" (opened wound) làm người đọc tưởng lầm vết trầy nhẹ trên cạnh sườn Jesus là một "coup de grâce". (Những não bộ đậu hũ của Hội Đồng Giám Mục và của giới trí thức Công Giáo Việt Nam đều tin rằng Nyssein là "Nhát Đâm Dứt Điểm" ? ? !). Đây là một trong những thủ đoạn lừa dối trắng trợn lớn nhất trong lịch sử nhân loại được Vatican dùng làm nền tảng cho giáo lý Cứu Chuộc Dòm của Jesus. Bản dịch Kinh Thánh lừa dối của Jerôme được gọi là Vulgate (Kinh Thánh Phổ Thông) là bản văn Kinh Thánh chính thức của Giáo Hội Công Giáo. Toàn bộ giáo lý của cái gọi là "Đạo Thánh Đức Chúa Trời" hoàn toàn đặt trên căn bản dối trá bịp bợm 100% trong âm mưu vô cùng hiểm độc của tập đoàn không lương thiện quốc tế là Giáo Hội Công Giáo La Mã, họ là kẻ thù nguy hiểm số một của dân tộc Việt Nam và của cả loài người chúng ta!

Longinus chỉ giả vờ "đâm" Jesus bằng một cái giáo duy nhất, nhưng Vatican có tới ba cái giáo thánh tích và cả ba thánh tích này đều được Tòa Thánh xác nhận là thứ thiết của một cái giáo của Longinus! (...Enough nail and wood from the cross to build a ship of the line. There are three relics of one spear with it captain Longinus pierced Jesus'side. - page 471 Deception and Myth) Xin đọc thêm "**The Side Wound and the Miracle Drink**" trong tác phẩm để đời "**The Jesus Conspiracy - The Turin Shroud & The Truth about the Resurrection**" của Holger Kersten & Elma R. Gruber, Reprinted in USA by Element, pages 249 - 265.

Vì tội ác và tính lươn lẹo siêu quần bạt chúng của Giáo Hội Công Giáo vượt quá sức chịu đựng của những người Kì Tô Giáo nên từ đó có nhiều quốc gia Kì Tô đã chống lại Tòa Thánh để lập thành những giáo hội riêng biệt nhằm mục đích tự giải thoát giáo hội và quốc gia của họ thoát vòng kìm kẹp ngạo ngược của quỷ sứ ở Vatican. Một trong những Phong Trào Chống Đối lớn nhất là cái mà người Việt Nam chúng ta sai lầm gọi là đạo TIN LÀNH. Thực sự trên thế giới này chưa từng có một tôn giáo nào tự xưng tên là đạo Tin Lành (Religion of Good News ?!). Tự điển Anh ngữ chỉ có một chữ **PROTESTANTISM** mà thôi. Danh từ này có nghĩa đơn giản là "**Phong Trào Chống Đối Giáo Hội Công Giáo La Mã**", Công Giáo gọi họ là Đạo Thệ Phản, chứ chẳng bao giờ có cái nghĩa quái đản là đạo Tin Lành[*]. Các giáo phái Tin Lành cũng thuộc hệ thống Kì Tô Giáo. "Good News" là danh từ được dịch từ tiếng Hy Lạp "Gospel" tức Sách Phúc Âm- thực chất là Bad News, very very bad! So với Công Giáo là Chúa Sơn Lâm thì Tin Lành là quan đại thần Linh Cầu . Xin đề nghị đồng bào chúng ta nên vứt bỏ danh từ "Tin Lành" vì dùng danh từ này để dịch chữ tiếng Anh

"Protestanism" là hoàn toàn sai lầm và vô tình nhục mạ ngôn ngữ Việt Nam.

Phong trào Protestantism do tu sĩ Công Giáo Luther sáng lập, nhưng trước đó nhiều thế kỷ đã có rất nhiều phong trào nổi lên chống Giáo hội Công Giáo. Hầu hết các phong trào đó đều đã bị Vatican dập tắt trong biển máu. Sử gia Mỹ Lloyd M. Graham viết: *"Không phải chỉ đợi đến thời Luther mới có phong trào Protestantism mà trước đó nhiều thế kỷ đã từng có nhiều phong trào như vậy nổi lên chống lại các tội ác và sự thối nát của Công Giáo La Mã. Thằng quỷ Phêrô làm tổn thương và lăng nhục Âu Châu... Chúng ta không bao giờ quên biết bao nhiêu triệu người đã bị tàn sát bởi những Tòa Án Dị Giáo, nhưng cũng đừng quên rằng những tội ác đó vẫn tồn tại vì Vatican tái xác nhận trong thế kỷ của chúng ta dưới triều đại GH Leo XIII : "Hình phạt tử hình là những biện pháp rất cần thiết và hữu hiệu giúp cho Giáo Hội đạt được những mục tiêu của mình để chống lại các cuộc bạo loạn chống Giáo Hội hoặc các mưu toan phá vỡ sự thống nhất của hệ thống tu sĩ Công Giáo".*

(Protestanism sprang not from Luther exclusively but from centuries of protestation against the crime and corruption of the Catholic Church, SATAN PETER had outraged all Europe. . . . And let us not forget the known millions the Holy Inquisition destroyed. A thing of the past, you say, yes, but not the authority, it still exists and was reaffirmed in our own century, under Leo XIII: "The death sentence is a necessary and efficacious for the Church to attain its end when rebels act against it and disturbers of the ecclesiastic unity" - p. 468).

Công Giáo La Mã là một "giáo hội" tham lam quyền lực và tiền của vật chất vô đáy. Tội ác của nó cao ngất trời xanh như Hy Mã Lạp Sơn. Nhưng tội ác quan trọng hơn cả là nó cứ muốn chìm nhân loại phải chìm sâu mãi trong bóng tối của sự ngu dốt. Điều mà mọi người cần nhất là sự hiểu biết, kiến thức khoa học và quyền năng chế ngự thiên nhiên do kiến thức mang lại. Nhưng rõ ràng đó là những thứ mà giáo hội Công Giáo chống đối, vì nó biết rõ rằng:

SỰ NGU DỐT LÀ MẸ CỦA LÒNG SÙNG ĐẠO VÀ SỰ ỦNG HỘ GIÁO HỘI CỦA NÓ

(Ignorance is the mother of devotion and the supporter of the Church. - p.458).

Sử sách của văn minh nhân loại viết về sự ác độc man rợ của tà đạo Công Giáo La Mã đầy ngập cả thư viện Hoa Kỳ khiến chúng ta phát ngộp không thể kể ra cho xiết được . Vì vậy tôi chỉ xin trích ra một số những nhận định tiêu biểu như trên mà thôi. Tôi ước mong giới trí thức Việt Nam nên chọn lựa để dịch sang Việt ngữ một số những tác phẩm giá trị để cứu đồng bào ta khỏi sa vào bóng tối nguy hiểm của tà đạo Công Giáo. Tà đạo này là một thứ ung nhọt nưng mủ từ lâu trên thân xác Mẹ Việt Nam của chúng ta. Gặp khi lạ gió trở trời, cái ung nhọt Công Giáo La Mã lại một phen hành hạ thân xác Mẹ Việt Nam bằng những cơn co giật đau đớn khiến nhiều phen suýt phải vong mạng. Thiết tưởng nay đã đến lúc toàn dân Việt Nam hãy rán chịu đau một lần mà tìm mọi cách hợp lý trị dứt cái ung nhọt nưng mủ này để các thế hệ tương lai thoát khỏi những tai ách truyền thống của nó . Hơn nữa, lòng từ bi bao dung của dân tộc đối với những kẻ vô minh ác đức và sức chịu đựng của đồng bào trước những tội ác tày trời của nó cũng chỉ có giới hạn.

Trong những thế kỷ trước, người Á Đông đã coi Công Giáo là một thứ cỏ dại và họ đã dùng bạo lực để tiêu diệt nó, Cùng một cách nhìn đó về đạo Công Giáo nhưng người Nhật đã thành công, còn ở Việt Nam thì việc dùng bạo lực diệt đạo lại thất bại. Tạp chí National Geographic Vol.182, No. 5 ra ngày 18 - 11- 1992 có bài "Portugal's sea road to the East" p. 56- 93, cho biết : Vào năm 1638, tại Nagasaki (Nhật Bản) có khoảng 100,000 giáo dân Công Giáo làm nội ứng cho quân Bồ Đào Nha tấn công xâm chiếm Nhật Bản . Triều đình Nhật cử tướng Iemitsu sang đại quân tới Nagasaki để "Bình Tây Sát Tả". Kết quả là bọn xâm lược Bồ Đào Nha bị đánh bật khỏi lãnh thổ Nhật Bản. Tất cả cha cố thừa sai bị bắt đều bị đóng đinh vào thập giá với những chiếc áo dòng của loài quạ, chứ chúng

không bị lột trần truồng nhục nhã như Chúa của họ trên đồi Golgotha. Còn đạo quân thứ năm của địch là tập đoàn giáo dân Công Giáo ở Nagasaki đã bị diệt gọn 37.000 người. Một số giáo dân sống sót nhảy lên tàu Bờ Đào Nha trốn sang Hội An Việt Nam. Sau biến cố quyết liệt này, nước Nhật sạch bóng thù trong giặc ngoài và tiến lên địa vị siêu cường kinh tế văn hóa như ngày nay khiến cho cả thế giới phải kính phục.

Cũng cùng một hoàn cảnh và cùng một cách nhìn về đạo Công Giáo như người Nhật, các vua quan Việt Nam đã thất bại trong việc cấm đạo, có lẽ vì bản chất của người Việt Nam vừa quá hiền lành vừa chịu ảnh hưởng của Tam Giáo Đồng Nguyên và chính quyền thời đó lại thiếu cương quyết. Một phần lý do đưa đến thất bại là sự sai lầm của Gia Long đã quá tin dùng Bá Đa Lộc và một đoàn tùy tùng đồng đảng của y nên đã tạo cơ hội cho tà đạo Tây dương này có đủ điều kiện bắt rễ sâu vào đất nước ta.

Linh mục Phan Phát Huồn, tác giả cuốn Việt Nam Giáo Sử, nơi trang 20, đã tự hào viết về sự sống còn của Công Giáo Việt Nam như sau : "*Máu đã nhuộm đỏ đất nước Việt Nam yêu quý làm cho đất phì nhiêu tốt tươi. Lấy võ lực đàn áp Công Giáo để tiêu diệt người Công Giáo thì chẳng những người Công Giáo không bị tiêu diệt mà còn sinh sản đông đúc thêm*". Đúng vậy, tà đạo Công Giáo cũng như cỏ dại, nếu chúng ta lấy gậy để đập cỏ dại thì cỏ dại chẳng những không chết mà chỉ làm cho bông cỏ dại văng xa tứ tung và ngày càng lan rộng ra thêm. Cũng như chúng ta lấy súng đại bác bắn vào bóng tối cũng không thể nào xua đuổi được nó. Chỉ có ánh sáng của sự hiểu biết mới xua đuổi được bóng tối Công Giáo La Mã một cách hoàn toàn và vĩnh viễn ra khỏi bờ cõi Việt Nam. Nếu ta học bài học giáo sử của Phan Phát Huồn mà lấy máu tử đạo để nhuộm đỏ đất nước Việt Nam yêu quý thì chỉ làm cho đất nước thêm ô nhiễm mà thôi!

Dưới con mắt của các sử gia và học giả Tây phương thì Công Giáo La Mã là tôn giáo thứ hai của các huyền thoại man rợ thuộc một giáo hội suy tàn (a fallen Church) của Babylon . Vậy chúng ta cần nên biết Babylon ở đâu và nó đã làm những chuyện gì ghê gớm vậy? Sau đây là vài nét sơ lược về lịch sử của cái xứ Ả Rập - Do Thái độc đáo này:

Toàn vùng Babylon đã bị chôn vùi dưới những lớp cát sa mạc sau một trận đại hồng thủy gây ra do sự đổi dòng đột ngột của con sông Euphrate vào thế kỷ 4 TCN. Do đó, trong gần 23 thế kỷ, nhân loại đã không biết Babylon là thủy tổ của các tôn giáo xây dựng giáo lý trên các huyền thoại của Babylon gồm có **Do Thái Giáo**, **Ki Tô Giáo** và **Hồi giáo**, gọi chung là **Độc Thần Giáo** (Monotheism/One-God Religions). Các đạo Độc Thần còn được gọi là Thiên Chúa Giáo vì tất cả đều thờ chung Một Thiên Chúa được mô tả trong Kinh Thánh Cựu Ước Do Thái (God of the Bible). Các đạo Độc Thần đều có chung một ông tổ là nhân vật thần thoại Abraham, cho nên các đạo này còn được gọi là các đạo của Abraham (Abrahamic Religions).

Từ khi lập quốc Do Thái, cháu nội của Abraham là Jacob đã đặt tên cho tân quốc gia Do Thái là Isra-El để vinh danh Thiên Chúa El (Elohim) của họ và họ đã tôn thờ vị Thiên Chúa này qua biểu tượng một con bò đực bằng vàng (the gold molten Bull). Jacob tuyên bố đã được gặp mặt đối mặt với vị Thiên Chúa có hình tượng con bò này (*Because I have seen El face to face - Genesis 32 : 30- 31*). Khoảng năm 1250 TCN, Thánh Maise (Moses) lập ra đạo Do Thái và đổi tên Thiên Chúa El thành Jehovah, theo nguyên ngữ Hebrew **JEHOVAH** có nghĩa là "Thiên Chúa Của Các Tổ Phụ" (God of Fathers).

Như vậy, Thiên Chúa Jehovah của Mai-sen cũng chính là Thiên Chúa El của cha con Abraham, chỉ khác một điều là Đạo Do Thái sau này không còn dùng tượng bò làm tượng Chúa nữa mà thôi.

Thiên Chúa Jehovah sau này trở thành Đức Chúa Cha, tức Ngôi Thứ Nhất của Thiên Chúa Ba Ngôi theo giáo lý của Đạo Ki Tô (Christian God = Trinity God) và Thiên Chúa Jehovah cũng là Thiên Chúa Allah của đạo Hồi. Nói tóm lại, các đạo thờ Thiên Chúa đều cùng một nguồn gốc từ đạo thờ Thần Bò El của Abraham mà ra. Bà Karen Amstrong, nguyên nữ tu Công Giáo, tốt nghiệp Đại học Oxford, hiện là giáo sư Đại học Leo Baek Anh Quốc, tác giả cuốn sách bán chạy nhất (best seller) A History of God, 460 trang, The NY Times xuất bản 1993. Tác giả đã trình bày hết sức rõ ràng đầy đủ về toàn hệ thống các đạo thờ Chúa và đây là tài liệu tham khảo chính yếu để viết về những vấn đề liên quan đến Độc Thần Giáo trong tập sách này.

Tuy các đạo Độc Thần đều phát sinh từ một nguồn gốc ở Babylon, có chung một tổ phụ lập đạo Abraham và thờ cùng một Chúa được mô tả trong kinh thánh Cựu ước Do Thái (God of the Bible) nhưng họ luôn luôn coi nhau như những kẻ thù không đội trời chung! Qua nhiều thế kỷ, nhân loại đã không biết nguồn gốc sâu xa nguyên thủy của các đạo thờ Chúa là từ vùng Babylon. Phải đợi đến cuối thế kỷ 19, do những sự tình cờ, các nhà khảo cổ thế giới đã phát giác đầy đủ bằng chứng cho những sự thật lịch sử này nhờ những di vật khai quật được từ vùng sa mạc cách thủ đô Baghdad của Iraq 60 dặm về phía Nam và kéo dài đến vịnh Ba Tư. Đó chính là vị trí của Babylon 24 thế kỷ trở về trước.

Sau hơn một thế kỷ làm việc miệt mài nghiên cứu các di vật, đến nay, các nhà khảo cổ quốc tế hầu như đã giải mã toàn bộ những bí mật về Babylon. Những bằng chứng khách quan thu thập được từ những khám phá dày công của ngành khảo cổ đã soi sáng cho nhân loại thấy rõ thực chất giả tạo bịp bợm của các đạo Độc Thần nói chung và của Ki Tô Giáo nói riêng. Người ta thường hiểu sai: văn minh Tây Phương là văn minh Ki Tô giáo (Christian civilization). Nhưng ngày nay, những kiến thức về lịch sử khách quan cũng như các kiến thức khoa học đang đẩy lùi Ki Tô Giáo ra khỏi biên giới các nước phương Tây, chẳng khác nào ánh sáng xua đuổi bóng tối. Dưới con mắt của giới trí thức Tây Phương, Công Giáo La Mã được coi là dòng chính của Ki Tô Giáo (Roman Catholic Church is the main line of Christianity) hiện đang mau chóng biến thành một thứ rác rưởi ghê tởm trong đời sống của người Âu Mỹ.

Đây là một sự thực đang diễn ra trước mắt mọi người, nhưng điều đáng buồn là đa số "trí thức" Công Giáo Việt Nam tại hải ngoại không khác gì những con đà điểu chỉ biết chúi đầu xuống cát để không phải nhìn thấy sự thật phũ phàng. Nhưng dù cố tình chạy trốn họ cũng không thể tránh khỏi phải đối diện với sự thật. Thảm trạng suy thoái của Công Giáo Bắc Mỹ hiện đang ở trong tình trạng báo động đỏ, đến nỗi linh mục tiến sĩ Andrew Greenley và nữ tu tiến sĩ Mary Durkin đã hợp tác với nhau viết sách "Làm Thế Nào Để Cứu Giáo Hội Công Giáo ?" (How To Save The Catholic Church), 258 trang, Viking Penguin Inc. Canada 1984). Tiến sĩ thần học nổi tiếng trong giới Công Giáo Mỹ David Tracy được hai tác giả mời viết bài tựa cho cuốn sách này đã phải than rằng : "*Đời sống Công Giáo dường như đang bốc hơi với tốc độ chóng mặt*". (Catholic life seemed to evaporate with dizzying rapidity).

Trong chương đầu sách, hai tác giả tu hành của giáo hội Công Giáo Hoa Kỳ đã viết với giọng văn đau khổ: "*Chỉ một thời gian ngắn sau khi khai mạc Công Đồng Vatican II trong năm 1962, Giáo hoàng Gioan XXIII nói với một du khách rằng ngài chỉ có ý hé mở cánh cửa sổ cho có chút gió mát thổi vào giáo hội. Tại nước Mỹ, chút gió mát của giáo hoàng đã biến thành một trận cuồng phong. Chỉ một sớm một chiều, cả thập niên 1960 là thời đại đảo điên trong đời sống Hoa kỳ*" (Shortly after the beginning of the Second Vatican Council in 1962, Pope John XXIII told a visitor that he intended to open the window and fresh air to blow through the Roman Catholic Church. In the US, the papal breeze turned into

a TORNADO. Then, almost overnight, the 1960s were a turbulent time in American life - pages 3 – 4).

"Cửa sổ một khi đã mở không đóng lại được nữa. Thông điệp của GH Paul VI về việc kiểm soát sinh đẻ (*Humanae Vitae*) đã đập nát sự hồ hởi trong giáo hội sau Công Đồng Vatican II. Ngày nay, chín phần mười Công Giáo Mỹ không chấp nhận cái thông điệp đó" (The window once opened could not be closed. Pope Paul VI 's encyclical on birth control shattered the euphoria that had flourished after Vatican II. Today nine out of ten American Catholics do not accept it - Page 6). "*Giáo Hội Công Giáo Mỹ đã trở thành Giáo hội Công Giáo tự trị*" (American Catholic Church became a Do-It-Yourself Catholicism. page 8). "*Trong thập niên 1960, một nửa tổng số Công Giáo Mỹ là đám dân di dân vừa nghèo vừa thường xuyên thất học*" (By 1960s, half the American Catholics were poor and frequently uneducated immigrants. page 11) . Riêng trong năm 1984 có một triệu rưỡi phụ nữ Mỹ bỏ đạo. Các tác giả dự đoán số linh mục Mỹ sẽ giảm quá nửa vào năm 2000 và sẽ vĩnh viễn không được bổ khuyết (page11- 15).

Trình độ trí thức của người Mỹ da trắng càng lên cao bao nhiêu thì Giáo hội Công Giáo Mỹ càng suy tàn bấy nhiêu. Điều đó thật dễ hiểu vì họ đã nhận thức được bản chất của Công Giáo La Mã chỉ là một thứ cặn bã của nền văn hóa du mục máu lửa xuất phát từ Babylon. Sách Khải Huyền của Saint John, tức sách cuối cùng của bộ Thánh Kinh Tân Ước Ki Tô giáo, đã gọi Babylon là một giáo hội suy tàn (a fallen church) và ví nó như một mụ đàn bà lãnh loạn, một con điếm thối (a defiled woman, a harlot). Sách Thánh kinh Khải Huyền đã in bằng những dòng chữ hoa lớn (in big capital letters) câu sau đây : **"MYSTERY BABYLON THE GREAT, THE MOTHER OF HARLOTS AND ABOMINATIONS OF THE EARTH"** (Revelation 17 : 1- 6). Xin tạm dịch : **"Giáo hội huyền thoại Babylon vĩ đại là mẹ của các con điếm thối và của mọi chuyện khủng khiếp trên trái đất"**.

Cái cặn bã văn hóa gốc Ả rập - Do thái là Công Giáo La Mã đang dần dần được chuyển từ khối dân Mỹ da trắng sang các bãi rác tinh thần là những cộng đồng di dân Công Giáo gốc Mễ, Philippines và Việt nam. Hiện nay tại nhiều nhà thờ Công Giáo Mỹ người ta thấy rất ít giáo dân da trắng đi xem lễ ở nhà thờ của họ mà chỉ thấy toàn giáo dân gốc Việt và Mễ như ruồi lấp kín hết mọi hang hố xó xỉnh nhà thờ Mỹ! Hang đá "Đức Mẹ Sầu Bi" ở Port Land thuộc tiểu bang Oregon đã bị Công Giáo Mỹ bỏ phế từ lâu. Vậy mà sau 1975, giáo dân Công Giáo Việt Nam tỵ nạn đã biến cái hang đá khi ho này thành một Trung Tâm Hành Hương náo nhiệt gần như hang đá Lộ Đức (Lourdes) ở Pháp. Hàng năm, Công Giáo Việt Nam hải ngoại tổ chức Đại Hội Thánh Mẫu qui tụ tới mấy chục ngàn người hành hương đổ về hang đá "Đức Mẹ Sầu Bi" ở Port Land. Báo chí Mỹ gọi là "Annual Trip to Grotto" là điều người Mỹ văn minh trước đây đã không làm nổi.

Những kẻ lãnh đạo chớp bu của Giáo hội Công Giáo đã nhận thức được thực tế phũ phàng là họ đã hết thời làm ăn ở khu vực các nước Âu Mỹ văn minh đã được hấp thụ một nền giáo dục khai sáng trí tuệ. Cho nên Đức Thánh Cha John Paul II mới hạ cố ban hành Tông Thư "Ecclesia In Asia" (Đại Hội tại Á Châu) hoạch định một chương trình truyền giáo lớn lao tại Á Châu trong thế kỷ mới. Các Hội Đồng Giám Mục Á Châu được chỉ thị họp mặt tại Samphan Thái Lan từ ngày 3 đến 13 tháng 1 năm 2000 để học tập về Tông Huấn của Sếp Lớn. Những điểm quan trọng trong kế hoạch của Sếp Lớn là giáo hội phải vượt ve người nghèo và giới trẻ. Đặc biệt là phải dịu dàng vượt ve phụ nữ chứ không được thô bạo chà đạp quyền lợi của họ theo truyền thống như xưa. Giáo hội phải hòa nhập vào khung cảnh sống của dân tộc bản xứ (như rắn lục hòa mình vào màu xanh cây cỏ trên đồng ruộng Việt Nam - chú thích của Ch. Ng.) và quan trọng nhất là phải cư xử như Giáo Hội đã trở thành bạn đường đồng cảm với người dân Á Châu. (Xin đọc các bài từ trang 23 đến 29 báo Dẫn Thân bộ III số 35 tháng 3 & 4 - 2000 của Cơ Quan Nghiên Cứu Học Tập Thông Tin thuộc Phong Trào Giáo Dân Houston. P.O. Box 66449 Houston, TX 77266- 6449).

Dù môi trường hoạt động và phương cách truyền giáo có nhiều thay đổi trong hoàn cảnh thế giới hiện nay, Vatican vẫn giữ nguyên bản chất cố hữu của nó là một Con Bạch Tuộc của Chủ Nghĩa Đế Quốc Tinh Thần (Spiritual Imperialism). Giới trí thức Tây phương mỉa mai gọi nó là Con Bạch Tuộc Của Đức Chúa Trời (Octopus Dei). Biệt danh này mang nhiều ý nghĩa : Đầu não của con bạch tuộc Công Giáo quốc tế vẫn là Vatican, mỗi một tổ chức giáo hội ở mỗi quốc gia là một cái vòi của nó. Mỗi một Hội đồng Giám mục của các giáo hội địa phương là một bộ tham mưu của đạo quân thứ năm nằm vùng thường trực trong lòng các quốc gia sở tại và luôn luôn ở trong tình trạng ứng chiến đợi lệnh từ trung ương Vatican. Theo thông lệ, cứ năm năm một lần, các giám mục trên toàn thế giới phải luân phiên nhau về châu Tòa Thánh để báo cáo mọi chuyện, kể cả các bí mật quốc gia. Hội Đồng Giám Mục Việt Nam là ban tham mưu Đạo Quân Thứ Năm của địch đang nằm vùng ứng chiến trong lòng dân tộc Việt Nam.

Tác phẩm *The Next Pope* 186 trang, Harper-Collins Publishers xuất bản, là một trong những cuốn sách chính trị bán chạy nhất trong năm 1995 tại Mỹ (One of the year 's political blockbusters). Tác giả Peter Hebblethwait là ký giả chuyên nghiệp về tòa thánh La Mã cho biết: "*Thế giới ngày nay vẫn để tâm theo dõi xem ai sẽ là Giáo hoàng kế vị Jean Paul II. Không có một cuộc bầu cử nào được thế giới quan tâm cho bằng cuộc bầu cử Giáo hoàng ở Vatican!. Bởi lẽ đằng sau những bức tường Vatican, lịch sử nhân loại đang được hình thành*" (behind those walls, history is being made).

Nhận xét về Công Giáo Việt Nam và Cuba, tác giả viết: "*Có sáu hồng y trong các nước cộng sản hoặc cựu cộng sản sẽ lái Hội Đồng Hồng Y về phe hữu. Paul Joseph Phạm Đình Tụng, tổng giáo phận Hà Nội và Jaime Luca Ortega Y Alamino, tổng giáo phận Havana, Cuba, có triển vọng sẽ lãnh đạo giải thể chế độ của họ*" (There are six from Communist or ex-Communist countries who will swing the college to the right. Paul Joseph Phạm đình Tụng, archbishop of Hanoi and Jaime Luca Ortega y Alamino, archbishop of Havana Cuba, will be expected to preside over the disintegration of their regimes. Page 178). Công Giáo Việt Nam luôn luôn hành động tuân theo răm rắp mọi chỉ thị của Vatican. Cho nên dù cho Việt Nam ở dưới chế độ Cộng sản hay không Cộng sản là điều thực sự Công Giáo không quan tâm. Vấn đề chính yếu là mọi chính quyền ở Việt Nam có cùng phe và phục vụ quyền lợi của Vatican hay không mà thôi. Trong bất cứ một hoàn cảnh lịch sử nào, bản chất của giáo hội Công Giáo Việt Nam luôn luôn là một quốc gia riêng biệt nằm trong lãnh thổ Việt Nam. Bề ngoài người Công Giáo là người Việt Nam, nhưng xin đồng bào chớ nhìn vào ngoại hình của họ mà làm to. Linh hồn Công Giáo Việt Nam đã được bán đứt cho quỷ sứ đế quốc La Mã từ lâu rồi. Các sách kinh Công Giáo đã biến mỗi một người Công Giáo Việt Nam sùng đạo thành một tên Việt gian chân chính [*]. (Đó là lời Chúa).

Tuy nhiên, cái hình ảnh của con bạch tuộc cũng bao hàm một ý nghĩa khác rất có lợi ích cho dân tộc Việt Nam: Một khi cái đầu não Vatican của con bạch tuộc bị người ta đập chết thì tất cả các cái vòi của nó trên khắp thế giới sẽ bị mất đầu và dù không bị đập cũng tự nhiên phải chết theo đồng loạt. Lúc đó, vấn đề cáo chung của các tổ chức Giáo hội Công Giáo địa phương không cần phải đặt ra. Điều đó không có nghĩa là hiểm họa Công Giáo đã chấm dứt. Vấn đề là phải giải quyết cái di sản của nó còn để lại ở phía sau. Đó là cái tập thể tín đồ mê muội mà xã hội có trách vụ phải giáo dục để giải cứu họ thoát khỏi nanh vuốt của cái Giáo hội đã lừa bịp họ bấy lâu.

Sự giáo dục nhằm mục đích giúp họ từ bỏ cái mặc cảm là một đàn súc vật dưới sự cai quản của ngoại nhân (một đàn chiên cùng một chủ chăn) để họ nhận thức được nhân phẩm cao quý của mình ngõ hầu tự khôi phục bản thân thành những người đứng thẳng (Homo-Erectus) theo đúng nghĩa của nó. Sự giáo dục vẫn phải được tiếp tục cho đến khi nào họ từ bỏ được cái thói tật bệnh hoạn

thích ăn thịt đồng loại (sick cannibalism) - mặc dù chỉ là tưởng tượng nhưng thực chất vẫn là một đám mọi ăn thịt người - để họ có thể hội nhập trở lại vào xã hội của những người có tâm hồn và tinh thần bình thường (normal) như tuyệt đại đa số đồng bào chúng ta.

Nữ học giả Công Giáo Mỹ Joanne H. Meehl, tác giả cuốn "The Recovering Catholic - Personal Journeys of Women Who Left The Church" , 300 trang, Prometheus Books New York xuất bản năm 1995, đã viết trong bài tựa như sau : "*Là một người viết sách có nghĩa là tôi đã phải đọc nhiều sách. Sự tò mò của tôi về niềm tin Công Giáo đã dẫn tôi đến những kệ sách thư viện và các cơ quan cung cấp dữ kiện. Tôi đã không để mình phải cô đơn, nên tôi đã đăng những lời rao của tôi trên nhiều sách báo khác nhau, từ những tạp chí phát hành cả nước cho đến những tờ báo địa phương, để khảo sát về phụ nữ thuộc mọi lứa tuổi. Tất cả những người trả lời tôi đều là những người bày tỏ sự tức giận của họ đối với giáo hội Công Giáo*". (Being a writer means that I am a reader. My curiosity about the Catholic faith sent me to the library shelves and data services. I couldn't be alone, so I placed advertisements in various publications, national magazines and local papers, to survey women of all ages who were angry to the Catholic church to respond). Tác giả đã dành một chương dài từ trang 116 đến 132 dưới nhan đề "**Refusing To Be A Cow**" kêu gọi phụ nữ Công Giáo Mỹ bỏ đạo. Theo bà, tín đồ Công Giáo là những con bò và bỏ đạo Công Giáo có nghĩa là từ bỏ kiếp sống của loài bò !

Vatican là chúa sơn lâm già nua lão luyện trong đời sống rừng rú tinh thần, nhưng nó không phải là con thú dữ duy nhất trong cõi sơn lâm trên đời này. Bên cạnh chúa sơn lâm Vatican còn có nhiều loại chó rừng ác độc hoặc linh cẩu nham hiểm (hyenas) cũng đang ráo riết cạnh tranh nghề nghiệp với nó trên mọi lục địa. Sau khi nước Nga mở cửa tự do năm 1991, lập tức có ngay 232 tấn sách Kinh Thánh Tin Lành bằng Nga ngữ đã rời cảng Texas xâm nhập quốc gia cộng sản này.

Trong thập niên 1980, riêng giáo phái Baptist cũng có 3000 nhân viên truyền giáo hoạt động trong 94 quốc gia. Tổ chức International Youth For A Mission hiện có 2500 nhân viên truyền giáo dài hạn và 10.000 nhân viên truyền giáo ngắn hạn (long-term/short-term missionaries). Tổ chức Tin Lành "The Giant Campus Crusade" thành lập năm 1960 với trên một trăm nhân viên, hiện nay họ tuyên bố đã có nhiều ngàn nhân viên đang hoạt động trong trên 130 quốc gia. Thậm chí quốc hội Do Thái (The Israel Knesset) năm 1978 đã phải ban hành đạo luật ngăn cấm các phái đoàn truyền giáo (Anti-missionary Laws) . Kẻ nào truyền giáo tại Do Thái sẽ bị phạt \$3.200 và 5 năm tù. Tại Nam Dương, các sở ngoại vụ chỉ cấp phép di trú cho các người truyền giáo trong thời hạn tối đa là 6 tháng.

Tổ chức giảng đạo Tin Lành bằng truyền thanh và truyền hình đại qui mô trên bình diện toàn cầu CBN, do Pat Roberson cầm đầu, đưa ra khẩu hiệu : "Programs to Change the World". Tổ chức này chú trọng đến Nhật và Trung quốc. Họ đã lập 700 câu lạc bộ Tin Lành tại Nhật và Pat Roberson gọi Trung quốc là "thị trường mênh mông của hàng hóa và các nhà truyền giáo Hoa kỳ" (Vast market for American products and preachers) . Tất cả mọi thủ đoạn và âm mưu của chủ nghĩa đế quốc Tin Lành đã được vạch trần qua tác phẩm **Đại Hạ Giá Món Hàng Cứu Chuộc** (Salvation For Sale - by Gerard Thomas Straub, an insider's view of Pat Roberson's ministry - Prometheus Book 1986).

Tại Việt Nam, Tin Lành khó có thể cạnh tranh nổi với Công Giáo La Mã, ngoại trừ ở khu vực những dân tộc thiểu số miền Cao Nguyên Trung Phần. Nhưng dù Công Giáo hay Tin Lành thì cũng cùng một thứ văn hóa máu lửa Ki Tô Giáo mà thôi, tất cả đều đem lại cùng một hậu quả là làm phân tán đại khối dân tộc, phá nát truyền thống văn hóa nhân bản cao đẹp của nòi giống Lạc Việt và làm suy yếu tiềm lực quốc gia trong mọi nỗ lực dựng nước và giữ nước. Đứng trên lập trường thuần túy dân tộc, mọi người Việt Nam yêu nước, dù đang ở trong nước hay ở hải ngoại, không phân biệt xu

hương quốc gia hay cộng sản, tất cả đều cần phải cảnh giác trước thứ vũ khí văn hóa hiểm độc đội lốt tôn giáo của chủ nghĩa đế quốc tinh thần.*

Dân tộc Việt Nam đã đánh thắng nhiều loại thực dân đế quốc xâm lược lớn mạnh hơn mình gấp nhiều lần. Nhưng đó chỉ là những chiến thắng chống lại các loại vũ khí gươm giáo súng đạn vật chất của địch. Lịch sử Việt Nam không thiếu gì những bài học đáng cay về sự thất trận khi địch dùng thứ vũ khí văn hóa hiểm độc đội lốt tôn giáo của đức Bác Ái để tạo lập những đoàn quân thứ năm hùng hậu làm nội ứng cho chúng. Đạo quân thứ năm hung hãn cuồng tín này là thành phần xung kích chủ lực làm phân tán tiềm năng dân tộc và là con bài chính yếu thực hiện thủ đoạn "chia để trị" của địch.

Bài học thấm thía nhất có lẽ là vụ quân Pháp chiếm 6 tỉnh Bắc kỳ cuối thế kỷ 19. Bối cảnh lịch sử thời đó là nước Pháp rất suy yếu do mới thất trận ở Mexico và bị quân Đức của Bismarck chiếm đóng. Trong điều kiện tồi tệ như vậy tại chính quốc, thế mà đoàn quân xâm lược của Pháp tại Việt Nam chỉ vỏn vẹn có một tàu chiến cũ với 17 tên lính thủy cũng chiếm được 6 tỉnh Bắc Việt một cách dễ dàng. Đó là vì bên cạnh cái đám quân ít ỏi của thực dân Pháp còn có một lực lượng Việt gian hùng hậu gồm mấy trăm ngàn người Công Giáo tự nguyện làm nội ứng cho địch. Bọn chúng đã bán rẻ lương tâm giết hại đồng bào, phản bội tổ quốc. khiến cho kẻ thù của tổ quốc Việt Nam bắt chiến tự nhiên thành!

Tác hại nguy hiểm nhất của tà đạo Công Giáo La Mã là nó đã phá hư hoàn toàn cái não bộ của tập thể tín đồ, khiến cho mọi nhận thức của cổ chiên về các giá trị đạo đức đều bị đảo lộn đến mức làm mọi người phải ngạc nhiên. Đó là những nhận thức của họ về thiện và ác, thật và giả, văn minh và mọi rợ, yêu nước và bán nước v. v. . .

Trước hết, người Công Giáo đã ngộ nhận giáo hội của họ là thánh thiện, vì vậy họ đã gọi nó là Hội Thánh, trong khi chính nó là tên vô địch sát nhân trong lịch sử loài người. Cái đạo bất nhân man rợ như vậy chỉ có thể được gọi là "Đạo Thánh Đức Chúa Trời" bởi những kẻ tối dạ thất học mà thôi. Cái núi tội ác cao ngất trời xanh đỏ đã hùng hồn xác minh cái bản chất của Công Giáo La Mã là Phi Nhân Tính (Inhumanity). Ngày nay, xã hội Tây Phương đã nhìn nhận rằng Phi Nhân Tính đồng nghĩa với Mọi Rợ (Inhumanity means Barbarism). Triết gia Thomas Bailey Aldrich đã ví nền văn minh Ki Tô giáo là cái áo lông cừu che đậy sự mọi rợ của nó (Civilization is the lamb's skin in which barbarism masquerades - Ponkapog Papers 1903). Vậy người Công Giáo vịn vào đầu mà dám nói cái đạo vô địch sát nhân là đạo thánh? Vịn vào đầu mà dám nhục mạ các dân tộc Đông phương là mọi rợ ? Phải chăng Công Giáo là đạo duy nhất thích ăn thịt uống máu người (qua lễ ăn Bánh Thánh) nên được coi là đạo duy nhất thánh thiện và duy nhất văn minh ?

Suốt 50 năm (từ 904 đến 964), Giáo hội Công Giáo đã từng bị cai trị bởi hàng lô gái điếm trong vai trò làm vợ bé của các giáo hoàng. Lịch sử Âu Châu gọi thời kỳ này là "thời thống trị của những con điếm" (The rule of harlots). Năm 928, giáo hoàng Gioan X đã bị vợ là Theodora giết chết để đưa nhân tình của y thị lên thay lấy hiệu là Leo VI. Đúng một năm sau, giáo hoàng Leo VI bị vợ của cố giáo hoàng Sergius III là mụ điếm Marozia giết chết để đưa con ruột của thị lên kế vị lấy hiệu là Gioan XI. Năm 955, cháu nội của Marozia mới 18 tuổi lên ngôi giáo hoàng với tên hiệu là Gioan XII. Tên giáo hoàng này hoang dâm vô độ, y thường làm tình với gái điếm ngay ở tòa thánh Vatican.

Giáo hoàng Innocent III (1198- 1216) là một tên sát nhân vượt trên tất cả các bạo chúa thời trung cổ ở Âu Châu. Y chính là kẻ đã phát minh ra Tòa Án Dị Giáo (Inquisition) chuyên việc dựng lên những dàn hỏa thiêu sống cả chục triệu người bất đồng ý kiến với Vatican trong suốt năm thế kỷ.

Gần trọn thế kỷ 14, giáo đồ Công Giáo bị dời về Avignon Pháp Quốc, tất cả các giáo hoàng đều bị

phế lập hoàn toàn do ý thích của các vua Pháp chứ chẳng do một đoàn hồng y nào bầu lên cả ! Giáo hoàng nổi tiếng dâm loạn nhất trong thời kỳ này là Gioan XXIII (1410- 1415) hiếp dâm ba trăm nữ tu và có một cung viện (harem) chứa hai trăm cô gái. Y được giáo dân tặng cho biệt danh là "Quý Sa tăng nhập thể" (The Devil Incarnate). Sau 15 năm cai trị hội thánh, y bị truất phế và bị bôi tên ra khỏi danh sách các đấng đại diện Chúa Giê-xu. Vì vậy, năm 1958 hồng y Angelo Giuseppe Roncalli được bầu làm giáo hoàng đã xử dụng lại danh hiệu Gioan XXIII như để gỡ gạc phần nào cái ô danh của giáo hoàng trước.

Tội lỗi xấu xa của các giáo hoàng La Mã kể ra không xiết, vậy mà người Công Giáo Việt Nam vẫn cứ nhắm mắt tôn xưng bọn giáo hoàng hung ác dâm loạn này là các Đức Thánh Cha, là các Đấng Đại Diện của Chúa Giê-Xu tại trần thế và là các Đấng Thánh hằng được ơn Đức Chúa Thánh Thần soi sáng nên không thể sai lầm ! Những niềm tin quái gở như vậy chỉ có thể có nơi những người mất trí. Những người dân quê thất học tin vào những điều ngớ ngẩn ấy thì chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Nhưng trong thực tế ta thấy nhan nhản những kẻ mệnh danh là "trí thức Công Giáo" với bằng cấp và danh vị khoa bảng đầy mình mà cũng tin xằng bậy như vậy. Cho nên Tây Phương có câu: "Kẻ ngu có học ngu hơn kẻ ngu thất học".

Kẻ ngu thất học là đại đa số giáo dân Công Giáo. Nói lên điều này xin đừng vội kết án tôi cũng là người Công Giáo lại cố ý xử dụng từ ngữ hàm hồ bắt xúng để nhục mạ cả một tập thể lớn trong cộng đồng dân tộc. Thực sự tôi chỉ là người chuyển ngữ ý kiến của những giới chức có thẩm quyền trong giáo hội Công Giáo Hoa Kỳ nhận xét về giáo hội của họ mà thôi. Chẳng hạn như nữ học giả Joanne H. Meehl, trong cuốn sách nổi tiếng *The Recovering Catholic* (Người Công Giáo Tỉnh Ngộ) , đã viết : "*Đạo Công Giáo chỉ thịnh hành và phát triển ở nơi những kẻ nghèo và ngu dốt*" (Catholicism only thrives and grows among the poor and ignorant). Hai vị tiến sĩ đương kim tu hành tại chức Andrew Greenly và Mary Durkin nhận xét về thực trạng giáo hội Công Giáo Mỹ trong thập niên 1960, lúc đó chưa có những cộng đồng di dân Việt Nam tại Hoa Kỳ, rằng : "*Nửa số giáo dân Công Giáo Mỹ là những di dân nghèo và thường xuyên thất học*" (Half the American Catholics are poor and frequently uneducated - How to save the Catholic Church . p.11) .

Muốn cứu những người Công Giáo ra khỏi bóng tối tinh thần chỉ có một giải pháp nhân đạo nhất và hữu hiệu nhất là giáo dục họ. Nói cách khác là đem đến cho họ một ít vốn liếng của sự hiểu biết (understanding). Đất nước sở dĩ vẫn còn bị nhiễu loạn vì còn có nhiều người dân thiếu hiểu biết. Muốn thực hiện cuộc sống an bình trong xã hội điều cần thiết trước hết phải là nâng cao dân trí. Như Einstein đã nói: "Hòa bình chỉ có thể thực hiện bằng sự hiểu biết" (Peace can only be by understanding). Đây là một chân lý.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy không thể dùng bạo lực đàn áp, nhất là đối với tôn giáo, để duy trì hòa bình thật sự. Hòa bình thật sự chỉ có thể có được khi tuyệt đại đa số quần chúng hiểu rõ sự thật. Công Giáo La Mã thực sự không phải là một tôn giáo mà là một sản phẩm tội ác của những tên đại trí thức bất lương trong tổ chức Siêu Đại Bịp quốc tế. Chỉ có sự hiểu biết tận tường về bản chất dối trá vô cùng nham hiểm của Công Giáo La Mã mới có thể giải thoát những đồng bào bất hạnh chẳng may bị vướng vào cái thòng lọng của nó mà thôi. Nếu mọi người đều cố gắng tìm hiểu lịch sử và thực chất của Đạo Công Giáo thì tà đạo nguy hiểm này nhất định sẽ bị xóa bỏ hoàn toàn và vĩnh viễn trên Quê Hương Tổ Quốc chúng ta. Chỉ trong điều kiện này, dân tộc Việt nam mới có thể ngẩng mặt tiến lên cùng nhân loại trong Thiên Niên Kỷ Thứ Ba*.

Đó là những lời tâm huyết của tôi xin được kính gửi đến cùng toàn thể đồng bào trong cũng như ngoài nước và đó cũng là nội dung chính yếu của tất cả những bài tôi viết về Công Giáo

La Mã trước đây cũng như hiện nay và sau này.

Kính mời quý vị đọc các phần kế tiếp của cuốn sách này với những bằng chứng cụ thể, để hiểu rõ thêm cái tôn giáo phi nhân bản: Công Giáo La Mã và các giáo phái Tin Lành nói chung.

Trân trọng kính chào toàn thể quý vị.

Houston, ngày 21 tháng Tư năm 2001

Dominic Nguyễn Chấn

(Charlie Nguyễn)

[*] Do đó cuốn sách viết về các tôn giáo này phải được tự do phổ biến như một quốc sách để trừ quốc nạn. Tại sao chúng ta lại kềm hãm dự tự do này để vừa mang tiếng với thế giới là Việt Nam không có tự do và mang tội với lịch sử là không giáo dục người Ki tô (Công giáo và Tin lành)

1 ĐỘC THẦN GIÁO (**)

1.1 CÁI NÔI CỦA CÁC ĐẠO CHÚA: VÙNG LƯỠI LIỀM PHÌ NHIỀU Ở CẬN ĐÔNG.

(The Fertile Cressent of The Near East)

(** : tựa do người chép sách tự đặt)

Theo kết quả của những công trình khảo cổ từ đầu thế kỷ 19 đến nay, cái nôi của nền văn minh Tây Phương đã được xác nhận là vùng đồng bằng rộng lớn ở miền Cận Đông. Đất đai của vùng này rất phì nhiêu vì nó đã được tạo nên bởi đất bồi từ những con sông dài gồm có sông Nil (Ai Cập) sông Jordan (Palestine) sông Syria và nhất là hai dòng sông Euphrate và Tigris đều xuất phát từ Tiểu Á để cùng đổ vào vịnh Ba Tư. *Nếu ta tô màu các miền đồng bằng phì nhiêu này trên bản đồ, ta sẽ thấy hiện lên một hình vòng cung trông giống như một cái lưỡi liềm chạy dài từ Ai Cập qua Palestine, Jerusalem, Babylon (tức Iraq và Koweit ngày nay) đến vịnh Ba tư. Các nhà khảo cổ gọi vùng này là Vùng Lưỡi Liềm Phì Nhiều Cận Đông (The Fertile Cressent of the Near-East).*

Để truy tìm các di vật của nền văn minh tại vùng này, rất nhiều cuộc đào xới qui mô của các nhà khoa học ngành khảo cổ thuộc nhiều quốc tịch đã được thực hiện trong hai thế kỷ qua. Tuy nhiên, phải đợi đến cuối thế kỷ 19, do những sự tình cờ, các nhà khảo cổ đã may mắn phát giác ra những tấm đất sét phơi khô (sun-baked clay tablets) có ghi những dấu hiệu kỳ lạ.

Cho tới nay, người ta đã thu lượm được hàng chục ngàn tấm đất sét phơi khô. Đa số các tấm đất sét này có cỡ trung bình khoảng 10cm x 20cm, một số ít có hình lăng trụ (prism) hoặc hình trụ lăn (cylinder). Sau nhiều chục năm nghiên cứu kiên nhẫn, các nhà khảo cổ trên khắp thế giới, nhất là tại các phân khoa khảo cổ thuộc các trường Đại Học Mỹ, Pháp, Anh, Thổ Nhĩ Kỳ. . . đã phát giác ra những tấm đất sét khô đó chính là những "cuốn sách" của dân tộc Sumerians, giống người đầu tiên định cư tại Babylon. Người Hy Lạp gọi Babylon là Mesopotamia, tức Lưỡng Hà Châu (Meso: In The Middle, Potamia: Rivers). Các nhà khảo cổ đã lập ra một môn học chuyên nghiên cứu về ngôn ngữ của dân tộc này gọi là Sumerology. Những nỗ lực của các nhà khoa học khảo cổ đã đưa đến kết quả là hầu hết những "cuốn sách" của dân tộc Sumer đã được dịch ra nhiều thứ tiếng.

Thoạt đầu, người Sumerians phát minh ra loại chữ tượng hình (pictographic characters) nhưng chỉ trong một thời gian ngắn sau đó, loại chữ này được thay thế bằng hệ thống chữ viết ghi âm (phonetic system of writing) gồm có 18 dấu hiệu tượng trưng cho 18 âm căn bản. Các dấu hiệu này phần lớn đều có hình tam giác, góc nhọn, hình thoi nhọn đầu... trông giống như những cái nêm cối. Do đó các nhà khảo cổ gọi nó là Cuneiform, do căn ngữ La tinh "Cunei" có nghĩa là cái nêm (wedge).

Tới giữa thế kỷ 20, nhiều bộ tự điển và sách dạy văn phạm về loại chữ này đã được xuất bản khiến cho công cuộc dịch thuật cả một kho tàng vĩ đại những sách cổ của dân tộc Sumer trở nên dễ dàng hơn. Nhờ đó, cánh cửa bí mật của lịch sử văn minh Tây phương đã được mở rộng. Loại chữ viết đầu tiên của dân tộc Sumer được phỏng định đã xuất hiện vào năm 3150 TCN. Đây là cái mốc quan trọng đánh dấu lịch sử nhân loại. Tất cả những gì xảy ra trước năm 3150 TCN đều được coi là Thời Tiền Sử (prehistoric).

Dò tìm các dấu tích do con người để lại trên các vách đá, trong các hang động và khảo nghiệm các

vật dụng do con người chế tạo bằng đá, bằng đồng, gỗ, đất nung... Các nhà khảo cổ đã dần dần tìm hiểu được lịch sử tiến hóa của loài người trong mọi sinh hoạt của đời sống cá nhân và tập thể cho tới giới hạn thời gian 25 ngàn năm.

Để có một ý niệm khái quát về thời tiền sử này, thiết tưởng cũng nên đề cập qua về những cái mốc thời gian quan trọng (viết theo tài liệu *Archaeology in The Land of The Bible* của Avraham Negev - Shoken Books N.Y.1977) :

- **Thời Đồ Đá Cổ Đại** (Old Stone Age) từ 25.000 -10.000 Trước Công Nguyên (TCN) , con người chỉ biết săn bắt, hái lượm và sống trong hang động.

- **Thời Đồ Đá Trung Đại** (*Middle Stone Age*) 10.000-7500 TCN, con người biết trồng cấy, thuần hóa thú vật, chế tạo gạch và đồ gốm. Một số thành phố nhỏ xuất hiện với thành quách vây quanh. Đáng chú ý là thành phố Jericho được xây cất tại đồng bằng sông Jordan ở phía bắc Biển Chết (The Dead Sea) vào khoảng 8000 năm TCN. Cho tới nay, người ta tin rằng đây là thành phố đầu tiên trong lịch sử nhân loại đánh dấu sự chuyển hướng của con người từ cuộc sống lang thang du cư đến cuộc sống định cư.

- **Thời Đồ Đá Cận Đại** (New Stone Age) 7500-4000 TCN. Nhiều làng mạc và thành phố xuất hiện, người ta biết trồng trọt nhiều loại hoa màu và cây ăn trái, nuôi nhiều loại gia súc. Tục lệ thờ cúng xuất hiện.

- **Thời Đồ Đồng** (Chacolithic) 4000-3150 TCN. Đồng (copper) nguyên chất được xử dụng để chế tạo dụng cụ. Con người biết xây dựng nhà nhiều tầng và biết làm hầm (basement) để trú ngụ.

- **Thời Đồng Thau** (Bronze Age) 3150-1200 TCN. Người ta biết pha thiếc vào đồng nguyên chất để chế tạo hợp kim cứng hơn. Đồng thời chữ viết được phát minh tại Sumer chấm dứt thời tiền sử. Chữ viết của người Do Thái (Hebrew), mãi tới hơn 1000 năm sau mới xuất hiện. Cũng trong Thời Đồng Thau, những con đường giao thông qua biển Địa Trung Hải và trên bộ đã nối liền các thành phố trong vùng Lưỡi Liềm Phì Nhiêu với nhau. Nền văn minh của Sumer (tức Babylon) đã lan rộng tới toàn vùng, nhất là tại Ai Cập và Do Thái. Điều đáng chú ý là cách đây 3400 năm (1400 TCN), ngôn ngữ của dân tộc Sumer đã trở thành một ngôn ngữ quốc tế cho vùng Lưỡi Liềm Phì Nhiêu này. Các nhà khảo cổ đã tình cờ tìm thấy nhiều tấm đất sét ghi chữ hình nêm (cuneiform) của Babylon tại Tell Amarina trên bờ sông Nil (Ai Cập). Sau khi nghiên cứu mới biết đó là những văn kiện ngoại giao giữa vua thuộc dòng Kassite của Babylon và Pharaoh Tutankhamen của Ai Cập.

Các tài liệu này cũng đề cập tới những tranh chấp khiêu nại về các vấn đề buôn bán, triều cống, việc hôn nhân giữa hoàng gia hai nước với nhau. Đặc biệt là các tấm đất sét này còn in dấu ấn (seal) được khắc theo hình vẽ do những trục lăn tạo ra để thay cho chữ ký.

Tất cả các khám phá này cho thấy Babylon là nguồn gốc văn hóa rất quan trọng đối với Do Thái. Các Kinh Thánh Cựu Ước của Do Thái hầu như đã chép lại hoặc mô phỏng từ các huyền thoại hay từ các tôn giáo của Babylon. Sở dĩ sau này ít ai biết nguồn gốc đầu tiên của Kinh Thánh là Babylon vì vào thế kỷ 4 TCN, Babylon đã bị hoàn toàn phá hủy bởi một cơn lụt lớn do sự đổi dòng đột ngột của sông Euphrate. Babylon đã bị chôn vùi dưới lớp cát sa mạc từ 24 thế kỷ qua nên thế giới không còn ai biết tới dân tộc Sumer là tác giả của các huyền thoại đó.

1.1.1 Sơ lược lịch sử của dân tộc Sumer và địa danh Babylon.

Theo sự tường thuật của nhà bác học H. Mellersh, tác giả nhiều cuốn sách giá trị đặc sắc về lịch sử và khảo cổ, trong đó có Archaeological Section của bộ *Great Encyclopedic Dictionary* và cuốn

Sumer and Babylon (NY Crowell 1965), xin tóm lược như sau:

Babylon là một thành phố cổ mà trước đó nhiều thế kỷ nó được gọi là Sumer. Babylon nằm trên vùng châu thổ tả ngạn sông Euphrate và ở vị trí gần nhất với sông Tigris, ngang vĩ tuyến 30. Hàng chục ngàn năm về trước, giống người khôn ngoan như chúng ta hiện nay (*homo sapiens*) đã biết chăn nuôi và trồng trọt. Khoảng 6000 năm TCN, những người "*homo sapiens*" từ các vùng đồi núi tràn xuống vùng châu thổ phì nhiêu định cư. Cuộc sống định cư là nguồn gốc phát sinh nền văn minh. Danh từ Civilization do căn ngữ Latin "*Civis*" có nghĩa là dân cư (*citizen*). Cuộc sống định cư muốn được ổn định phải có tổ chức và sự kiểm soát nên đã nảy sinh ra chính quyền (*government*) và chấm dứt thời kỳ bộ lạc.

Luật pháp và tục lệ phát triển. Hai loại người chiếm ưu thế trong xã hội này là vua quan và tu sĩ. Hàng loạt đô thị mọc lên trên miền châu thổ của hai con sông Euphrate và Tigris là Larsa, Lagash, Erech Isin, Ur và Eridu. Thành phố Ur và Eridu nằm về phía Nam của Babylon và gần giáp biên giới Kuwati ngày nay. Ur nổi tiếng trong thế giới Kitô Giáo, thậm chí Giáo Hoàng Jean Paul II cũng dự tính đi thăm thành phố này trong năm 2000.

Sách *Sáng Thế Ký* (Genesis) là cuốn sách đầu tiên của bộ Thánh Kinh Cựu Ước đã nói tới thành phố Ur như sau : "*Thành phố Ur là nơi sinh trưởng của Terah. Terah dẫn con trai là Abraham và con dâu (vợ Abraham) là Sarah đi từ UR đến miền đất Canaan để lập quốc Do Thái*". Sau này các nhà học giả nghiên cứu các huyền thoại của dân Sumer đã phát giác ra là Thánh Kinh Cựu Ước đã chép lại gần nguyên văn câu chuyện thần thoại ở Babylon. Chuyện kể rằng : Vị Thần Đất ở thành phố Ur là Thần Terah sinh ra nam thần Abarama và nữ thần Sarai . Sau lớn lên thần Abarama đã lấy em gái mình làm vợ... giống như Kinh Thánh Cựu Ước như đã trích ở trên.

Vì lý do những chuyện thần thoại của Babylon đã được truyền bá từ xa xưa trong khắp vùng Cận đông và vùng Địa Trung Hải nên tiếng La tinh từ xưa đã du nhập tên vị thần Đất "TERAH" của Babylon làm nguyên ngữ của chữ "TERRA" nghĩa là Đất. Sau đó đến lượt Pháp ngữ mượn tiếng Terra của Latinh làm căn ngữ cho chữ "LA TERRE" cũng nghĩa là Đất. Chữ "Ur" theo tiếng Sumer có nghĩa là Ánh Sáng (Light) cũng tương tự như người Pháp gọi Paris là "Kinh Thành Ánh Sáng" vậy. Khám phá này cho thấy Abraham đã từng được coi là tổ phụ của các dân tộc Do Thái và Ả Rập, đồng thời cũng là ông tổ của các đạo thờ Chúa (trong đó có Công Giáo Việt Nam) không phải là nhân vật có thật mà chỉ là nhân vật thần thoại của Babylon.

Người Babylon biết nung gạch và chế ra hồ để xây nhiều ngôi đền theo hình tháp có đáy hình tròn rất lớn. Họ xây những đường đi bậc thang chung quanh tháp theo hình xoắn ốc. Trên đỉnh tháp là một ngôi đền nhỏ. Loại đền thờ hình tháp này gọi là Ziggurat. Có nhiều tháp rất cao, tới cả 100 mét. Đây là nguồn cảm hứng cho người Do Thái viết chuyện tháp Babel trong Kinh Thánh Cựu Ước. Người Babylon tưởng tượng cứ xây tháp thật cao sẽ có lúc đụng tới trời. Họ tin Babylon là cái cổng của trời vì chữ Babylon được cấu tạo bởi hai chữ Bab là trời (god) và ili là cái cổng (gate). Babylon chính là Gate of God (Cổng trời).

Vào năm 1917, nhà khảo cổ nổi tiếng người Anh là Sir Leonard Wooley tổ chức một cuộc khai quật thành phố Ur và ông rất ngạc nhiên đã khám phá ra nhiều mồ chôn tập thể. Ngôi mộ lớn nhất là mộ nữ hoàng Shubad. Trong mộ có một cái hang rộng với những bộ xương người nằm ngay ngắn thành nhiều hàng với đầy đủ dấu tích của quần áo, nữ trang, yên ngựa và vũ khí. Bên dưới cái hang này là một con đường dốc dẫn xuống một cái hang hình vuông rộng lớn hơn, tại đó có mộ của nữ hoàng. Dọc đường đi có những bộ xương của một đàn bò (oxen) và chung quanh mộ nữ hoàng là

những bộ xương của các nhạc sĩ vì bên cạnh họ có những cây đàn hạc (harps). Tất cả đều nằm ngay ngắn thứ tự chứng tỏ không hề có một sự phản kháng nào. Bên cạnh mỗi bộ xương có một cái tách chứng tỏ họ đã uống thuốc ngủ hoặc thuốc an thần để đi vào kiếp sau với nữ hoàng một cách êm ái.

Thành phố Ur được xây cất vào khoảng năm 5000 TCN (đọc sách dẫn chiếu tới đây, nơi trang 16-18, kẻ viết bài này chợt liên tưởng đến vụ tạt sạt tập thể của những người thuộc giáo phái "Adventist" Cổng Trời ở San Diego cách đây mấy năm. Thật không ngờ tâm linh của những người Kitô Giáo đương thời của chúng ta chẳng khác gì tâm linh của những người sơ khai (primitive) ở Ur cách đây trên 7000 năm!). Từ thời đó, người Babylon biết khai thác mỏ lấy đồng và thiếc). Họ biết pha 10% thiếc vào đồng nấu chảy để hòa với nhau thành hợp kim gọi là thau để đúc thành các vật dụng cứng như lưỡi cày, vũ khí, mũi tên, bánh xe.

Họ là những người đã chế ra bánh xe và từ đó tạo ra những toa xe (wagon) hoặc xe chở người do ngựa hoặc bò kéo. Vàng được dùng làm nữ trang và thiếc được dùng để làm các tượng thần.

Mỗi thành phố là một quốc gia đô thị (giống như Quốc gia Đô thị Vatican = Stato Citta del Vaticano) và thường hay có chiến tranh với nhau (giống như quân của giáo hoàng kéo đến tấn công quốc gia đô thị Florence, quê hương của nhà danh họa Michel Angelo vào thế kỷ 16 tàn sát trên 3000 người dân tại đây). Với những phát minh về bánh xe và thau, họ đã làm cho ngành giao thông thương mại phát triển. Với lưỡi cày cứng, họ làm cho đồng ruộng được cày sâu nên hoa màu tươi tốt hơn. Nhưng đồng thời với những vũ khí cải tiến, chiến tranh giữa họ với nhau cũng đẫm máu và tàn phá ghê gớm hơn. Sau đây là một trích đoạn rút ra từ một trang báo National Geographic Magazine phù hợp với nội dung của các phần đã trình bày :

(An awesome record of human achievement defines the history of Mesopotamia - the Land between the rivers. Traditional birthplace of man for Jews, Christians and Muslim. It provided seed and soil for nearly all that is good and evil in modern life, literature, medicine and science, despotism and warfare. Unprotected by natural barrier at the mercy of unpredictable rivers, the region endured and profited from legion of invaders and migrants whose blood mingles with that today Iraq. Babylon had been the capital more than a thousand years when it was shacked by the Assyrians in 689 B.C., under Nebuchadnezza, it rose phoenix-like to become the greatest city in the world. Traditional birthplace of Abraham, the Royal City of Ur was abandoned in the fourth century B.C. after the Euphrate changed course , leaving UR enclosed by desert. Artifacts excavated at Eridu date from before 5,000 B.C. fixing it as Mesopotamia 's oldest city. IRAQ' S ANCIENT HERITAGE. National Geographic Magazine May- 1991)

Trong số các phát minh của dân tộc Sumer, sự phát minh ra chữ viết cuneiform phải được kể là quan trọng hơn cả. Nhờ đó nhà vua đã có thể ban ra các chỉ thị cho các viên chức, quân lính và thần dân. Các tu sĩ làm ra các bài kinh, các câu thơ, các huyền thoại lưu truyền khắp dân gian và lan sang các nước lân cận. Họ không thể tưởng tượng được những huyền thoại do họ sáng tác đã làm thay đổi bộ mặt thế giới một cách sâu rộng cho tới ngày nay. Thí dụ như chuyện Noah đóng tàu lớn để tránh nạn lụt (người Sumer gọi Noah là Nipishtim). Huyền thoại về **Đấng Cứu Thế Tammuz (Tammuz, The Savior)** người Do Thái dịch ra là **Messiah** từ thiên niên kỷ thứ hai TCN. Năm 332 TCN, Alexander the Great chinh phục toàn vùng Cận Đông, trong đó có Do Thái và Babylon mở đầu thời kỳ truyền bá văn hóa Hy Lạp (Hellenistic Period) kéo dài 180 năm từ 332 đến 152 TCN. Hầu hết mọi người Do Thái trí thức đều nói và viết tiếng Hy Lạp. Do đó, toàn bộ Kinh Thánh Cựu Ước đã được dịch sang tiếng Hy Lạp trong thời kỳ này. Sau này, từ giữa đến cuối thế kỷ I sau Công Nguyên, các Kinh Thánh Tân Ước đều được người Do Thái viết bằng tiếng Hy Lạp, mặc dù Chúa Jesus và

các tông đồ đều không biết tiếng Hy Lạp và cũng không biết tiếng Hebrew mà chỉ nói tiếng Aramic là ngôn ngữ của người Syria. Người ta dịch chữ Messiah (Đấng Cứu Thế) ra tiếng Hy Lạp là Christos. Anh và Pháp phiên âm thành Christ. Các cha cổ Tây Ban Nha sang Việt Nam truyền đạo gọi Chúa Cứu Thế là Cristo. Công Giáo Việt Nam phiên âm thành Ki-ri-xi-tô. Sau này giáo hội Công Giáo Việt Nam đã bỏ không xài danh từ Ki-ri-xi-tô nữa vì nghe nó có vẻ vừa Tây vừa dài quá nên rút gọn lại thành "Ki-tô". Thiết nghĩ chúng ta nên rút gọn hơn nữa là chỉ dùng một tiếng để gọi tên Ngài thôi, hoặc Kí hoặc Tô, ai muốn chọn chữ nào thì tùy ý.

Xin đừng làm "Ki Tô" phiên âm từ tiếng Tây Ban Nha CRISTO với "Gia-tô" là tiếng người Hoa phiên âm tên của JESUS. Người Hoa viết là "Gia Tô" nhưng phát âm thành "Giê Su" vì các vần "T" trong tiếng Việt người Hoa phát âm thành "S". Thí dụ: Tam Đa thành Samtor, Tam nguyên thành sám mẩn, Đại tiểu thành Tài-sử, Tây Cống thành Sài Gòn v. v... Trên thế giới này chỉ có Đạo Kitô tức Christianity chứ không có đạo nào gọi là Đạo Giê Su hay đạo Gia Tô (never Religion of Jesus) như người Việt mình ngày xưa thường gọi sai.

Kitô là huyền thoại xuất phát từ Babylon đã có từ nhiều ngàn năm trước Công Nguyên. Còn Jesus là một gã thợ mộc Do Thái, thất học mù chữ, sinh khoảng năm thứ 4 TCN, cao 6 ft, nặng 12 stones rưỡi (đơn vị đo lường thời cổ của Do Thái) tương đương 1 mét 82 và 79 kí lô. Jesus đã được thần thánh hóa bằng huyền thoại Kitô của Babylon (Jesus was Christed to become God!) để trở thành Ngôi Lời Nhập Thể hay Nhập Trạng cho những kẻ ngu thờ phượng.

Khi Alexander the Great chiếm Cận Đông thì Babylon đã bị trận lụt lớn phá hủy được ít lâu. Alexander muốn phục hồi nền văn minh rực rỡ của Babylon và có ý chọn Babylon làm thủ đô của đế quốc Hy Lạp. Ý định này chưa thành thì ông đã qua đời (Sumer and Babylon, H. Mellersh, Crowell NY 1965, P.80)

Người Hy Lạp rất khâm phục các vườn treo ở Babylon và coi những vườn này là một trong bảy kỳ quan của thế giới cổ. Tuy những vườn này được gọi là vườn treo (hanging gardens) nhưng thực ra không phải là treo mà đã được xây dựng ở trên sân thượng rất rộng của các lầu đài đồ sộ như hoàng cung hay trên nóc các đền thờ lớn, khiến cho từ xa nhìn lên mọi người đều có cảm tưởng như các vườn đó được treo lơ lửng trên trời! Người Babylon gọi xứ sở của họ là *Khu Vườn Ở Phía Đông* (tiếng Sumer là *Gan Eden*) Người Do Thái ví thiên đàng như Vườn Địa Đàng của Babylon. Tôn giáo của dân Sumer coi Babylon là *bản sao của Thiên đàng* (a replica of Heaven). Người Sumer ngụ ý thành phố của họ là Ánh Sáng (cũng như Ur là Ánh Sáng): **Đến với Babylon là đi tìm ánh sáng mặt trời ở phương Đông!** Do nguồn gốc vườn Địa Đàng (Gan-Eden / Garden of Eden) của Babylon, *những tu sĩ Do Thái viết Kinh Cựu Ước đã phịa ra chuyện Adong Evà được Chúa tạo ra tại vườn Địa Đàng là tổ tiên loài người và biến câu chuyện thần thoại về việc Adong Evà ăn trái cấm thành Tội Tổ Tông (The Original Sin)*. Vào thế kỷ thứ 4, nhà thần học số một của Kitô Giáo là Augustin đã dựa vào chuyện Vườn Địa Đàng trong Cựu Ước viết sách nguyên rủa phụ nữ: *"Mỗi phụ nữ là một Eva, các người là cái cổng của quỷ dữ. Các người là kẻ đào ngũ đầu tiên khỏi luật của Chúa. Các người đã tàn phá đàn ông – hình ảnh của Chúa. Chỉ vì cái tội đào ngũ của các người mà Con của Thiên Chúa phải chết"* (Do you know that you are each an Eve. You are the Devil's gateway. You are the first deserter of divine law. You so carelessly destroyed man – god's image. On account of your desertion, even The Son of God had to die – "On Female Dress". Augustin). *Từ lý thuyết của Augustin, Vatican đã đề ra luật nam tu sĩ độc thân, luật không cho phụ nữ làm linh mục, óc kỳ thị phụ nữ và coi họ như cái bẫy cám dỗ đàn ông phạm tội..*

Augustin cho rằng mọi người đều mắc tội tổ tông truyền kiếp vì đã sinh ra do sự giao cấu của cha

mẹ. Đức Mẹ Maria không giao cấu với Chúa Thánh Thần và sinh ra Chúa Jesus mà vẫn còn trinh nên chỉ có Chúa Jesus và Đức Mẹ Maria là không bị nhiễm tội tổ tông. Augustin đã vin vào thần thoại Gan Eden của Babylon để xây dựng nên giáo lý "*Đức Mẹ Vô Nhiễm nguyên tội*" - *Thánh Bông mạng của Địa Phận Bù Chu yêu quý!*

Augustin là người Algérie, là cha đẻ của giáo hội Kitô nguyên thủy và cũng là người sáng lập hệ tư tưởng Tây phương. Tư tưởng của ông nhiễm nặng tư tưởng của Babylon qua trung gian Cựu Ước Do Thái. Nền văn minh Babylon đã lan ra khắp Tây phương do sự bành trướng của Kitô Giáo trong 2000 năm qua.

Trong 6 thế kỷ đầu Công Nguyên, toàn vùng Bắc Phi Ai Cập, các nước Cận Đông cho tới Thổ Nhĩ Kỳ thuộc Âu Châu đều nằm trong vùng ảnh hưởng của Kitô Giáo. Hồi Giáo bắt đầu bành trướng vào đầu thế kỷ thứ 7. Năm 630 họ chiếm Jerusalem. Đến giữa thế kỷ 8, đế quốc Hồi Giáo chiếm toàn vẹn vùng Bắc Phi, Ai Cập, các nước từ vùng Cận Đông đến Thổ Nhĩ Kỳ và biến các nước Kitô giáo này thành các quốc gia Hồi Giáo. *Nhưng dù là Kitô Giáo hay Hồi Giáo, tất cả cũng đều cùng một nguồn gốc văn hóa của Do Thái vốn là hậu duệ của Babylon.*

Babylon ngày nay chỉ còn là một bãi sa mạc hoang vu đầy những gò đống và hang lỗ chằng chịt do sự khai quật của các nhà khảo cổ và do dân quanh vùng đào lấy gạch về xây nhà riêng. Người ta đã cố gắng làm nhiều con sông đào để dẫn nước vào vùng sa mạc này nhưng vô ích, nó vĩnh viễn không bao giờ trở lại thành "Vùng Lưỡi Liềm Phì Nhiêu" như xưa. Con cháu của Mahomet đã xây cất một thủ đô khác là Baghdad cách đống tro tàn Babylon khoảng 80 dặm về phía Bắc và ở phía bên kia của Lưỡng Hà Châu.

1.1.2 Tìm hiểu thêm về những phát minh đầu tiên của dân tộc Sumer

Nhà bác học của ngành khảo cổ người Mỹ Sumuel Noah Kramer, sinh vào cuối thế kỷ 19, đặc biệt chú ý đến văn hóa Babylon và bỏ ra gần cả cuộc đời nghiên cứu chữ viết cuneiform của người Sumerian. Ông trở thành giáo sư chuyên dạy về môn khảo cổ học tại Đại Học Pennsylvania. Ông và các đồng sự hoàn thành bộ tự điển 18 tập về ngôn ngữ Sumerian. Năm 1956, giáo sư Kramer cho xuất bản lần đầu tác phẩm "History begins at Sumer". Từ đó cho đến 1980, với sự giúp đỡ của nhiều cơ quan văn hóa Hoa Kỳ, ông đã đi đến nhiều bảo tàng viện trên thế giới sao chép các di vật thô lợm được ở Babylon để nghiên cứu và bổ túc cho tác phẩm của ông. Tới nay, tác phẩm **History begins at Sumer** đã được tu chính và tái bản lần thứ tư (1994). Theo tác giả thì người ta có thể liệt kê tới 39 phát minh đầu tiên của nhân loại là do dân tộc Sumer, đại lược như sau:

Ngoài những phát minh nổi tiếng trong thế giới cổ mà người ta biết xuất phát từ Babylon là bánh xe, vòng tròn có 360 độ, một giờ có 60 phút, hợp kim đồng pha thiếc, dẫn thủy nhập điện... Dân tộc Sumer còn là tác giả của nhiều sản phẩm văn hóa và những phát kiến đầu tiên thuộc nhiều lãnh vực:

-Về giáo dục, người Sumer đã mở trường dạy học sau khi đã phát minh ra chữ viết vào cuối thiên niên kỷ thứ tư trước Công Nguyên (khoảng 3150 TCN). Họ gọi trường học là "nhà của những tấm đất sét" (clay tablet house) gọi thầy giáo là cha (school father) học trò là con (school son) phụ giảng là anh lớn (big brother). Học trò bị phạt kỷ luật bằng roi hay bằng gậy. Năm 1934, một nhà khảo cổ Pháp đã khai quật tại thành phố Mari một ngôi trường học có nhiều hàng ghế bằng đất sét, mỗi ghế ngồi được một, hai hoặc ba người. Tới nay, người ta đã phát giác thêm nhiều ngôi trường học tại Nippur, Snippa và UR. Những di vật đáng chú ý là bộ tự điển Sumer – Akkadian (ngôn ngữ của giống dân Ả Rập lai Do Thái). Sách lịch sử kể chuyện các đời vua tại UR và Nanshe từ thượng cổ

đến vua Sargon (2600 TCN).

Năm 1895, các nhà khảo cổ tìm thấy hai cột hình trụ lớn bằng đất sét. Hai cột này được đưa về trường Đại Học Yale để nghiên cứu. Sau hơn hai mươi năm làm việc cần mẫn của những người trí thức quyết tâm phụng sự chân lý, công cuộc nghiên cứu về dịch thuật mới hoàn tất. Theo giáo sư Francis Thureau Dargin thì hai cột trụ này là hai cuốn sử ghi chép các trận chiến và nhiều sử liệu về các vua chúa tướng lĩnh dưới triều đại Entemena (3000 TCN). Ngoài ra, người chép sử cũng mô tả các sinh hoạt kinh tế xã hội trong đời sống dân chúng, trong đó có cả việc nhà vua đặc miễn cho dân Lagash không phải đóng thuế trong 30 năm. Ta có thể coi đây là những cuốn sử đầu tiên của loài người.

Năm 1951, các nhà khảo cổ tìm thấy 19 tấm đất sét tại Nippur, được xác định niên đại vào khoảng 2400 TCN. Đáng chú ý là những tấm đất sét này đã ghi lại tư tưởng của dân tộc Sumer nghĩ về con người và cuộc đời. *Theo họ, con người đã được sinh ra từ đất sét và được sinh ra để phục vụ các vị thần [con người phải phục vụ tôn giáo chứ không phải tôn giáo phục vụ con người].* (Sumerian thinkers firmly convinced that man was fashioned of clay and created for one purpose only: to serve gods by supplying them with food, drink or shelter so that they might have leisure for their divine activities – sách dẫn chiếu tr. 101). Quan niệm này đã ăn sâu vào đạo Do Thái, đạo Kitô và đạo Hồi. Tín đồ các đạo này đều tin rằng Thiên Chúa đã tạo ra con người từ đất sét để con người thờ phụng kính mến Chúa trên hết mọi sự. Mọi người Tây phương chịu ảnh hưởng của các đạo này tới nay vẫn tin rằng con người đã được sinh ra từ đất sét. Có lẽ từ quan niệm thiếu nhân bản đó, người Tây phương cũng như những tín đồ Ki Tô Giáo đã coi rẻ con người và đã gây nhiều cuộc thánh chiến đẫm máu để bảo vệ tôn giáo bất chính của mình .

(Riêng một nhận định này cũng đủ cho ta thấy giá trị nhân bản cao đẹp của tam giáo Phật Khổng Lão đã ăn sâu vào tâm thức Việt Tộc đầy tình người chúng ta. Công Giáo đã xâm nhập nước ta hơn bốn trăm năm, nhưng rõ ràng là tôn giáo phi nhân tính này không thể bắt rễ sâu trong lòng dân tộc Việt Nam. Nó chỉ có thể xâm nhập và phát triển trên đất nước ta bằng bạo lực của bọn xâm lược hoặc bằng những thủ đoạn lừa gạt gian manh đối với những người kém hiểu biết mà thôi. Cho đến muôn đời sẽ chẳng bao giờ có được một thứ văn hóa hòa đồng "Tứ Giáo Đồng Nguyên" như ước mong của những kẻ lãnh đạo cái thứ "Đạo Vô Đạo" này. Công Giáo La Mã chỉ là một tà đạo đã được sinh ra để loài người nguyên rửa cho đến muôn đời. **Tham vọng của mọi kẻ lưu manh chính trị muốn dùng Công Giáo La Mã để xâm phạm chủ quyền, sinh mạng và danh dự Việt Nam sẽ mãi mãi chỉ là một ảo tưởng của những kẻ mơ ngủ giữa ban ngày.** Dân tộc Việt Nam anh hùng bất khuất muôn năm ! Tinh thần Bình Tây Sát Tả của các chiến sĩ Văn Thân muôn năm ! Tinh thần Lam Sơn, Bạch Đằng, Đống Đa, Ngọc Hồi, Ba Đình, Điện Biên Phủ muôn năm ! Tinh thần Cách Mạng 1-11-63 muôn năm! Tổ Quốc Việt Nam muôn năm!)

Trước khi tìm ra những di vật tại Babylon, mọi người vẫn tin rằng Sách Cách Ngôn (Biblical Books of Proverb) trong kinh Thánh Cựu Ước Do Thái là sách cách ngôn cổ nhất. Sau đó, nhiều sách cách ngôn của Ai Cập đã được tìm ra và được xác nhận niên đại trước sách cách ngôn của bộ Kinh Thánh Cựu Ước nhiều thế kỷ. Tới khi các tấm đất sét ghi cách ngôn của Sumer được phát giác, mọi người mới vỡ lẽ ra là các sách cách ngôn nói trên đều là vay mượn từ Babylon. Năm 1934, giáo sư Edward Chierra thuộc đại học Pennsylvania công bố bản dịch các cách ngôn từ các tấm đất sét thu lượm tại Nippur được xác định niên đại là thế kỷ 18 TCN.

Năm 1937, hàng trăm bản đất sét ghi cách ngôn Sumer lưu trữ tại Bảo tàng viện Istanbul (Thổ Nhĩ Kỳ) được nhiều nhà ngôn ngữ học Sumer (Sumerologists) nghiên cứu, các bản dịch được công bố

trong các năm 1951-1952 tạo thành một bộ sưu tập khổng lồ về các cách ngôn cổ của Babylon. Ta có thể đơn cử một số câu cách ngôn tiêu biểu của dân tộc Sumer :

- *Người nghèo chết sướng hơn sống vì khi có muối thì không có bánh mì, khi có bánh mì lại không có muối* (The poor man is better dead than alive. If he has bread, he has no salt. If he has salt, he has no bread)

- *Tiêu xài hoang phí ta sẽ chết, biết tiết kiệm sẽ sống lâu* (We are doomed to die, let us spend. We will live long, let us save).

- *Giấc ngủ của người siêng năng làm việc rất ngon lành* (The sleep of a labouring man is sweet).

- *Càng có nhiều tiền của càng lo nghĩ nhiều* (Who multiplies possession multiplies worry).

Nhiều tấm đất sét khác kể chuyện ngụ ngôn tương tự như chuyện ngụ ngôn của Aesop (Aesopic Fables). Thí dụ như chuyện cãi nhau giữa Mùa Đông và Mùa Hè. Cuộc tranh luận giữa hạt lúa, cây cối và cánh đồng... Qua các chuyện ngụ ngôn này, các nhà khảo cổ nhận thấy *người Sumerians đã biết sắp xếp mọi vật thành từng cặp đối lập (tương tự như dịch lý)* nhất là trong lãnh vực nông nghiệp: Chim đối với cá, mùa hè đối với mùa đông, nhà nông đối với người chăn cừu (văn hóa nông nghiệp đối lập với văn hóa du mục), cái cuốc đối với cái cày, cây lớn đối với cây sậy... (sách dẫn chiếu tr. 132-133). Điều thích thú hơn nữa là các nhà khảo cổ phát giác những chuyện kể trong các tấm đất sét này có nhiều chuyện tương tự như trong sách Sáng Thế Ký (Genesis) là cuốn sách đầu tiên của bộ Kinh Thánh Cựu Ước Do Thái. Chẳng hạn như chuyện phân rẽ giữa trời và đất, chuyện con người được nặn ra từ đất sét, chuyện anh em giết nhau (như chuyện Cain và Abel trong Cựu Ước) quan niệm về Nước Chúa (Kingdom of God).

Chuyện thần thoại "*Enki và Ninhursag*" là một chuyện thơ dài 278 dòng được ghi trên tấm đất sét có 6 cột, hiện lưu trữ tại Bảo tàng Viện Đại Học Pennsylvania (bản sao lưu tại BTV Louvre-Paris) được công bố năm 1945 trong No.1 Bulletin of the American of Oriental Research.

Chuyện kể rằng: Dilmun là đất của sự sống (land of the living) rất sạch và sáng, ở đó không có bệnh tật và sự chết. Đó là khu vườn thiêng liêng (a divine garden của hai người Enki và Ninhursag. *Enki là thủy thần (water god), Ninhursag là thổ thần (earth god). Họ là cha mẹ đầu tiên của dân tộc Sumer.*

Trong khu vườn thiêng này, tám vị thần ở trên trời trồng 8 cây đặc biệt và cấm không ai được phép ăn. Một hôm, do sự cám dỗ của một vị thần hai mặt (two-face god) là Isimud, Enki đã vi phạm luật trời ăn luôn cả tám cây cấm. Sau đó, Enki bị đau tám bộ phận trong người. Vợ chàng là Ninhursag tức giận, nguyên rủa chồng sẽ phải chết vì tội vi phạm luật của các vị thần và nàng bỏ nhà ra đi. Một con chồn đến gặp Enki và hứa sẽ đi tìm Ninhursag về cho chàng. Con chồn tìm được Ninhursag và dẫn nàng về nhà đoàn tụ lại với chồng. Nàng Ninhursag ngồi bên cạnh chồng khẩn vái tám vị thần để chữa tám bộ phận của chồng bị đau. Vị thần chữa xương sườn đau có tên là Ninti. Theo ngôn ngữ Sumer chữ Nin là bà (lady), chữ ti là xương sườn (rib) và cũng có nghĩa là sinh sản. Do đó, Ninti vừa có nghĩa là "lady of the Rib" và cũng có nghĩa là "The Lady who makes life".

Người Do Thái vay mượn chuyện này để sáng tác chuyện Adam và Eva ăn tái cấm trong vườn địa đàng và chuyện Thiên Chúa lấy xương sườn của Adam để tạo ra Eva. Trong ngôn ngữ Sumer, tiếng "ti" vừa có nghĩa là xương sườn vừa có nghĩa là sinh sản nhưng trong ngôn ngữ Hebrew, tiếng "ti" có nghĩa là xương sườn và tiếng có nghĩa là sinh sản là hai tiếng biệt lập. Tuy nhiên, ý nghĩa của chuyện huyền thoại Sumer nhấn mạnh đến điểm: **Trước khi vi phạm luật cấm**

của các vị thần, con người sống hạnh phúc không biết đau khổ, bệnh tật và không phải chết (trường thọ bất tử). Chính sách vi phạm luật trời của hai vị tổ tiên đã khiến tất cả con cháu muôn đời phải đau khổ, phải chết và đặc biệt là các bà mẹ phải đau đớn khi sinh con. (Sách dẫn chiếu tr. 141- 147).

Ngoài những sáng kiến đầu tiên về giáo dục, toán học và nhất là về tôn giáo tín ngưỡng, người Sumer là dân tộc đầu tiên đã sáng chế ra lưỡi cày kim loại đúc bằng hợp kim đồng pha thiếc (10%). Họ cũng là những người đầu tiên lập hồ nuôi cá kiểng trong nhà, tìm cách trồng rau, trái hoa màu dưới bóng râm của các cây cọ (Shade tree gardening) để tránh ánh nắng chói chang và các cơn bão cát sa mạc.

Về chính trị và luật pháp, họ đã biết cách tổ chức các định chế dân chủ tương tự như lưỡng viện quốc hội: Những tấm đất sét có niên đại 3000 TCN ghi cuộc tranh luận trong buổi họp của những người đàn ông võ trang quyết định việc nên hòa hay chiến (tương tự như war congress). Quyết định của buổi họp này phải được đưa lên Hội đồng của các niên trưởng, trong đó ý kiến của vua là tối hậu, tương tự như Thượng viện (Senate). Họ tổ chức việc xét xử tội phạm thiếu nhi riêng rẽ với việc xét xử người lớn.

Qua trên một thế kỷ sưu tầm, hiện nay các nhà khảo cổ đã thu lượm được nhiều chục ngàn tấm đất sét của dân tộc Sumer, trong đó có đủ loại văn kiện luật pháp như khế ước, di chúc, biên lai, quyết định của tòa án. Trong đó có nhiều bản ghi chép cùng một chuyện phạm pháp và quyết định của tòa án đã được thu lượm từ nhiều địa điểm khác nhau. Người ta ước đoán đó có thể là *những án lệ đầu tiên được phổ biến trong giới luật pháp để làm khuôn mẫu cho các việc xét xử tội phạm trong hệ thống luật pháp quốc gia.*

Babylon là nguồn gốc của các tôn giáo xây dựng giáo lý trên huyền thoại. Các đạo thờ Chúa đều là những tôn giáo xây dựng giáo lý trên căn bản là những huyền thoại của Babylon. Riêng Công Giáo La Mã là đạo đã được sao chép gần như nguyên bản tôn giáo của Babylon. Vì vậy, Hội Nghiên Cứu Thánh Kinh Ralph Woodrow California đã rất hữu lý gọi Công Giáo La Mã là "THE MODERN BABYLON MYSTERY RELIGION".

Phúc Âm Khải Huyền của Thánh Gioan có lời chép bằng chữ lớn rằng : " TÔN GIÁO HUYỀN THOẠI BABYLON VĨ ĐẠI LÀ MẸ CỦA LỮ ĐIỂM THỐI VÀ CỦA NHỮNG CHUYỆN KHỦNG KHIẾP TRÊN TRÁI ĐẤT NÀY " (MYSTERY BABYLON THE GREAT, MOTHER OF HARLOTS AND ABOMINATIONS OF THE EARTH - Revelation 17: 1 - 6).

1.2. CÁC ĐẠO THỜ THIÊN CHÚA LÀ NHỮNG BIẾN DẠNG CỦA ĐẠO THỜ BÒ

Từ ngàn xưa, con người đã được định nghĩa là con vật có tính thần linh (spiritual animals) nên con người luôn có khuynh hướng tìm về các thần linh thiêng liêng cao hơn mình để tôn thờ hoặc để xin phù hộ ban ơn cứu giúp. Các nhà nghiên cứu nhân chủng học và khảo cổ học đều xác nhận rằng: Khi con người bắt đầu đạt tới trình độ hiểu biết cũng là lúc bắt đầu có tôn giáo (Homo sapiens - Homo Religious). Nói cách khác, khi con người bắt đầu nhận ra mình là NGƯỜI khác với những loài vật là lúc con người bắt đầu thờ thần linh. Vì thế tôn giáo xuất hiện cùng lúc với các tác phẩm mang tính chất nghệ thuật (works of art). Qua các tác phẩm nghệ thuật đó, con người biểu lộ sự ngưỡng mộ của mình trước những bí mật kỳ diệu của thiên nhiên và bày tỏ niềm tin vào một sức mạnh vô hình vượt trên con người. Con người luôn luôn cố gắng tìm cho ra cái ý nghĩa đích thực của cuộc sống trên trái đất. Con người không hài lòng với cuộc đời ngắn ngủi thực tại và muốn cuộc sống phải được kéo dài đến vô tận sau cái chết và dưới một hình thức khác.

Thực sự, tôn giáo là một phản ứng tâm lý tự nhiên của con người trước thiên nhiên kỳ bí. Tuy nhiên, cũng như mọi hoạt động khác của con người, tôn giáo đã bị lạm dụng (abused) và gây ra không biết bao nhiêu tai họa cho con người.

Tôn giáo nào cũng tự coi mình như một chiếc thuyền để chở con người đến bến bờ hạnh phúc. Khổ nỗi, tôn giáo nào cũng coi cái thuyền của mình là duy nhất tốt và duy nhất đi đúng hướng. Tín đồ phần đông đều mù quáng, chỉ biết gục đầu xuống tôn thờ chính cái thuyền của mình mà quên mất bến bờ hạnh phúc chung của nhân loại. Những người lái thuyền, được mệnh danh là các vị lãnh đạo tinh thần, bận tâm đánh chìm các thuyền khác để củng cố địa vị độc tôn của tôn giáo mình. Do đó chiến tranh tôn giáo đã xảy ra liên miên trong lịch sử và đến nay nó vẫn còn tiếp diễn dưới cả hai dạng nóng và lạnh trên khắp các lục địa.

Nhiều người nhận thấy tôn giáo là mối nguy hiểm cho hòa bình thế giới nên họ muốn xóa bỏ mọi tôn giáo. Bắt đầu từ cuối thế kỷ 16 tại Âu Châu, phong trào Soi Sáng (Enlightenment) ra đời và dần dần phát triển thành Phong Trào Bài Trừ Tôn Giáo (Secularism) nhằm thiết lập một Chủ Nghĩa Nhân Đạo Tự Do (Liberal Humanism).

Lý tưởng giải thoát con người khỏi mối hiểm nguy do các tôn giáo gây ra đã được thể hiện rõ ràng nhất trong Tu Chính Án 14 của Hiến Pháp Hoa Kỳ. Trong sách "American Government, Political and Political Culture" của ba tác giả Lyons, Scheb và Richarson (West Publishing Co. 1995) trang 110 viết như sau : "*Tu Chính Án Thứ Nhất đòi hỏi thiết lập một bức tường ngăn cách giữa giáo hội và quốc gia. Và mặc dầu điều khoản thiết lập đó của Tu Chính Án chỉ được áp dụng cho Quốc Hội, nhưng Tối Cao Pháp Viện đã qui định rằng nguyên tắc tách rời Giáo hội ra khỏi Quốc gia phải được áp dụng đồng đều cho Liên bang cũng như mọi chính quyền địa phương theo Tu Chính Án 14 của Hiến Pháp, theo đó, chính sách của chính quyền phải theo đuổi mục tiêu có tính thế tục hoặc vô tôn giáo*" (The First Amendment requires a wall of separation between church and state. And, although the First Amendment 's Establishment Clause applies only to Congress, the Supreme Court has held that the principle of separation of church and state applies equally to state and local governments under the Fourteenth Amendment : a government policy must have a secular or nonreligious purpose).

Chủ nghĩa Thế Tục Hóa Xã Hội (Secularism) là một quan niệm mới về tôn giáo : Việc chính đáng của con người là lo phục vụ lợi ích của con người chứ không thể bắt con người phải hy sinh để

phục vụ thần linh. Con người là chính yếu trên thế gian này chứ không phải là một vị thần nào cả. Con người được sinh ra trên thế gian không phải chỉ để lo có một việc duy nhất là phải "thờ phượng kính mến Đức Chúa Trời trên hết mọi sự" để rồi quên khuấy mọi người ở quanh mình. Điều chúng ta cần phải quan tâm hiện nay là cái chết của nhân loại chứ không phải là cái chết của Thượng Đế.

Chủ Nghĩa Nhân Đạo Tự Do là một tôn giáo không cần Thiên Chúa (a religion without God)*. Nói "không cần Thiên Chúa" không có nghĩa là không cần tôn giáo vì không phải tôn giáo nào cũng là hữu thần (theist) mà cũng có tôn giáo vô thần (atheist) như đạo Phật chẳng hạn. [Đạo Phật không thờ thần linh, nên trường hợp này đạo Phật được hiểu là vô thần]

Thực tế mà nói, Thiên Chúa chẳng qua chỉ là sự kéo dài những nhu cầu và ước vọng của con người. Thiên Chúa chỉ là tấm gương phản chiếu những mối lo sợ và những nỗi khao khát của xã hội cơ người trong mỗi giai đoạn phát triển của nó. Thiên Chúa của Thánh Kinh (God of the Bible) hoàn toàn là một sản phẩm tưởng tượng của con người nhưng lại là một thực tế hắc ám nhất trong đời sống nhân loại suốt trên 4.000 năm qua!

Trong tác phẩm A HISTORY OF GOD (460 trang, the New York Times Best-seller. Ballantine Books xuất bản 1993), tác giả là nữ tiến sĩ Karen Armstrong, nguyên nữ tu Công Giáo và nguyên giáo sư Đại Học Leo Baeck Anh Quốc, đã viết rất chí lý như sau:

"Cuốn sách này không phải là cuốn sử về Thiên Chúa thật vì Thiên Chúa thật là điều không ai có thể tả hoặc nói lên được (ineffable), ngài vượt ra ngoài thời gian và mọi sự đổi thay, nhưng đây là cuốn sử đề cập đến những nhận định về Thiên Chúa của những người đàn ông và đàn bà từ thời Abraham cho tới nay". (This book will not be a history of the ineffable reality of God itself, which is beyond time and change, but a history of the way men and women have perceived Him from Abraham to the present day. The human idea of God has a history). Ý tưởng của con người về Thiên Chúa có lịch sử của nó. Vậy, nói đến lịch sử Thiên Chúa là nói đến lịch sử các quan niệm của con người về Thiên Chúa. Nói cách khác, lịch sử Thiên Chúa là lịch sử hình thành các tôn giáo thờ một vị Thiên Chúa Duy Nhất (The One-God Religions) còn được gọi là Thiên Chúa Giáo hoặc Độc Thần Giáo (Monotheism, Monotheist religions).

Đối với người Việt Nam chúng ta, vấn đề danh từ đã làm cho hầu hết chúng ta có những ngộ nhận về Thiên Chúa Giáo. Danh từ Christianity thường được dịch là Thiên Chúa Giáo thật sự không được chính xác. Christianity là Kitô Giáo vì nguyên ngữ của nó là Christ (Chúa Kitô). Christians nên được dịch là người theo đạo Kitô, hoặc Kitô hữu, hoặc tín đồ Ki Tô Giáo, bao gồm tất cả những người tin thờ Jesus là Chúa Cứu Thế (Christ).

Không riêng gì những người Công Giáo tôn thờ và tin rằng MR.JESUS là Đấng Cứu Thế (Chúa Kitô) mà những tín đồ Chính Thống Giáo ở Nga, Hy Lạp, Đông Âu, Anh Giáo ở Anh, Úc, Tân Tây Lan và hàng trăm giáo phái Tin Lành, Cơ Đốc Phục Lâm, Báp Tít, Mormon, Methodists.... ở Hoa Kỳ và nhiều nước khác cũng đều tin như vậy cả. Đó là niềm tin Ki Tô. Ai có niềm tin Ki Tô thì người đó là Christian. Tuy có cùng một niềm tin Ki Tô nhưng những người anh em Ki Tô thường xuyên có thánh chiến với nhau và giết nhau như giặc. Nếu không có niềm tin Ki Tô quái đản đó thì người ta sẽ không còn lý do để chém giết nhau nữa!

Tất cả các tôn giáo thờ Jesus và tin Ngài là Đấng Kitô, Ngôi Hai Thiên Chúa xuống thế làm người chuộc tội cứu thế, đều được gọi chung là Ki - Tô Giáo. Công Giáo chỉ là một ngành chính trong hệ thống các đạo Ki Tô (Roman Catholic is the main line of Christianity) và toàn bộ các đạo Ki Tô cũng chỉ là một hệ phái trong hệ thống Độc Thần Giáo gồm có cái gốc của hệ thống này là Do Thái Giáo.

Sau hết, cả hai tôn giáo Độc Thần là Do Thái Giáo và Ki Tô Giáo đã phát sinh một hệ phái thứ ba là Hồi Giáo vào giữa thế kỷ 7. Người Việt Nam chúng ta thường lầm lẫn gọi Công Giáo La Mã là Thiên Chúa Giáo hoặc Đạo Thiên Chúa (Montheism) . Thực sự, Thiên Chúa Giáo bao gồm rất nhiều tôn giáo bao gồm tất cả các đạo thờ Thiên Chúa của Thánh Kinh Cựu Ước Do Thái (God of the Bible) cùng những tín điều căn bản về thiên đàng, địa ngục, tổ tông loài người là A-Dong E-Và, thiên thần truyền tin Gabriel và nhất là đều nhận Abraham làm tổ phụ của tôn giáo mình. Đó là các đạo Do Thái, Ki Tô và đạo Hồi.

Jesus là một nhân vật có thật, được phỏng định sinh khoảng năm từ 6 đến 4 trước Công Nguyên. Kitô là một nhân vật thần thoại của Do thái, bắt nguồn sâu xa từ huyền thoại Babylon đã có từ nhiều ngàn năm trước khi Do Thái lập quốc. Tiếng Việt KI-TÔ được phiên âm từ tiếng Tây Ban Nha "Cristo" do các giáo sĩ Tây Ban Nha đến giảng đạo ở nước ta lần đầu vào tiền bán thế kỷ 16. Trong những thế kỷ trước, người Công Giáo Việt Nam phiên âm danh từ CRISTO thành "Chúa Ki-Ri-Xi-Tô". Trước 1954, các bài kinh giáo dân Việt Nam thường đọc có những câu như: "Chúa Ki-Ri-Xi-Tô thương xót chúng tôi, Chúa Ki-Ri-Xi-Tô nhậm lời chúng tôi". Sau 1954 danh từ Ki-Ri-Xi-Tô đã được rút gọn lại là Kitô. Các kinh sách Công Giáo hiện nay đều viết "Chúa Giê Su Ki tô". Vậy thiết nghĩ chúng ta không nên dịch chữ Christianity là Thiên Chúa Giáo mà nên dịch là Kitô Giáo cho sát nghĩa. Kitô là một ý niệm đặc biệt của người Do Thái đã có từ nhiều thế kỷ trước khi Chúa Jesus ra đời. Nguyên gốc tiếng Do Thái là Messiah, có nghĩa là một vị cứu tinh của dân tộc Do Thái. Vị đó thuộc dòng dõi vua David, sẽ sinh ra và cứu dân tộc Do Thái thoát ách nô lệ ngoại bang, cuối cùng sẽ đưa dân tộc Do Thái lên một địa vị cao hơn các dân tộc khác. Lúc đầu, tiếng Messiah chỉ có nghĩa là một minh quân David mới của Do Thái (a new King David) hoặc là một Đấng Cứu Chúa của dân tộc đã được Chúa chọn (the Savior of the chosen people). Nhưng với sự phát triển của giáo lý đạo Kitô, chữ Messiah đã bị biến nghĩa thành Chúa Cứu Thế chuộc tội nhân loại (The Redeemer of mankind). Trong thế kỷ thứ tư và thứ ba trước Công Nguyên, Do Thái bị Hy Lạp cai trị. Những người giàu và giới quyền thế Do Thái hầu hết đều rất thông thạo tiếng Hy Lạp. Do đó, các cuốn kinh thánh của đạo Do Thái đã được dịch sang tiếng Hy Lạp từ vài trăm năm trước Công Nguyên.

Chữ Messiah của Do Thái đã được người Hy Lạp dịch ra là Christos. Tiếng Anh và tiếng Pháp sau này phiên âm thành Christ. Tiếng La Tinh là Christus. Tiếng Tây Ban Nha là Cristo. Công Giáo Việt Nam chịu ảnh hưởng của các cố đạo Tây Ban Nha nên đã phiên âm tên của Chúa và các thánh từ tiếng Tây Ban Nha. Thí dụ:

Anh	<u>Pháp</u>	<u>La Tinh</u>	<u>TB Nha</u>	<u>V N</u>
Christ	Christ	Christus	Cristo =	Kitô
Mary	Marie	Maria	Maria =	Maria
Peter	Pierre	Petrus	Pedro =	Phê rô
Paul	Paul	Paulus	Pabblo =	Phao lô
Francis	Francis	Francis	Francisco =	Phanxicô

Chúa Jesus là một người thật, còn Chúa Kitô là một nhân vật huyền thoại được tạo thành do sự mong ước của dân tộc Do Thái. Đặc tính của Chúa Kitô là giải thoát mọi người bị áp bức (to let the oppressed go free) theo định nghĩa của tiên tri Isaiah, thế kỷ 8 trước Công Nguyên. Người Do Thái

không công nhận Jesus là Kitô vì Jesus đã không làm nổi cái công việc giải cứu những người bị áp bức. Tới nay, người Do Thái vẫn tin rằng Chúa Cứu Thế Kitô chưa ra đời. Họ chỉ tôn thờ Thiên Chúa mà họ gọi là Jehovah, xưa kia tổ tiên của họ gọi là Elohim. Đối với những người theo đạo Kitô thì Jehovah là Đức Chúa Cha, Jesus là Đức Chúa Con và ngôi thứ ba của Thiên Chúa là Đức Chúa Thánh Thần. Ba Ngôi Thiên Chúa là Một Đức Chúa Trời. Đó là quan niệm của Ki Tô Giáo về Thiên Chúa (Christian God : Trinity God).

Những người Hồi Giáo tôn thờ Thiên Chúa của đạo Do Thái, tiếng Ả Rập gọi là ALLAH (God), tức là Đức Chúa Cha của đạo Kitô. Họ coi các vị lập các đạo này, từ Abraham đến Moses và Jesus, là các thánh tiên tri (prophets). Đạo Do Thái và đạo Hồi quan niệm Thiên Chúa là Duy Nhất (Unity God) khác với đạo Kitô quan niệm Thiên Chúa Ba Ngôi (Trinity God). Theo người Tây phương, bao gồm các quốc gia Âu Mỹ, Do Thái và Ả Rập, Thiên Chúa Giáo là các tôn giáo thờ MỘT THIÊN CHÚA (The One-God Religions) được mệnh danh là ĐỘC THẦN GIÁO (Monotheism). Danh từ Monotheism xuất phát từ tiếng Hy Lạp: "Mono" là Một, "Theo" là Thiên Chúa. Theo quan điểm của người Tây Phương thì Thiên Chúa Giáo, tức Độc Thần Giáo, gồm có 4 đạo:

1. Khởi đầu là đạo Do Thái Nguyên Thủy (Pre-Mosaic Judaism) là đạo thờ bò El.
2. Đạo Do Thái hiện nay do Moses lập ra từ năm 1250 TCN (Mosaic Judaism) thờ Jehovah.
3. Giữa thế kỷ 1 Đạo Kitô nguyên thủy xuất hiện và tồn tại đến đầu thế kỷ 4. Quan niệm về Thiên Chúa Ba Ngôi chưa thành hình. Đế quốc La Mã tiêu diệt các giáo phái Ki Tô nguyên thủy để lập ra đạo phục tùng đế quốc là Công Giáo La Mã. Quan niệm về Thiên Chúa Ba Ngôi xuất hiện trong Công đồng đầu tiên tại Nicaea năm 325 và phải đợi đến thế kỷ 5 quan niệm Thiên Chúa Ba Ngôi mới được kiện toàn bởi nhà thần học người Algeria là Augustine (396- 430).

Danh từ Công Giáo La Mã (Roman Catholic) có nghĩa là : một giáo phái Công Giáo, trong hệ thống Ki Tô Giáo, thuộc quyền cai quản của giáo hoàng ở Vatican. Ngoài Công Giáo La Mã còn có nhiều giáo hội Công Giáo khác không có liên hệ gì với Vatican như Công Giáo Hy Lạp (Greek Catholic), Công Giáo Ai Cập và Ethiopie (Coptic), Công Giáo Nam Phi với giám mục nổi tiếng Desmond Tutu v.v... Công Giáo La Mã cũng chỉ là một ngành lớn trong hệ thống Ki tô giáo. Ngoài Công Giáo La Mã ra còn có nhiều tôn giáo khác cũng là Ki tô giáo như Chính Thống Giáo, Anh Giáo và hàng vài trăm giáo phái Tin Lành độc lập khác. Các tự điển Anh Việt, Pháp Việt thường dịch Christianity (Pháp: Christianisme) là Thiên Chúa Giáo đều sai lầm vì căn ngữ của Christianity là Christ (chúa Kitô) do đó chúng ta nên dịch Christianity là Kitô Giáo, Christian là tín đồ đạo Kitô hoặc Kitô hữu. Kitô Giáo chỉ là một trong 3 ngành (lines) của Thiên Chúa Giáo mà thôi. Hai ngành kia là Do Thái Giáo và Hồi Giáo.

Thiên Chúa Giáo là sản phẩm văn hóa của Tây Phương, vậy muốn hiểu đúng nghĩa tôn giáo này, chúng ta nên hiểu Thiên Chúa Giáo là Độc Thần Giáo (Monotheism) theo quan điểm của họ. Quan điểm của Tây phương về từ ngữ HEATHEN cũng có một ý nghĩa đặc biệt. Nếu chúng ta dịch "heathen" là "ngoại đạo", chúng ta sẽ hiểu sai ý nghĩa đích thực của nó. Các tự điển Webster và American Heritage đều định nghĩa từ ngữ HEATHEN (noun) : anyone not a Jew, a Christian or Muslim. và HEATHEN (adj) : pagan, irreligious, uncivilized, barbarous.

Rõ ràng từ ngữ heathen (ngoại đạo) được dùng để chỉ những người hoặc những tôn giáo nằm ngoài hệ thống Độc Thần Giáo (bao gồm đạo Do Thái, đạo Kitô và Hồi). Đồng thời nó cũng cho ta thấy cách nhìn chủ quan rất cao ngạo của Thiên Chúa Giáo coi mọi người ngoại đạo là những kẻ ngu đốt, thiếu văn minh hoặc nói trắng ra là mọi rợ (barbarous). Thực sự Thiên chúa Giáo chỉ là

những biến thái của đạo thờ bò, chẳng có gì đáng làm cho họ hãnh diện.

I. ĐẠO DO THÁI

Trên phương diện lịch sử khách quan, Thiên Chúa Giáo đã khởi nguồn từ đạo thờ bò El của Abraham và biến thể thành đạo Do Thái của Moses. Đến thế kỷ thứ 2 TCN, Do thái Giáo bị phân tán thành 3 giáo phái là Pharisees, Sadducees và Essenes [Pha-ri-xi, Sa du-xi, Ét xen-ni]. Gia đình Jesus vốn theo giáo phái Pharisees là giáo phái chiếm giữ đền thờ Jerusalem nên cha mẹ Jesus thường đưa con đến đây dự lễ. Năm 30 tuổi, Jesus bỏ Pharisees theo giáo phái Essenes của John the Baptist và được John Baptist ban phép rửa tội trên sông Jordan để gia nhập giáo phái này. Từ đó, Jesus bị ảnh hưởng sâu đậm giáo lý của John nên ngày nay các học giả Tây Phương đã coi giáo phái Essenes là tiền thân của đạo Kitô. Họ gọi giáo phái Essenes là "Đạo Kitô trước Jesus" (Christianity before Jesus). Đạo Do Thái là gốc của Thiên Chúa Giáo hiện chỉ có 14 triệu tín đồ trên khắp thế giới.

II. ĐẠO KITÔ

Đạo Kitô không phải đã được sáng lập bởi Jesus. Cả đời Jesus chưa bao giờ nghe ai nói tới Ki Tô Giáo hay Công Giáo La Mã. Sau này Công Giáo La Mã đã cưỡng bách Jesus phải bỏ đạo Do Thái của Ngài để trở lại Đạo Công Giáo. Ki Tô Giáo được thành lập bởi Paul (tức Phao lô, sinh năm thứ 5 sau Công Nguyên, chết năm 67) nên các học giả Tây phương thường gọi Đạo Kitô là Thần học của Paul (The Pauline Theology). Lúc đầu đạo này lấy danh xưng là Kitô Giáo (Christianity) vì họ tôn Jesus lên làm Chúa Ki-tô và ghép liền hai từ này làm một thành Jesus-Christ (Giêsu Ki-Tô). Sau gần 3 thế kỷ, mặc dầu bị các hoàng đế La Mã giết hại rất nhiều, đạo Kitô vẫn bành trướng ra khắp đế quốc La Mã và các nước Cận Đông. Hoàng đế La Mã Constantine (285-337) nhận thấy không thể tiêu diệt đạo Kitô bằng vũ lực vì các tín đồ đạo này rất cuồng tín. Do đó, vào năm 313, Constantine đã quyết định bỏ lệnh cấm đạo Ki Tô. Năm 325 y triệu tập Công Đồng Nicaea để thống nhất và củng cố đạo Kitô nhằm mục đích biến nó thành một lợi khí xâm lược thế giới. Khẩu hiệu của y là **"IN HOC SIGNO VINCES": Với dấu hiệu Thánh Giá ta sẽ chiến thắng toàn cầu!**

Trong tình hình thế giới hiện nay, khối Ả Rập Hồi Giáo cuồng tín với chủ nghĩa khủng bố quốc tế đang đứng trước nguy cơ sẽ bị tiêu diệt bởi sức mạnh quân sự của Mỹ và đồng minh. Công Giáo La Mã bề ngoài có vẻ như vẫn còn nguyên vẹn, thực sự đầu não của nó là Tòa thánh Vatican đã bị đảo chánh trong Công đồng Vatican II vào tháng 10 năm 1962. Đó là "Cuộc Cách Mạng Tháng Mười" trong nội bộ Giáo Hội Công Giáo. Phe bảo thủ của cố giáo hoàng PIO XII và Spellman đã bị lật đổ. Cho nên các sản phẩm của tên giáo hoàng bạo chúa Mafia Pio XII và Spellman là anh em Kennedy và anh em Ngô đình Diệm đều bị thủ tiêu trong tháng 11- 1963. Giáo Hoàng Jean Paul II bề ngoài là kẻ đứng đầu Hội Thánh Công Giáo, nhưng thực sự y chỉ là một gã tài xế "lái xe theo kính chiếu hậu".

Ban tham mưu giấu mặt (faceless) điều khiển Giáo Hoàng và Giáo hội Công Giáo hiện nay là những Christkillers chủ tâm tiêu diệt Công Giáo theo mô hình từ trong ra ngoài và từ đỉnh đổ xuống. Đến một thời điểm thích hợp không xa, nhóm người minh triết cứu tinh nhân loại sẽ hướng dẫn Giáo Hoàng lái chiếc xe giáo hội Công Giáo La Mã lao xuống vực thẳm tự hủy. Đó là Ngày Tận Thế của Giáo Hội Tội Ác Công Giáo La Mã. Công Giáo La Mã hiện đang nằm trên miệng hố diệt vong.

Trong thế kỷ 21, hai tôn giáo lớn nhất của hệ thống Thiên Chúa Giáo là Công Giáo và Hồi Giáo nếu không bị tiêu diệt hoàn toàn thì cũng sẽ không còn là những lực lượng có đủ khả năng khuynh đảo tình hình thế giới như trước nữa. Đó là một thực tế không thể đảo ngược. Nhân loại nhờ đó sẽ có

được một cuộc sống mới thanh bình thịnh trị trong sự hòa hợp hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau để cùng xây dựng và phát triển văn minh hạnh phúc cho toàn thể giới, không phân biệt màu da, giai cấp, văn hóa... Nhân loại đã đến lúc tỉnh giấc ngủ mê để dành lại vườn địa đàng của mình từ tay những tên Thiên Chúa độc ác và giả tạo như Elohim, Jehovah, Allah của cái gọi là Kinh Thánh Cựu Ước.

III. ĐẠO HỒI

Đạo Hồi là đạo thứ ba trong hệ thống Nhất Thần Giáo. Thiên Chúa của đạo Hồi là Thiên Chúa của đạo Do Thái và đạo Kitô. Người Hồi Giáo cũng giống như Do Thái Giáo, phủ nhận ngôi thứ hai tức Jesus và ngôi thứ ba là Chúa Thánh Thần của đạo Kitô nên Thiên Chúa của Hồi Giáo và Do Thái Giáo là Thiên Chúa Duy Nhất (Unity God). Đạo Hồi chịu ảnh hưởng sâu đậm giáo lý của đạo Do Thái và đạo Kitô, do Mohammed sáng lập vào thế kỷ thứ 7. Đạo Hồi được truyền bá và phát triển phần lớn dựa vào bạo lực và chiến tranh. Đạo Công Giáo La Mã là một đế quốc tinh thần, luôn luôn bước song hành với các chủ nghĩa thực dân đế quốc. **Đạo Hồi và Công Giáo La Mã là hai kẻ thù lớn nhất của hòa bình thế giới. Cả hai đạo này đều là con đẻ của Do Thái nhưng đều đã quay ngược lại tiêu diệt Do Thái đến gần tuyệt chủng. Hai đạo này được ví như hai cái boomeranges của Do Thái vậy!**

Số tín đồ đạo Hồi hiện nay là 1 tỷ 128 triệu, đứng thứ nhì sau đạo Kitô (1 tỷ 955 triệu). Công Giáo La Mã là giáo phái có đông tín đồ nhất của đạo Kitô, Nó là con đẻ của chủ nghĩa đế quốc La Mã và cả chủ nghĩa thực dân cũ mới của Âu Châu. **Ngày nay, các chủ nghĩa đế quốc và thực dân đã suy tàn, đạo Công Giáo tất nhiên phải gánh chịu những hệ lụy của các chủ nghĩa thực dân đế quốc mà suy tàn theo. Đó là một thực tế của tiến trình tiến hóa tất yếu của lịch sử.**

Nói tóm lại, Thiên Chúa Giáo là một hệ thống gồm 3 tôn giáo chính yếu: Do Thái Giáo, Kitô Giáo [Công giáo và Tin lành] và Hồi Giáo. Cả 3 tôn giáo này đều bắt nguồn từ đạo Do Thái Nguyên Thủy (Pre-Mosaic Judaism) của các tổ phụ lập quốc Do thái là Abraham, Isaac và Jacob. Đạo Do Thái Nguyên Thủy thờ Thiên Chúa mang tên Elohim với hình tượng của ngài là con bò vàng. Đạo thờ bò đã tồn tại trong hơn 8 thế kỷ đầu của lịch sử nước Do Thái. **Các đạo thờ Thiên Chúa hiện nay chỉ là hậu thân của đạo Do Thái Nguyên Thủy. Nói đúng hơn, những đạo này chỉ là những biến dạng khác nhau của đạo thờ bò.**

1.3. ABRAHAM: ÔNG TỔ CỦA CÁC ĐẠO CHÚA

Các đạo thờ Chúa gồm đạo Do Thái, đạo Kitô và đạo Hồi đều có chung một ông tổ là Abraham. Abraham là người Do Thái, sinh trưởng tại thành phố Ur thuộc đế quốc Babylon, (hiện nay thuộc phía nam Iraq, gần giáp Kuwait) vào thế kỷ 20 trước công nguyên.

Theo các nhà khảo cổ thì, hiện tại vùng Lưỡng Hà Châu (Mesopotamia) là vùng đồng bằng được cấu tạo bởi hai con sông lớn Tigris và Euphrate, giống người Sumerians đã lập nên một nền văn minh quan trọng của thế giới cổ. Họ là những người đầu tiên xây cất những thành phố lớn, thời cổ gọi là những quốc gia đô thị (city-states) như UR, ERECH, KISH, BABYLON vào khoảng 4000 năm trước Công Nguyên. Tại những thành phố này, người Sumerians đã phát minh ra chữ viết, bánh xe, kỹ thuật luyện kim, vườn treo, những tháp Babel (trong kinh thánh Do Thái) những điều luật thành văn, thơ văn và rất nhiều huyền thoại. Trong số những huyền thoại của Sumerians có chuyện vườn Địa Đàng của đạo Do Thái sau này (Garden of Eden).

Năm 2300 trước Công Nguyên, giống dân Semitic-Akkadians tức giống Do Thái-Ả Rập dưới sự lãnh đạo của vua Sargon đã chiếm toàn vùng Lưỡng Hà Châu. Hai nền văn hóa Semitic - Akkadian và Sumerians hòa đồng và phát triển trong 300 năm. Tới năm 2000 trước Công Nguyên, giống dân Armonites chinh phục các quốc gia đô thị trong vùng Lưỡng Hà Châu và lập nên đế quốc Babylon. Họ chọn đô thị Babylon làm thủ đô cho cả đế quốc. Babylon hiện nay là vùng sa mạc, cách Baghdad thủ đô Iraq khoảng 80 dặm về phía nam. Những người sống trong đế quốc Babylon tin tưởng thủ đô của họ là nơi linh thiêng, là cái cổng của thiên đàng. Babylon được xây dựng như hình ảnh của nước trời (an image of heaven). Mỗi một ngôi đền, mỗi một ngọn tháp hay một khu vườn treo (hanging gardens) là một bản sao của các lâu đài trên thiên đàng (a replica of celestial palace). Tại các đền thờ, các tu sĩ làm lễ và đọc sách Thánh Kinh mà họ gọi là Enuma Elish. Thánh kinh thường được viết dưới dạng thơ có nội dung ca tụng các vị thần đã chiến thắng sự hỗn mang trong vũ trụ (the victory of the gods over chaos). Trong số các vị thần đó có thần El mà tượng của "ngài" là một con bò đực mạ vàng (the gilded bull). Babylon là tiếng ghép lại từ hai chữ Bab và Ili, có nghĩa là Cái Cổng của Trời (Gate of God). *"Tư tưởng cốt yếu của người Babylon là: không có vật gì tự nhiên mà có. Trước khi có thần thánh và con người, một vật tự hữu thiêng liêng đã có từ trước vô cùng"* (There was no creation out of nothing. Before either the gods or human being existed, a substance which was itself divine had existed from all eternity - A History of God p. 7). Đó là tư tưởng sơ khởi về một Thiên Chúa cho các đạo thuộc hệ thống Độc Thần Giáo sau này. Những quan niệm của người Babylon về thiên đàng, về thánh kinh, về đất thánh (Holy place) và về thần quyền (sacred power) là những yếu tố quan trọng làm nền móng cho cả 3 đạo Do Thái, Kitô và đạo Hồi.

Đế quốc Babylon được thành lập cách đây khoảng 4000 năm, nhưng trước đó có những thành phố khác trong đế quốc như thành phố Ur đã được xây cất từ năm 5500 TCN. Ur là một trong những thành phố cổ nhất thế giới vì tính tới nay thành phố này đã có 7500 tuổi! Thành phố Ur và toàn vùng Babylon đã bị hủy diệt do một trận lụt lớn gây ra vì sự đổi dòng của con sông Euphrate vào cuối thế kỷ thứ tư trước Công Nguyên, cả vùng này trở thành sa mạc vì thiếu nguồn nước. Các nhà khảo cổ gọi nền văn minh ở vùng này là "nền văn minh của dân Sumerian trước đế quốc Babylon" (the pre-Babylon Sumerian civilization). Chính tại thành phố Ur, các nhà khảo cổ đã tìm thấy những dấu vết về nhân vật Abraham (thực sự là những huyền thoại nói về Abraham) ông tổ chung của đạo Do Thái, đạo Kitô và đạo Hồi. Tại thành phố này, người Sumerians đã phát minh ra bánh xe, chữ viết, một giờ có 60 phút, vòng tròn có 360 độ. Thành phố này cũng đã phát sinh ra các bạo chúa (tyrants)

và các cuộc tàn sát đẫm máu về tôn giáo. Nhiều bạo chúa tại thành phố này đã tự xưng là thần thánh từ trời xuống cai trị muôn dân bằng thần quyền (to rule by divine right). Dân Sumerians biết luyện kim để đúc lưỡi cây khiến cho những cánh đồng của họ thêm màu mỡ và biết dẫn thủy nhập điền để tạo nên một nền nông nghiệp phồn thịnh. Tuy nhiên, họ cũng dùng luyện kim để đúc giáo mác và mũi tên đồng khiến cho những ruộng lúa xanh tươi của họ trở thành những cánh đồng máu (killing fields).

Giữa thế kỷ 19, các nhà khảo cổ Âu Châu đổ xô đến vùng Babylon khai quật tìm cổ vật. Họ đã mang về các nước Âu Châu không biết bao nhiêu di vật của nền văn minh rất lâu đời này: Những con bò đực mạ vàng (the gilded bulls), những phiến đá ghi chép các huyền thoại và các luật thời cổ. Có nhiều huyền thoại của dân Sumerians sau này đã đi vào kinh thánh của Do Thái. Các cổ vật tìm thấy ở Babylon đã mở toang cánh cửa bí mật của các đạo thờ Chúa [như đạo Tin Lành và Công giáo] bằng những hiện vật cụ thể và các tài liệu lịch sử thành văn (written history). Các cổ vật này cũng là những tài liệu vô cùng quý giá cho nhiều ngành nghiên cứu khoa học. Năm 1917, nhân dịp quân Anh đánh chiếm Iraq, một đoàn khảo cổ người Anh do nhà khoa học Leonard Wooley dẫn đầu, đã đến phía nam Iraq, gần giáp Kuwait, khai quật thành phố Ur chìm dưới lớp cát sa mạc. Giữa thập niên 60, nhiều đoàn khảo cứu khoa học của Mỹ đến vùng Babylon và Ur khai quật 25.000 địa điểm (identified sites) đã tìm thấy rất nhiều di vật của nền văn hóa cổ này. Họ đã giúp cho các nhà nghiên cứu hiểu thêm rất nhiều về nguồn gốc của các đạo thờ Chúa. Căn cứ vào các cổ vật và sử liệu khách quan, các nhà nghiên cứu đã xác định **Babylon mới thực sự là nơi xuất phát đầu tiên của các đạo Thiên Chúa**. Trước đó, mọi người đã lầm tưởng Jerusalem, thủ đô Do Thái, là thánh địa của các đạo này. Người Babylon quan niệm cuộc sống trên thế gian chỉ là tạm bợ, cuộc sống đời sau ở thiên đàng mới đích thực là hạnh phúc vĩnh cửu. Họ tin thế gian này sẽ bị tiêu hủy trong một lúc nào đó gọi là ngày tận thế. Sau ngày tận thế, nước trời sẽ được thiết lập ở thế gian. Hai ý niệm về thiên đàng và ngày tận thế luôn luôn quyện lại với nhau. Đó là những ý niệm xuyên suốt từ Babylon (Gate of God) qua Jerusalem và Vatican ngày nay.

Những tư tưởng đầu tiên của Abraham chưa hẳn là đã xác định có một Thiên Chúa Duy Nhất (The Only One God) mà ông ta chỉ có ý định chọn một vị thần mạnh nhất trong các vị thần của dân Sumerians để tôn thờ mà thôi. Vị thần mà Abraham chọn là thần El, một con bò đực mạ vàng. Hiện nay tại bảo tàng viện Baghdad có trưng bày tượng bò đực mạ vàng của dân Sumerians thuộc thời đại đế quốc Babylon (3000 TCN). Khoảng năm 2000 TCN, Abraham được tôn lên làm vị lãnh đạo các tộc trưởng Do Thái trong đế quốc Babylon (the leader of all patriarchs of Jews). Abraham dẫn dân Do Thái rời khỏi đế quốc Babylon về miền Đất Hứa là vùng Canaan, hiện nay được gọi là West Bank (tả ngạn phía Tây sông Jordan). Tại đây, Abraham đã kết hợp với các bộ lạc Do Thái khác với ý định thành lập một quốc gia cho các dân tộc Do Thái. Ông có nhiều vợ. Dân tộc Do Thái rất tự hào tự xưng là con cháu của Abraham (the children of Abraham) nhưng thuộc dòng Isaac, con trai của Abraham và bà vợ cả của Abraham là Sarah.

Các dân tộc Hồi Giáo Ả Rập cũng tự xưng là con cháu của Abraham, nhưng thuộc dòng Ismael, con trai của Abraham và bà vợ bé tên là Hagar. Sau khi sinh Isaac (có nghĩa là Tiếng Cuời) bà vợ cả Sarah thường hay ghen tương với bà vợ bé nên đã đòi Abraham phải ruồng bỏ Hagar và Ismael. Abraham cầu xin Chúa cho Ismael thì được Chúa hứa sẽ cho Ismael trở thành tổ phụ của một đại quốc gia sau này. Sau đó, Abraham đưa bà Hagar và con trai Ismael đến thung lũng Mecca. Tại đây có con suối thiêng Zamzam, hai mẹ con của Ismael được Thiên Chúa đích thân chăm sóc. Abraham thường hay đến thăm Ismael và hai cha con cùng xây nên đền Kabah là ngôi đền thờ Thiên Chúa

đầu tiên trên thế giới. Ismael trở thành tổ phụ của các dân tộc Ả Rập. (A History of God. p.154).

Những người theo đạo Kitô gốc Âu Mỹ hay Á Châu không có liên hệ huyết thống gì với Abraham, nhưng vì đạo Kitô cũng như đạo Hồi đều thoát thai từ đạo Do Thái nên những người theo đạo Kitô cũng coi Abraham như một vị thánh tổ phụ (Father). Trong sách kinh Nhựt Khóa của Tổng-giáo-phận Sài Gòn (trang 143-146) có "Kinh Cầu Cho Dân Nước Việt Nam Đặng Trở Lại Đạo Thánh" có đoạn như sau: "*Lạy Chúa, thuở Chúa mới giáng sanh, Chúa đã kêu gọi ba vua phương Đông đến thờ lạy chúa. Chúa đã phán rằng: ' Ngày sau sẽ có nhiều kẻ bởi Đông Tây đến nghỉ ngơi cùng thánh Abraham trên nước thiên đàng '. Nay nước Việt Nam cũng là một cõi Đông Phương đang còn nhiều kẻ tin vợ thờ quấy, chưa hề biết Đấng Chí Tôn. Xin Chúa hãy làm cho nó tìm đến cùng Chúa hầu ngày sau đặng nghỉ ngơi trên nước thiên đàng, chúc tụng không khen Chúa đời đời kiếp kiếp".*

Đối với đạo Hồi, Abraham là tiên tri thứ nhất, Moses là tiên tri thứ hai, kế đến là nhiều tiên tri Do Thái khác rồi mới đến Jesus. Mahomét (Ma-hô-mét) là tiên tri cuối cùng và lớn hơn hết của Thiên Chúa (The last and greatest prophet of God). Người Hồi Giáo không coi Jesus hay Mahomét là Thiên Chúa Hiện Thân (God Incarnate) mà chỉ coi những vị này là những con người bằng xương bằng thịt như chúng ta. Tuy nhiên họ tôn kính Mahomét là một vị đại thánh mà không một ai trên thế gian có thể sánh ngang với ngài về sự hiểu biết và quyền năng. Không một ai được Thiên Chúa mặc khải một cách hoàn hảo cho bằng Mahomét! (None is his equal either in knowledge or in authority. None has received or handed down so perfect a revelation).

Khác với Jesus, Mahomét không khoe khoang khoác lác mạo nhận là con Một (The Only Son Of God) hay con thứ của Thiên Chúa, không làm phép lạ để biểu diễn khả năng phù thủy bịp bợm, không lập ra các phép bí tích nhằm nhĩ và cũng không truyền chức cho ai độc quyền cai trị giáo hội và thế giới. Jesus dốt đặc cán mai nên không viết một chữ nào để lại cho hậu thế. Các lời Jesus nói đều do người khác gán cho. Mahomét là một thi sĩ đã viết kinh Coran trong 23 năm dưới dạng thi ca như David thuở xưa viết Psalm (Thánh Vịnh) ca ngợi Thiên Chúa. Nhưng ông ta khôn khéo không nhận mình là tác giả mà chỉ nhận mình là anh thư ký ghi chép lại các lời của Thiên Chúa do thiên thần Gabriel (Ga-bơ-ri-en) đọc cho ông ta viết mà thôi.

Trong kinh Coran, có đoạn Mahomét viết về thiên thần Gabriel như sau: "*Khi tôi đang trên đường lên núi thì bỗng nghe có tiếng nói từ trời xuống " Ôi Mahomet, con là vị tông đồ của Chúa, ta là Gabriel đây". Tôi ngẩng đầu lên để xem ai đang nói. Tôi thấy Gabriel là một người đàn ông với những bàn chân chấn ngang chân trời" (When I was midway on the mountain, I heard a voice from heaven saying : "Oh! Muhammad ! You are the Apostle of God and I am Gabriel". I raised my head toward heaven to see who was speaking and Gabriel in the form of a man with feet astride the horizon - A History of God p. 138)*

Trong niềm tin của đạo Hồi thì thiên thần Gabriel là Thánh Linh Thiên Chúa (The Spirit of God) mà Ki Tô Giáo gọi là Đức Chúa Thánh Thần (The Holy Spirit). Đạo Hồi là Đạo Thiên Chúa đúng nghĩa vì họ tin Thiên Chúa là Đấng chỉ có Một Ngôi Duy Nhất (The God of Islam is Unity God). Trái lại Ki Tô Giáo là đa thần giáo trá hình vì Thiên Chúa của Ki Tô Giáo là Thiên Chúa Ba Ngôi (The Christian God is Trinity God).

Về Abraham, trong Kinh Coran Mahomét viết như sau: "*Thiên thần Gabriel nâng tôi lên cao trong không khí. Trước hết ngài đưa tôi đến viếng Jerusalem, sau đó ngài đưa tôi qua 6 tầng trời. Đến tầng trời thứ 7 tôi gặp Adam tổ phụ loài người, thánh Gioan Baotixita (giáo chủ Essenes kiêm thầy dạy giáo lý cho Jesus) Enoch, Aaron, Moises, Jesus và Abraham. Cuối cùng tôi được gặp Thiên Chúa (God / Allah) và nói chuyện trực tiếp với Ngài. Chúa phán "Ôi Mohamét! Ta đón tiếp con như một người bạn cũng như trước đây ta đã đón tiếp Abraham như một người bạn vậy. Ta nói chuyện*

với con mặt đối mặt cũng như trước đây ta nói chuyện mặt đối mặt với Moises vậy." (Oh Muhammad! I take you as a friend, just as I took Abraham as a friend. I am speaking to you, just as I spoke face to face with Moises).

Tiếng Ả Rập KORAN có nghĩa là sự kể chuyện (Recitation). Những người Hồi Giáo coi kinh KORAN là những lời cuối cùng của Thiên Chúa dành cho loài người (Koran is the final words of God to mankind), là cuốn sách MẸ của mọi cuốn sách (The Mother of Books). Cũng như các đạo thờ Chúa khác, người Hồi Giáo tin Kinh Thánh của họ là chân lý tuyệt đối. Các kinh thánh ngoài đạo của họ đều là đồ giả mạo cần phải hủy diệt bằng bạo lực. Cũng như các tòa án dị giáo của Công Giáo La Mã chủ trương giết hết, đốt hết, phá hết tất cả những gì khác với giáo lý Công Giáo vậy.

Độc Thần Giáo, tức các đạo thờ Chúa (Monotheist religions /Abrahamic religions) bành trướng thế lực tôn giáo bằng chiến tranh máu lửa. Số tín đồ tăng lên theo nhịp độ phát triển của các chủ nghĩa đế quốc và thực dân cũ mới. Trải qua nhiều thế kỷ, ngày nay tổng số tín đồ của Độc Thần Giáo đã lên tới 3 tỷ 200 triệu trên tổng dân số nhân loại là 5 tỷ 804 triệu (*The World Almanach and Books of Facts 1998*). Hai tôn giáo lớn nhất của hệ thống Độc Thần Giáo hiện nay là Công Giáo La Mã với gần 1 tỷ tín đồ, kế đến là giáo phái Hồi Giáo Sunny với 936 triệu tín đồ. Các con số tín đồ đông đảo không nói lên giá trị của các tôn giáo này vì họ là những khối người khổng lồ luôn luôn dốc phần lớn sinh lực của họ để tìm cách tiêu diệt lẫn nhau và phá hoại hòa bình thế giới. Năm 383, triều đại con cháu của Constantine đã đổi tên Kitô Giáo thành Công Giáo (Cattolica) có nghĩa là tôn giáo toàn cầu (universal church). Danh từ "Công Giáo" nói lên ý đồ nham hiểm thâm độc của Đế quốc La Mã nhắm tới sự nô lệ hóa toàn cầu dưới chiêu bài tôn giáo. Vì vậy nếu hiểu Công Giáo chỉ đơn giản là quốc giáo "state religion" hoặc đạo công cộng "public religion" là chưa đánh giá đúng mức tim đen của đế quốc. Những danh từ phiên âm như đạo Gia tô hay đạo Ca Tô Rô Ma đều làm chúng ta quên đi ý đồ nham hiểm của đạo Công Giáo Vatican.

Với thời gian, do sự mâu thuẫn trong việc giải thích Kinh Thánh và tranh chấp quyền lợi vật chất giữa các giới lãnh đạo chóp bu, đạo Công Giáo đã bị phân hóa thành nhiều ngành (lines) :

1. Công Giáo La Mã còn được gọi là Giáo hội Tây Phương (Roman Catholics / Western Church) hiện có 981 triệu tín đồ (the main line of Christianity)
2. Công Giáo Đông Phương (Eastern Church) là Chính Thống Giáo (Greek Catholics or Orthodox) chính thức tách rời khỏi Công Giáo La Mã vào năm 876. Số tín đồ hiện nay khoảng 218 triệu, đa số tại nước Nga, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ và Đông Âu (Bulgary, Serbia, Armenia)
3. Công Giáo Anh còn được gọi là Anh Giáo (British Catholics or Anglicanism) có khoảng 69 triệu tín đồ tại Anh, Úc, Tân Tây Lan, Canada và Mỹ. Chính thức tách rời khỏi Công Giáo La Mã năm 1539.
4. Các giáo phái Tin Lành : Danh xưng chính thức của Tín Đồ Tin Lành là "Những Kẻ Chống Công Giáo La Mã" (Protestants). Đạo Tin Lành là "Đạo Chống Công Giáo La Mã" (Protestantism). Việt Nam là nước duy nhất trên thế giới chẳng giống ai gọi họ là Tin Lành (Good News), nhưng thực tế chẳng có gì lành. Khoảng đầu thế kỷ 20, nhiều người Công Giáo Việt Nam gọi họ là những kẻ theo "Đạo Thệ Phản". Sau này không thấy ai xử dụng danh từ "Đạo Thệ Phản" nữa, có lẽ vì danh từ này mang tính kỳ thị tôn giáo (? + ! . . .).

Công Giáo La Mã, Chính Thống Giáo và Anh Giáo có thể được gọi chung là Công Giáo (Catholicism) vì các lý do sau đây:

1. Giáo lý của 3 tôn giáo này rất tương đồng

2. Cả 3 tôn giáo đều thờ ảnh tượng Chúa và các thánh. Bước chân vào giáo đường của 3 tôn giáo này ta rất khó phân biệt. Khác hẳn với các giáo phái "Tin Lành" tuyệt đối không thờ ảnh tượng. Họ chỉ xử dụng cây thánh giá trơn (không có tượng Chúa) làm biểu tượng mà thôi.

3. Cả 3 đạo Công Giáo này đều thờ Bà Maria và tin bà còn đồng trinh (virgin) sau khi sinh Chúa Jesus. Người theo đạo Tin Lành tin Chúa Jesus là Thiên Chúa hóa thân nhưng không tin bà Maria đồng trinh vì ngoài Chúa ra, bà Maria còn sinh 3 trai và 3 gái với ông Joseph. Người Hồi Giáo cũng tin bà Maria đồng trinh nhưng phủ nhận bản tính Thiên Chúa của Jesus, họ chỉ coi Jesus là tiên tri đứng sau tiên tri Mahomét.

4. Ba đạo Công Giáo nói trên đều có giáo đô riêng. Công Giáo La Mã có giáo đô tại Vatican (một lãnh địa tự trị tách ra khỏi thủ đô La Mã của nước Ý). Giáo đô của Chính Thống Giáo đặt tại Constantinople (nay là Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ). Giáo đô Anh Giáo đặt tại Canterbury Anh quốc. Các giáo phái Tin Lành không có giáo đô.

5. Các đạo Công Giáo có hàng giáo phẩm được truyền chức để làm lễ (mass) biến bánh và rượu thành máu và thịt của Chúa Jesus. Hàng giáo phẩm Công Giáo La Mã và Công Giáo Hy Lạp (Chính Thống Giáo) đều là nam giới. Riêng Công Giáo Anh có nữ linh mục, cũng làm lễ như nam linh mục và có chồng con. Con số nữ linh mục Anh Giáo tại Anh, Úc, Canada và Mỹ hiện nay lên tới khoảng 2000 người.

Tất cả các người theo đạo Kitô (Christians) không thuộc 3 giáo hội Công Giáo nói trên đều được gọi chung là Tin Lành (protestants). Số tín đồ Tin Lành hiện nay lên tới 686 triệu. Các mục sư không làm lễ, chỉ giảng thánh kinh mà thôi.

Trong những thế kỷ trước, người Việt Nam gọi đạo Công Giáo La Mã là Đạo Da-Tô hay Gia Tô. Da-Tô là tiếng chữ Hán phiên âm chữ Jesus. Đạo Da-Tô có nghĩa là đạo thờ Jesus. Trong Kinh Cảm Tạ Cầu Hồn viết bằng Hán tự mà các giáo dân Bùi Chu Phát Diệm và Thái Bình ngày nay vẫn còn đọc trong các đám giỗ, có câu: "Thần Chúa Da-Tô thực tội thi ân chỉ đại" nghĩa là "Lạy Chúa Giê-Su chuộc tội và ban ơn rất lớn".

1.4. Thiên Chúa Elohim của Đạo Do Thái Nguyên thủy (Pre-Mosaic Judaism)

Đạo Do Thái được chia ra làm hai thời kỳ rõ rệt. thời kỳ đầu được gọi là Đạo Do Thái trước Moises (The Pre-Mosaic Judaism) do Abraham sáng lập khoảng năm 2000 TCN. Thời kỳ sau được gọi là đạo Do Thái của Moises hay là Đạo Mai-sen (The Mosaic Judaism) do Mai-sen canh cải từ đạo Do Thái nguyên thủy của Abraham (năm 1250 TCN) mà ra.

Đối với người Do Thái, Abraham và con trai là Isaac, cùng với cháu nội là Jacob được coi là 3 vị tổ phụ lập quốc và lập đạo Do Thái. Họ gọi chung các vị này là "các thánh tổ phụ" (The Fathers).

Theo Cựu Ước, dòng họ Abraham là những người chăn cừu chuyên nghiệp cha truyền con nối. Sau này, đến đời Vua Salomon, một người cháu của dòng tộc Abraham là Job làm chủ một đàn cừu lên tới 14.000 con. Job cung cấp cho triều đình nhà vua 100 con mỗi ngày. Các chủ nhân thuê nhân công trong đám dân hạ tiện sống cô đơn ở những nơi hoang dã để chăn cừu cho họ. Vũ khí của những công nhân chăn cừu là những cái ná làm bằng da dê dùng để liệng những hòn đá to bằng nắm tay có thể giết người hoặc thú dữ (tương tự như cái ná vua David dùng để giết Goliath trong phim David and Bethsabe). Vũ khí thông thường nhất là một cây gậy dài có đóng đinh sắt ở đầu. Với cái gậy này, các người chăn cừu có thể chống cự các thú dữ ở sa mạc như sói, sư tử, gấu, linh cẩu và sơn cẩu. Thức ăn của họ là olive, chà là, phó mát, sữa và bánh mì. Vì ở sa mạc không mưa nên họ chỉ làm những mái rạ sơ sài để che nắng. Bình thường, họ ngủ ngoài trời bên cạnh bầy cừu bầy dê của họ. Vì quen sống giữa cảnh thiên nhiên bao la, họ thường nhìn lên trời ngắm trăng sao và hay tưởng tượng đến các vị thiên thần từ trời xuống báo tin này tin nọ. Ba đạo thờ Chúa đều bị ảnh hưởng bởi đời sống của giống dân du mục Do Thái nên trong Kinh Thánh của các đạo này thường nói đến thiên thần báo tin về những điềm lạ sẽ xảy tới. Đặc biệt trong cả 3 đạo này, các vị lãnh đạo tôn giáo thường được ví như những con chiên (lambs) tức cừu non. Họ thường giết dê hay cừu để làm vật hy sinh tế thờ Thiên Chúa. Sau này, những người Ki Tô Giáo coi Chúa Jesus như một vị hy sinh mạng sống để chuộc tội nhân loại nên ví ngài như một con Chiên của Đức Chúa Trời (The Lamb of God) hoặc gọi ngài là Đấng Chăn chiên lành (The Good Shepherd).

Huyền thoại giáng sinh của Jesus cũng là một cảnh sống của dân du mục: Máng cỏ hang lừa, ngôi sao lạ, Jesus sinh ra giữa đêm đông lạnh lẽo được bò lừa kéo đến hà hơi sưởi ấm... Các giám mục hồng y và giáo hoàng mỗi khi làm lễ thường mang một cây gậy mạ vàng tượng trưng cho cây gậy chăn cừu của dân du mục Do Thái thời xưa. Các danh từ giám mục, linh mục hay mục sư đều có ngụ ý "chăn dắt" con chiên. Mối tương quan giữa các tu sĩ lãnh đạo và đám giáo dân là mối tương quan giữa những ông chủ và bầy súc vật vừa non nớt vừa ngu dại như bầy cừu non (chiên). Bồn phận của giáo dân là phải vâng lời các cấp lãnh đạo tinh thần của mình, nếu bất tuân sẽ bị ghép vào tội kiêu ngạo hoặc nặng hơn là "đám phản nghịch cùng Chúa"! Đó là thói quen của các tu sĩ Công Giáo La Mã đối với giáo dân trong những thế kỷ trước. Ngày nay, cách đối xử tuy có bớt xa cách nhưng trong các cộng đoàn Công Giáo Việt Nam, nhiều giáo dân lớn tuổi vẫn quen với thái độ khúm núm mỗi khi tiếp xúc với các cha cố trẻ tuổi chỉ đáng tuổi con cháu của họ. Cũng như tổng thống Diệm là quốc trưởng một nước vẫn thản nhiên khom lưng cúi xuống hôn tay những Hồng y của Vatican vậy!

Những người du mục Do Thái quen sống trong vùng sa mạc Syro-Arabi có nhiều núi đá. Tự nhiên họ có lòng tôn sùng đặc biệt đối với những cột đá lớn, những đồng đá cao hoặc những núi đá. Đối

với họ, đá là biểu hiện của sự trường cửu và thiêng liêng. Tâm lý này được thể hiện trong đạo Do Thái và đạo Hồi. Vật thiêng liêng nhất được tôn thờ tại đền thánh Jerusalem là Bia Thánh (Sacred Stone). Nơi linh thiêng nhất của đạo Hồi là thánh địa Mecca ở Saudi Arabia, tại đây một tảng đá đen khổng lồ hình khối được gọi là Ká-Ba, tượng trưng cho Thiên Chúa, được cả thế giới Hồi Giáo ngưỡng mộ. Tảng đá đen Ká-ba được phủ lụa đen. Các người Hồi Giáo từ khắp nơi kéo đến hành hương, ít nhất một lần trong đời, chỉ cốt được chạm tay vào tảng đá này! Những người đàn ông mặc áo dài trắng hoặc đen, đàn bà phủ khăn trùm đầu, tất cả tạo thành những vòng tròn chung quanh tảng đá theo các vạch kẻ sẵn để cầu nguyện. Đoàn hành hương đi vòng quanh tảng đá 7 lần, tượng trưng cho 7 tầng của Thiên đàng. Đến hết vòng 7, họ ôm lấy tảng đá và hôn. Đó là ước vọng cao quý và thiêng liêng nhất trong đời của mọi người Hồi Giáo trên khắp thế giới.

Vị Thiên Chúa mà Abraham, Isaac và Jacob tôn thờ là thần El-Shaddai. Shaddai có nghĩa là đá. Thần El-Shaddai là vị thần của đá (El of the Rock). Khi ca hát để chúc tụng thiên chúa El, họ gọi ngài là Eloa. Dân Sumerians tôn thờ thần El từ khoảng năm 5500 TCN, tức trước khi có đế quốc Babylon. Tiếng Semitic (Do Thái) gọi EL là Elim. Elim là danh từ số ít, Elohim là danh từ số nhiều nhưng lại nghĩa là MỘT (Elohim is one) vì Elohim bao hàm ý nghĩa thần El là vị thần của tất cả mọi sự (The All-God). Thần El là Toàn Thể (The one who is All) gần tương tự như Toàn Năng (The Almighty-The Absolute Power). Thần El là vị thần chân thực của các thần (The one true God of gods) là vị thần được mọi người gọi bằng nhiều tên khác nhau nhưng sự thực chỉ là một (many names of the one true God). Thần El là tổng thể của mọi sự thiêng liêng (The totality of the Divine).

Các công trình nghiên cứu cổ vật đã khai quật được tại Iraq, Palestine và Syria cho thấy đạo thờ một thiên chúa đầu tiên là đạo thờ thần Elohim của Abraham. Abraham là người đầu tiên có ý kiến chỉ thờ một vị thiên chúa duy nhất. Đến đời cháu nội của ông là Jacob, đầu thế kỷ 19 TCN, toàn thể 12 bộ lạc Do Thái dưới sự lãnh đạo của Jacob đã di cư về đồng bằng sông Nil (Ai Cập) và định cư tại đây nhiều thế kỷ. Sau khi thống nhất các bộ lạc Do Thái thành một quốc gia, Jacob đặt tên nước Do Thái là Isra-El để vinh danh thần El. Jacob đã thuyết phục các bộ lạc Do Thái gạt bỏ mọi thần khác mà chỉ tôn thờ thần Elohim dưới hình tượng con bò đực. Thường là tượng bò đực mạ vàng (the gilded bull) hoặc có khi là tượng đúc bằng vàng (the molten bull). Đạo thờ bò của Do Thái kéo dài 750 năm. Đến 1250, đạo này biến thể.

1.5. THIÊN CHÚA JEHOVAH CỦA ĐẠO DO THÁI MAI-SEN (MOSAIC JUDAISM)

Kinh thánh Do Thái Genesis (18:23) (sáng Thế ký chương 18, đoạn 23) kể rằng: Sau khi Abraham và Isaac chết, nước Israel dưới sự cai quản của Jacob bị lâm vào nạn hạn hán mất mùa khiến nhiều người chết đói. Jacob dẫn dân Israel di cư đến vùng đồng bằng phì nhiêu Goshen, phía Bắc Ai Cập giáp Địa Trung Hải. Họ định cư tại đây và toàn dân đoàn kết nhất trí theo một tôn giáo thờ Thiên Chúa Elohim (Bull). Cuộc sống của họ diễn ra trong hòa bình và thịnh vượng, kéo dài được hơn 300 năm. Vào năm 1580 trước Công Nguyên, đất nước của họ bị Ai Cập xâm chiếm và đày đọa. Hơn hai thế kỷ sau, vào đầu thế kỷ 13 trước Công Nguyên, vua Ramses của Ai Cập (1304-1237 TCN) với tham vọng xây dựng Kim Tự Tháp và nhiều đền đài dinh thự đã ra lệnh bắt toàn dân Israel làm nô lệ. Dân tộc Israel bỗng nhiên trở thành một tập đoàn lao công khổ sai dưới những lần roi và gươm giáo của lính Ai Cập. Vào khoảng năm 1250 TCN, Moses (Thánh Mai-sen) xuất hiện như một vị anh hùng dân tộc Do Thái. Moses củng cố sức mạnh dân tộc bằng cách hô hào toàn dân Do Thái đoàn kết trong niềm tin vào một Thiên Chúa Duy Nhất (Unity God). Toàn dân Do Thái chỉ có một tôn giáo gọi là "đạo của người Do Thái" (Israelite religion) dựa trên căn bản một Giao Ước Tưởng Tượng (Covenant/Testament) giữa Thiên Chúa và Dân tộc. Theo giao ước này thì dân tộc Do Thái chỉ tôn thờ một Thiên Chúa, ngược lại Thiên Chúa sẽ chọn Do Thái làm dân riêng của Ngài (Chosen People). Giao ước giữa Thiên Chúa và dân tộc Do Thái được tóm tắt như sau: Thiên Chúa ban ơn hoặc trừng phạt dân tộc Do Thái tùy theo sự trung thành của họ đối với Thiên Chúa (God bless or punish them according to their faithfulness to Him). Quan niệm về sự giao ước giữa Thiên Chúa và con người là một nét đặc thù của đạo Thiên Chúa. Sau này, đạo Kitô đưa ra một giao ước bịa đặt mới: Jesus là con một của Thiên Chúa xuống thế làm người và chịu chết để chuộc tội thiên hạ. Ai tin Ngài sẽ được cứu rỗi, ai không tin điều này sẽ bị sa hỏa ngục đời đời. Người Kitô Giáo gọi giao ước này là Tân Ước (New Covenant, New Testament) và gọi giao ước của đạo Do Thái là Cựu Ước (Old Testament).

Trước khi Moses xuất hiện, tư tưởng về một Thiên Chúa Duy Nhất (The Only God) chỉ có ý nghĩa tiềm ẩn (implicit) mà thôi. Từ thời Abraham đến thời Moses (2000-1250 TCN), người Do Thái thờ Thiên Chúa Elohim vì họ tin Ngài tuy không là vị thần duy nhất nhưng là "vị-thần-cao-nhất" trong tất cả các thần.

Moses (mai-sen) đưa ra ý niệm: Dân tộc Do Thái với Thiên Chúa có một sự giao ước thiêng liêng và cực kỳ nghiêm ngặt được ràng buộc bằng máu. Tới đời Mai-sen, tư tưởng Độc Thần Giáo (monotheism) vẫn chưa thực sự thành hình. Phải đợi nhiều thế kỷ sau, nhiều thần học gia Do Thái (thường được gọi là các tiên tri) đưa ra những ý niệm về Thiên Chúa Duy Nhất một cách rõ ràng hơn, lúc đó Độc Thần Giáo, hoặc Nhất Thần Giáo (Monotheism) tức Thiên Chúa Giáo mới thực sự ra đời.

Điều quan trọng nhất là Moses đã biến đạo Do Thái của các tổ phụ thành một "Tôn giáo của Luật". Căn bản Thánh Kinh của đạo Moses là "Torah" có nghĩa là Luật (law) được tóm tắt trong kinh Mười Điều Răn (The Ten Commandments). Hai điều đầu tiên quan trọng nhất:

1. Tôn thờ một Thiên Chúa trên hết mọi sự và kính mến Ngài hơn bất cứ ai.
2. Không được kêu tên Ngài (Elohim) và không được thờ ảnh tượng của Ngài (tượng con bò đực

bằng vàng hoặc mạ vàng). Thay vì gọi tên Ngài là Elohim thì gọi Ngài bằng **Jehovah**, tiếng Do Thái có nghĩa là "Thiên Chúa của các tổ phụ" (God of Fathers). Jehovah không phải là tên mới của Thiên Chúa mà chỉ là một cách "nói về Ngài mà không phải kêu tên của Ngài" (tên hý). Trong khi cầu nguyện, người Do Thái thường cũng không gọi Ngài là Jehovah mà dùng tiếng Adonai, có nghĩa là Chúa (Lord).

Kinh Mười Điều Răn được triển khai trong kinh Torah và nhiều kinh khác biến thành những bộ luật lên tới 500 - 600 điều khoản. Có những điều khoản rất chi tiết chi phối đời sống người Do Thái. Chẳng hạn:

- Không ai được đến Đền Thờ Cầu Chúa mà đi tay không (None may visit me empty-handed)
- Khi dâng cúng hiện vật phải chọn hoa trái đầu mùa, thú vật đầu lòng (cừu, dê đầu lòng).
- Khi tế lễ phải lấy máu súc vật (vật hy sinh) rưới lên bàn thờ và phải đọc sách kinh thánh cho mọi người cùng nghe).

Moses đã đưa ra một khuôn mẫu của nghi lễ tôn thờ Thiên Chúa mà sau này đạo Kitô, nhất là Công Giáo La Mã, đã bắt chước gần giống hệt. Moses thiết lập bàn thờ, thường ở chân núi, giết súc vật tại chỗ lấy máu rưới lên bàn thờ và lên mọi người. Ông đọc một đoạn Kinh Thánh cho mọi người nghe rồi nói: Đó là lời Chúa đã ra lệnh, chúng ta phải vâng lời (All that the Lord has directed, we will obediently do). Sau đó, Moses nói tiếp: Đó là máu của sự giao ước mà Thiên Chúa đã đặt ra trên căn bản của những luật lệ (Behold the Blood of the Covenant which the Lord has made with you on the basis of all these regulations). Hành động rưới máu lên bàn thờ và lên mọi tín đồ ngụ ý hai thứ máu đó là Một, không thể tách rời. Luật của Chúa là sự ràng buộc giữa mọi tín đồ đối với Thiên Chúa được thiết lập bằng sinh mạng. Đạo Công Giáo La Mã không giết súc vật để tế vì chính Chúa Jesus đã là một của lễ hy sinh cao quý nhất. Chúa Jesus là con của Thiên Chúa đã chịu chết để chuộc tội thiên hạ (Họ phạ ra như thế) nên Chúa Jesus được vinh danh là Con Chiên Thiên chúa (The Lamb of God). Bánh lễ ở nhà thờ được thay thế cho thịt, và rượu nho thay thế cho máu của Chúa Jesus. Khi truyền phép Mình Thánh và Máu Thánh Chúa trong buổi lễ, các linh mục cũng đọc : "*Đây là giao ước mới...*"

Truyền thuyết về cuộc đời của Moses được thuật lại trong sách Exodus (Ê-díp-tô ký) và Numbers (Dân số ký) được viết vào các thế kỷ từ 8 đến 6 TCN (tức sau khi Moses chết từ 4 đến 6 trăm năm) như sau:

Khoảng thế kỷ 13 trước Công nguyên, số dân Do Thái nô lệ ở Ai Cập tăng lên rất đông, Vua Pharaoh của Ai Cập sợ dân Do Thái sẽ nổi loạn nếu lỡ xảy ra chiến tranh giữa Ai Cập với các nước khác. Để tránh dân Do Thái kết hợp với kẻ thù chống lại Ai Cập, Pharaoh ra lệnh giết hết các bé trai Do Thái mới sinh bằng cách ném xuống sông Nil. Lúc đó Moses được 1 tháng tuổi. Cha mẹ của Moses không thể giấu con được nên đã đặt Moses nằm trong cái thùng đan bằng cây sậy (papyrus reeds) thả xuống sông Nil. Vừa đúng lúc con gái của vua Ai Cập cùng đoàn tùy nữ ra sông tắm đã phát giác ra đứa bé và mang về nuôi. Công Chúa Ai Cập đặt tên cho đứa bé là Moses, có nghĩa là VỐT ĐƯỢC (Drawn out). Sau này lớn lên, Moses trở thành một thiếu niên tuấn tú, cao lớn vạm vỡ và rất thông minh. Một hôm tình cờ thấy 1 lính Ai Cập đánh đập một người Do Thái, Moses nổi giận giết chết tên lính đó. Vì sợ bị bắt về tội giết người, Moses bỏ trốn bằng cách bơi qua Hồng Hải sang nước Midian. Trong lúc đang bơ vơ nơi xứ lạ, Moses may mắn gặp tu sĩ người Midian tên là Jethro và được tu sĩ này dẫn về nhà nuôi. Ít lâu sau, Moses lấy con gái của Jethro tên là Zipporah và có 2 con với cô này. Moses được bố vợ giao cho một đàn dê cừu đem lên núi Sinai để chăn nuôi. (Núi

Sinai ở Tây Nam Biển Chết, hiện ở chân núi có một giáo đường Công Giáo La Mã). Câu chuyện huyền thoại được kể tiếp, một hôm, trong khi đang chăn bầy gia súc, Moses bỗng nghe có tiếng nói lạ trong bụi rậm: "*Moses! Moses! Ta đây! Người chớ đến gần Ta. Hãy cởi dép ra vì đây là Đất Thánh*". Moses sợ hãi không dám nhìn vì biết đó là tiếng nói của Thiên Chúa Elohim (E-lô-him). Thiên Chúa nói tiếp: "*Ta đã nhìn thấy cảnh khốn cùng của Dân riêng ta ở Ai Cập. Ta đã nghe tiếng la khóc của Dân ta dưới sự áp bức của quân thù. Ta từ trời xuống đây để cứu Dân ta ra khỏi Ai Cập và đưa các con ta đến vùng đất rộng rãi tốt đẹp, vùng đất có nhiều sữa và mật ong, đó là vùng đất của người Canaanites. Nay ta sai con đến gặp Pharaoh và giao nhiệm vụ cho con phải dẫn dân của ta, Israel, ra khỏi Ai Cập để về miền đất ta đã hứa*".

Moses hỏi Thiên Chúa: "*Con phải cho dân Do Thái biết Ngài là ai, vậy con phải nói tên Ngài là gì? Thiên Chúa trả lời: "Con hãy nói nói họ rằng THIÊN CHÚA CỦA TỔ PHỤ CÁC NGƯỜI đã sai con đến với họ"* (The God of your Fathers has sent me to you). Thiên Chúa của các tổ phụ Do Thái là Elohim, nhưng Moses rất sợ Thiên Chúa nên không dám kêu tên Ngài. Thiên Chúa đã dạy cho Moses gọi Ngài là Thiên Chúa của các tổ phụ, tiếng Do Thái là Yahweh (ya-wê), Hy Lạp phiên âm thành Jehovah (Gê-hô-va). Moses hỏi vắn Chúa để được biết thêm về Ngài thì Chúa trả lời: *Ta là Ta, Đấng Tự Hữu* (I am what I am, I am HE that causes to be). Thấy Moses không thỏa mãn về câu trả lời của Chúa, Ngài phán thêm: "*Vậy con hãy nói với dân Do Thái ta là Yahweh (Jehovah) đã sai con đến với họ*". Khi Chúa nói *Ta là Ta, đấng Tự Hữu* là ám chỉ Ngài là Đấng Tạo Hóa (Creator).

Đây là một bước tiến mới trong quan niệm về Thiên Chúa. Với Abraham, Elohim là vị thần mạnh nhất trong các thần. Với Moses, Elohim (tức Jehovah, Thiên Chúa của Abraham, Isaac, Jacob) là Đấng Tạo Hóa.

Câu chuyện được kể tiếp: Tuân lệnh Thiên Chúa, Moses vội vàng từ Midian vượt Hồng Hải trở về Ai Cập thuyết phục toàn dân Do Thái thực hiện kế hoạch VƯỢT BIỂN (Passover). Moses đến gặp vua Pharaoh (Pha-rao) để yêu cầu vua cho dân Do Thái tự do rời khỏi Ai Cập. Vua Pharaoh từ chối, Moses cầu xin Chúa cứu giúp, Chúa sai thiên thần xuống giết chết hết các đứa con đầu lòng của Ai Cập (Egypt's first born children). Vua Pharaoh sợ quá vì chính vua cũng là con đầu lòng nên miễn cưỡng cho phép dân Do Thái ra đi. Moses dẫn dân Do Thái vượt qua Biển Đỏ để sang phần đất hứa là Canaan. Lúc đoàn dân Do Thái tới Hồng Hải thì vua Pharaoh cho quân lính rượt theo. Thiên Chúa hóa phép cho nước biển Hồng Hải rẽ ra thành đường đi an toàn cho đoàn dân Do Thái vượt qua. Đoàn quân của Ai Cập thấy vậy cũng chạy xuống con đường đó, nhưng tới khi toàn bộ đoàn quân đang ở dưới đáy biển thì nước hai bên ập lại khiến tất cả đều bị chết đuối. Toàn dân Do Thái vượt biển an toàn đến miền đất Do Thái hiện nay. Từ đó ngày lễ Vượt Qua (Passover) là ngày lễ lớn nhất của Do Thái để kỷ niệm biến cố này. Moses và dân Do Thái tung hô cảm tạ ơn Chúa và vinh danh Ngài là Thiên-Chúa-Của-Các-Đạo-Binh (God of the Armies) tương tự như thần Chiến Tranh (Mars) của Cổ Hy Lạp. Sách kinh Công Giáo cũng bắt chước lời cầu nguyện này của người Do Thái nên mới có câu: "*Thánh , thánh , thánh, Chúa là Thiên Chúa các đạo binh. Đất trời đầy vinh quang Chúa. Hoan hô Chúa trên các tầng trời.*"

Thiên Chúa của Do Thái và Công Giáo rất ích kỷ và tàn bạo vì chỉ biết bênh vực những kẻ thờ Ngài và thẳng tay tàn sát những kẻ ngoại đạo. Vậy mà người ta vẫn luôn luôn ca ngợi Thiên Chúa "*lòng lành vô cùng*"! Thảo nào Chúa và tín đồ đạo Chúa đều tàn bạo và độc đoán giống nhau . . như đức !

Câu chuyện dân Do Thái được Thiên Chúa rẽ nước Hồng Hải để cứu họ thoát ách nô lệ Ai Cập chỉ là chuyện thần thoại. Theo lịch sử của Ai Cập, vào thế kỷ 13 TCN, quân của vua xứ Lybia kéo đến tàn phá Ai Cập. Trong khi đó thì bọn cướp biển từ Bắc Âu (tổ tiên của Vikings) đem hàng đoàn

thuyền vào chiếm đóng các cửa sông trông coi đám nô lệ Do Thái và tạo cơ hội cho họ bỏ trốn.

Câu chuyện Vượt Biển (Passover) gắn liền với chuyện Mười Điều Răn (The Ten Commandments) được kể lại trong Kinh Thánh Exodus (Ex. 34) như sau:

Một hôm, Chúa phán với Moses: *"Con hãy lấy hai tảng đá đem lên núi Sinai. Không một ai được cùng đi với con. Không một súc vật nào được ăn cỏ quanh núi"*. Moses tuân lệnh đi tìm hai tảng đá và báo cho dân Do Thái biết ông ta sẽ lên núi chờ lệnh Thiên Chúa vào sáng hôm sau. Sáng sớm hôm sau, Moses tắm rửa sạch sẽ rồi mang hai tảng đá lên núi Sinai. Khi leo tới đỉnh núi, Moses thấy Thiên Chúa từ trời xuống theo đám mây. Moses sợ hãi cúi rạp xuống đất thờ lạy Chúa. Chúa dùng ngón tay của Ngài viết 10 điều răn lên hai tảng đá, mỗi tảng ghi 5 điều. Nhận hai tảng đá ghi luật của Chúa xong, Moses ở lại cảm tạ ơn Chúa trong nhiều ngày. Dân Do Thái qui tụ đông đảo ở gần chân núi Sinai đón chờ Moses, nhưng đã nhiều ngày không thấy ông ta xuống. Đám đông dân chúng chạy về nhà kiếm người anh trai của Moses là Aaron (the elder brother of Moses) để yêu cầu Aaron lãnh đạo Do Thái thay thế Moses. Aaron nhận lời và ra lệnh cho mọi người: *"Hãy tháo mọi đồ nữ trang từ tai các con gái và vợ của các người rồi gom hết lại nộp cho ta"*. Mặc khác, Aaron ra lệnh lập một lò đúc và khuôn rồi cho hết số vàng thu góp được vào lò nấu chảy. Cuối cùng, dân Do Thái đúc được một tượng con bò đực to hoàn toàn bằng vàng thật.

Aaron ra lệnh lập một bàn thờ ở chân núi Sinai và đặt tượng bò lên. Aaron tuyên bố ngày hôm sau sẽ là ngày đại lễ để dân Do Thái tạ ơn Chúa Elohim. Sáng hôm sau, khi dân Do Thái qui tụ đông đảo trước bàn thờ bò, Aaron chỉ vào con bò vàng và nói: *"Đây là Thiên Chúa của các người, hỡi dân Israel, đó là Đấng đã mang các người ra khỏi Ai Cập!"* (Here is your God, Oh Israel, who brought you out of the land of Egypt). Dân Do Thái cúng tế Thiên Chúa Bò Vàng, sau đó nhảy múa ca hát hết sức vui vẻ. Vừa lúc đó, Moses mang hai tảng đá từ trên núi Sinai đi xuống. Moses thấy dân Do Thái thờ bò vàng bèn nổi giận ném hai tảng đá phá hủy tượng bò. Moses dùng quyền uy của mình cấm dân chúng không được tôn thờ ảnh tượng bò và không được gọi tên Thiên Chúa là Elohim nữa. Từ đó, người Do Thái gọi Thiên Chúa là Jehovah có nghĩa là *"Thiên Chúa của các tổ phụ"*. Mặc dầu Moises gọi Thiên Chúa là Jehovah nhưng ai cũng biết Jehovah là Elohim, tức Thiên Chúa Bò Vàng của các tổ phụ Do Thái (kiêm tổ phụ Công Giáo Việt Nam) là Abraham, Isaac, Jacob!.

1.6. THIÊN CHÚA BA NGÔI CỦA ĐẠO KITÔ (The Trinity God or The Christian God)

Trong ba thế kỷ đầu công nguyên, những người Kitô Giáo chưa có ý niệm gì về Thiên Chúa Ba Ngôi. Bắt đầu từ năm 320, một phong trào thần học bỗng nhiên bùng nổ tại Ai Cập, Syria và Tiểu Á về vấn đề Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con. Xin nhấn mạnh ở đây một điểm quan trọng về lịch sử: Đạo Hồi xuất hiện và bành trướng từ cuối thế kỷ thứ 7. Trước đó, tức những thế kỷ đầu công nguyên, hầu hết các nước thuộc đế quốc La Mã và toàn vùng Bắc Phi đều chịu ảnh hưởng mạnh của Kitô Giáo. Dân chúng và các thủy thủ quanh vùng Địa Trung Hải thường ca những câu về ngụ ý phủ nhận Jesus (Gie6 su) là Thiên Chúa vì chỉ có Đức Chúa Cha là Chúa Trời thật (*The Father alone was true God*). Họ giải thích: *Đức Chúa Con do Đức Chúa Cha sinh ra, vậy Đức Chúa Con chỉ là vật thụ tạo (a created order) và vật thụ tạo không thể là Thiên Chúa được*. Một số khác lý luận rằng Chúa Jesus cũng là Thiên Chúa vì Con có cùng bản tính với Cha, nhưng Chúa Cha có ngôi vị cao hơn Chúa Con. (*The Father was greater than the Son*). Phong trào thần học xuất phát từ quần chúng tín đồ đã mau chóng lan rộng khắp nơi trong đế quốc La Mã.

Giám mục Arius (A-ri-ơ-cát) cai quản địa phận Alexandria, thành phố lớn thứ hai của Ai Cập sau Cairo, sáng tác những bài ca để thuyết giảng giáo lý. Những bài ca của Arius đã mau chóng được phổ biến. Nội dung giáo lý như sau: *Sự khác biệt duy nhất giữa Thiên Chúa và các tạo vật ở chỗ Thiên Chúa là đáng duy nhất không bị sinh ra, duy nhất không có khởi đầu, duy nhất vĩnh cửu, duy nhất thật, duy nhất bất tử, duy nhất thông minh, duy nhất tốt, duy nhất toàn năng. Jesus là tạo vật như tất cả chúng ta* (*The essential difference between the Unique God and all his creatures is that God was the only unbegotten, the only one without beginning, the only eternal, the only true, the only one who has immortality, the only wise, the only good and the only potentate Jesus could be a creature like ourselves*).

Phao Lô rao giảng giáo lý Kitô đã nhấn mạnh đến bản tính con người, chứ không phải bản tính Thiên Chúa của Jesus: *"Nếu Chúa Jesus không phải là con người thì chúng ta không có hy vọng gì hết, vì nếu Chúa Jesus là Thiên Chúa theo bản chất chúng ta làm sao có thể bắt chước Ngài được?"*.

Trong suốt ba thế kỷ đầu công nguyên, các cuộc tranh luận về bản tính Thiên Chúa của Jesus và vấn đề cao thấp trong ngôi vị của Chúa Cha và Chúa Con đã gây ra một cuộc khủng hoảng giáo lý trong đạo Kitô (bao gồm Công giáo, Tin lành, Chính thống giáo). Để ngăn chặn nạn chia rẽ và phân hủy đạo Kitô, ngày 20 tháng 5 năm 325, hoàng đế La Mã Constantine đã triệu tập hội nghị các giám mục (thời đó giáo hội Kitô chưa có các chức vụ hồng y, giáo hoàng) tại Nicaea.

Do áp lực của hoàng đế, hội nghị Nicaea đã biểu quyết một bản tóm tắt tất cả các điều phải tin thuộc giáo lý đạo Kitô. Bản tóm tắt này được mệnh danh là Kinh Tin Kính (The Creed) được lưu truyền từ đó đến nay: *"Tôi tin một Thiên Chúa là Cha Toàn Năng. Tôi tin Chúa Jesus là con Thiên Chúa, cùng bản chất với Chúa Cha như ánh sáng bởi ánh sáng, qua Ngài mọi vật được tạo thành. Ngài xuống thế gian làm người chịu chết để chuộc tội chúng tôi. Ngài sống lại trong ngày thứ ba và lên trời. Ngài sẽ trở lại thế gian để phán xử kẻ sống và kẻ chết. Chúng tôi tin Đức Chúa Thánh Thần"*.

Mọi giám mục tham dự hội nghị đều ký tên chấp thuận bản Kinh Tin Kính, ngoại trừ 3 giám mục Arius, Athanasius và Marcellus. Hoàng đế Constantine lúc đó chưa theo đạo Kitô, cũng chẳng biết gì về giáo lý, chỉ có một mục đích duy nhất là thống nhất đạo Kitô và biến đạo này thành một công cụ

hữu hiệu để thực hiện tham vọng xâm lược thế giới. Vì thấy 3 vị giám mục không chịu ký tên vào bản Kinh Tin Kính của hội nghị Nicaea theo ý mình, Constantine trả thù bằng cách ra lệnh sát hại giám mục Arius và các tín đồ của ông, đồng thời ra lệnh bắt hai giám mục Athanasius và Marcellus đem đi đày.

Sau mười bốn năm bị đày ải, Marcellus được tha về. Marcellus dành thời giờ của cuộc đời còn lại viết sách tố cáo hội nghị Nicaea, ông gọi hội nghị này là cái lò đẻ ra thuyết Thiên Chúa Ba Ngôi. Ông dùng danh từ Tritheism (Thuyết ba thiên chúa) để ám chỉ thuyết thiên chúa ba ngôi của hội nghị Nicaea là tà giáo vì nó đã đi ngược lại với truyền thống của đạo Do Thái chủ trương chỉ có một thiên chúa mà thôi (Monotheism).

Mặc dù giáo hội Kitô đã được thống nhất về giáo lý do sự xuất hiện kinh Tin Kính và nhất là do quyền lực của hoàng đế Constantine, cuộc khủng hoảng niềm tin vẫn tiếp tục lan rộng và kéo dài đến thế kỷ 5.

Giữa thế kỷ 5, ba vị giám mục ở vùng Cappadocia ở Thổ Nhĩ Kỳ, được gọi chung là nhóm Cappadonicians, đưa ra lý thuyết phân biệt hai loại giáo lý:

1. *Giáo lý công truyền (exoteric)*. Đó là giáo lý của giáo hội dựa trên văn bản Kinh Thánh nhằm mục đích dạy cho công chúng tín đồ hiểu được các lễ đạo (the public teaching of the church based on the scriptures).

2. *Giáo lý bí truyền (esoteric)*. Đây là thứ giáo lý cao siêu hàm chứa sự thâm sâu của chân lý mà ý nghĩa của nó cần phải được ẩn dấu. Các vị không thể viết ra trên giấy trắng mực đen (The deeper meaning of truth that the holy fathers preserved in a silence. The meaning is not to be divulged by writing it down - Basil, trong tác phẩm On the Holy Spirit.)

Sự phân biệt hai thứ giáo lý của một chân lý nêu trên là căn bản cho học thuyết của HỘI TAM ĐIỂM (Free Masonry). Đã từ lâu, hội Tam Điểm là một hội bí mật qui tụ nhiều bậc minh triết trên khắp thế giới. Họ đã và đang nắm vai trò siêu quyền lực quốc tế. Họ chủ trương: Không có một tôn giáo nào cao hơn Sự Thật, không một chân lý tôn giáo nào có thể được diễn tả và xác định một cách rõ ràng và hợp lý nếu không có "con mắt của tinh thần" để "nhìn" chân lý, con người sẽ có những ý tưởng hoàn toàn sai lạc (Not all religious truth was capable of being expressed and defined clearly and logically. If they did not "see" these truths with "the eye of the spirit", people could get quite the wrong idea).

Đạo Phật cũng rất chú trọng đến điều nói trên vì đạo Phật luôn nhắc nhở chúng ta rằng: Chân lý nằm ngoài sự diễn đạt của các ngôn từ. Đạo lý là một điều hết sức khó hiểu đối với mọi người. Chỉ một số rất ít người đạt tới trình độ hiểu được đạo lý. Sự hiểu biết được truyền từ người này sang người khác bằng ngôn từ, mà ngôn từ lại không có đủ khả năng chuyển tải đầy đủ ý tưởng, do đó những kinh sách thực sự chẳng có ích lợi bao nhiêu. Muốn hiểu cái ý cốt lõi của các tôn giáo, chúng ta cần phải có "con mắt của tinh thần". Chúng ta sẽ trở lại vấn đề này trong chương nói về "Con Mắt Thượng Đế và Kim Tự Tháp Trật Tự Thế Giới Mới".

Mặc dầu giáo hội Kitô có nhiều nhà thần học tài giỏi đã ra sức giải thích Ba Ngôi Thiên Chúa là một Đức Chúa Trời, nhưng Thiên Chúa Ba Ngôi cho tới nay vẫn là một vấn đề làm nhức đầu giáo dân và vẫn là một đề tài làm rối trí mọi người muốn tìm hiểu giáo lý Kitô. Cuối cùng, các nhà lãnh đạo tôn giáo này phải buông xuôi bằng cách dạy giáo dân rằng: Thiên Chúa Ba Ngôi là một sự huyền nhiệm tuyệt đối (the absolute mystery), mọi người chỉ có thể chấp nhận bằng đức tin (đui mù) chứ không thể công nhận bằng lý trí bình thường được!

Trong số các nhà thần học Kitô Giáo, người sáng giá nhất là St. Augustine. Theo tự điển The American Heritage thì St., Augustine là tổ phụ về giáo lý của Giáo Hội Công Giáo lúc mới thành lập (Early Christian Church Father). Trong tác phẩm Best-Seller "A History of God", tác giả là bà Karen Amstrong, nguyên nữ tu tiến sĩ, viết: *"Augustine có thể được gọi là nhà sáng lập hệ tư tưởng Tây Phương. Không một nhà thần học nào khác, đứng sau thánh Phaolô, có ảnh hưởng lớn hơn Augustine trong thế giới tư tưởng Tây Phương."* (Augustine could be called the founder of the Western Spirit. No other theologian, apart from St. Paul, has more influence in the West - page 119). Augustine sinh trưởng trong một gia đình quý tộc tại Algeria. Cha theo đạo cổ truyền Ả Rập, mẹ theo đạo Kitô. Năm 370, Augustine 16 tuổi được mẹ dẫn đi du lịch nhiều nơi trên nước Ý. Trong một dịp đi lễ ở nhà thờ Milan, nghe giám mục Ambrose giảng đạo, Augustine đã bị nhà thần học kiêm tu sĩ trứ danh này cuốn hút. Augustine xin giám mục Ambrose cho đi theo học đạo và cuối cùng được giám mục này làm phép rửa tội. Ít lâu sau, Augustine trở về Algeria vào tu tại một nhà dòng khổ hạnh. Năm 396, Augustine trở thành giám mục địa phận Hippo tại Algeria lúc tuổi đời 42. Từ đó đến lúc chết vào tuổi 76, tức suốt 34 năm, Augustine liên tục hăng say viết rất nhiều sách về triết học và thần học cho đạo Công Giáo. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là cuốn sách đồ sộ mang tựa đề "Confessions" với lời văn có tính thuyết phục và rất nhiệt thành đối với Thiên Chúa. Augustine trở thành bậc thầy của các nhà thần học Kitô Giáo và được coi là tổ phụ thứ hai sau Phao lô sáng lập Kitô Giáo (second father / second founder of Christianity).

Trong tác phẩm "The Jesus Connection" (The Crossroad Publishing Co., xuất bản năm 1985), học giả Do Thái Leonard Yassen đã viết : *"Jesus đã chết không phải với tư cách là Chúa Kitô mà Ngài đã chết với tư cách là một công dân Do Thái. Ngài không hề biết danh từ Kitô Giáo là gì và Ngài cũng không hề nghĩ rằng mình là nhà sáng lập một đạo mới, tách rời khỏi đạo Do Thái là đạo của Ngài"*. (Jesus died not as a Christian but as a Jew. He had never heard the world Christianity and he had no idea he could be called the founder of a separatist religion from his Judaism). Theo ông, người sáng lập đạo Kitô chính là Paul (thánh Phaolô) và St. Augustine. Đây cũng là nhận xét chung của hầu hết các nhà nghiên cứu đạo Kitô có quan điểm khách quan vô tư trên phương diện lịch sử.

St. Paul là người xác lập đức tin Kitô Giáo. Đức tin này hoàn toàn dựa trên cái gọi là "sự mặc khải (revelation) và vượt ra ngoài mọi sự lý luận. Đức tin Kitô Giáo của Paul có thể được tóm tắt như sau: Chúa Jesus là con Thiên Chúa, đã xuống thế gian làm người, chịu nạn chịu chết để chuộc tội tổ tông. Ba ngày sau, Ngài đã sống lại lên trời ngự bên hữu Chúa Cha Jehovah (Jehovah = El / Bull - Chỉ có Bull El – con bò - mới có bên tả bên hữu, còn Thiên Chúa thiêng liêng vô hình như không khí làm gì có bên tả bên hữu ?) Ngài sẽ xuống thế gian lần thứ hai vào ngày tận thế để phán xét kẻ sống và mọi kẻ đã chết từ thời thượng cổ, trong đó có những vị thánh nhân đã sinh trước Jesus mấy thế kỷ như Socrate, Pythagoras, Đức Khổng Tử, Đức Lão Tử và Đức Thích Ca ! Ai tin Jesus là Kitô (Chúa Cứu Thế) sẽ được Ngài cứu rỗi và được sống đời đời trên thiên đàng. Ai không biết tới tên tuổi và không tin Jesus là Chúa Cứu Thế sẽ bị hư mất, tức là sẽ bị đày xuống hỏa ngục đời đời. Đó là toàn bộ cái gọi là "Đức tin Kitô". Đức tin "độc đáo" này còn được gọi là khoa thần học của Thánh Phao Lô (The Pauline Theology). Chính bản thân Chúa Jesus cũng không biết tí gì về môn thần học rất "cao siêu" này.

Augustine là người đã làm cho khoa thần học của Phao Lô có thêm một tính cách mới, đó là tính cách triết học. Augustine thực chất là một triết gia. Ông chịu ảnh hưởng nặng nề nền văn hóa Hy Lạp. Ông nghiên cứu sâu sắc các triết thuyết của các tôn giáo khác như Ấn Độ Giáo, Phật Giáo và Sherman (Nhất Thần Giáo). Ông xác tín vào một điều căn bản: Có một Thiên Chúa xuất phát từ

không (ex-nihilo). Ông đưa ra một định nghĩa như sau về Thiên Chúa: *Thiên Chúa không phải là một thực thể khách quan mà là sự hiện hữu thuộc tinh thần trong chiều sâu phức tạp của bản thân Ngài* (God was not an objective reality but a Spiritual Presence in the complex depth of the self) .

Từ thế kỷ thứ 5 đến nay, cuốn luận đề De Trinitate của Augustine là cuốn sách gối đầu giường của các tu sĩ và giới trí thức Kitô Giáo, vì đó chính là cái lò để ra Thiên Chúa Ba Ngôi "hoàn hảo" như ta thấy ngày nay. Căn bản giáo lý đạo Kitô là ý niệm về Thiên Chúa Ba Ngôi hoàn toàn dựa trên luận đề độc nhất vô nhị này. Augustine đưa ra nhiều thí dụ để mọi người có thể hình dung ba ngôi là Một Thiên Chúa. Chẳng hạn chúng ta chỉ có một đời sống tinh thần. Đời sống tinh thần đó có 3 đặc tính (three properties) là sự hiểu biết, ký ức và ý chí (understanding, memory and will). Augustine tin có quỷ và gọi quỷ là "các thiên thần nổi loạn" (rebel angels) chống lại Thiên Chúa. Loài người phải chịu khổ đau, một phần do Thiên Chúa trừng phạt vì tội tổ tông, phần khác do sự cám dỗ của quỷ nên phạm thêm những tội khác chống lại Thiên chúa nên bị Chúa phạt thêm nữa. Triết thuyết của Augustine hoàn toàn dựa trên thần thoại Vườn Địa Đàng (Garden of Eden) là sản phẩm tưởng tượng của người Sumeritans ở Lưỡng Hà Châu (Mesopotamia/Babylon) . Những chuyện thần thoại bịa đặt đó chẳng khác gì những chuyện kể trong Ngàn Lẻ Một Đêm của xứ Iraq là hậu duệ của Babylon xa xưa. Augustine cứ tưởng những chuyện thần thoại đó là chuyện thật nên đã xây dựng toàn bộ triết thuyết Kitô Giáo trên căn bản thần thoại đó. Thật là một điều không ai có thể tưởng tượng nổi chuyện đó đã xảy ra tại Tây Phương và tới nay nó vẫn còn tồn tại! Các người theo đạo Do Thái và đạo Hồi cũng đều tin vào chuyện Vườn Địa Đàng, cũng tin tổ tông loài người là Adong Evà . . . nhưng họ không đặt nặng vấn đề tội tổ tông và họ không bị ám ảnh quá nặng nề như Augustine.

Augustine đã để lại cho Công Giáo La Mã cả một gia tài gai góc vì đã biến tôn giáo này thành tôn giáo duy nhất dạy đàn ông và đàn bà coi nhân tính của họ như một cái hố ngăn cách kinh niên. Cuối cùng Công Giáo trở thành một tôn giáo nổi tiếng về óc kỳ thị phụ nữ trong thế giới Tây Phương chỉ vì Công Giáo đã lún quá sâu vào triết thuyết của nhà thần học Ả Rập chạm điện cao thế này.

Trong tác phẩm One Female Dress, Augustine viết về đàn bà như sau: *"Các người có biết rằng mỗi đàn bà là một Eva không? Sự kết án của Thiên Chúa trên phái tính của các người vẫn tồn tại trong thời đại này. Các người (đàn bà) là ảnh của quỷ dữ, các người là kẻ đầu tiên phạm tội ăn trái cấm và là kẻ đầu tiên vi phạm luật của Chúa. Các người là kẻ thuyết phục chồng mình, người mà quỷ dữ không đủ sức tấn công, phạm tội chống lại Chúa. Đàn bà các người là kẻ đã phá hoại đàn ông, hình ảnh của Thiên Chúa. (Augustine tin rằng Thiên Chúa là Đàn Ông). Chỉ vì tội lỗi của bọn đàn bà các người mà Con của Thiên chúa phải chết.* (Do you know that you are each an Eve? The sentence of God on this sex of yours lives in this age. The guilt must of necessity live too. You are the devils gateway, you are the unsealer of that forbidden tree. You are the first deserter of the divine law. You are she who persuaded him whom the devil was not valiant enough to attack. You so carelessly destroyed man, God's image. On account of your desert, even the Son of God had to die).

Augustine thù ghét đàn bà và nguyện rửa toàn thể nữ giới với những lời văn cực kỳ cay độc. Chỉ có một phụ nữ duy nhất được Augustine tôn trọng là đức mẹ Maria. Augustine lý luận: *Đức mẹ Maria không giao cấu với đàn ông để sinh ra Chúa Jesus nên Chúa Jesus là người duy nhất không bị nhiễm tội tổ tông. Chúa Jesus là Ngôi Lời (Logos, Word) nhập thể, biến thành xương thịt loài người để toàn thể loài người được thánh hóa do ân sủng của Thiên Chúa, và cuối cùng loài người sẽ trở nên Một cùng với Thiên Chúa.* Như thế Augustine là người khai triển tư tưởng Hy Lạp về Ngôi Lời, nói đúng hơn là tư tưởng của triết gia Hy Lạp gốc Do Thái tên Philo Judaeus thế kỷ I sau Công

Nguyên, để gán ghép cho Jesus mang bản chất Thiên Chúa vì Jesus là Ngôi Lời của Thiên Chúa nhập thể.

Qua các tác phẩm đồ sộ của Augustine, hình ảnh về Thiên Chúa Ba Ngôi đã được xác định: Chúa Cha là một Thiên Chúa cay nghiệt (a harsh God), Chúa Con là một nhân vật duy nhất nửa người nửa Thiên Chúa (half man, half God). Chúa Thánh Thần như một bóng mờ phụ thuộc vào hai ngôi trên. Cái tội lỗi ghê gớm kinh khủng nhất trong vũ trụ là tội của bà Eve ăn trái cấm tức là trái của cây Hiểu Biết (the tree of knowledge) đến nỗi chỉ có ngôi Lời Thiên Chúa mới đủ tư cách dùng cái chết của mình để xin Chúa Cha tha tội. Nhưng dù Chúa Con đã phải chịu cực hình và chịu chết, Chúa Cha chỉ tha tội cho loài người trên nguyên tắc mà thôi.

Dựa vào thực tế, chúng ta có thể tóm lược như sau: Chúa Cha vẫn bắt loài người phải hoàn toàn gánh chịu mọi hậu quả của tội tổ tông, đó là sự cơ cực về thể xác và đau khổ về tinh thần. Trước khi Chúa Con chịu chết chuộc tội, loài người phải cơ cực đau khổ ra sao thì sau khi được Chúa Con cứu chuộc, loài người vẫn phải cơ cực và đau khổ như vậy! Tình trạng không hề thay đổi vì thực tế Chúa Con chẳng cứu ai và Chúa Cha cũng chẳng giảm sự thù hận loài người chút nào. Chúa Cha xuất thân từ con bò đực điên khùng của Abraham. Chúa Con là một gã thợ mộc thất học. Chúa Thánh Thần là một con chim bồ câu đực. Thờ Thiên Chúa ba ngôi thực chất là thờ người và cầm thú! Những người Do Thái và thế giới Hồi Giáo cực kỳ khinh bỉ thuyết Thiên Chúa Ba Ngôi của Kitô Giáo. Họ gọi thuyết này là giáo lý rắc rối và phỉ báng Thiên Chúa (puzzling and blasphemous). Kitô Giáo là "ngụy Thiên Chúa Giáo" vì về thực chất nó là Đa Thần Giáo chứ không phải là Độc Thần Giáo theo đúng ý nghĩa chỉ tôn thờ một Thiên Chúa duy nhất.

1.7. THIÊN CHÚA ALLAH CỦA ĐẠO HỒI

Năm 610, tại thành phố Mecca thuộc xứ Arabia (Ả-rập), một thương gia trạc tuổi 40 tên là Muhammad Abdallah bỗng nhiên cảm thấy mình có sứ mạng của một vị thánh tiên tri (prophet) tương tự như Isaiah, Jeremiah hoặc Ezekiel của đạo Do Thái. Vốn là một người thuộc bộ lạc Quraysh (Qu-rê) theo đạo cổ truyền Ả Rập, Muhammad (Mu-ha-mét) thường cùng gia đình hay bạn bè leo lên núi Hira để cầu nguyện trong tháng Ramadan, tức tháng 9 hàng năm theo lịch Ả Rập. Trong tháng này, người Ả Rập thường cầu nguyện từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn và thường làm những việc phúc đức như săn sóc kẻ bệnh tật, bố thí thức ăn cho người nghèo. Bộ lạc Quraysh, cũng tương tự như bộ lạc Bedouin hay các bộ lạc cổ Do Thái, sinh sống chủ yếu bằng nghề du mục. Đến thế kỷ 6 sau Công Nguyên, bỗng nhiên bộ lạc này bỏ hẳn nghề du mục và chuyển sang nghề buôn bán. Sự thành công rực rỡ trên thương trường của bộ lạc Quraysh đã biến Mecca thành một trung tâm thương mại quan trọng bậc nhất tại vùng Arabia. Kinh thánh Koran kể rằng: Bộ lạc Quraysh đã trở thành giàu có vượt xa mọi mơ ước hão huyền nhất của họ (They were rich beyond their wildest dream). Một thế kỷ sau, tức vào thời Mahammad, dân Quraysh mãi mê chạy theo bạc tiền, chỉ lo làm giàu bằng đủ mọi thủ đoạn và hoàn toàn vứt bỏ mọi giá trị của tôn giáo cổ truyền Ả Rập. Xã hội Ả Rập trở nên hỗn loạn và phân hóa. Muhammad tự cảm thấy cần phải có một giáo lý tôn giáo mới để thống nhất các dân tộc Ả Rập thành một cộng đồng vững mạnh. Mong ước của Muhammad đã thành công vượt xa sự dự tưởng của mọi người: Chỉ trong một thời gian gần một thế kỷ, giáo lý Hồi Giáo của Muhammad đã bành trướng thành một đế quốc rộng lớn, trải dài từ Hy Mã Lạp Sơn đến chân núi Pyrénées thuộc miền Nam Châu Âu!

Trọng tâm tín ngưỡng của đạo Hồi là Thiên Chúa. Tiếng Ả Rập "Allah" có nghĩa là Thiên Chúa Cao Cả (The High God). Trước khi có đạo Hồi, phần đông người Ả Rập đã chịu ảnh hưởng đạo Do Thái Nguyên Thủy của Abraham. Do đó, người Ả Rập đã sẵn có từ lâu ý niệm về Thiên Chúa (God/Allah).

Sử gia Sezonenos, người Palestine theo đạo Kitô sống trong thế kỷ 5, đã viết: *Người Ả Rập ở Syria và nhiều nơi khác thuộc Bắc Phi thường tự xưng là những tín đồ đạo chính thống của Abraham (The authentic religion of Abraham)*. Trong số 3 người thân cận cộng tác với Muhammad lập ra đạo Hồi có Waraqua theo đạo Kitô và Zayd theo đạo Do Thái Mai-sen.

Theo kinh sách Hồi Giáo, vào năm 610, Zayd và Muhammad lên núi Hira cầu nguyện nhiều tháng. Tháng thứ bảy, trong lúc Zayd đang cầu xin Thiên Chúa ban ơn mặc khải thì vừa lúc Muhammad tỉnh giấc mơ sau lúc ngủ mê. Muhammad kể cho Zayd biết một thiên thần đã hiện ra và ra lệnh cho ông ta phải thuật lại các mệnh lệnh của Thiên Chúa. Sau 3 lần từ chối, cuối cùng Muhammad phải tuân lệnh Chúa kể lại cho mọi người biết các điều Chúa phán dạy cùng ông. Đó là sự mặc khải (revelation) của Thiên Chúa dành riêng cho một mình tiên tri Muhammad được biết mà thôi.

Muhammad bắt đầu viết sách kể lại giấc mơ của mình như sau: Chúa phán: *"Hãy kể lại mọi sự nhân danh Đấng Quan Phòng của con, đấng đã tạo dựng loài người từ những tế bào mầm sống. Hãy kể lại, vì Đấng Quan Phòng của con là Đấng Trọn Tốt, Trọn Lành là Đấng đã dạy loài người biết sử dụng ngòi bút và đã dạy loài người biết được những điều nó không biết"*.

(Recite in the name of thy Sustainer who has created man out of germ-cell. Recite, for thy sustainer is the Most Bountiful, One who has taught man the use of the pen, taught him what he did not know - Koran 96: 1).

Trước Muhammad, lời của Thiên Chúa (Word of God) chỉ được truyền xuống thế gian bằng tiếng

Hebrew là ngôn ngữ cổ Do Thái. Từ thế kỷ 2 TCN, xứ Syria phát triển mạnh về kỹ thuật và thương mại trong toàn vùng Địa Trung Hải tạo thành một ngôn ngữ phổ thông mới được sử dụng trong nhiều quốc gia, đó là ngôn ngữ Aramic. Vào thời của Jesus, dân Do Thái không còn nói tiếng Hebrew nữa mà sử dụng tiếng Aramic của Syria làm ngôn ngữ chính. Do đó, các Lời Chúa được "trực tiếp truyền xuống" thể gian qua miệng của Chúa Jesus bằng tiếng Aramic. Đến thế kỷ 7, với sự xuất hiện của kinh Koran, lần đầu tiên các Lời Chúa được truyền xuống thể gian bằng tiếng Ả Rập! Chữ Koran phiên âm từ tiếng Ả Rập "Quran" có nghĩa là sự thuật lại (Recitation).

Theo Muhammad thì ông được điểm phúc đón nhận sự mặc khải của Thiên Chúa lần đầu tiên trong lúc ông cầu nguyện cùng với Zayd trong một hang đá rồi ông có ý định nhảy từ trên núi cao xuống vực sâu để tự tử. Bỗng nhiên thiên thần Gabriel hiện ra dưới hình thức một người đàn ông lơ lửng trước mặt. Thiên thần can ngăn không cho Muhammad tự tử và nói: "*Hỡi Muhammad, người là tông đồ của Thiên Chúa. Ta là thiên thần Gabriel đây*". Muhammad ngạc nhiên, đứng ngây ra ngẩn nhìn vị thiên thần sáng như một vầng hào quang. Chỉ trong thoáng chốc, Muhammad không dám nhìn nữa và quay mặt lại thì thiên thần đã biến mất" (A life of Muhammad - p. 106)

Sau biến cố trên, Muhammad chạy về nhà kể lại câu chuyện cho vợ nghe. Vợ ông là bà Khadija lớn hơn ông 15 tuổi và cũng là một thương gia khét tiếng giàu có tại Mecca thời đó. Muhammad coi vợ gần như một bà mẹ, ông năn nỉ bà che chở và khuyên bảo. Bà Khadija vội vàng dẫn chồng đến nhà Waraqua là anh họ của bà. Waraqua, vốn theo đạo Kitô và rất thông thạo về kinh thánh Tân Ước. Waraqua nói cho vợ chồng Muhammad biết rằng: Muhammad đã nhận được ơn mặc khải từ Thiên Chúa của Abraham, của Moses và của Jesus. Muhammad đã được chọn làm đặc sứ thiêng liêng (the divine envoy) của Thiên Chúa ở nơi các dân tộc Ả Rập.

Từ đó, Muhammad bắt đầu viết ra những điều mà ông cho là "được Thiên Chúa mặc khải", nói đúng ra là kể lại "những lời của Chúa" đã nói riêng với ông, cũng tương tự như Kinh Thánh của đạo Do Thái ghi lại những "lời Chúa" đã "nói riêng" với Abraham hoặc Moses! Tuy nhiên, khác với Moses được Thiên Chúa mặc khải một lần duy nhất trên núi Sinai, Muhammad được Thiên Chúa mặc khải liên tục suốt 23 năm! Điều đó có nghĩa là Muhammad đã viết kinh Koran trong 23 năm ròng rã, phần lớn dưới dạng ca vè. Năm 1988, nhà văn Anh gốc Ấn Salman Rushdie đã viết cuốn tiểu thuyết mỉa mai đạo Hồi và gọi kinh Koran là "Những vần thơ của quỷ" (Satanic Verses). Đọc kinh Koran, người ta sẽ có cảm tưởng như đọc nhật ký vì các đoạn sách đều được ghi rõ ngày tháng. Chúng ta có thể dễ dàng theo dõi các diễn tiến tư tưởng của Muhammad và cũng dễ dàng kiểm chứng các sự kiện lịch sử liên quan đến giáo lý đạo Hồi. Kinh Koran đề cập đến rất nhiều đề tài, nhưng cũng giống như đạo Do Thái và đạo Kitô, trọng tâm của kinh Koran nói về Thiên Chúa, thiên đàng, hỏa ngục, ngày tận thế và sự phán xét cuối cùng của Thiên Chúa đối với người sống và kẻ chết.

Muhammad bắt đầu giảng đạo cho dân tộc Quraysh ở Mecca. Công việc giảng đạo của ông tương đối dễ dàng vì không phải chứng minh sự hiện hữu của Thiên Chúa. Vào thời đó, hầu hết các dân tộc Ả Rập đều tin có Thiên Chúa tương tự như niềm tin của các tín đồ đạo Do Thái và đạo Kitô. Do đó, đối với người Ả Rập, không có vấn đề vô thần (atheism). Trong kinh Koran, khi Muhammad nói đến các kẻ không tin Chúa (unbelievers) là có ý nói đến những kẻ vô ơn Chúa (one who is ungrateful to God) chứ không có ý nói đến những kẻ vô thần. Điều quan trọng nhất của đạo Hồi là hoàn toàn vâng phục theo ý của Chúa. Mọi ý của Chúa đều đã được Muhammad viết ra trong kinh Koran. Trong thực tế, vâng theo ý Chúa là vâng theo mọi điều trong kinh Koran! Kinh Koran xác định: *Tín đồ Hồi Giáo là người hiến trọn đời mình cho Thiên chúa* (Muslim was one - man or woman - who has surrendered his or her whole being to God).

Cũng tương tự như đạo Do Thái và đạo Kitô, người Hồi Giáo tin có quỷ Satan, tiếng Ả Rập gọi là Shaitan. Nhưng khác với hai tôn giáo trên, kinh Koran khẳng định Satan là con quỷ biết phục thiện và sẽ được Thiên Chúa tha tội vào ngày phán xét cuối cùng!

Khác với Kitô Giáo là một tôn giáo rất sợ khoa học, đạo Hồi quan niệm mọi sự trên thế gian đều là những dấu hiệu (signs) của Thiên Chúa. Họ khuyến khích nghiên cứu khoa học để tìm hiểu những tín hiệu (messages) của Thiên Chúa tiềm ẩn trong mọi dấu hiệu đó. Người Hồi Giáo rất hâm mộ khoa học vì họ tin rằng khoa học là phương tiện tốt nhất giúp con người khám phá thế giới và vũ trụ để hiểu biết thêm về quyền năng của Thiên Chúa.

Hồi Giáo phủ nhận Thiên Chúa Ba Ngôi của Kitô Giáo và coi đạo Kitô là "ngụy Thiên Chúa Giáo". Vì đạo này không thật sự tôn thờ Một Thiên Chúa Duy Nhất theo đúng ý nghĩa của Nhất Thần Giáo (Monotheism). Kinh Koran khẳng định chỉ có Một Thiên Chúa là đáng tối thượng, duy nhất, sinh ra từ không và là nguồn gốc mọi vật (Allah is the ultimate and unique reality. He is the One God. The Eternal, the Uncaused Cause of all being – Koran: 112).

Quan niệm về Thiên Chúa của đạo Hồi tương đồng với quan niệm về Thiên Chúa của đạo Do Thái. Muhammad coi thuyết Thiên Chúa Ba Ngôi của Kitô Giáo là một sự nhục mạ Thiên Chúa (blasphemous) và coi giáo điều "Chúa Cha đẻ ra Chúa Con" là chuyện bậy bạ nhằm nhí. Do đó, Muhammad viết rõ trong kinh Koran: "*Thiên Chúa không đẻ con và cũng không được ai đẻ ra. Không có gì có thể so sánh được với Thiên Chúa*" (He begets not and neither is he begotten. There is nothing that could be compared to Him - Koran 112).

Hồi Giáo thù ghét đạo Kitô nhưng lại rất tôn trọng đức Jesus. Họ không tin Jesus là Kitô (Chúa Cứu Thế) mà chỉ coi Jesus như một tiên tri của Thiên Chúa tương tự như Abraham, Moses, Ismael, Isaac, Jacob. Họ cũng không tin Jesus là người đã lập ra đạo Kitô. Đối với Hồi Giáo, tất cả các thánh tiên tri, kể cả Jesus, đều là các tín đồ Hồi Giáo (muslims) vì họ là những kẻ hoàn toàn vâng theo ý Thiên Chúa.

Kinh Koran (2:135-136) viết: "*Abraham là tín đồ Hồi Giáo đầu tiên biết phục tùng Thiên Chúa. Đức tin của chúng ta là đức tin của Abraham. Chúng ta tin Thiên Chúa và tin những gì Chúa đã phán truyền cho Abraham, Ismael, Isaac, Jacob và con cháu của các ngài. Chúng ta tin những gì Thiên Chúa đã xác minh với Moses và Jesus*". (Abraham had been the first muslim to surrender to God. Ours is the creed of Abraham. We believe in God and in that which has been bestowed upon Abraham, Ismael, Isaac, Jacob and their descendants, and that which has been vouched to Moses and Jesus).

Muhammad viết kinh Koran từ năm 610. Hai mươi năm sau, tức vào năm 630, Muhammad trở thành giáo chủ kiêm thủ lãnh toàn thành phố Mecca. Ông xử dụng nơi đây làm thánh địa bành trướng đạo Hồi. Năm 632, sau một cơn bệnh bất ngờ, Muhammad từ trần trước sự ngỡ ngàng của đông đảo tín đồ. Zayd là một tín đồ đạo Do Thái và là bạn chí cốt của Muhammad được tôn lên làm giáo chủ kế nhiệm.

Trên phương diện lý thuyết, mọi tôn giáo đều khuyên con người làm lành lánh dữ. Trên thực tế, Hồi Giáo cũng như Kitô Giáo đã bị lạm dụng và trở thành một tôn giáo hiếu chiến. Hầu hết các nhà lãnh đạo các quốc gia Hồi Giáo đã trở thành các thần chiến tranh (Warlords). Nạn đa thê là chuyện phổ biến trong các nước đạo Hồi. Phụ nữ bị coi là những công dân hạng hai nếu không muốn nói là những nô lệ tình dục. Bọn đàn ông quyền thế và giàu có thường lập các cung viện (harems) chứa nhiều gái đẹp để tha hồ hành lạc. Việc sát hại các bé gái sơ sinh (female infanticide) được coi là chuyện thông thường và gần như đã trở thành tục lệ. Phụ nữ mỗi khi bước chân ra khỏi nhà bị bắt

buộc phải dùng mạng vải che mặt. Tục lệ này khởi đầu từ lúc Muhammad lên làm giáo chủ, các bà vợ của Muhammad dùng mạng che mặt để biểu lộ địa vị (status) của họ. Sau này, tục lệ che mạng đã trở thành một khổ hình cho các phụ nữ Hồi Giáo.

Trong tác phẩm *A History of God*, (trang 162), tác giả Karen Amstrong nhận định: "*Hồi Giáo ngày nay bắt đầu tranh luận về bản chất của kinh Koran. Ý nghĩa của bản văn này có thực là những lời của Thiên Chúa không? Nhiều người Hồi Giáo nhận ra kinh Koran là nhảm nhí cũng như những người Kitô coi chuyện Ngôi Lời Nhập Thể (nhập tràng) là nhảm nhí vậy.*" (Now muslims would begin to debate the nature of the Koran: in what sense was the text really the words of God? Some muslims found Koran as blasphemous as those Christians who had been scandalized by the idea that Jesus had been the Incarnate Logos).

1.8. NHỮNG NÉT ĐẶC TRƯNG CỦA CÁC ĐẠO THỜ CHÚA

1.8.1. Thiên Chúa Độc Thần Giáo là đàn ông da trắng, lăm điều hơn đàn bà và độc ác hơn dã thú.

Thiên Chúa là sản phẩm tưởng tượng của người da trắng nên Thiên Chúa (God of the Bible) mang hình ảnh của một ông già da trắng. Các ảnh tượng của Kitô Giáo về Thiên Chúa Ba Ngôi thường có trong các gia đình Công Giáo đã chứng tỏ điều đó. Đức Chúa Cha, tức Thiên Chúa Jehovah của đạo Do Thái, là hình ảnh một ông già rậm râu sâu mắt, mũi lõ mắt xanh.

Theo cuốn sách nói về các chủng tộc với tựa đề *Raciologie Anthropologie Physique* của A. Carnoy, in năm 1921, thì Dân Da Trắng gồm có 3 chủng:

- a) Chủng Hamite thủy tổ của Ai Cập.
- b) Chủng Semite thủy tổ của Do Thái và Ả Rập.
- c) Chủng Ấn Âu thủy tổ La Mã, Hy Lạp và người Âu thuần chủng (không lai).

Người da trắng tôn thờ Thiên Chúa da trắng của họ và họ tự tôn cho rằng họ là những người cao quý vì họ mang hình ảnh giống Thiên Chúa của họ. Các dân tộc da màu là những hạng người thấp kém mọi rợ, nhất là giống dân da đen bị người da trắng coi như chỉ hơn loài vật chút đỉnh. Thậm chí có nhiều người da trắng cho rằng người da đen không có linh hồn nên người da trắng có quyền bắt làm nô lệ hoặc đem bán hay giết như súc vật vậy.

Trong cả ba đạo Thiên Chúa (Do Thái, Kitô, Hồi) Đấng Tối Cao luôn luôn được hình dung là một người đàn ông. Có thể định nghĩa Thiên Chúa là một Đàn Ông Toàn Năng (The Male Almighty). Mỗi khi nói về Thiên Chúa, người da trắng luôn luôn dùng các từ thuộc giống đực (gramatically masculin) như He, His, Father, Son... Trong tác phẩm Người Công Giáo Tỉnh Ngộ (The Recovering Catholic, 288 trang, Prometheus Books xuất bản 1995), tác giả Joanne H. Meehl, một người tích cực tranh đấu cho nữ quyền Hoa Kỳ, đã viết: "*Quyền lực của đàn ông chứ không phải quyền năng của Chúa vẫn tồn tại trên đời này, Thiên Chúa chỉ là hậu quả của lòng ham muốn thống trị của nam giới mà thôi*". (The power of man, not God, still exists. God is merely a backdrop to man's rulings).

Hồi Giáo và Công Giáo La Mã luôn luôn chống lại việc phong chức thánh (priests) cho phụ nữ. Hai tôn giáo này chống đối nhau nhưng lại đoàn kết trong chủ trương kỳ thị phụ nữ (they united in their misogyny). Trong cuộc họp tháng 9/94 tại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc về vấn đề dân số, các đại biểu Hồi Giáo và Công Giáo đồng nhất với nhau chống lại mọi biện pháp kiểm soát dân số thế giới.

Cuộc đấu tranh của họ cho cái gọi là Quyền Sống (Right to Life) thực chất là đấu tranh cho sự sống còn của tôn giáo mà thôi (struggle for the "Right to Life" is actually a struggle for the survival of their religions). Thiên Chúa Giáo chẳng qua chỉ là một chế độ độc tài tự xưng là tôn giáo (a dictatorship claiming to be a religion). Phong trào đấu tranh của phụ nữ đòi hỏi kiểm soát sinh đẻ nhằm mục đích nhân đạo. Tội lỗi thực sự là sự sinh con bừa bãi để rồi sống nghèo nhọc vì cha mẹ không có đủ khả năng săn sóc và dạy dỗ chúng cho chu đáo.

Hồi Giáo và Công Giáo La Mã là những kẻ đạo đức giả chống phụ nữ nhằm bảo vệ quyền lực, giới lãnh đạo các tôn giáo này hoàn toàn là đàn ông. Tòa Thánh La Mã rêu rao rằng Chúa Jesus cũng chỉ chọn các tông đồ của Ngài là đàn ông nên tòa thánh cũng theo gương Chúa không truyền chức linh mục cho đàn bà.

Thiên Chúa Giáo quan niệm Thiên Chúa là đàn ông nhưng vị đàn ông toàn năng này lại lảm điều (talkative) còn hơn đàn bà. Các sách Kinh Thánh, từ Cựu Ước, Tân Ước đến Koran, tất cả đều được coi là những cuốn sách ghi chép Lời Chúa (Words of God). Những lời của Chúa được viết trong rất nhiều sách khác nhau với những ý tưởng mâu thuẫn đối nghịch nhau. Giáo hội chọn lựa bằng cách bầu cử trong các cuộc họp của giới lãnh đạo được mệnh danh là Công đồng, như công đồng Nicaea năm 325 chẳng hạn. Cuốn sách được chọn theo đa số trở thành Thánh Kinh rồi gán cho nó là ghi chép lời Chúa. Sách ghi lời Chúa bị công đồng bác bỏ trở thành sách rối đạo (heretics) ghi chép lời của quỷ Satan.

Thomas Paine đã viết: "*Những cuốn sách đó (Cựu Ước và Tân Ước) đã được bầu để trở thành Lời Chúa. Nếu họ bầu khác đi thì mọi người tự nhận là Kitô Giáo đã chẳng tin theo cách khác rồi sao!*" (Those books were voted to be the Word of God. Had they voted otherwise, all the people, since calling themselves Christians, had believed otherwise! (Selected Work of Thomas Paine, The Age of Reason, p. 293).

Trong thế kỷ đầu Công Nguyên, có tới trên mười cuốn sách viết về Jesus nhưng công đồng Nicaea chỉ chọn 4 cuốn làm Lời Chúa. Nhưng trong 4 cuốn này cũng chứa đầy những mâu thuẫn và những điều phản lý trí. Do đó, giáo hội Công Giáo dành độc quyền giải thích Lời Chúa để quyết định là lời nào Chúa nói đúng và lời nào Chúa nói bậy. Chẳng hạn Chúa Jesus nguyên rửa những người giàu: "*Kẻ giàu vào nước thiên đàng còn khó hơn con lạc đà chui qua lỗ kim*". Giáo hội và giáo hoàng sống trong xa hoa phú quý chẳng lẽ cũng bị Chúa nguyên rửa sao? Giáo hội giải thích "lỗ kim" mà Chúa đề cập tới không phải là lỗ kim của thợ may mà là một cái cổng của thành Jerusalem có tên là Lỗ Kim (The Needle-Hole Gate). Các nhà sử học lừng danh thế giới và các nhà khoa học khảo cổ đã tìm mỗi mắt mà vẫn chưa thấy một tài liệu nào nói về cái "Cổng thành Lỗ Kim" ở Jerusalem!

Đạo Do Thái nói các Lời Chúa được Chúa truyền thẳng cho Abraham và Moses (Mai-sen) mặt đối mặt (face to face). Đạo Kitô nói các thánh sử (các tác giả Tân Ước) được ơn của Chúa Thánh Thần soi sáng. Riêng St. Paul (Phaolô), không phải là môn đệ theo Chúa lúc Ngài còn sống, đã tự ý viết những bức thư giải thích mọi vấn đề của đạo Kitô Nguyên Thủy. Những bức thư của Paul được xếp vào bộ sách Tân Ước và là rường cột của đạo Kitô. Những lời của Paul đã trở thành Lời Chúa! Không một tông đồ nào của Chúa, kể cả Phêrô, được giáo hội Kitô tôn trọng bằng Paul. Thậm chí cuốn Phúc Âm của Phêrô (Gospel of Peter) bị coi là tà đạo (heretic) và bị bác bỏ. Các học giả ngày nay đã không lâu khi họ gọi đạo Kitô là thần học của Phaolô. (The Pauline theology).

Vài điểm cần để ý:

a) Đạo Hồi cũng nói kinh Koran ghi chép lời Chúa do thiên thần Gabriel đọc cho Muhammad viết ra. Thiên Chúa quả là ưa lảm điều nhiều chuyện (talkative) nhưng Ngài đã chọn Muhammad là người cuối cùng trên thế gian để nghe và ghi chép tốc ký những lời Chúa phán. Từ đó đến tận thế, Thiên Chúa cấm khẩu luôn và đã xin thề từ nay "em" không muốn nói thêm một điều gì nữa. Tất cả các lời của Chúa đều đã được ghi chép đầy đủ, nói đúng hơn là quá thừa mứa, trong các sách thánh kinh của ba đạo thờ Thiên Chúa nói trên.

b) Tính tình của Thiên Chúa thay đổi bất thường. Thánh Kinh cho thấy, mỗi khi gặp chuyện trái ý, ngài nổi giận đùng đùng và trở nên ác độc còn hơn cạp beo linh cẩu. Vì oán giận hai thành phố Sodoma và Gomorah có nhiều người không tôn thờ Chúa nên Chúa đã đổ lửa từ trời xuống thiêu hủy hai thành phố này, trong đó có biết bao nhiêu người vô tội phải vạ lây (*mèo ốm phải đòn, mèo con phải vạ*). Chúa cũng là một kẻ có tính thiên vị. Ngài chọn Do Thái làm dân riêng của Ngài vì Ngài muốn như vậy chứ không phải vì dân Do Thái đạo đức hay tốt lành hơn các dân tộc khác. Ngài tìm cách cứu Do Thái vượt qua Biển Đỏ thoát khỏi ách nô lệ Ai Cập bằng cách giết

hết các con trai đầu lòng của dân Ai Cập để buộc vua Ai Cập vì xót thương dân tộc mình nên đành phải chấp thuận cho dân Do Thái rời Ai Cập lên đường tìm tự do!

Thiên Chúa cũng không biết trước tương lai khi Ngài muốn thử lòng Abraham để xem Abraham có tôn thờ Ngài trên hết mọi sự không. Bà Sarah, vợ của Abraham, lúc đã ngoài 70 tuổi mà không có con. Chúa hứa hai vợ chồng Abraham sẽ có con trai nối dõi làm cho hai vợ chồng Abraham phải phì cười. Nhưng phàm việc gì Chúa đã hứa thì Chúa làm, chỉ ít lâu sau quả nhiên vợ chồng Abraham sinh ra một đứa con trai (Thánh Kinh nói như thế). Đứa bé được đặt tên Isaac có nghĩa là Tiếng Cười (Laughter). Khi đứa bé lớn lên thành một thiếu niên thông minh tuấn tú được cha mẹ hết lòng yêu thương thì Chúa ra lệnh cho Abraham phải mang con lên núi. Chúa truyền lệnh cho Abraham phải tự tay đâm chết con trai yêu quý của mình và hỏa thiêu nó để cúng tế Ngài. Abraham giấu dao trong mình và bắt Isaac phải còng lưng vác một bó củi lớn theo cha lên núi. Lúc chuẩn bị xong đóng củi, Abraham rút dao ra sắp sửa giết con một mình để làm đẹp lòng nhân lành của Chúa thì Chúa phán như hễ cải lương : *"Khoan, Ta đã hiểu lòng con chí tình chí hiếu ."*, và Chúa ra lệnh cho Abraham đừng giết con mình nữa kéo tội nghiệp. Abraham rất biết ơn về lòng nhân từ vô lượng của Chúa nên đã dùng một con dê làm vật hy sinh thế mạng con mình để tế thờ Thiên Chúa. Vì vậy nhân loại mới có danh từ *"Con Dê Tế Thần"* (The Scapegoat).

Chúa Jesus là con Một của Thiên Chúa nhưng Chúa cũng không thương xót mà bắt buộc Jesus phải chết mới tha cho loài người cái tội tổ tông (original sin). Dù Jesus đã phải chết thảm trên thập tự giá nhưng loài người cũng chỉ được tha tội trên danh nghĩa mà thôi vì thực tế loài người vẫn phải gánh chịu mọi hậu quả của tội tổ tông (đàn ông phải vất vả mới kiếm được miếng ăn, đàn bà vẫn mang nặng đẻ đau). Cái chết của Jesus chẳng có ích lợi gì cho loài người trên thực tế vì Jesus chỉ có khả năng xin Thiên Chúa tha "tội tổ tông huyền thoại nhằm nhí" mà không có khả năng làm Thiên Chúa nguôi giận hủy bỏ hình phạt buộc con người phải sống đau khổ tại thế gian vì cái tội mà tổ tông loài người đã phạm với Chúa. Chúa là một sinh vật thù dai vô duyên nhất trong vũ trụ!

Tại sao người ta phải tạo ra một Thiên Chúa độc ác như vậy? Lý do khiến người ta biến Thiên Chúa thành một Ông Ngáo Ộp, cốt để hù dọa những kẻ ngây thơ, lúc nào cũng tự nhận mình là kẻ có tội (Sinner) và chỉ có Giáo Hội Công Giáo La Mã mới có đủ khả năng và thẩm quyền ì xin Chúa tha tội cho mà thôi! Giáo hội sẽ tha hồ độc chiếm quyền lực và hưởng lợi. Đúng như Thomas Paine đã viết: *"Tất cả các định chế giáo hội, bất kể là đạo Do Thái, Kitô hay Hồi Giáo (như Hồi Giáo ở Thổ Nhĩ Kỳ chẳng hạn) đối với tôi chỉ là những phát minh của con người mà thôi. Những định chế đó được đặt ra chỉ nhằm khủng bố, nô lệ con người và độc chiếm quyền lực để hưởng lợi"* (All national institutions of Churches, whether Jewish, Christian or Turkish (Islam), appear to me no other than human inventions, set up to terrify and enslave mankind and monopolize power and profit - The Selected Work of Thomas Paine, p. 285).

1.8.2. Tín đồ Thiên Chúa Giáo cuồng tín và hiếu sát.

Kinh Thánh Cựu Ước kể rằng: Sau khi đoàn người Do Thái được Chúa cứu bằng cách hóa phép cho nước Biển Đỏ rẽ ra thành đường đi an toàn dưới đáy biển, đoàn quân Ai Cập chạy đuổi theo đã bị Chúa hóa phép cho nước biển ập lại bị chết đuối hết, thánh Moses đã quì xuống dang hai tay lên trời ca ngợi Chúa là "Thiên Chúa của các đạo binh" (God of the Armies) chẳng khác nào thần chiến tranh Mars của thần thoại Hy Lạp. Một khi Thiên Chúa đã là một vị thần chiến tranh, tất nhiên các tín

đồ thờ Chúa phải trở thành các chiến sĩ của đức tin hiếu chiến và hiếu sát!

Suốt thời gian 150 năm, từ 1006 đến 1254, Công Giáo La Mã đã gây 6 cuộc thánh chiến tiêu diệt Hồi Giáo. Cuộc chiến tranh tôn giáo ở Pháp giữa Công Giáo và Tinh Lành kéo dài 32 năm (1562-1594) khiến cho hàng chục ngàn người Tin Lành bị giết. Người Do Thái bị Công Giáo tiêu diệt nhiều đợt đến gần tuyệt chủng (sẽ được trình bày chi tiết trong một cuốn sách khác).

Toàn Âu Châu đã bị tắm máu với trên 300 năm tác oai tác quái của tòa án xử dị giáo (Inquisitions) với đủ thứ cực hình dã man như thiêu sống trên dàn hỏa, trấn nước, xẻo thịt... những người không tin hay nói khác Kinh Thánh. Năm 1514, nhà thiên văn học đại tài Copernic đã viết ra cuốn *Traité des Révolutions Célestes*, tuy chỉ có 20 trang thôi nhưng được hậu thế coi là một trong những cuốn sách đầu tiên khám phá ra sự thật trái đất quay quanh mặt trời. Copernic không dám công bố cuốn sách quan trọng này vì sợ bị đem lên dàn hỏa thiêu sống bởi tòa án dị giáo của Giáo Hội Công Giáo. Hơn một trăm năm sau, Galilee (1562-1642) đã dựa vào tài liệu của Copernic và khai triển thành thuyết thái dương hệ. Lúc đó người ta mới biết Copernic đã dấu cuốn sách của ông 30 năm trong bí mật, trước khi chết, ông trao cuốn sách lại cho bạn thân với lời căn dặn chỉ được xuất bản sau khi ông đã chết mà thôi (a posthumous book). Bản thân Galilee đã bị tòa án dị giáo dọa thiêu sống, ông đành phủ nhận thuyết thái dương hệ và ông chỉ bị giam lỏng đến chết.

Tội ác của Công Giáo La Mã đối với các dân tộc Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ La Tinh kể ra bằng nhiều cuốn sách cũng chưa đủ nói hết. Đạo Hồi cũng chẳng thua kém gì về sự tàn bạo. Danh từ "ASSASSIN" là do tên của một giáo phái Hồi Giáo mà ra. Nguyên vào thế kỷ thứ 11, giáo phái Hồi Giáo Hassan chiếm thành phố Alamut (Ba Tư). Sau đó giáo phái này dùng bạo lực truyền đạo Hồi ra khắp Ba Tư, Iraq và Syria. Giáo phái này nổi danh khắp thế giới về lòng cuồng tín và luôn luôn sẵn sàng tự sát (the suicidally fanatic devotion). Đầu thế kỷ 12, nhiều người Âu Châu đi du lịch tại các nước Hồi Giáo nói trên đã được chứng kiến nhiều cảnh tượng kinh dị. Khi có nhiều du khách đến thăm những pháo tháp (turrets) của đền thờ Hồi Giáo, các giáo chủ thường chỉ cho họ thấy người lính Hồi Giáo đang đứng gác trên tháp và hỏi: "Quý vị có nhìn thấy người lính của tôi đang đứng trên tháp không?". Mọi con mắt của du khách đổ dồn về người lính đó. Giáo chủ nói "Hãy coi đây" đồng thời dùng tay ra hiệu. Ngay lập tức, người lính gác cúi đầu chào và nhảy xuống đất từ ngọn tháp cao, chết liền tại chỗ để cho du khách xem.

Những câu chuyện trên đã biến thành những cuốn tiểu thuyết kinh dị phổ biến tại Âu Châu. Ít lâu sau, Thổ Nhĩ Kỳ chiếm Ba Tư và Iraq, giáo phái Hassan lui vào bóng tối biến thành các tổ chức khủng bố quốc tế. Mục tiêu của họ là tìm mọi cách để ám sát các giới chức cao cấp trong chính quyền và quân đội Thổ Nhĩ Kỳ. Tiếng Ả Rập gọi nhóm khủng bố Hassan là HASHSHASHIN, có nghĩa là những kẻ điên cuồng như người nghiện ma túy (users of hassish). Tiếng Ả Rập Hashshashin đã được Âu hóa thành "ASSASSIN", lúc đầu chỉ có nghĩa là kẻ sùng đạo (devotee), sau này được đổi nghĩa thành "kẻ giết người với mục đích chính trị" (political murders). Ngày nay, chính sách khủng bố đã trở thành phổ biến tại các nước Hồi Giáo mà đại đa số nạn nhân của chính sách này là những thường dân vô tội.

1.8.3. Cổng Trời và ngày tận thế là hai nỗi ám ảnh lớn nhất của các tín đồ thờ Chúa.

Tạp chí chuyên khảo về địa lý thế giới có uy tín bậc nhất hoàn vũ trong hơn một thế kỷ qua là

National Geographic Magazine của Hoa Kỳ. Trong vòng trên một trăm năm nghiên cứu và phổ biến các kiến thức về địa dư, chủ nhân của tạp chí này đã bỏ ra những khoản tiền khổng lồ để tài trợ cho trên 3000 cuộc thám hiểm khoa học và khai quật thuộc khảo cổ. Số đặc biệt ra trong tháng 5/1991, với chủ đề in ngoài bìa: "Iraq, Crucible of Civilization", tờ National Geographic đã xác định Iraq (tức Babylon thời cổ) mới đích thực là cái nôi của các đạo Thiên Chúa. Thành phố UR, thuộc đế quốc Babylon, là sinh quán của Abraham. Thần bò El và các chuyện thần thoại như Vườn Địa Đàng, tháp Babel đều là những chuyện tưởng tượng của người Babylon cách đây trên 5 ngàn năm!

Sách Khải Huyền của John viết: *"Tôi thấy trời mới và đất mới. Tôi cũng thấy thành phố Jerusalem mới từ trên trời, nơi ở của Thiên Chúa, mà xuống".* Kinh Koran viết: *"Trước khi đưa Muhammad lên tầng trời thứ bảy để gặp Thiên Chúa, thiên thần Gabriel đã đưa ngài đến thăm thánh địa Jerusalem".* Chương 17 Phúc âm của Luke viết: *"Trận hồng thủy trong thời Noah sẽ tái diễn trong ngày tận thế là ngày tái lâm của Chúa Jesus. Trong lúc mọi người đang ăn uống, cưới gã, mua bán, trồng cây, xây nhà cửa thì nước lụt chọt đến tiêu diệt tất cả".*

Giáo phái Cơ Đốc Phục Lâm (Seventh Day Adventists) tin rằng Cổng Thiên Đàng (Heaven Gate) nằm trong "cái gương" của chòm sao Hiệp Sĩ (Orion) tức chòm sao Rùa. Chúa Jesus sẽ xuống thế gian lần thứ hai (phục lâm, tái lâm từ cổng thiên đàng ở chòm sao Rùa này. Ngày Chúa Tái Lâm là ngày tận thế, mọi người chết sẽ sống lại để nghe Chúa Jesus phán xử cùng với các người còn sống sót trên thế gian.

Giáo phái Cơ Đốc Phục Lâm chuyên về y khoa, đã đào tạo hàng ngàn bác sĩ và mở rất nhiều bệnh viện trên khắp thế giới. Trước 1975, ở Saigon cũng có một bệnh viện mang tên Cơ Đốc của giáo phái này. Người sáng lập Cơ Đốc Phục Lâm là một phụ nữ Mỹ lai da đen tên White. Trong cuốn sách viết năm 1848, bà White mô tả ngày tận thế như sau: *"Mặt trời mặt trăng và các ngôi sao dời đi nơi khác. Từ cửa thiên đàng ở chòm sao Orion có tiếng Thiên Chúa phán xuống thế gian và một thành phố thánh đáp xuống thế gian qua cửa thiên đàng đó".*

Giáo phái Davidians của Koresh là một nhóm nhỏ của Cơ Đốc Phục Lâm. Năm 1993, trụ sở của Koresh tại Waco (Texas, Hoa Kỳ) bị chính quyền Mỹ tấn công về tội chứa vũ khí bất hợp pháp. Trong lúc đang bị nhà chức trách bao vây, Koresh và 81 tín đồ đã nổi lửa đốt giáo đường để tự sát tập thể. Trong số nạn nhân có cả những người học thức như bác sĩ, luật sư. Họ tin rằng tự sát là con đường nhanh nhất để được về Nước Chúa.

Nước Chúa và ngày tận thế luôn luôn đi đôi với nhau, đúng theo lời dạy của các tiên tri Do Thái Isaiah, Gioan Baotixita và Jesus. Giáo sư John Grossan, cựu linh mục Công Giáo, đã gọi các vị tiên tri này là những vị tiên tri của thuyết Khải Huyền (Apocalyptic prophets) chủ đích dùng hình ảnh khủng khiếp của ngày tận thế để hù dọa mọi người theo đạo để chuẩn bị đón nhận "hạnh phúc" của Nước Cha Trị Đến !.

Năm 1827, Joseph Smith lập đạo Mormon tại New York với chủ đề: *Ngày tận thế đã đến gần như trong tầm tay* (Judgement Day was at hand) hô hào giáo dân thành lập những đạo quân vũ trang hùng hậu (Well-armed legion of followers) để đón nhận Nước Chúa. Y tự nhận là vua của Nước Chúa và vận động tranh cử tổng thống Mỹ năm 1844. Các tội ác của Joseph Smith và tín đồ Mormon đã được mô tả trong tác phẩm *A Study in Scarlet của Sherlock Holm*. Smith bị đám đông quần chúng ở Illinois (Hoa Kỳ) giết chết ngày 27-6-1884. Tín đồ Mormon tại Mỹ lên tới trên 1 triệu!

Giáo phái The People Temples của mục sư Jim Jones là một nhánh tách ra khỏi giáo phái Tin Lành Methodist năm 1956. Giáo phái này loan truyền ngày tận thế sẽ đến với loài người bằng bom

nguyên tử và kêu gọi mọi người hãy trốn hiểm họa tận thế bằng cách đến vùng Belo Horizonte nước Ba Tây. Vì bị ám ảnh bởi Thánh Kinh về ngày tận thế, hàng ngàn tín đồ Kitô Giáo đã đi theo Jim Jones. Kết quả, 914 tín đồ nhẹ dạ đã bị tên mục sư này đầu độc chết.

Ngoài ra, còn nhiều giáo phái khác thuộc đạo Tin Lành như Đạo Moon, Jesus Freaks, Jesus People... cũng dùng thủ đoạn tuyên truyền đề cao Thiên Đàng và chuẩn bị mọi thứ cho ngày tận thế để thu hút tín đồ.

Nói đến những giáo phái kể trên, người Công Giáo thường bấu môi chê họ là những người mê tín. Nhưng thực sự, người Công Giáo cũng tin thuyết tận thế chẳng kém gì các đạo Cồng Trời biến thể từ đạo Tin Lành! Xin hãy đọc cuốn **"Trước Con Giông Tố"** của trí thức Công Giáo Trương Tiến Đạt, tác giả xuất bản năm 1995. Nửa sau của cuốn sách, tác giả dành riêng để nói về những "dấu chỉ ngày Chúa tái lâm đã gần kề". Tác giả đưa chúng ta đến *"kết luận vô cùng quan trọng rằng chúng ta đang ở trong những ngày cuối cùng, trước ngày Chúa Giê-Su tái lâm"*(trang 56). Tác giả nêu lên lời tiên tri của Đức Mẹ Maria để chứng minh cho niềm tin của ông là chính xác. Ông Đạt viết: *"Theo các sứ điệp mới nhất của Đức Mẹ trong thời gian gần đây, đức Gioan Phao-lô II sẽ phải bỏ Vatican chạy trốn đi lưu vong. Biến cố này xảy ra trong thời gian cuối năm 1995 hay đầu năm 1996"* (trang 58). Ông Đạt cũng viện dẫn Kinh Thánh Cựu Ước: *"... mở màn cho thời kỳ Đại Biến Loạn là thời kỳ sẽ kéo dài 3 năm rưỡi, một thời kỳ đã được Kinh Thánh nói tới cả chục lần... Biến cố khủng khiếp này được gọi là biến cố Đại Cảnh Báo (Great Warning) và sẽ xảy ra sau khi Giáo Hoàng Gioan Phaolô II bỏ Vatican chạy trốn đi lưu vong. Nghĩa là sẽ xảy ra nội trong năm 1995 hay đầu năm 1996"* (trang 61) *"có nhiều hiện tượng xảy ra làm cho chúng tôi tin rằng biến cố Đại Cảnh Báo sắp xảy ra, gần đây nhất là vụ Tượng Đức Mẹ khóc tại một nơi cạnh La Mã"* (trang 62).

Tác giả Trương Tiến Đạt, cũng như nhiều đồng bào Công Giáo Việt Nam đang sống trên nước Mỹ, ôm mối hận Mỹ lật đổ tổng thống Công Giáo năm 1963 nên thù ghét Mỹ hơn thù Cộng Sản. Ông Đạt viết trong sự tin tưởng: *"Một ít ngày sau khi xảy ra trận động đất tàn phá Miền Tây Hoa Kỳ, một trận bão lớn chưa từng có sẽ tàn phá các tiểu bang Miền Đông Hoa Kỳ... Trận bão này sẽ làm cho nền kinh tế Hoa Kỳ sụp đổ... Chính trong tình trạng nền kinh tế Hoa Kỳ sụp đổ như thế, Nga Sô và Trung Cộng sẽ cùng các nước đồng minh Hồi Giáo tấn công Hoa Kỳ và các nước đồng minh Tây Phương. Trận chiến sẽ chỉ kéo dài một tiếng đồng hồ. Và Hoa Kỳ sẽ đầu hàng sau khi bị tàn phá nặng nề"* (trang 63).

Đoạn cuối cùng của cuốn sách, nhà trí thức Công Giáo kiêm cựu Nghị Sĩ Việt Nam Cộng Hòa viết: *"Sau 3 ngày tối đen, ánh sáng sẽ trở lại mặt đất. Địa cầu được thanh tẩy về phương diện linh thiêng. Nhưng mặt đất chắc chắn sẽ la liệt xác chết... Chúa Giê-Su sẽ từ trời hiện xuống giữa tiếng kêu gọi và tiếng loa, các người đã chết sẽ sống lại. Các người còn sống lúc đó sẽ không phải chết, nhưng sẽ cùng với các người đã sống lại để bay lên không trung giữa các đám mây để cùng đón Chúa (1 Thes.4:15-8).*

Lạy Chúa tôi, tôi cũng là một người Công Giáo, đọc xong sách của nhà tiên tri Trương Tiến Đạt xong tôi chỉ còn biết chấp hai tay nguyện cầu cho cái ngày tận thế ấy sớm đến với Giáo Hội Công Giáo yêu quý của mình!

2. KITÔ GIÁO (**)

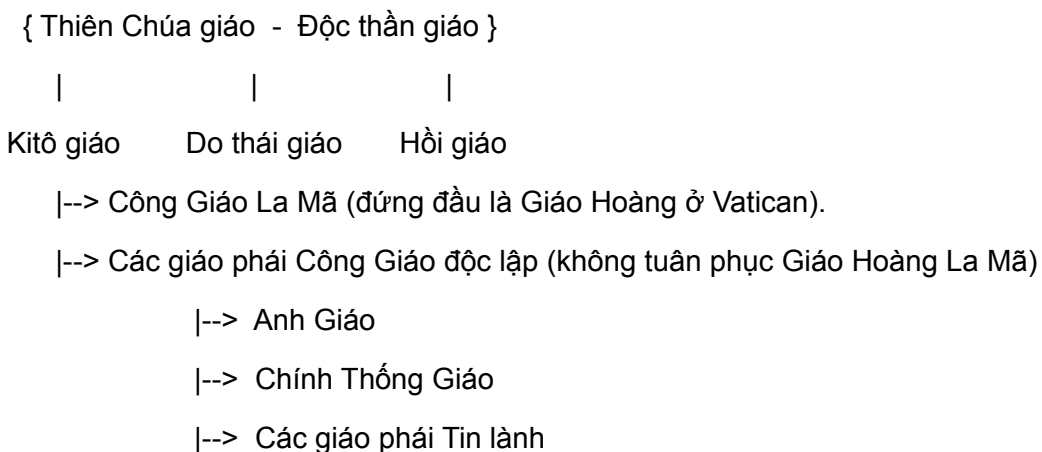
2.1. NGUỒN GỐC HUYỀN THOẠI KITÔ

(** : tựa do người chép sách tự đặt)

Trong hệ thống Độc Thần Giáo, Kitô Giáo chiếm tỷ lệ tín đồ lớn nhất. Kitô Giáo bao gồm các tôn giáo thờ Jesus vì họ tin rằng Jesus là Chúa Cứu Thế chuộc tội thiên hạ. Tất cả các tín đồ tin thờ Jesus theo ý nghĩa này đều được gọi chung là Ki-tô-hữu (Christians) gồm có:

- Công Giáo La Mã (Roman Catholic)
- Các chi phái Công Giáo độc lập khác (Công Giáo Ai Cập, Công Giáo Nam Phi, Công Giáo Hy Lạp...)
- Chính Thống Giáo
- Anh Giáo
- Các giáo phái Tin Lành (Cơ Đốc, Quaker Lutheran... và gần 200 giáo phái khác nhau).

Ở nước ta, Công Giáo La Mã đã được truyền tới lần đầu tiên do cố đạo Tây Ban Nha Ignatius tại làng Ninh Cường (Bùi Chu) tỉnh Nam Định từ năm 1533. Cho đến nay, trải qua gần 5 thế kỷ, chỉ có Công Giáo La Mã chiếm địa vị ưu thắng so với các giáo phái khác của đạo Kitô. Do đó, người dân Việt Nam thường lẫn lộn Công Giáo La Mã với các tôn giáo khác thuộc hệ thống Kitô Giáo. Nhiều người lầm lẫn gọi Công Giáo La Mã là đạo Gia Tô hoặc đạo Thiên chúa. Thực ra Công Giáo La Mã chỉ là một giáo phái lớn của Kitô mà thôi. Đối với Tây Phương, Công Giáo La Mã được coi là dòng chính của Kitô Giáo (the main line of Christianity). Chính Thống Giáo, Anh Giáo và các giáo phái Tin Lành cũng là Kitô Giáo và đều thờ Jesus (Chúa Gia Tô) cả. Kitô Giáo cũng không phải là tôn giáo duy nhất thờ Thiên Chúa vì Do Thái Giáo và Hồi Giáo cũng thờ vị Thiên Chúa của Kinh Thánh Cựu Ước. Cho nên tất cả các tôn giáo nói trên đều là Thiên Chúa Giáo (tức Độc Thần Giáo). Chúng ta có thể hình dung Thiên Chúa Giáo theo sơ đồ sau đây:



Kitô Giáo là tôn giáo lớn nhất thế giới và có ảnh hưởng mật thiết tới vận mệnh nhân loại. Do đó việc nghiên cứu huyền thoại Kitô là một vấn đề hết sức quan trọng. Nếu huyền thoại Kitô bị đánh đổ thì toàn bộ hệ thống Kitô Giáo bị suy sụp chứ không riêng gì Công Giáo La Mã vì Công Giáo La Mã chỉ là một trong những giáo phái Kitô mà thôi.

Hiện nay, rất nhiều nhà sử học và khoa học gia đều tùy thuộc theo khả năng chuyên môn của mình

và đóng góp phần tích cực làm sáng tỏ thực chất của huyền thoại Kitô. Riêng trong phần bài viết này, chúng tôi chỉ trình bày về việc nghiên cứu nguồn gốc huyền thoại Kitô của Hội Nghiên Cứu Thánh Kinh Raph Woodrow ở Hoa Kỳ mà thôi. (Ralph Woodrow Evangelistic Association – P.O. Box 124 Riverside, California, CA 92502). Hội này đã cho xuất bản cuốn sách nghiên cứu về Kinh Thánh hết sức công phu của họ, nhan đề "*Babylon Mystery Religion – ancient and modern*", in lần đầu vào năm 1966, tái bản năm 1990 với 350.000 ấn bản. Chương đầu của cuốn sách này, từ trang 1-6, tường thuật nguồn gốc Huyền thoại Kitô căn cứ trên Kinh Thánh Cựu Ước của Do Thái và Tân Ước của Kitô Giáo như sau:

Sách Khải Huyền (The Revelation) là cuốn cuối cùng của Bộ Thánh Kinh Tân Ước đã viết những hàng chữ lớn (in big capital letters) để nói về một giáo hội đã suy tàn (the fallen church) là Babylon: "BABYLON GREAT, THE MOTHER OF HARLOTS AND ABOMINATIONS OF THE EARTH – Rev. 17: 1-6). Xin tạm dịch: *Babylon vĩ đại, là bà mẹ đã sinh ra các con điếm và những chuyện kinh khủng của trái đất này!*

Đi ngược lại thời gian trên một ngàn năm trước khi cuốn sách cuối cùng này của bộ Tân Ước được viết ra, ta sẽ thấy người Do Thái viết về các tổ phụ xa xưa của họ trong sách Sáng Thế Ký là cuốn sách đầu tiên của Bộ Thánh Kinh Cựu Ước: "They journeyed from the East, they found the plain in the land of Shinar and they dwelt there – Gen. 11:2". Họ từ phương Đông tiếp tục cuộc hành trình, họ đã tìm thấy đồng bằng trong vùng đất Shinar và họ định cư tại đó. Shinar chính là Babylon theo tên gọi sau này và người Hy Lạp gọi là Mesopotamia. Sách Sáng Thế Ký kể tiếp về dòng dõi của một vị anh hùng: „*Ông Cush sinh ra Nimrod. Đây là người có đầy quyền năng trên trái đất. Người là một thợ săn đầy quyền năng trước mặt Thiên Chúa*“ (And Cush begat Nimrod. He began to be a mighty one in the earth. He was the mighty hunter before the Lord – Gen. 10:8-9).

Khoảng 10.000 năm trước Công Nguyên, khi giống người Cổ Do Thái – Ả Rập đến định cư tại vùng Châu Thổ của hai con sông Euphrate và Tigris (tức Mesopotamia) thì vùng này có đầy dẫy những loài thú dữ: sư tử, linh cẩu, chó rừng... Nimrod là một người thợ săn hùng dũng đã diệt nhiều thú dữ bảo vệ dân chúng nên được tôn lên làm vị lãnh đạo một vương quốc rộng lớn bao gồm nhiều thị trấn: „*Và mở đầu vương quốc của người ở Babel, Erech, Accad và Calneh thuộc vùng đất Shimar*“ (And the beginning of his kingdom was Badel, Erech, Accad and Calneh in the Land of Shinar – Gen 10:10). Sau khi Nimrod chết, dân chúng khóc than thương tiếc vô cùng. Bà vợ của Nimrod là Semiramis thấy vậy đã an ủi quần chúng bằng cách lóc thịt xác chết của Nimrod, chặt thành những miếng nhỏ đem nướng và gửi đi khắp nơi trong vùng (Judges 19:29 – I Samed 11:7). Lúc đó bà đang mang bầu và bà vững tin là sẽ sinh ra một con trai. Bà Semiramis long trọng tuyên bố trước quần chúng: „*Nimrod là Thần Mặt Trời. Ta sẽ sinh ra một con trai và sẽ đặt tên là Tammuz, con trai ta sẽ là anh hùng Nimrod tái sinh để cứu toàn dân*“ (She claimed her son was supernaturally conceived and that the promised seed, the Savior – Gen. 3:15) Bà Semiramis trở thành vị tiên tri đầu tiên báo trước cho dân chúng về Đấng Cứu Thế (Messiah – Christ). Từ đó, dân chúng ao ước chờ mong ngày Đấng Cứu Thế sẽ ra đời. Về sau, một tôn giáo xuất hiện tại Shinar (Babylon) tôn thờ Nimrod, Tammuz và cả bà mẹ bồng con thơ trên tay để thờ (tương tự như Đức Bà Maria bồng Chúa Jesus Hà Đông).

Tôn giáo này lan rộng ra khắp vùng (Gen. 11:9). Sau này, thánh Phaolô của Kitô Giáo chỉ trích tôn giáo này là đạo thờ ảnh tượng là hoàn toàn sai lầm. Trong bức thư gửi giáo dân tại Roma, Phaolô viết: "*Người ta tự cho mình là khôn ngoan song họ đã trở thành những kẻ điên rồ, họ đã biến đổi Thiên Chúa vĩnh hằng thành hình tượng của con người để bị hư mất, họ tôn thờ và phục vụ tạo vật chứ không phải Tạo Hóa*" (Professing themselves to be wise, they became fools and changed the glory of

the uncorruptible God into an image of corruptible man. Worshipped and served the creature more than Creator... – Rom. 1:21-26)

Đạo thờ Thần Mặt trời Nimrod và Chúa Cứu Thế Tammuz phát triển với nhiều nghi thức tế lễ rất dã man. Họ tạc tượng thần bằng kim loại rất lớn, hai bàn tay của thần to bằng hai cái chảo lớn. Bên trong tượng thần là một cái lò lửa để đốt nóng hai bàn tay của thần. Khi làm lễ lớn tế thần, các tu sĩ của đạo Nimrod thường bắt trinh nữ (virgin daughters) hoặc con trai đầu lòng (the first born sons) của những người nô lệ bỏ vào hai bàn tay nóng chảy của thần để nưóng sống trong tiếng trống và tiếng phèng la vang dội để lấn áp các tiếng thét của các nạn nhân và gia đình nạn nhân (Jerimiah 7:31).

Đạo thờ Thần Mặt Trời Nimrod và Chúa Cứu Thế Tammuz tin rằng lửa là hiện thân của Thần Mặt Trời tại thế gian vì vậy mỗi khi cúng tế, họ thắp nến (đèn cầy) và làm nhiều hình tròn có tia sáng (giống như bánh thánh hình tròn để trong Mặt Nhật làm bằng kim loại mạ vàng trong các lễ Châu Minh Thánh Chúa ở các nhà thờ Công Giáo).

Sau khi tế lễ, các tu sĩ đạo Nimrod chặt nhỏ xác nạn nhân đã nưóng chín và chia nhau ăn. Theo ngôn ngữ Babylon, các tu sĩ này được gọi là CAHNA và Thiên Chúa là BAL. Từ đó phát sinh ra chữ CANNIBAL là danh từ để gọi những kẻ ăn thịt đồng loại (sách dẫn chiếu trang 120-121). Tiếng Anh CANNIBAL và tiếng Pháp CANNIBALE đều có nghĩa là "mọi ăn thịt người".

Trọn chương 7 cuốn "Babylon Mystery Religion" từ trang 115-126 trình bày các lễ nghi của Công Giáo La Mã ngày nay rất tương đồng với các lễ nghi của đạo thờ Thần Mặt Trời Nimrod. Trong các lễ Misa, từ cha cổ đến giáo dân đều chia nhau ăn bánh thánh hình tròn và đều tin rằng đó chính là thịt thật của Chúa Jesus đã tử nạn trên thập giá xưa kia. Dù chỉ là ăn thịt người một cách tượng trưng, những người Công Giáo thật sự đều là "Cannibals" trong đáy sâu linh hồn họ.

Trong lịch sử Việt Nam, chúng ta chưa từng bao giờ nghe nói đến những vụ tế thần bằng người sống rồi chia nhau ăn thịt một cách thương tâm và man rợ như ở Babylon. Người Việt Nam bình thường ăn bánh thì chỉ nghĩ là mình đang ăn bánh thật mà thôi chứ chẳng bao giờ lại có ý nghĩ quái đản là mình đang ăn thịt của một người nào đó!

Trong kinh cầu ông thánh Phan xi cô Xavie có câu: *"Ông thánh Phan xi cô là lính rao tiếng Đức Chúa Thánh Thần cho các dân tộc mọi rợ"* (trang 786 Kinh Nhật Khóa của Tổng Giáo Phận Saigon, áp dụng cho Công Giáo toàn Miền Nam Việt Nam) và câu *"Chúng tôi là kẻ ngây muội xưa nay, chẳng có công gì đáng được ơn trọng đạo thánh Giêxu soi đến nước này cho chúng tôi biết được đạo Thánh Đức Chúa Trời là sáng thật"* (trang 203 Toàn Niên Kinh Nguyện của Địa Phận Hà Nội và Bùi Chu, đại diện cho Công Giáo toàn miền Bắc Việt Nam), Kinh Dâng mình cho Trái Tim Chúa Giêxu có câu: *"Xin Chúa tôi hãy làm vua các kẻ còn ở nơi tối tăm thờ bụt thần hay là theo đạo Mahomét"* (trang 145 Toàn Niên Kinh Nguyện Hà Nội-Bùi Chu). Khi đọc kinh cầu nguyện xin Chúa soi sáng, có bao giờ các cha cổ bản xứ Việt Nam tự hỏi; ai mới thật sự là dân mọi rợ ăn thịt người (dù là tưởng tượng) và ai mới là kẻ đang còn ở trong bóng tối của tinh thần (spiritual darkness)? Xin hãy tự hỏi và hãy tự trả lời.

2.2 CÁI KHỔ CỦA JESUS TRÊN THẬP GIÁ.

Thập giá là một dụng cụ giết người hết sức dã man, thường được các đế quốc cổ Hy Lạp và cổ La Mã sử dụng. Đây là một loại cực hình đặc biệt mà người La Mã và Hy Lạp chỉ dùng riêng cho các nô lệ hoặc dân các nước thuộc địa nổi loạn chứ không áp dụng cho các công dân của họ. Trước khi bị đóng đinh, các tội nhân không phân biệt nam nữ, đều bị lột trần truồng, tuyệt đối không có một mảnh vải nhỏ nào che thân. Khi bị treo trên thập giá, sức nặng của cơ thể làm cho các vết đinh đóng trên tay chân bị căng xé khiến tội nhân bị đau nhức cùng cực nhưng không chết. Tội nhân phải sống để chịu những cơn đau buốt liên tục hành hạ trong một thời gian dài. Chỉ khi nào tội nhân kiệt sức không thể nâng đầu lên được nữa thì đầu sẽ cúi gằm xuống khiến cầm đưng vào ngực. Lúc đó tội nhân sẽ từ từ bị nghẹt cổ họng và chết vì ngộp thở (air-suffocation) chứ không chết vì bị chảy hết máu.

Trong trường hợp muốn cho tội nhân chết sớm hơn, bọn lính hành hình dùng cán giáo đập gãy xương ống chân của tội nhân khiến cho tội nhân không thể nâng thân mình lên, toàn thân sẽ rũ xuống và sẽ chết ngộp trong giây lát. Chúng ta cũng nên nhớ rằng trong ba người cùng bị đóng đinh một lượt với Jesus, chỉ một mình Jesus đã không bị lính La Mã đập gãy ống xương chân (nếu Jesus bị đập gãy ống xương chân thì lịch sử nhân loại đã đổi khác và khá hơn bây giờ nhiều - Lời bàn Mao Tôn Cương của Charlie). Sở dĩ Jesus may mắn thoát chết vì có nội tuyến cứu bồ là Đại úy La mã chỉ huy toán lính hành hình hôm ấy tên Longinus. Y nguyên là một tín đồ bí mật của Jesus. (Mark 15: 39 và 27 :54, Luke 23 : 47). Theo học giả Gregory of Nyssa thì Nicodemus, Joseph of Arimathia và Đại úy Longenus đều là những tín đồ bí mật của Jesus (secret followers of Jesus). Riêng Đại úy Longenus về sau làm Giám mục tại thành Capadocian. Nicodemus là nghị viên quốc hội Do Thái (Jewish Councillor - John 3 : 1- 22) Khi còn ở Ephram, Nicodemus bí mật viết thư cho vợ của Jesus là Magdalena báo cho biết Jesus sắp bị quốc hội Do Thái bắt để giao cho quân La mã xử tội (John 11 : 53) .

Địa điểm hành hình tội nhân bằng thập giá thường ở những nơi công cộng như dọc đường lộ hoặc trên đồi cao để công chúng dễ thấy. Hình phạt xử tử bằng thập giá vừa là một hình phạt về thể hình giống như lăng trì (rất đau đớn và chết chậm) nhằm mục đích khủng bố tinh thần đám dân nô lệ và vừa là một nhục hình nhằm sỉ nhục tội nhân vì suốt trong một thời gian dài tội nhân bị phơi thân trần truồng trên thập giá trước mặt công chúng.

Sau khi chết, xác nạn nhân không được đem đi chôn mà đều bị vứt ra các bãi hoang cho chó rừng hoặc kên kên ăn thịt. Cho nên, nếu không có đàn em tay trong đến cứu, Jesus chỉ có thể ở một trong hai trường hợp : Hoặc thoát chết và bỏ lỡ cơ hội chịu chết chuộc tội cứu thế, hoặc đã bị quân La mã vứt xác cho chó rừng ăn thịt chứ không còn nguyên thân xác sống lại đàng hoàng được. Nếu sống lại với thân hình không nguyên vẹn thì Jesus đã trở thành quỷ nhập tràng chứ không phải Ngôi Lời Nhập Thể! Giả sử do một phép thần thông nào đó, Jesus đã sống lại và bay lên trời đúng như Thánh Kinh Tân ước mô tả thì ngày nay Jesus cũng mới bay được 2/3 đoạn đường từ trái đất đến sao Bắc Đẩu mà thôi, vì sao này cách chúng ta 3000 năm ánh sáng!

Lịch sử Tây phương ghi nhận nhiều vụ hành hình bằng thập giá. Vào thế kỷ thứ 4 trước Công Nguyên, hoàng đế Alexander the Great của Hy Lạp đã xua quân tiến chiếm thành Tyre. Vì bị dân thành chống cự, Alexander đã ra lệnh đóng đinh 2000 dân của thành này. Vụ thứ hai rất nổi tiếng xảy ra năm 71 trước Công Nguyên, đó là vụ viên tướng La Mã Marcus Crassus ra lệnh đóng đinh

6000 nô lệ có liên quan trong cuộc nổi loạn của nô lệ Spartacus. Sáu ngàn cây thập giá mang xác người đã được dựng lên dọc theo con đường vài chục dặm từ Cupua đến Rome!

Đến thế kỷ thứ 4 sau Công nguyên, triều đại Constantine ra luật hủy bỏ lệnh cấm đạo Ki Tô và bỏ luôn hình phạt dã man này.

Hiển nhiên, Jesus là một trong số những nạn nhân đã bị người La Mã xử tội bằng cách đóng đinh trên thập giá. Thế nhưng, người La Mã sau này lại không nhận tội giết Chúa mà lại đổ cho dân tộc Do Thái đã giết Ngài! Đó là nguyên nhân chính yếu gây nên họa diệt chủng Do Thái triền miên trong gần hai ngàn năm qua.

Dưới thời bị La Mã đô hộ, người Do Thái không có quyền xử tử bất cứ tội nhân nào mà không có phép của chính quyền La mã. Khi Do Thái còn độc lập thì theo tục lệ và luật pháp cổ truyền, tử tội bị dân chúng ném đá cho đến khi thấy tội nhân không nhúc nhích cựa quậy gì nữa. Dân tộc Do Thái chưa bao giờ giết người bằng cách đóng đinh nạn nhân vào thập giá. Dân Do Thái quả đã không giết Jesus và kẻ thật sự giết Ngài là đế quốc La Mã.

Học giả Do Thái Leonard C. Yasseen, tác giả cuốn "The Jesus Connection to triumph over Anti-Semitism"- (154 pages, Crossroad NY 1985) đã viết: "*Từ nhiều thế hệ, danh từ Messiah (Ki Tô) đã truyền đời trong dân Do Thái, theo tiếng Hebrew, có nghĩa là vị vua được Thiên Chúa xức dầu chúc phúc sẽ cứu dân Do Thái khỏi bị áp bức. Trong thời của Jesus, dân Do Thái mong chờ Chúa Cứu Thế sẽ đập tan quyền lực của đế quốc La mã và phế bỏ vị vua hiện hữu đang cai trị Do Thái để thay thế bằng hậu duệ của mình quân David. Sau khi Jesus chết, niềm tin Ngài là Chúa Cứu Thế bị lung lay vì theo truyền thống Đạo Do Thái không có Chúa Cứu Thế Chết*" (For generations, the word that had been passed down among Jews that through the intervention of the Messiah (Greek word: Christos) which in Hebrew means the anointed King, God would redeem Israel from oppression. The Messiah was expected in Jesus' day to destroy the power of Rome over Palestine to replace the existing king with a descendant of David. After his death that their belief in Jesus as their Messiah was shaken, for Judaism had no tradition of a dying Messiah - page 30, 31)

Bốn thế kỷ sau cái chết của Ngài trên thập giá, hoàng đế La Mã Constantine đã dùng cây thập giá giết Ngài để làm huy hiệu cao quý cho cả đế quốc. Constantine tuyên bố: "*Dưới dấu hiệu thập giá, ta sẽ chinh phục thế giới*" (In Hoc Signo Vincas). Constantine xua quân đi chinh phục tới đâu truyền đạo Kitô tới đó. Chẳng bao lâu, toàn đế quốc La Mã trở thành các nước có đa số dân theo đạo Kitô. Ai theo đạo thì được các quân lính mang huy hiệu chữ thập bảo vệ, ai kháng cự tất nhiên sẽ phải chịu hình phạt. Dần dần các dân theo đạo cảm thấy cây thập giá như một thứ bùa hộ mạng và hoàn toàn quên mất thực chất của nó là một dụng cụ giết người cực kỳ hiểm ác. Họ bắt đầu nhìn cây thập giá như biểu hiện cho tình yêu đau khổ của Chúa Jesus (the symbol of Christ's suffering love) và cũng từ đó họ gọi cây thập giá là THÁNH GIÁ (The Holy Cross).

Tại các nhà thờ, những bài kinh ca ngợi Thánh Giá xuất hiện: "*Chúng tôi kính mừng Cây Thánh Giá là cây đã chuộc tội chúng tôi, là cây lành thánh sang trọng, là đơn linh nghiệm, là tàu vượt biển, là chìa khóa mở cửa thiên đàng, là cành cây đầy búp bông hoa quả, là cây đã chở mình Chúa tôi. Chúng tôi trông cậy cây thánh giá đưa chúng tôi qua khỏi gian nan tới nước thiên đàng bên cạnh Chúa!*"

Trong các nhà thờ hồi đó không có ảnh tượng của Chúa và các thánh. Thực sự vào thời đó chưa có nhà thờ (church) hay đại thánh đường (cathedral) mà chỉ là những phòng hội (synagogue) không có bàn thờ hay một ảnh tượng nào. Các tín đồ đến nhà hội nghe những tín đồ khác thuyết trình một đề

tài nào đó về đạo, rồi họ cùng nhau cầu nguyện chung. Lúc đó chưa có ai biết hành nghề linh mục, làm lễ xong cho bốn đạo ăn chút bánh dính răng rồi thu tiền khán giả xem lễ như bây giờ.

Từ thế kỷ 5 sau Công Nguyên, các họa sĩ của nhà thờ bắt đầu vẽ hình cây thánh giá trơn tru, nhưng dưới chân thánh giá có hình một con chiên màu trắng. Con chiên đó tượng trưng cho Chúa Jesus vì trong thánh kinh Chúa Jesus được gọi là Con Chiên của Thiên Chúa (The Lamb of God).

Theo cổ tục đạo Do Thái, mỗi khi muốn tạ lỗi với Thiên Chúa, người ta giết một con chiên (cừu non) hay dê làm vật hy sinh thay cho mình để xin Thiên Chúa tha tội. Bản thân Chúa Jesus được tin đồ coi như là "một con chiên của Thiên Chúa" đã chịu chết trên thập giá làm "của lễ hy sinh cao quý vô cùng" để chuộc tội cho toàn thể loài người (The Redeemer of the whole mankind!).

Sang thế kỷ thứ 6, các họa sĩ nhà thờ tiến thêm một bước là vẽ hình Jesus mặc áo dài trắng (long tunic), hai tay dang ra trên thanh gỗ ngang, hai chân chụm lại và "đứng" lơ lửng trên thánh giá. Hai tay hai chân của Ngài để lộ những dấu đinh rướm máu. Cũng trong thế kỷ thứ 6, Chúa Jesus bắt đầu được tôn xưng là Vua và gọi ngài là "Chúa Jesus – Vua" (Le Christ-Roi).

Cây thập giá khổ hình ngày xưa bỗng nhiên biến thành cái ngai cao quý hơn bất cứ cái ngai vàng nào khác của các vua chúa thế gian. Chúa Jesus đã nghiễm nhiên trở thành "vua của các vua" (King of kings) trong toàn đế quốc La Mã. Họa sĩ nhà thờ vẽ ảnh Chúa đứng dựa vào thánh giá, nét mặt nghiêm nghị oai phong như không còn một chút đau đớn nào trên cơ thể. Nét mặt Ngài tỏa ánh hào quang của kẻ đã chiến thắng cái chết và đã sống lại hiển vinh để cai trị toàn thế giới cho đến muôn đời! Hình ảnh này của Chúa Jesus đã tồn tại qua nhiều thế kỷ trong các nhà thờ tại Âu Châu.

Sau khi giáo hội Công Giáo Hy Lạp tách rời khỏi Công Giáo La Mã vào thế kỷ 11 để trở thành Chính Thống Giáo, các họa sĩ Hy Lạp có sáng kiến vẽ hình Chúa bị đóng đinh vào thánh giá. Đầu của Chúa đội mào gai, máu chảy đầm đìa trên trán và trên khuôn mặt đau khổ. Những dòng máu chảy dài từ hai bàn tay xuống tới hai bên nách. Nhất giáo đâm cạnh sườn đã tạo thành một vết thương mở toang, máu từ tim ngài chảy xuống thành một dòng chảy lớn trên những xương sườn. Khắp thân thể Chúa còn in hằn lên rất nhiều vết roi bầm tím. Các họa sĩ nhà thờ đua nhau đem hết tài năng của mình để lột tả mọi sự đau đớn mà Chúa phải gánh chịu vì tội lỗi loài người trên thập giá.

Nhưng mọi tài năng và mọi sự tưởng tượng phong phú của các họa sĩ cuối cùng đã phải dừng lại ở... CÁI KHỐ ! (*the loin-cloth*) Không một họa sĩ nào dám đi xa hơn cái khổ của Chúa Jesus trên thập giá. Trải qua nhiều thế kỷ, tới nay vẫn không có một ai dám đủ can đảm khắc họa đúng sự thật hình ảnh của Chúa trên thập giá. Sự thật là bọn lính La Mã đã lột hết quần áo của Ngài. Chúng đóng đinh treo Ngài lên thập giá với một thân xác trần truồng. Cái khổ ta thấy trên tượng Chúa hiện nay là một sản phẩm hoàn toàn ngụy tạo. Cái khổ đó tuy nhỏ xíu nhưng lại là một tấm màn vĩ đại che đậy toàn bộ bí mật của đạo Kitô.

Gần hai ngàn năm qua, giáo hội Kitô không dám vén cái khổ của Chúa lên vì sợ để lộ cái vết cứt da quý đầu của Chúa. Bởi Chúa là công dân Do Thái trăm phần trăm, là tín đồ của Moises trăm phần trăm, là đệ tử của John Baptist trăm phần trăm và là nạn nhân của đế quốc La Mã trăm phần trăm! Ngài là một con người bình thường như mọi người chúng ta. Ngài chỉ khác chúng ta ở chỗ Ngài được bọn đế quốc thần thánh hóa bằng huyền thoại Ki Tô (Jesus was Chisted) để chúng núp đằng sau trục lợi. Bản thân Ngài chẳng được lợi lộc gì trong việc ngài được chúng tôn lên làm Thiên Chúa, chỉ có bọn đế quốc được hưởng lợi mà thôi. Đạo của Chúa được bọn đế quốc truyền đi bằng gươm giáo của những đoàn quân lê-dương, bằng dàn hỏa, bằng tàu bè súng đạn của chủ nghĩa thực dân cũ mới và với đủ thứ mưu chước bịp bợm tinh vi.

Người ta vẫn tiếp tục đóng khổ cho Chúa để che dấu mọi sự thật về Ngài, bởi lẽ nếu mọi người biết rõ sự thật về Chúa thì đạo Kitô sẽ không còn nữa!

(Phỏng theo THE GREAT COVER-UP của cựu linh mục Dòng Tên Peter de Rosa. Tác giả viết bài này để thay lời nói đầu cho tác phẩm VICARS OF CHRIST).

2.3: CÁC YẾU TỐ HÌNH THÀNH KITÔ GIÁO

2.3.1. CÁI NÔI DO THÁI VỚI HUYỀN THOẠI KITÔ

Kitô Giáo là đạo thờ một người Do Thái mang tên Jesus. Những người Kitô giáo là những người gọi Jesus bằng Chúa. Giáo lý đạo Kitô ra đời trong cái nôi của đạo Do Thái. Nhưng đến khi trưởng thành, Kitô giáo đã quay ngược lại dùng bạo lực buộc mọi người Do Thái phải từ bỏ Thiên Chúa của họ (Do Thái) để tôn thờ đồng đạo của họ là Jesus.

Mặc dầu nhà thần học Kitô Giáo rất nổi tiếng là Tertullian đã viết: *"Một quyền căn bản và cũng là một đặc quyền của tự nhiên là mọi người đều được tự do thờ cúng tùy theo sự xác tín riêng của mình"*. Điều đó rất đúng, nhưng người Kitô Giáo nói vậy mà không phải vậy.

Trong hành động, người Kitô Giáo luôn luôn biểu lộ một thái độ bất khoan dung và đã thực hiện các sự ngược đãi thật kinh khủng. Họ không yêu anh em láng giềng như lời dạy của Chúa Jesus. Trái lại, đầu óc của họ chất chứa đầy áp những thành kiến hẹp hòi, trái tim họ sôi sục những niềm tin mù quáng, họ hành hạ người Do Thái nhân danh Thầy của mình là một người Do Thái!

Trên đây là những lời than thở của một học giả Do Thái, Leonard C. Yassen, suốt cả một đời là nạn nhân của đạo Kitô. Ông đã viết những lời than khóc trong bài tựa cuốn sách của ông mang tên *The Jesus connection to triumph over Anti-Semitism* (The Crossroad Publishing Co. 1995).

Leonard Yassen oán hận tính cực đoan của đạo Kitô. Người Kitô Giáo đã quên một điều: Thiên Chúa của Do Thái là Thiên Chúa của Jesus. Kinh Thánh Torah đã dạy mọi người đều là anh em vì đều là con của Adam (Bene Adam). Chỉ vì mù quáng và lòng tự phụ, người Kitô Giáo đã biến các sách Phúc Âm của Tình yêu thành những Phúc Âm của hận thù. Tất cả mọi tội ác đều phát xuất từ ý muốn tách rời đạo Kitô ra khỏi cái nôi Do Thái của nó!

Tác giả viết: *"Chính sách đầy thành kiến nói trên đưa đến quyết tâm xóa bỏ Do Thái. Hành động loại trừ này sinh lòng tự cao tự đại nơi những kẻ quá khích và dẫn họ đến tội ác bạo lực và diệt chủng"* (This policy of prejudice results in exclusion and exclusion confers sense of superiority to extremists that can end in violence and genocide).

Người Do Thái là những kẻ lót đường cho sự xuất hiện của Kitô Giáo bằng những ý niệm về Thiên Chúa Toàn Năng và quỷ Satan chuyên nghề cám dỗ, về Thiên Đàng vui sướng vô cùng và lửa hỏa ngục cháy muôn đời muôn kiếp không cần nhiên liệu, về ngày tận thế với những vì sao trên vòm trời rụng xuống như mưa và xác định loài người từ mọi chân trời góc bể nghe được tiếng kèn của thiên thần lỏm ngỏm bò dậy để nghe Thiên Chúa xét xử công tội trong ngày phán xét cuối cùng. Nếu đạo Do Thái chỉ cung cấp cho đạo Kitô những ý niệm trên không thôi thì đã chẳng có chuyện gì xảy ra. Khổ nỗi, đạo Do Thái lại để ra huyền thoại Chúa Cứu Thế mà tiếng Do Thái gọi là Messiah, Hy Lạp dịch thành Christos, nên phải lãnh đủ mọi hậu quả tai hại vượt ngoài mọi dự tưởng. Người Kitô giáo bảo rằng: Jesus là Chúa Christos, là Messiah mà các tổ phụ (tiên tri) Do Thái Abraham, Moses, David, Salomon, Isaiah... đã mỗi mòn mong đợi từ lâu. Người Do Thái cho tới nay vẫn mong đợi

Chúa Cứu Thế Christos ra đời. Họ không coi Jesus là kẻ thù nhưng không nhận Ngài là đấng Messiah – Christos. Trải qua gần 2000 năm lịch sử của đạo Kitô, biết bao triệu người Do Thái đã chết thảm chỉ vì cái tội chối bỏ Jesus là Thiên Chúa Kitô Leonard Yassen gọi đạo Kitô là cái Boomerang khủng khiếp của dân tộc Israel. Cuối cùng, tác giả phải than một lời náo nùng khiến mọi người cảm thấy buốt tim: *"Ôi, nhiều triệu sinh mạng Do Thái và biết bao triệu sinh mạng khác của nhân loại vẫn không đủ đền mạng cho một nhân vật thần thoại Kitô!"*

2.3.2 CÁI LÒ THẦN THOẠI HY LẠP ĐỂ RA KINH THÁNH TÂN ƯỚC VÀ THUYẾT NGÔI LỜI NHẬP THỂ.

Từ xa xưa, Hy Lạp đã nổi danh là một cái kho khổng lồ của thế giới về đủ loại chuyện thần thoại. Đặc tính của các chuyện thần thoại này là người có thể biến thành thần hoặc thần biến thành người. Người Hy Lạp có truyền thống ước mơ một vị thần linh đầy quyền phép sẽ từ trời xuống thế làm người để cứu họ thoát khỏi cuộc sống trầm luân phàm tục. Cuối thế kỷ I trước Công Nguyên, một sản phẩm thần thoại mới của Hy Lạp được ra đời là Thần NGÔI LỜI, tức thần LOGOS, có nghĩa Thần Nói Ra Lời (Word / La Parole). Thần Logos được mô tả là một Chúa Cứu Thế từ trời đầu thai vào một thân xác con người (A Savior God appearing in the flesh of a human personality).

Trùng với thời gian đạo Kitô vừa được truyền tới Hy Lạp từ Do Thái, một số nhà văn Hy Lạp đã gán chuyện thần thoại Logos mới mẻ này vào nhân vật Jesus và biến Jesus thành "Chúa Kitô Ngôi Lời Nhập Thể". Các nhà văn này lấy các tên giả là tên những môn đệ của Jesus. Có tới 10 cuốn sách viết về Jesus-Kitô pha trộn với thần thoại và triết lý Hy Lạp. Cuối cùng, Kitô Giáo đã gạn lọc vứt bỏ những cuốn không phù hợp và chỉ chọn 4 cuốn trong số những sách nói trên mà thôi. Đó là các cuốn sách được mệnh danh là Kinh Thánh Tân Ước, hoặc các sách Phúc Âm (Gospels = Good News) mang các tên giả mạo là Mark, Mathew, Luke và John. Thêm vào đó là cuốn "Tông đồ Công vụ" (Acts of Apostles) kể về công cuộc giảng đạo của Paul. Những cuốn sách này là rường cột của đạo Kitô, chủ yếu mô tả 3 năm cuối đời Jesus, đề cao cái chết và sự sống lại của Ngài nhằm mục đích cuối cùng là đưa Jesus lên thành Thiên Chúa toàn năng. Đạo Kitô được hình thành và trở nên một tôn giáo mới tôn thờ nhân thần theo tinh thần Hy Lạp. Kitô Giáo là kết quả tổng hợp giữa huyền thoại Kitô của Do Thái và thần thoại Logos của Hy Lạp.

2.3.3 KHOA THẦN HỌC VIỄN TƯỞNG TÂY PHƯƠNG

Sau hơn một thế kỷ hình thành và phát triển, giáo lý của đạo Kitô đã được khuếch đại thêm do sự giải thích của các lý thuyết gia tôn giáo được mệnh danh là các nhà thần học. Giữa thế kỷ 2, Kitô giáo bị phân ra 3 giáo phái:

1. Gnosticism. (Phái Tư Ngộ): Tại Ai Cập và Tiểu Á, một nhóm Kitô Giáo đưa ra chủ trương phủ nhận Thiên Chúa Jehovah của Do Thái. Họ phân biệt thế giới gồm 2 phần: tinh thần và vật chất. Đối với họ, con rắn trong Vườn Địa Đàng là một vị thần khôn ngoan muốn giúp tổ tiên loài người là Adam và Eve trở nên khôn ngoan sáng suốt bằng cách ăn quả của cây Hiểu Biết (The Tree of Knowledge). Con rắn không phải là quỷ mà là một đại ân nhân của loài người. Adam và Eve chỉ vì quá sợ Jehovah đã không dám ăn trái cây Hiểu Biết nên loài người phải đau khổ vì không thoát ra

khỏi sự ức chế của ác chúa Jehovah.

Jesus là thần Logos xuống thế làm người, dạy loài người những điều khôn ngoan để thoát khỏi sự trầm luân của thế giới vật chất và để được hưởng sự bất tử về tinh thần. Họ coi kinh thánh Do Thái là hoàn toàn vô giá trị và Jehovah không khôn ngoan bằng Logos. Danh từ Gnostic có nghĩa là sự hiểu biết đích thực. Họ tin Chúa Jesus là thần linh (spirit) nên Chúa không thực sự sinh ra mà chỉ nhập thể (incarnate). Chúa không đau khổ trên thập giá vì Chúa là tinh thần. Chúa cũng không cần sống lại vì Chúa không bao giờ chết cả!

2. Marciosine. Giáo phái này do Marcion, một tín đồ Kitô Giáo ở Rome lập ra. Marcion chủ trương hủy bỏ việc tôn thờ Thiên Chúa Jehovah của Do Thái vì Jehovah là một Thiên Chúa dữ tợn, hay thiên vị và vô nhân đạo. Jehovah chỉ là một vị thần đã sáng tạo thế giới vật chất nhưng tinh thần lại rất thấp kém, về đạo đức lại còn thấp kém hơn nữa. Jehovah không đáng được gọi là Thiên Chúa. Thiên Chúa thật phải là Thiên Chúa của lòng yêu thương và tha thứ (The Real God is a God of Love and Mercy). Marcion hô hào mọi người từ bỏ Jehovah và chỉ tôn thờ Jesus vì chỉ có Ngài mới là Thiên Chúa thật.

3. Irenaeus. Vào năm 185 sau Công nguyên, giám mục tại thành phố Lyon (Pháp) tên là Irenaeus xuất bản cuốn sách "Against the Heretics" kết tội hai giáo phái Gnosticism và Marcionism. Ông kêu gọi các giáo hội Kitô tại Âu Châu cận đông và Bắc Phi hãy tẩy chay hai giáo phái nói trên và gọi các giáo phái này là tà giáo. Ông chủ trương công nhận Kinh Thánh Do Thái là Cựu Ước với Jehovah là Chúa Cha, công nhận Kinh Thánh Tân Ước với Chúa Jesus là Chúa Con. Điều quan trọng nhất là Irenaeus đưa ra một bản dự thảo Đức Tin của các thánh tông đồ (The Apostles' Creed)

"Tôi xin Đức Chúa Cha Toàn Năng, Chúa Jesus là con một Thiên Chúa. Ngài được sinh ra bởi Đức Chúa Thánh Thần và Bà Maria đồng trinh.

Ngài chịu đóng đinh dưới thời gian Pilate, chết và được táng xác, ngày thứ 3 Ngài sống lại lên trời ngự bên hữu Chúa Cha. Ngài sẽ xuống thế gian phán xét kẻ sống và kẻ chết. Tôi tin Chúa Thánh Thần, Hội Thánh, phép tha tội và sự sống lại của kẻ chết".

Cuốn sách "Against the Heretics" và bản dự thảo kinh Tin Kính của nhà thần học Pháp Irenaeus (gốc Ả Rập) đã lót đường cho sự hình thành nền tảng giáo lý đạo Kitô như ta thấy hiện nay.

2.3.4 THAM VỌNG CHINH PHỤC TOÀN CẦU CỦA ĐẾ QUỐC LA MÃ

Tất cả các yếu tố huyền thoại và thần học của đạo Kitô sẽ chẳng ra gì nếu không có sự can thiệp tích cực của đế quốc La Mã, nói đúng hơn là tham vọng chinh phục toàn cầu của Hoàng Đế La Mã Constantine.

Lịch sử cho ta thấy Ki Tô Giáo đã trở thành một tôn giáo thuần nhất là do ý muốn riêng của hoàng đế Constantine vào đầu thế kỷ IV. Có thể nói đạo Kitô là đạo của Constantine. Nếu không có Constantine, Kitô Giáo có thể đã bị tiêu diệt hoàn toàn vào đầu thế kỷ 4 vì trước đó Kitô Giáo đã bị bách hại suốt trên 150 năm do lệnh cấm đạo gay gắt của các hoàng đế tiền nhiệm. Nguyên nhân chính yếu dẫn đến sự cấm đạo này hoàn toàn có tính chất chính trị. Nguyên vào năm 160, đế quốc La Mã bị quân Hung Nô tấn công tại các vùng sông Danube và sông Rhin, các tín đồ Kitô Giáo đã tiếp tay cho quân Hung Nô chống La Mã. Hoàng đế La Mã Marcus Aurelius vô cùng tức giận bèn ra lệnh cấm đạo Kitô và giết rất nhiều tín đồ của đạo này. Việc cấm đạo kéo dài từ đó đến cuối thế kỷ

III trong khắp lãnh thổ của đế quốc La Mã. Khoảng năm 250, hoàng đế Decius ra lệnh truy lùng và giết hết các tu sĩ Kitô Giáo tại Rome và Antioch. Phần đông các tín đồ Kitô tại Rome bị ném vào các đấu trường cho thú dữ ăn thịt, một số ít còn lại bỏ đạo thần phục nhà vua, một số khác bỏ trốn vào các hang bí mật. Cuối thế kỷ III, hoàng đế Valerian ra lệnh triệt hạ mọi giáo đường lớn nhỏ của đạo Kitô trên toàn lãnh thổ đế quốc, tịch thu và đốt hết các sách kinh, các tài sản khác của giáo hội bị tịch thu. Kitô Giáo gần bị tiêu diệt hoàn toàn vào giai đoạn lịch sử này. Vừa lúc đó thì Constantine lên ngôi hoàng đế. Tuy Constantine theo đạo của cha là Đa Thần Giáo La Mã nhưng lại rất tôn trọng mẹ là một tín đồ Kitô Giáo.

Constantine ngạc nhiên nhận thấy nhiều tín đồ Kitô sẵn sàng chấp nhận cái chết chứ không chịu bỏ đạo. Constantine tuy không theo đạo Kitô nhưng có quyết tâm biến đạo này thành một công cụ hữu hiệu để chinh phục thế giới (như đã trình bày ở một đoạn trước). Y tuyên bố: **"Dưới dấu hiệu thập giá, ta sẽ chiến thắng" (IN HOC SIGNO VINCES).**

Năm 325, Constantine ra lệnh trả lại toàn bộ tài sản cho giáo hội Kitô và cho phép giáo hội thu đắc thêm rất nhiều tài sản khác. Constantine lấy công quỹ xây cất nhiều nhà thờ đồ sộ và buộc các dân ngoại đạo phải đóng tiền cho công việc này. Ngày Chủ nhật trở thành ngày nghỉ lễ chính thức trong toàn đế quốc (Christian Sunday is a legal holiday of the empire). Constantine quan tâm đến việc thống nhất giáo lý đạo Kitô, biến đạo này thành một tôn giáo thuần nhất để tạo sức mạnh chinh phục. Vào mùa hè năm 325, Constantine triệu tập hội nghị Nicaea tại Thổ Nhĩ Kỳ, qui tụ trên 300 giám mục trong toàn đế quốc để thông qua bản dự thảo Kinh Tin Kính của Irenaeus. Hội nghị đã thêm vào bản dự thảo của Irenaeus một số điều:

- Đức Chúa Cha dựng nên trời đất, muôn vật vô hình và hữu hình.
- Đức Chúa Con bởi Đức Chúa Cha mà ra, có cùng bản chất với Chúa Cha như ánh sáng bởi ánh sáng.

Chúa Con cùng với Chúa Cha tạo thành muôn vật. Hội nghị Nicaea cũng như bản dự thảo của Irenaeus đều không nhắc tới Ngôi Lời (Logos). Sau hội nghị Nicaea, mọi tín đồ Kitô phải tuân theo các điều ghi trong Kinh Tin Kính, ai bất tuân đều bị sát hại. Nhờ đó Kitô Giáo trở thành một tôn giáo thống nhất và mau chóng phát triển thành tôn giáo chính thức của toàn đế quốc. Năm 383, Kitô Giáo được đế quốc La Mã đổi tên thành Công Giáo (Catholica). Theo nguyên nghĩa tiếng La Tinh, Công Giáo không phải là đạo chính thức (official) của quốc gia hay của đế quốc mà có ý nghĩa toàn cầu (Universal). Đế quốc La Mã có tham vọng dùng Kitô Giáo làm lợi khí chinh phục toàn thế giới, vì một khi toàn thế giới theo đạo Kitô, nhân loại sẽ trở thành một tập thể tín đồ trung thành tuyệt đối với đế quốc La Mã. Tham vọng thâm độc này của đế quốc La Mã đã không thành. Năm 1054, các giáo hội Kitô Hy Lạp và Đông Âu chính thức tách rời khỏi Công Giáo La Mã vì họ đã nhận thức được tham vọng bành trướng lãnh thổ núp bóng tôn giáo của đế quốc. Sự tách rời này đã phân hóa Kitô Giáo thành hai giáo hội *Đông Phương* và *Tây Phương*.

Trong tác phẩm *Man's Religions*, tác giả John B Noss viết: *"Công Giáo Tây phương mang ý nghĩa toàn cầu với ý định bành trướng lãnh thổ của giáo hội ra khắp thế giới"* (Catholic in the West has required the meaning of extension of Universal in the sense of the geographical the church throughout the World – p. 457).

Đầu thế kỷ XVI, Hoàng đế Anh quốc Henry VIII chính thức tách rời giáo hội Anh quốc khỏi công giáo La Mã để bảo vệ nền độc lập quốc gia. Năm 1539, quốc hội Anh thông qua đạo luật qui định: Vua nước Anh là người đứng đầu giáo hội Anh, có quyền bổ nhiệm các giám mục để cai quản các con

chiên. Linh mục được phép lấy vợ. Người Anh sử dụng Kinh Thánh bằng tiếng Anh. Năm 1559, quốc hội Anh thông qua đạo luật Act of Unifomity ban hành việc thống nhất các kinh sách cầu nguyện: The Book of Common Prayers.

Song song với phong trào độc lập dân tộc (vào thế kỷ 20), nhiều giáo hội Kitô thuộc Châu Phi và Châu Mỹ La Tinh đã chấp nhận nền thần học giải phóng nhằm phục vụ hạnh phúc con người và độc lập dân tộc, họ đã tuyên bố tách rời khỏi giáo quyền của Vatican và bứt lẹ thuộc vào các giáo điều hủ lậu cứng nhắc của cái gọi là Công Giáo La Mã. (Roman Catholic Church).

2.4 PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ ĐỂ TRUY TÌM "JESUS THẬT".

Giáo sư Dominic Crossan là người Ái Nhĩ Lan, tu sĩ dòng Servite, chịu chức linh mục năm 1957. Sau đó ông được giáo hội cử đi học tại Viện Nghiên Cứu Thánh Kinh ở Rome và học thêm về Khảo cổ học tại Đại Học Jerusalem. Sau 12 năm nghiên cứu lịch sử đạo Kitô, thấy rõ được những sự thật lịch sử đã bị che dấu bởi những huyền thoại và các thủ đoạn bịp bợm của Vatican. Linh Mục Crossan đã cởi áo dòng viết sách, dạy đại học, thuyết trình trên các đài truyền thanh và truyền hình tại nhiều nước trên thế giới, với mục đích duy nhất là vạch ra cho mọi người thấy một phương pháp nghiên cứu lịch sử để tìm cho ra Chúa Jesus thật với những chứng tích có thật trong lịch sử (The Real Historic Jesus).

Năm 1991, Crossan cho ra đời tác phẩm đồ sộ tựa đề *The Historical Jesus*. Cuốn sách này mau chóng được các nước Âu Mỹ đón nhận và trở thành cuốn sách đứng đầu danh sách best-seller năm 1991. Cuốn thứ hai của ông: *Jesus: A revolutionary Biography* đứng hàng đầu danh sách best-seller năm 1994. Nhiều độc giả từ khắp năm châu tới tấp gửi thư hỏi ông về đủ mọi vấn đề liên quan đến Jesus. Ông đành phải viết cuốn *Who is Jesus* để trả lời chung cho độc giả (Harper-Collins xuất bản 1996).

Giáo sư Crossan phân biệt hai Jesus: Jesus của niềm tin (Jesus of Faith) là đồ giả, chỉ có Jesus lịch sử là Jesus thật (The Real Jesus). Để truy tìm Jesus thật, chúng ta phải có phương pháp nghiên cứu lịch sử. Phương pháp đó có thể tóm tắt như sau:

1. Nghiên cứu bối cảnh xã hội và văn hóa trong đó Jesus sống (the cross social and cultural study). Bối cảnh đó là tổ chức xã hội Địa Trung Hải cách đây 2000 năm. Vào thời đó, xã hội Địa Trung Hải chỉ có hai giai cấp là "giai cấp thượng lưu có học thống trị" và "giai cấp dân quê thất học bị trị", tuyệt đối không có giai cấp trung lưu. Jesus không thuộc giai cấp thống trị vì nếu thuộc giai cấp này thì dù Jesus có can trọng tội cũng không bị đóng đinh. Khổ hình đóng đinh trên thập giá chỉ dành cho giai cấp bị trị mà thôi. Vậy "Jesus thật" là một dân quê thất học (illiterate peasant).

2. Nghiên cứu các tài liệu lịch sử học, chứ không phải là Kinh Thánh (historical study). Các tài liệu lịch sử đáng tin cậy là các sử liệu được thực hiện bởi các sử gia thuần túy không liên hệ gì đến tôn giáo, đặc biệt là sử gia La Mã gốc Do Thái Josephus.

3. Đối chiếu các văn bản (textual study) để phát hiện các điều mâu thuẫn nhờ đó tìm ra được đâu là chuyện thật, đâu là chuyện phịa hoặc xuyên tạc. Đây là một công việc khó khăn đòi hỏi người nghiên cứu phải kiên nhẫn và tỉ mỉ như một nhà khảo cổ hoặc nhà phân chất trong viện hóa học.

Điều quan trọng hơn cả là tinh thần khách quan của một nhà sử học chân chính, chỉ có một thành tâm duy nhất là tái tạo hình ảnh Jesus một cách trung thực đúng theo những điều đã xảy ra trong quá khứ.

Giáo sư Crossan đã hiến 40 năm của cuộc đời ông cho công việc tìm kiếm và phác họa lại hình ảnh của Jesus thật. Tất nhiên hình ảnh thật của Jesus hoàn toàn khác với hình ảnh đã được mô tả trong Kinh Thánh vì nó chỉ đúng với bản chất thật của Ngài (the Essential Jesus) chứ không thể phù hợp với lòng ngưỡng mộ của những kẻ tôn thờ Ngài (not the cultic Jesus). Nếu những điều viết sau đây có làm phật ý những tín đồ đạo Kitô thì cũng chỉ là một điều ngoài ý muốn.

Điều quý trọng nhất trên đời này là "sự thật" chứ không phải là "điều chúng ta muốn nó phải là sự thật". Sau đây là 2 thí dụ điển hình về phương pháp nghiên cứu của giáo sư Crossan:

A) HUYỀN THOẠI GIÁNG SINH:

Mỗi lần đến mùa Noel, người ta bày hang đá với đèn ngôi sao, một máng cỏ có Chúa Hài Đồng Jesus, bà Maria quì gối chấp tay thờ lạy đưa con do mình mới đẻ ra. Ông Joseph có vẻ già nua, chống gậy đứng xa xa vì tự biết thân phận mình không có vinh dự được làm cha Thiên Chúa nên đành chấp nhận cái địa vị thấp bé nhất trong gia đình thánh (Holy Family). Ngoài hang đá lấp ló 3 ông vua từ phương Đông đến để dâng cúng hương liệu và quà cáp cho vị Thiên Chúa giáng trần. Sát bên máng cỏ có mấy chú mục đồng với mấy con bò, cừu và lừa đang lo hà hơi nóng sưởi ấm cho Chúa trong đêm đông lạnh lẽo. Phía trên hang đá có mấy tấm hình thiên thần ca hát "*vinh danh Thiên Chúa trên trời và bình an dưới thế cho người thiện tâm*".

Đó là hoạt cảnh Noel được pha trộn tổng hợp từ hai cuốn Tân Ước của Mathew và Luke đầy áp những hình ảnh hoàn toàn trái ngược nhau. Hai cuốn Tân Ước khác của John và Mark thì chẳng nói gì về việc giáng sinh của Chúa cả.

Ta hãy so sánh song song những chuyện về Giáng Sinh kể trong 2 cuốn Tân Ước:

- | | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Thiên thần hiện ra với Joseph báo tin vợ có mang. - 3 vua theo sao lạ đi tìm chúa Hài Đồng. - Chúa sinh trong nhà (in the house) - 3 vua kể cho Herod nghe về việc Chúa sinh ra nên Herod ra lệnh giết các trẻ sơ sinh Do Thái. - Josep đưa vợ con trốn sang Ai Cập để tránh Herod sát hại. Chỉ trở về Do Thái khi có lệnh của Thiên Thần. Sau đó Matthew quên luôn, không nói thánh gia trở về lại Do Thái khi nào. | <ul style="list-style-type: none"> - Thiên thần hiện ra với bà Mary. - Không nói tới 3 vua, chỉ nói tới mục đồng. Không có sao lạ. - Chúa sinh trong máng cỏ (manger) ở hang núi. - Không nói tới Herod, nhưng lại nói gia đình Chúa về Nazareth vì có lệnh kiểm tra dân số toàn đế quốc (chuyện này không hề có) -Sau khi sinh được 8 ngày, Mary và Joseph đưa Jesus đến đền thờ Jerusalem chịu phép cắt bì (circumcisation). Không trốn sang Ai Cập Không bị Herod săn bắt! |
|--|--|

Hai cuốn Thánh Kinh đều được coi là chân lý tuyệt đối. Vậy cuốn nào nói đúng, cuốn nào nói láo

hay cả hai đều phịa? Chẳng lẽ có hai chân lý trái ngược nhau? Vậy chân lý cuối cùng chỉ có thể là chuyện giáng sinh của Chúa chỉ là chuyện tầm phào bá láp. Matthew luôn luôn dẫn chứng cho những điều ông viết là những điều được tiên tri trong Kinh Thánh Do Thái (tức Cựu Ước) cốt để chứng tỏ Jesus là đấng Messiah (Kitô) thật. Chẳng hạn khi viết về việc Chúa Jesus Đức Mẹ Đồng Trinh được sinh ra, Matthew dẫn chứng lời tiên tri của Isaiah từ 800 năm trước (Isaiah 7:14). Nhưng khi tra cứu Cựu Ước thì thấy Isaiah dùng tiếng Hebrew "almah" có nghĩa là trẻ (young) chứ không hề có ý nghĩa đồng trinh (virgin).

Vào thế kỷ II sau Công Nguyên, triết gia Hy Lạp Cellus đã truy tầm lai lịch thật của Jesus và đã phát hiện việc bà Mary bị lính La Mã hiếp dâm. Theo triết gia Celsus thì thủ phạm hiếp dâm bà Maria là một người lính La Mã tên Panthera. Do tên người lính này mà dân Hy Lạp đã chế ra tĩnh từ "Parthenos" để chế nhạo những người tin bà Maria Đồng Trinh. Thay vì gọi tên bà Maria là Đức Mẹ Đồng Trinh (Virgin Mother) thì người Hy Lạp gọi Đức Mẹ là "Parthenos Mother" nghĩa là Đức Mẹ Bị Tên Lính Panthera Cưỡng Hiếp, đồng thời cũng để chế diễu Matthew đã xuyên tạc chữ ALMAH trong thánh kinh. (A pagan philosopher named Celsus, writing near the end of the second century, claims that the illegitimate father was a Roman soldier named Panthera. In that name we perhaps hear a mocking allusion to the word "Parthenos", the Greek, for the young Hebrew ALMAH from Issaiah 7 : 14 - Who is Jesus p.21)

Luke viết Tân Ước sau Matthew cũng bắt chước dẫn chứng Kinh Thánh Cựu Ước. Matthew nói Chúa Jesus được sinh ra trong căn nhà của gia đình Joseph tại Nazareth. Nhưng vì thấy Kinh Cựu Ước của tiên tri Micah nói "Chúa Kitô sẽ sinh ra tại Bethlehem (Micah 5:2) nên Luke viết: "Chúa Jesus sinh ra tại Bethlehem trong một máng cỏ ở nơi hoang dã". Vậy phải bịa chuyện cho gia đình Joseph có lý do để đi từ Nazareth đến Bethlehem. Luke bịa chuyện như sau: *"Vì có cuộc tổng kiểm tra dân số trong toàn đế quốc La Mã do lệnh của hoàng đế Augustus nên gia đình thánh Joseph phải trở về quê quán tại Bethlehem và Chúa Jesus đã được sinh ra tại đó cho đúng với lời tiên tri"*. Các học giả nghiên cứu lịch sử La Mã và Do Thái không hề thấy một cuộc kiểm tra dân số nào như vậy. Chỉ có cuộc kiểm tra dân số tại địa phương Do Thái vào năm thứ 6 sau Công Nguyên, lúc đó Jesus đã lên 10 tuổi. Cuộc kiểm tra này diễn ra tại chỗ, không một ai bị buộc phải trở về quê cũ!

Luke thấy Cựu Ước (Isaiah 1:3) có câu *"Con bò, con lừa còn biết chủ của nó là ai, thế mà nhiều người dân Do Thái không biết"*. Luke vớ ngay lấy câu này và cho đó là lời tiên tri về việc Chúa hài đồng Jesus nằm trong hang đá lạnh lẽo được bò và lừa đến hà hơi sưởi ấm (Luke 2: 8) Theo Matthew thì lúc Chúa sinh ra có một ngôi sao lạ dẫn đường cho 3 vua phương Đông đến thờ kính Ngài. Thực ra chẳng có một ngôi sao lạ nào dành riêng cho sự sinh ra của Jesus.

Theo nghiên cứu của thiên văn học thì cứ tuần tự một chu kỳ 805 năm, ba hành tinh Kim, Hỏa, Thổ (Mars, Saturn, Jupiter) sẽ cùng nằm trên một đường thẳng với trái đất. Do đó, từ trái đất ta nhìn thấy 3 hành tinh này như hội tụ lại với nhau tạo thành một điểm sáng lớn đặc biệt. Nhà thiên văn học Johannes Kepler đã tính toán và xác định hiện tượng này xảy ra vào năm thứ 6 trước Công Nguyên, tức là thời gian Jesus ra đời. Như vậy năm 1994 là Jesus 2000 tuổi chẵn.

Lịch sử Ba Tư đã ghi nhận sự kiện "sao lạ" nói trên và mô tả dư luận quần chúng thời đó rất xôn xao vì nhiều người cho đó là dấu hiệu của ngày tận thế. Matthew chộp lấy chuyện này cho vào chuyện của Jesus, biến "sao lạ" thành người dẫn đường cho 3 vua đến nhà (house) của gia đình Joseph tại Nazareth chứ không phải là đến hang lừa tại Bethlehem

Dụng ý của Matthew và Luke muốn người đọc sách Tân Ước có cảm tưởng việc ra đời của Jesus là

một biến cố giáng sinh của thần linh (divine birth). Trong thần thoại cổ La Mã và Hy Lạp không thiếu gì những chuyện "giáng sinh thần thánh" tương tự. Những chuyện phịa như vậy thực sự chẳng có gì đáng trách hay đáng phải đem ra bàn luận. Điều khiến chúng ta phải đem ra bàn vì người Kitô Giáo muốn chiếm độc quyền cái "giáng sinh thần thánh" ấy dành cho một mình Jesus. Tư tưởng độc quyền là nguyên nhân dẫn đạo Kitô đến những tội ác tày trời đối với nhân loại.

Giáo sư Crossan viết: *"Không một tôn giáo nào có độc quyền thánh thiện, độc quyền thiêng liêng. Những tư tưởng độc quyền đó dẫn đến động lực phạm tội diệt chủng. Độc đoán một chiều chỉ có nghĩa là buộc mọi người khác phải chết"*. (No religion can claim monopoly on the holy, the sacred or the divine. Such monopolistic claim there lived embedded a genocidal impulse. One way alone can be absolutely right is for all others to be dead).

B) MỐI QUAN HỆ GIỮA JESUS VÀ GIOAN BAO-TI-XI-TA

Mối liên hệ giữa John (Gioan Bao-ti-xi-ta) và Jesus có tầm mức rất quan trọng. Trên thực tế, John là cậu họ của Jesus và hơn Jesus 6 tháng tuổi. John là người đã rửa tội cho Jesus để cải đạo từ phái Pharisee sang phái Essene, tương tự như cải đạo từ Công Giáo sang Tin Lành ngày nay. Jesus là đồ đệ của John tức ở vị thế thấp hơn. Do đó, các sách Tân Ước phải lật ngược lại để Jesus có vị thế cao hơn John. Chúng ta hãy so sánh:

Jesus	John the Baptist
- Jesus được sinh ra bởi bà mẹ đồng trinh, trẻ tuổi.	- Bà Elizabeth (I-sa-ve) già nua tương tự như cụ bà Sarah, vợ của Abraham, sinh ra Isaac.
- Tên Jesus do thiên thần Gabriel báo tin cho Joseph phải đặt theo lệnh của Đức Chúa Trời.	- Tên John do cha mẹ đặt cho.
- Thầy cả lúc làm phép cắt bì cho đứa bé 8 ngày tuổi đã biết trước công nghiệp cứu thế đứa bé sau này.	- Sự xuất hiện trước của John chỉ là để dọn đường cho Chúa Cứu Thế (Gioan Tiền Hô)

Jesus rao giảng những điều đã học được từ John sau 3 năm đi theo ông này học đạo. Sau khi John bị vua Herod giết, Jesus tiếp tục sự nghiệp của thầy mình. Trước đó, Jesus chỉ là một kẻ hạ tiện thất học mà thôi. Các sách Tân Ước được viết bằng tiếng Hy Lạp đã dùng danh từ "tekton" để nói về nghề nghiệp của Jesus trước khi được John rửa tội. Tekton là thứ thợ làm đủ việc tay chân (day labor) và không có một nghề chuyên môn. Đó là nghề của loại dân hạ tiện (outcast). Theo sử sách Hy Lạp và Do Thái thì vào thời Jesus, 97% dân Do Thái thất học và sinh sống bằng nghề "tekton" giống như Jesus vậy.

Các sách giáo lý Kitô nói Jesus đã lập ra các phép bí tích, nhưng sự kiện Jesus được John rửa tội là một bằng chứng hùng hồn chứng tỏ Jesus không phải là người lập ra phép bí tích này. Ngoài ra, giáo hội Kitô tỏ ra rất bối rối về lý do nào Jesus phải chịu phép rửa tội. Phải chăng Jesus cũng tự nhận mình là kẻ có tội như mọi người? Tại sao Jesus không trực tiếp xin Chúa cha tha tội? Nếu Jesus tự biết mình là Thiên Chúa, tại sao lại phải chịu phép rửa?

Sau khi kể chuyện John rửa tội cho Jesus trên sông Jordan, chỉ cách trụ sở của giáo phái Essens ở Qumran 5 km, Mark đã viết thêm: Ở trên trời lúc đó có con chim bồ câu trắng hiện ra và có tiếng nói

của Thiên Chúa: "Đây là con ta yêu dấu, đẹp lòng ta mọi đàng". Sách Tân Ước của John viết "John là người làm chứng Jesus là con Thiên chúa!"

Sử gia vô tư đáng tin cậy là Josephus (37-100). Ông là con một gia đình quý tộc Do Thái, được gửi sang Rome du học nhiều năm và trở thành công dân La Mã. Bạn học với ông sau này nhiều người làm tướng hoặc quan chức cao cấp của La Mã. Cuối đời, ông trở về sống tại Jerusalem. Ông rất am tường tình hình chính trị và xã hội của cả hai phía La Mã và Do Thái. Về Gioan Bao-ti-xi-ta, ông ta viết: *"Gioan là một tu sĩ giảng đạo rất hùng biện. Những bài giảng của Gioan thu hút đông đảo quần chúng khiến số tín đồ của ông càng ngày càng đông đến nỗi đã khiến cho vua Herod rất lo sợ. Nếu đám đông bị Gioan kích động sẽ trở thành một cuộc dấy loạn chống La Mã và chính quyền bù nhìn Herod. Hậu quả tai hại sẽ không thể lường được vì tới lúc đó muốn dẹp cũng không thể được nữa. Do đó Gioan đã bị Herod ra lệnh bắt và chém đầu"*.

John (Gioan) rao giảng "nước Chúa" sắp đến, mọi người phải ăn năn và chuẩn bị sẵn sàng. Mục đích tối hậu của John là lập ra một tập thể tín đồ đông đảo, tạo thành một mạng lưới rộng khắp Do Thái để thực hiện một cuộc nổi dậy thần thánh đánh đuổi La Mã và lật đổ chính quyền bù nhìn Do Thái, tái lập "nước Chúa" theo mô hình Israel dưới thời các minh quân như David, Salomon. Khi Jesus gia nhập giáo phái Essens của John, Jesus thấy mạng lưới tín đồ của John rất đông đảo và rộng khắp Do Thái. Jesus đã khen ngợi John là một vị lãnh đạo cao cả. Sách Tân Ước của Matthew (11:11) và Luke (7:28) đều viết: "Không một ai được sinh ra bởi đàn bà có thể lớn hơn John" (no one born of woman is greater than John).

Tất cả những điều Jesus rao giảng chẳng phải của chính Jesus mà là những điều Jesus học mót của thầy là Gioan Baotixita. Jesus cũng không phải là người lập ra đạo Kitô. Giáo phái Essens của John chính là tiền thân của đạo này, vậy các học giả Tây phương gọi giáo phái Essens là "Đạo Kitô trước Jesus".

2.5 JESUS ĐÃ SỐNG CUỘC ĐỜI NHƯ THẾ NÀO?

Cũng giống như Socrate và Khổng Tử, Jesus không viết sách và không ra khỏi đất nước mình. Tất cả những gì chúng ta biết về Ngài đều do bốn cuốn sách phúc âm của Matthew, Luke, Mark, và John. Các cuốn này chỉ kể những gì liên quan đến 3 năm cuối đời của Ngài mà thôi. Ba mươi năm đầu của cuộc đời Jesus không có một sách nào nói tới, ngoại trừ huyền thoại Giáng sinh và chuyện Jesus bị lạc cha mẹ trong dịp lễ Passover ở đền thánh Jerusalem vào năm Jesus lên 12 tuổi. Tóm lại, một khoảng thời gian lớn lao trong cuộc đời Jesus, kéo dài tới 30 năm, cho đến nay vẫn là một ẩn số lịch sử.

Chúng ta chỉ biết rõ một điều là Ngài đã sinh ra và lớn lên với tư cách một công dân Do Thái dưới thời lệ thuộc La Mã, triều đại hoàng đế Augustus. Tuy là người Do Thái nhưng Ngài nói tiếng Aramic của dân tộc Syria là nước ở phía bắc Do Thái. Ngài giảng đạo bằng tiếng Aramic chứ không phải bằng tiếng Hebrew của Do Thái. Khi thân xác còn bị treo trên thập giá, Jesus kêu cứu Thiên Chúa mà ngài gọi bằng Cha "Abba, Abba" là tiếng Aramic. Nhưng điều trớ trêu là không có một cuốn sách phúc âm nào được viết bằng ngôn ngữ chính thức và duy nhất của ngài là tiếng Aramic!. Các bản gốc của các sách phúc âm đều được viết bằng tiếng Hy Lạp từ 35 năm đến 70 năm sau khi Ngài "lên trời". Các tác giả viết về Jesus đều là những người sống xa Ngài cả về không gian lẫn thời gian và hoàn toàn mù tịt về 30 năm cuộc đời son trẻ của Chúa. Người ta gọi thời gian này là "30 năm bí ẩn" hoặc "30 năm thất lạc của Jesus" (The lost years of Jesus).

Phúc âm đầu tiên do Mark viết: "Đây mở đầu phúc âm của Chúa Kitô, Con Thiên Chúa" (Here begin the Gospel of Christ, the Son of God) [*Bốn cuốn sách Kinh Tân Ước do các ông Ma-thiơ, Mac, Luca và Jon viết về cuộc đời của một người là Giê-su.*]

và chuyện mở đầu là lễ rửa tội của Chúa do John the Baptist chủ lễ trên sông Jordan, lúc đó Ngài vừa tròn 30 tuổi.

Thông thường, khi tay chúng ta bị dính dơ thì chúng ta rửa tay. Mọi tín đồ tin mình có tội nên mới xin chịu phép rửa tội. Sau này nghi lễ rửa tội trở thành một thủ tục bắt buộc để nhập đạo. Vào lúc đó, John Baptist (tức Thánh Gioan Baotixita) đang là vị giáo chủ nổi tiếng của giáo phái Essene là một trong ba giáo phái lớn của đạo Do Thái. Trụ sở chính của giáo phái này đặt tại Qumran ở gần Biển Chết (The Dead Sea) và chỉ cách 5 cây số từ trụ sở này đến chỗ Jesus được Gioan Baotixita ban phép rửa tội trên sông Jordan để được chính thức công nhận đã bỏ giáo phái Pharisees để gia nhập giáo phái Essenes (tương tự như người Công giáo đổi đạo sang Tin Lành ngày nay). Sau mỗi đợt thuyết pháp, nhiều tân tín đồ xin theo đạo Essenes đều kéo nhau xuống sông Jordan để cho Gioan Baotixita làm phép rửa tội. Sau đó, các tân tín đồ trở thành những đệ tử chính thức của Gioan Baotixita. Jesus là một trong số những tân tín đồ đó.

Sự kiện Jesus được Gioan Baotixita ban phép rửa tội trên sông Jordan vào lúc Jesus 30 tuổi đã xác nhận chính Jesus cũng tin mình là kẻ có tội tổ tông như niềm tin của mọi người Do Thái khác cùng thời. Jesus, cũng như mọi tín đồ Do Thái, chẳng bao giờ có ý nghĩ sẽ dùng cái chết của mình để xóa tội tổ tông cho chính mình và cho cả loài người. Mọi lý thuyết thần học Ki Tô Giáo về sự Cứu Chuộc (Salvation) của Jesus đều là chuyện bịa đặt để lường gạt những người nhẹ dạ dễ tin mà thôi.

Phúc âm của John (Gioan Thánh Sử) thì mở đầu bằng cách giới thiệu Jesus là Ngôi Lời và đặc biệt chú trọng đến sự chết và sự sống lại của Jesus. John tuyệt nhiên không đề cập gì đến 30 năm tuổi

trẻ của Jesus.

Chỉ có Phúc Âm của Matthew và Luke thêm phần "Huyền Thoại Giáng Sinh" mâu thuẫn nhau như đã trình bày nơi chương 3. Riêng một sách Phúc âm của Luke kể thêm: Vào năm lên 12 tuổi, Jesus được cha mẹ dẫn đến đền Thánh Jerusalem dự lễ Vượt Qua (Passover). Nguyên vì gia đình của Jesus từ trước đến lúc đó là tín đồ của giáo phái Pharisees là giáo phái độc quyền chiếm giữ đền thánh Jerusalem. Do đó, mỗi khi đi dự lễ do giáo phái Pharisees tổ chức, cha mẹ Jesus đều dẫn con tới đền thánh này. Theo phúc âm của Luke thì trong dịp này, Jesus đã tỏ ra rất khôn ngoan trong cuộc tranh luận về giáo lý đạo Do Thái với các tu sĩ ở đền thánh Jerusalem (Luke 1: 41-52). Căn cứ theo các phúc âm, chúng ta có thể xác quyết một điều là gia đình Joseph-Maria-Jesus vốn là những tín đồ theo đạo Do Thái thuộc giáo phái Pharisees.

Từ đầu thế kỷ II Trước Công Nguyên (TCN), đạo Do Thái bị phân hóa thành 3 giáo phái chính :

1) *Pharisees* độc quyền chiếm giữ đền thánh Jerusalem, có số tín đồ đông nhất, lập trường chính trị nói chung là ôn hòa.

2) *Sadducees* ít tín đồ nhất nhưng rất bảo thủ và cuồng tín cực đoan, chỉ tôn trọng luật viết (written law) của đạo Do Thái và phủ nhận giá trị mọi tục lệ cổ truyền bất thành văn. Judas Escariot theo giáo phái cực đoan này. Về chính trị, Judas và Phê Rô đều là các du kích quân thuộc tổ chức chính trị Zealot với chủ trương tiêu diệt đế quốc La Mã bằng biện pháp quân sự.

3) *Essenes* giáo phái đông thứ nhì sau Pharisees. Giáo phái này cấp tiến nhất vì đứng về phía người nghèo, chủ trương cộng đồng tài sản giống như kiểu lý thuyết Cộng Sản. Giáo phái này kịch liệt đả kích hai giáo phái trên và kết tội họ là những kẻ đạo đức giả, bóc lột dân nghèo. Sau khi Gioan Baotixita bị vua Herod chém đầu theo lời yêu cầu của bà mẹ người đẹp Salomé, Jesus bắt đầu đi lang thang giảng đạo để tiếp nối con đường của sư phụ. Jesus cũng chửi rủa các giáo phái đối lập với luận điệu y hệt như vị tiền bối quá cố của mình.

Sự kiện Jesus được cha mẹ dẫn đến đền thánh Jerusalem đủ cho ta thấy gia đình Joseph thuộc giáo phái Pharisees của đạo Do Thái. Như vậy, Jesus đã theo giáo phái Pharisees từ nhỏ theo nếp cũ của gia đình cho đến khi trưởng thành mới cải đạo sang giáo phái Essenes của John the Baptist. Jesus cũng như mọi tín đồ Pharisees khác đã được các tu sĩ của giáo phái này dạy dỗ các điều căn bản của giáo lý trong các nhà hội (synagogue) vào các ngày lễ Sabbath. (thứ bảy hàng tuần). Các điều căn bản là: Luật 10 điều răn của Moises (Mai-sen), sách Leviticus tương tự như Sách Bản Công Giáo, Thiên Chúa Jehovah cao hơn các tà thần khác như Molech, Jupiter, Appollo của Babylon, Ai Cập, La Mã và Hy Lạp v.v...

Jesus tin tuyệt đối vào Kinh Thánh Do Thái. Jesus tuyên bố: "Cho tới khi trời đất hư mất, một dấu chấm trong Kinh Thánh Do Thái cũng không hư mất". (Matthew 5: 18). Riêng lời xác nhận này cũng đủ cho ta thấy trình độ tâm linh của Jesus cũng chẳng khác hơn mấy so với các tín đồ Do Thái cùng thời vì Jesus cũng tin mọi chuyện nhằm nhí trong Cựu ước là những chân lý tuyệt đối !. Jesus tin xác loài người sẽ sống lại vào ngày tận thế. Trong thời gian đi theo John the Baptist sống ở nơi hoang dã, Jesus mặc áo dài trắng giống như các tu sĩ thuộc giáo phái Essenes và tất nhiên đã học hỏi thêm được nhiều điều khác của đạo Do Thái qua sự giải thích của giáo phái này. Do đó, bài giảng nổi tiếng nhất của Jesus được mệnh danh là Bài Giảng Trên Núi (The Sermons on the Mount) tức "Kinh Phúc Thật Tám Mối", là những điều đã được rút ra từ nhiều sách của đạo Do Thái: Genesis, Deuteronomy, Exodus, Psalms, Prophets và các sách của giáo phái Essenes đã được các nhà khảo cổ tìm thấy tại Qumran năm 1947. Các tài liệu này gồm hàng trăm cuốn sách bằng da lừa,

bằng những thanh gỗ hoặc thanh đồng. Các học giả quốc tế gọi những tài liệu này là "The Dead Sea Scrolls", hiện đã được dịch ra rất nhiều thứ tiếng.

Khoảng năm 25 sau Công nguyên, John the Baptist bị bắt và bị chém đầu do lệnh của vua Herod. Trong lúc còn bị giam trong tù, John đã viết một bức thư và nhờ một lính gác ngục tốt bụng chuyển cho Jesus. Trong thư này, John Baptist gọi Jesus là "kẻ đến sau mọi người" (the coming one after all - Mark 1: 14-15). Sau khi nhận được tin John đã chết, Jesus bắt đầu giảng đạo thay John.

Nơi đầu tiên được điểm phúc nghe Ngài giảng là quê hương Gallilee của Ngài. "Bây giờ, sau khi John bị bắt và bị giết, Jesus đến Gallilee rao giảng tin mừng của Thiên Chúa" (Mark 1: 14-15). Jesus cố gắng thực hiện các lời tiên tri của Isaiah và Daniel để tỏ ra mình là Chúa Cứu Thế (Kitô) mà cả nước Do Thái đã mong đợi từ lâu. "Isaiah là ngọn đèn sáng của Do Thái cho toàn thể loài người. Cuộc đời của Chúa Jesus là để hoàn thành các lời tiên tri của Isaiah về Chúa Cứu Thế" (John 8:12).

Tuy nhiên, có một điều hết sức quan trọng mà Jesus chẳng bao giờ làm hoặc làm không nổi để trở thành Chúa Cứu Thế đúng theo định nghĩa của tiên tri Isaiah là : "Chúa Cứu Thế là Đấng đến để giải cứu mọi kẻ bị áp bức" (to let the oppressed go free - Isaiah 6: 9 và 61 :1- 2). Thực tế cho thấy Jesus chưa bao giờ cứu những người bị áp bức. Vậy Jesus không thể là Chúa Cứu Thế chân chính mà chỉ là Chúa Bịp ! Số người trên thế gian bị đầy ải áp bức sau khi Jesus "cứu chuộc" lại còn đông hơn gấp bội so với số người bị áp bức trước khi Jesus có mặt trên đời này. Chẳng những Jesus đã không giải phóng cho một ai thoát khỏi sự áp bức, trái lại Jesus đã trở thành một tấm bình phong để những thế lực tội ác núp bóng giết hại trên hai trăm triệu người trong hai ngàn năm qua !. Riêng một sự kiện hiển nhiên này cũng đã đủ để đập tan cái luận điệu láo khoét cho rằng Jesus là Chúa Cứu Thế Ki-Tô !.

Jesus đi theo con đường của John Baptist nên Jesus cũng tự biết sớm muộn thế nào cũng bị bắt và bị giết. Ngài tuyển mộ 12 môn đệ để sau này lãnh đạo 12 bộ lạc Do Thái. Về niềm tin tôn giáo, Jesus cũng giống như sự phụ John Baptist, luôn luôn chú trọng kêu gọi mọi người ăn năn tội lỗi và chuẩn bị đón nhận ngày tận thế đã đến gần trong tầm tay (the end of the world is at hand). Ngài hăm dọa mọi người: "Cơ thịnh nộ của Thiên Chúa sẽ đến bất thần như kẻ trộm". Jesus đã tiếp nối con đường của John the Baptist với chủ đích tạo lập một khối quần chúng đông đảo gồm toàn những người trong sạch khao khát "nước Chúa trị đến" (purified individuals expecting the kingdom of God). Một khi mạng lưới quần chúng lan rộng trên toàn Do Thái, cuộc nổi dậy thần thánh sẽ giải phóng đất nước Do Thái thoát khỏi ách thống trị của La Mã và bọn chính quyền Do Thái bù nhìn. Bọn bù nhìn gồm có triều đình Herod và Hội Đồng Tối Cao Do Thái (Shanderin) đặc trách các vấn đề tôn giáo và tục lệ. Các tín đồ theo John và Jesus đều tin tưởng rằng: Nước Chúa sẽ phá tan quyền lực của La Mã. Sức mạnh vật chất của dân tộc Do Thái không đủ để lật đổ bạo quyền nếu không có sự can thiệp của Thiên Chúa. Mọi người cần phải giữ linh hồn trong sạch để được xứng đáng đón nhận nước Chúa sắp đến. Một khi nước Chúa trị đến, cuộc sống thanh bình hạnh phúc của toàn dân tự nhiên sẽ được thực hiện. *John the Baptist và Jesus là những nhà tiên tri dỏm về ngày tận thế (False apocalyptic prophets)* có tham vọng khôi phục vương quốc Do Thái với chủ thuyết ngày tận thế sắp đến để kích động tâm lý quần chúng. Cái ngày tận thế "sẽ đến trong tầm tay" của hai thầy trò Jesus chưa bao giờ xảy ra và sẽ chẳng bao giờ xảy ra. Thế gian này vẫn sống mãi cho đến khi nào mặt trời nguội đi. Nếu có một ngày nào đó sẽ là ngày tận thế thì đó chính là ngày tận thế của cái giáo hội ác ôn bịp bợm tôn thờ Jesus!.

Jesus không hoàn toàn tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng vì cũng có lúc Jesus đã hình dung ra một sự rối loạn và phân tán của dân tộc Do Thái. Jesus nói: "*Các người tưởng rằng ta đến để mang hòa*

bình cho trái đất sao? Không đâu, ta bảo thật, ta chỉ mang đến sự phân tán" (Do you think that I have come to bring peace to the earth? No, I tell you, but rather division! – Luke 12: 51-53).

John the Baptist và Jesus không phải là những người đầu tiên dùng chủ thuyết "ngày tận thế" để kích động quần chúng, Tám thế kỷ trước Jesus, Isaiah đã dùng chủ thuyết này với mục đích cải tạo xã hội và bản thân Isaiah đã được dân Do Thái tôn kính như Messiah (Chúa Kitô). Đến khi John và Jesus xuất hiện, nhiều người Do Thái đã coi John và Jesus là Messiah hoặc "Isaiah tái thế". Chính vì vậy, khi Jesus cưỡi con ngựa nhỏ về Jerusalem, một đám đông quần chúng đã tung hô "Vinh danh Đấng đã nhân danh Thiên Chúa mà đến" (Blessing on Him who comes in the name of God – Mark 11: 9-10). Trong phiên xử tại đền thờ Jerusalem (người Do Thái chỉ được phép xét xử các tội liên quan đến tôn giáo), tu sĩ cao cấp của đền thờ hỏi Jesus: "*Ông có phải là Chúa Kitô không?" (Are you the Messiah?)* Jesus trả lời: "Phải" (yes, I am – Mark 14: 61).

Tội của Jesus đã được xác định về phương diện tôn giáo vì Jesus đã dám mạo nhận là Con Trai Duy Nhất của Thiên Chúa (The Only Son Of God) . Theo giáo lý và tục lệ Do Thái thì sự mạo nhận này là một tội xúc phạm nặng nề đến đạo Do Thái. Tuy nhiên, các tu sĩ Do Thái không có quyền đưa ra một hình phạt hình sự nào đối với Jesus, do đó họ đã giao Jesus cho quan toàn quyền La Mã Poncius Pilate xét xử.

Vào lúc này, tại Jerusalem đang cử hành đại lễ Vượt Qua (Passover) là một ngày lễ kỷ niệm trọng đại, vừa có tính cách lễ trọng của tôn giáo, vừa là ngày quốc khánh của Do Thái. Số dân chúng từ khắp nơi đổ về thủ đô Jerusalem hết sức đông, đến nỗi các bãi trống chung quanh thủ đô cũng không có đủ chỗ cho khách hành hương dựng lều trại. Quan toàn quyền Pilate phải đem quân từ thành phố Cesarea về tăng cường bảo vệ an ninh cho thủ đô. Đã từ lâu, Pilate để tâm theo dõi nhóm tôn giáo mới của John the Baptist và Jesus, coi nhóm này là một nhóm chính trị chống La Mã (Anti-Roman Political group). Trong số các môn đệ của Jesus có nhiều người là du kích quân của đảng chính trị Zealot như Judas Iscariot và Peter (Phêrô). Peter có tục danh là "Simon the Zealot"- Mark 3:18). Jesus tự nhận là Messiah đồng nghĩa với "Vua của Do Thái" và công khai chống lại La Mã. Kinh Thánh Cựu Ước Do Thái đã định nghĩa Messiah như sau: Messiah là Vua David Mới, Ngài sẽ chiến thắng mọi kẻ thù của Do Thái và tái lập trật tự ở Jerusalem" (Messiah is New King David. He would subdue Israel's enemies and set up his rule in Jerusalem).

La Mã và chính quyền Do Thái chỉ nhìn Jesus trên khía cạnh chính trị của truyền thuyết Kitô (the political view of messiah). Họ cho rằng Jesus và phe nhóm đã lợi dụng lúc đồng bào Do Thái qui tụ đông đảo tại Jerusalem trong dịp lễ Pasover (Lễ Vượt Qua) để dấy lên cuộc đảo chánh núp dưới chiêu bài tôn giáo. Jesus cưỡi ngựa vào Jerusalem, tự xưng là Messiah vua Do Thái. Hơn nữa, Jesus còn công khai vào đền thờ Jerusalem đánh đuổi những người bán hương liệu và các thứ lễ vật cho khách hành hương, lật đổ các bàn ghế của những người đổi tiền vì khách hành hương đến đây từ nhiều nước khác cần phải đổi tiền của nước họ để có tiền Do Thái chi tiêu trong ngày lễ. Tất cả các sự việc trên đã dẫn đến cái chết của Jesus với tội danh "âm mưu lật đổ chính quyền". Trên cây thập giá, lính La Mã đã ghi rõ cái ý nghĩa chính trị của huyền thoại Kitô (the political view of Messiah): Jesus Nazareth, vua Do Thái (Mark 15: 26). Trong các ảnh tượng Chúa ở nhà thờ, dòng chữ này thường được ghi vắn tắt là "INRI".

Trong tác phẩm nghiên cứu công phu về cuộc đời thật của Jesus mang tựa đề ngắn gọn chỉ một chữ: JESUS (Humphrey Carpenter, Oxford University Press, second edition 1983) tác giả đã đi đến hai nhận định sau đây:

1. Jesus cũng như John đã bị giết chết không vì một lý do nào khác ngoài lý do chính trị.
2. Jesus và những kẻ theo ông ta không phải là những kẻ có tinh thần nhân đạo vì họ không lo phục vụ con người mà chỉ lo phục vụ cho cái quan niệm sai lầm về Thiên Chúa của họ. Họ làm như vậy vì họ tin theo các luật đạo Do Thái và lời nói của các thánh tiên tri (mà thực chất chỉ là những huyền thoại không có thật). Họ không hề tự hỏi tại sao phải làm như vậy, họ chỉ biết tuân theo các luật đạo một cách mù quáng máy móc vì họ chẳng bao giờ chịu vận dụng tới trí tuệ của họ." (Jesus and his fellow Jews were not humanists because they serve not man but God. They did this by obeying the Commandements of the Law and the words of their prophets, without questioning why. Their obedience was blind and mechanical, for their intellect was not involved in it).

2.6 HUYỀN THOẠI PHỤC SINH

Vào tháng 4.1996, trường Đại Học Los Angeles long trọng tổ chức kỷ niệm Lễ Phục Sinh năm nay bằng một Hội Nghị Khoa Học với chủ đề "CHÚA JESUS TRÒN 2000 TUỔI". Theo sách *World Facts and Dates* thì Chúa Jesus sinh vào năm thứ tư trước Công Nguyên, vì vậy năm 1996 Chúa vừa tròn hai ngàn tuổi. Nhân loại không cần phải đợi tới năm 2000 mới làm lễ kỷ niệm ngày sinh nhật số một này.

Ngoài ra, Tòa Thánh cũng tổ chức một Hội Nghị Thượng Đỉnh bàn về Phục Sinh (The Surrection Summit) tại một chủng viện ở New York, qui tụ các giáo sư thần học, các học giả về ngành triết học, sử học, và khảo cổ để tất cả hãy cùng nhau "Suy nghĩ lại về sự phục sinh của Chúa Kitô".

Cuộc họp này kéo dài 4 ngày, từ 8 đến 11.4.1996, dưới sự chủ tọa của LM Gerald O' Coollins, giáo sư thần học tại Đại Học Jesuits' Gregorian ở Rome. Tất cả các tham dự viên đều là những giới chức trí thức cao cấp trong Giáo Hội Công Giáo, chỉ có một người duy nhất là Alan Ségal, theo đạo Do Thái, giáo sư đại học Bernard ở New York. Hội nghị xác định: Niềm tin vào sự Phục Sinh của Chúa Jesus-Kitô là căn bản của giáo lý Kitô. Đúng như sự khẳng định của Thánh Phaolô trong thư Ngài viết cho giáo dân ở Corinth: *"Nếu Chúa Jesus không sống lại từ cõi chết thì đức tin của chúng ta đều trở thành vô ích"*. Quả vậy, niềm tin Kitô là niềm tin được sống lại sau khi chết. Nếu Chúa đã không sống lại thì Chúa không còn là đấng linh thiêng vượt trên tất cả mọi người. Nói cách khác, Chúa không còn là Chúa nữa. Thánh Phao lô còn nhấn mạnh thêm là sự Phục Sinh của Chúa là trung tâm tín lý vì nếu không có chuyện Phục Sinh thì đã không có Giáo Hội Ki Tô !

Câu chuyện kể việc Chúa chết 3 ngày sống lại đã là một chuyện đàm tiếu số một trong nhiều giới xã hội ngay từ buổi sơ khai của đạo Kitô. Người Do Thái ở Jerusalem cho đó là chuyện bịa đặt để tôn vinh một tên tội phạm chính trị lên thành một "Ông Con Trời" (Son of God). Giới trí thức Hy Lạp thời đó cũng tin xác loài người sau này sẽ sống lại, nhưng đó là sự sống lại tập thể của toàn nhân loại chứ không solo độc diễn như trường hợp của Chúa. Họ gọi sự sống lại của Chúa là chuyện nhảm nhí của bọn cố chấp.

Trải qua 2000 năm lịch sử, mọi người đều phải công nhận là câu chuyện Phục Sinh của Chúa Jesus quả có sức thu hút thật mãnh liệt. Triết gia Đức Ernst Block nhận định: *"Chính cái Huyền Thoại Phục Sinh của Chúa, chứ không phải Bài Giảng Trên Núi (Sermons on the Mount) của Ngài, đã chinh phục đế quốc La Mã"*.

Ngày nay, cứ đến dịp lễ Phục Sinh, hơn một tỷ tín đồ Kitô Giáo khắp thế giới qui tụ thật đông đảo tại các thánh đường để tưởng niệm cái chết đau thương của Ngài vào Chiều Thứ Sáu Tuần Thánh (Good Friday). Hôm sau, thứ bảy là cả một ngày các thánh đường đượm mùi tử khí của nhà mồ với lễ Hôn Chân Chúa (Holy Saturday). Sáng hôm sau, chủ nhật, bỗng nhiên cả đất trời bừng sáng hẳn lên với Tin Mừng Chúa đã chiến thắng sự chết để Sống Lại Hiển Vinh (Easter Sunday) !.

Tất cả chỉ là những màn hoạt cảnh được diễn đi diễn lại tại các nước có đạo Kitô trong 2000 năm qua. Nhưng lạ một điều, sau khi Cộng Sản Nga và Đông Âu sụp đổ vào các năm 1989 - 91, đạo Kitô đã bị lâm vào một tình trạng bất ổn. Dường như đạo Kitô đã trở nên không còn cần thiết cho mục tiêu chiến lược Chống Cộng của quyền lực quốc tế nữa. Một phong trào xét lại toàn bộ giá trị của đạo Kitô đã được "bật đèn xanh" và đột nhiên bùng lên dữ dội trong các giới trí thức học giả trên toàn thế giới.

Chỉ trong 5 năm, từ 1990 đến 1995, có tới dăm chục cuốn sách và mấy trăm bài báo mổ xẻ đủ khía cạnh chung quanh đề tài Phục Sinh của Chúa. Các học giả khơi lại không khí bài bác Kitô của Phong Trào Enlightenment thế kỷ 18 ở Âu Châu. Họ bươi móc đủ thứ chứng cứ lấy ra từ những kho sách cổ, khoa học thực nghiệm hay khoa khảo cổ học để tấn công Chúa Jesus của sự thờ phượng (the Cultic Jesus).

Thực ra, cách đây 150 năm, triết gia Đức David Strauss đã nêu lên vấn đề này trong tác phẩm "The life of Jesus critically examined" với lập luận cho rằng: Các tín đồ đầu tiên của đạo Kitô đã cố tìm mọi cách để gán cho Jesus đủ thứ huyền thoại về một Đấng Cứu Thế mà mọi người mong đợi. Ngày nay chúng ta phải tìm cho ra một "Jesus thật" ẩn núp đằng sau "Jesus của những huyền thoại" đó.

Tới thế kỷ 20, người ta mới ra sức đi tìm "Jesus thật" (the Real Jesus) mà cựu linh mục tiến sĩ John Dominic Crossan gọi là "Jesus của lịch sử" (The Historical Jesus). Jesus thật hoặc Jesus của lịch sử hoàn toàn khác với Jesus của huyền thoại hiện đang được các tín đồ tôn thờ.

Đặc biệt trong mùa Phục Sinh năm 1996, cả ba tờ tuần báo lớn *nhất nước Mỹ* là Time, Newsweek và U.S News and World Report đều đồng loạt ra ngày 8.4.96 với hình bìa in ảnh Chúa sống lại và những bài báo nẩy lửa tố cáo chuyện Phục Sinh của Chúa như một chuyện bịp lớn nhất trong lịch sử nhân loại.

Hầu hết các sách và các hội nghị khoa học về Chúa Kitô đều phủ nhận sự phục sinh của Ngài. Ngay những nhà truyền giáo của đạo Tin Lành cũng phải nhìn nhận sự phục sinh của Chúa đã trở thành một gánh nặng (a burden) cho tín lý đạo Kitô, vì nó đã là một trở ngại lớn nhất cho việc truyền giáo trong giới trí thức hiện nay.

Nhiều nhà truyền giáo cấp tiến đề nghị hủy bỏ tín điều Phục Sinh để dễ dàng nhận rõ cái vai trò đích thực của Chúa là một nhà cải cách xã hội (a social reformer) hơn là nhìn về Ngài qua lăng kính sai lầm của huyền thoại.

Theo kết quả điều tra của Viện Harris thì trong thời đại hiện nay, cái huyền thoại phục sinh của Chúa đã làm cho số tín đồ Kitô Giáo giảm sút mau lẹ. Chỉ riêng trong năm 1994, số tín đồ Kitô Giáo Hoa Kỳ đã giảm mất 13%. Theo cuộc điều tra của một tổ chức Công Giáo tại Glendale (California) vào tháng 3.1996, có tới 30% tín đồ Kitô Giáo Hoa Kỳ không còn tin chuyện sống lại của Chúa nữa.

Học giả Đức Gerd Luderman, chuyên gia khảo cứu Kinh Thánh, tuyên bố: *"Phục Sinh là công thức rỗng tuếch cần phải được gạt bỏ bởi bất cứ ai có cái nhìn của thời đại khoa học ngày nay."*

Trong cuốn *What really happened to Jesus?* (Westminster John Knox Press), Luderman viết: *"Thân xác Jesus đã thối rữa trong mồ"*. Người đặc biệt nhất là giáo sư John Dominic Crossan, cựu linh mục Công Giáo, giáo sư lâu năm tại Đại Học De Paul Chicago, đã từng đoạt nhiều giải thưởng của Hàn Lâm Viện Mỹ về các công trình nghiên cứu lịch sử của đạo Kitô của ông. Trong tác phẩm *Who killed Jesus* (Harper Collins), giáo sư Crossan nhận định: *"Ngôi mộ trống rỗng không phải là bằng chứng của sự Phục Sinh mà chỉ có nghĩa là xác Chúa không còn ở trong đó nữa, càng không có nghĩa là Chúa đã "bay lên trời", vì lúc đó xác Chúa đã bị chó hoang vào ăn mất tiêu rồi!"*. Theo luật La Mã, xác của các tử tội bị đóng đinh đều bị lính La Mã đem vứt cho thú hoang hoặc kên kên ăn thối, không một thân nhân tử tội nào được phép đặc cách lãnh xác về chôn cả !.

Năm 1947, các nhà khảo cổ đã phát giác một kho sách cổ gồm trên một trăm cuốn viết trên da lừa, trên các thanh gỗ hoặc thanh đồng, được viết vào thế kỷ IV trước Công Nguyên đến thế kỷ I đầu

Công Nguyên. Kho sách quý này được tìm thấy tại Qumran thuộc vùng sa mạc gần Biển Chết nên được mệnh danh là "The Dead Sea Scrolls". Sự khám phá này của ngành khảo cổ đã đem lại cho các học giả nghiên cứu tôn giáo cơ hội tìm hiểu nhiều bí mật của đạo Do Thái và đạo Kitô.

Nữ học giả Úc Barbara Thiering đã căn cứ vào các tài liệu trên để hoàn thành tác phẩm rất nổi tiếng "Jesus and the riddle of the Dead Sea Scrolls" (Harper Collins). Báo Newsweek ra ngày 8.4.96 cho biết cuốn sách này là cuốn sách bán chạy nhất thế giới trong năm. Theo sự nghiên cứu của tác giả thì Chúa Jesus không chết trên thập giá, Ngài chỉ "có vẻ như chết" mà thôi. Lúc đang bị treo trên thập giá, Jesus kêu khát nước. Một sĩ quan La Mã đã dùng cây giáo đưa miếng bọt biển (sponge) có thấm một thứ thuốc độc phản ứng chậm (a slow-acting poison) cho Jesus nhấp. Liều thuốc độc có phản ứng chậm này do một tín đồ của Jesus tên Simon Magus đã chế ra. Kinh Thánh gọi đó là "chén đắng" hoặc "dấm". *Sau khi uống chất "dấm" hóa học này, Jesus có vẻ như chết nhưng thực sự chưa chết mà chỉ ở trong tình trạng hôn mê (coma).* Viên sĩ quan trưởng toán hành hình là Longinus lấy chiếc giáo quẹt nhẹ (không đâm) vào cạnh sườn Jesus tạo thành một vết trầy cốt để thử xem Jesus phản ứng ra sao. Sau khi thấy Jesus không giật mình cựa quậy gì cả, mọi người tưởng Jesus đã chết rồi. Longinus có lý do chính đáng để tha không đập gãy hai xương ống chân của Jesus. Trong khi đó, hai người cùng bị đóng đinh một lượt với Jesus lúc đó còn sống đều bị lính La Mã đập gãy ống xương chân. (Xin chú ý một điều đây là một biệt lệ chưa từng có và là một đặc ân khác thường mà trưởng toán hành hình Longinus cố ý dành riêng cho Jesus vì viên sĩ quan này là đệ tử bí mật của Ngài). Hai tử tội kia, sau khi bị đập gãy ống xương chân, sức nặng thân xác làm toàn thân họ bị chùng xuống vì không còn chân đỡ và sự quá đau đớn làm họ ngất xỉu, đầu họ rũ xuống ngực khiến cho cổ bị nghẹt không thở được, nạn nhân chết ngộp trong khoảnh khắc. Nếu lính La Mã đập gãy hai ống xương chân của Jesus thì lịch sử nhân loại đã thay đổi và có thể thế giới đã trở nên tốt đẹp hạnh phúc hơn ngày nay bội phần vì ít nhất đã không bị Công Giáo La Mã làm cho nền văn minh nhân loại bị lùi lại 15 thế kỷ!

Chỉ vài giờ sau khi uống thuốc đắng độc chất hóa học, Jesus đã được đồ đệ tháo xác và đem đi cấp cứu. Vài ngày sau Ngài phục hồi sức khỏe và gặp người vợ yêu quý của Ngài là bà Magdelene. Bà Magdelene nguyên là một cô gái điếm nhưng rất mực yêu thương Jesus. Bà không được Kinh Thánh nhắc nhở nhiều vì sợ làm mất đi sự tôn nghiêm của "Thiên Chúa Hóa Thân" và vì thế bà không được Vatican phong thánh! Bà đã có 3 đứa con với Jesus nhưng sau đó Jesus đã bỏ bà để lấy cô gái Lydia trẻ đẹp. Nhiều học giả nghiên cứu Thánh Kinh không tin những chuyện nói trên nhưng họ cho rằng những chuyện trong Thánh Kinh kể về sự phục sinh của Chúa cũng chẳng có giá trị gì hơn.

Tuần báo U.S News and World Report số ra ngày 8.4.96 đã viết: *"Áp dụng phương sách phân tích văn bản và các qui luật xác định chứng liệu, 50 giáo sư chuyên khoa tôn giáo của hội nghị [Hội Giới-Su Semina] đã kết luận cho rằng chưa tới 20% những lời nói và hành động của Jesus trong Thánh Kinh là đúng sự thật. Nhất là những lời cầu nguyện hoặc lời nói của Jesus trên thập giá và những điều ám chỉ Jesus là Thiên Chúa, là được sinh ra bởi bà mẹ đồng trinh, là đáng làm phép lạ, là đáng đã sống lại từ cái chết".* (Applying some conventional methods of textual analysis and other disputed rules of evidence, the seminar made up of about 50 religion professors conclude that no more than 20 percent of the sayings and even fewer of the deeds attributed to Jesus are authentic. Among the castoffs: the Lord's prayers, the sayings on the cross and any claims of Jesus to divinity, the virgin birth, most of his miracles and his body resurrection)

Kinh Thánh không đưa ra được một nhân chứng nào về sự phục sinh của Chúa Kitô. Đến nỗi vị

thánh nổi tiếng về thần học là Thánh Ignatius cũng còn phải than: "*Chúa Jesus đã sống lại trong sự im lặng hững hờ của Thượng Đế !*". Các cuốn Tân Ước viết về phục sinh, mỗi cuốn nói một kiểu và mâu thuẫn nhau. Matthew nói người Chúa gặp đầu tiên sau khi sống lại (hay tỉnh dậy?) là bà Magdelene tại vườn cây của Joseph Arimathea. Luke thì lại kể rằng người Chúa gặp đầu tiên là thủ lĩnh các tông đồ, tức Phêrô, tại Jerusalem! Còn Mark thì xác định sau khi sống lại, Chúa chẳng gặp ai cả. *Cả ba cuốn sách của chân lý tuyệt đối nói về ba chân lý khác nhau* khiến cho chúng ta ngày nay phải bối rối và nghĩ rằng phải có một chân lý thứ tư: Các cuốn Thánh Kinh Tân Ước là những cuốn sách gồm những chuyện bịa đặt về Jesus nhằm Ki-tô-hóa nhân vật phàm tục này. Những chuyện bịa về phục sinh đã làm cho ngay chính môn đệ ruột của Jesus là Thomas cũng phải nghi ngờ.

Phúc âm của John (20: 24-27) kể rằng: *Thomas là một trong 12 môn đệ của Chúa. Sau khi sống lại, Chúa đến thăm các môn đệ của Ngài thì Thomas bữa đó lại đi vắng. Lúc trở về nhà, Thomas nghe các tông đồ khác thuật chuyện Chúa đã sống lại rồi, Thomas không tin. Thomas nói: "Chỉ khi nào tôi thấy tận mắt các lỗ đinh trên tay chân ngài và được thọc tay vào lỗ giáo đâm trên cạnh sườn Ngài thì tôi mới tin".* Tám ngày sau, Jesus trở lại căn nhà của các tông đồ, lúc đó mọi người đều đã qui tụ đông đủ để chờ đón Ngài. Cửa ra vào và các cửa sổ đều được đóng chặt, nhưng Chúa đã xuất hiện ở trong nhà như một hồn ma và đứng giữa đám họ. Chúa nói với Thomas: "*Con hãy đặt tay lên lỗ đinh trên tay chân ta và hãy cho tay vào lỗ giáo đâm trên cạnh sườn ta. Con đừng nghi ngờ gì nữa.*" Phúc cho kẻ nào không thấy mà tin."

Vì quá tin vào Lời Chúa trong Phúc âm của John, hầu hết tín đồ Ki Tô Giáo thường ít thắc mắc về những điều vô lý trong tin điều Phục-sinh cũng như trong các tin điều khác, bởi vì không thấy mà vẫn cứ tin bữa thì mới có phúc thật. Câu nói: "*Phúc cho kẻ nào không thấy mà tin*" đã trở thành nền tảng trong hai ngàn năm qua cho một thứ Đức Tin Mù (The Blind Faith) - một thứ đức tin của loài người bán khai vì nó hoàn toàn không cần xử dụng tới cái dụng cụ quý giá nhất ở con người thông minh là lý trí - Số báo đặc biệt nhân dịp lễ Phục Sinh năm 1996, với chủ đề in trên trang bìa "Rethinking of the Resurrection of Christ", tờ tuần báo nhiều độc giả nhất thế giới là Newsweek đã kêu gọi các tín đồ Kitô Giáo hãy suy xét lại niềm tin tôn giáo của mình xem có phải là đức tin mù hay không.

2.7 NHỮNG CHUYỆN BÍ MẬT Ở NÚI SỌ (The Secrets of Golgotha)

Tiếng Do Thái "Golgotha" có nghĩa là Sọ Người (Skull). Tại vùng ngoại ô phía tây bắc Jerusalem có một ngọn đồi cao 11 mét, trông xa giống như cái sọ người nên từ xa xưa người Do Thái đã đặt tên cho nó là "Đồi Sọ" (Golgotha Hill). Nhưng từ khi đế quốc La Mã thống trị chọn ngọn đồi này làm nơi hành hình các tử tội, phần đa số là những người yêu nước chống đế quốc, nên dân thành Jerusalem gọi ngọn đồi ấy là Núi Sọ Người (Mount of Golgotha).

Chính tại nơi đây, Jesus và hai người khác đã bị lính La Mã xử tử bằng cách đóng đinh vào thập giá. Ngọn đồi Golgotha đã trở thành thánh địa trong trái tim của các tín đồ Kitô Giáo trên khắp thế giới. Tuy nhiên, họ chỉ biết chuyện Chúa chết theo sự mô tả với đầy dẫy những điều xuyên tạc bóp méo lịch sử của những kẻ chủ mưu lập đạo Ki Tô qua các sách phúc âm mà thôi. Còn chuyện gì thật sự đã xảy ra cho Chúa, chúng ta cần phải đợi sự xác minh của các sử liệu và các bằng chứng có giá trị khách quan sau khi đã được kiểm chứng bởi các chuyên gia khả tín của các ngành khoa học hiện đại.

Năm 1994, hai học gia Đức là Holger Kersten và Elma R. Gruber đã cho xuất bản tác phẩm đề tài : *The Jesus Conspiracy - The Turin Shroud & The Truth about the Resurrection* (337 trang, Element Co. Hoa Kỳ in lại hai lần trong cùng năm 1994), làm chấn động dư luận quốc tế. Đề tựa của cuốn sách khá dài vì nó đề cập tới bốn vấn đề chủ yếu của nội dung sách này:

1. Tất cả những câu chuyện của Thánh kinh nói về cái chết của Jesus để "chuộc tội cứu thế" chỉ là một Âm Mưu Xảo Trí của Jesus (*The Jesus Conspiracy*).
2. Tất cả các thánh tích (relics) mà Vatican nói là đồ thật hầu rao bán từ xưa đến nay để hốt bạc, thực sự tất cả chỉ là đồ giả, không có một cái nào là thật cả. Trái lại, thánh tích có một không hai của toàn bộ hệ thống Ki Tô Giáo là tấm khăn liệm xác Jesus hiện lưu trữ tại nhà thờ lớn thành phố Turin (Ý) là di vật duy nhất thật của chính Jesus (The Turin Shroud).
3. Cuộc giảo nghiệm của giới khoa học quốc tế vào tháng 10 - 1978 tại Turin đã xác nhận tấm vải liệm ở Turin là thật. Những chứng tích của sự thật còn in dấu vết trên tấm vải liệm đó đã tố cáo âm mưu bịp bợm của những kẻ lập đạo Ki Tô. Các nhà khoa học đã chứng minh: khi "được liệm xác" Jesus vẫn còn sống chứ không chết. Jesus đã thoát chết là nhờ có rất nhiều tín đồ tay trong bí mật cứu giúp từ trước đến sau vụ đóng đinh. Thậm chí viên sĩ quan La Mã, trưởng toán hành hình Jesus, cũng là một tín đồ bí mật nên y đã không đập gãy chân Jesus. Sau đó, Jesus đã được các tu sĩ đồng đạo thuộc giáo phái Essenes của giáo chủ Jean Baptist (sư phụ của Jesus) dùng khối lượng 100 pounds được thảo để cứu sống Jesus thành công. Vậy Jesus đã chẳng những "không chết để chuộc tội thiên hạ" và cũng chẳng bao giờ là "Đấng từ kẻ chết sống lại hiển vinh". Ngài thực sự chỉ là "Đấng Đại Bịp Quốc Tế" đáng nguyên rủa chứ không thể tôn thờ !

Di vật thứ thiệt của Jesus là tấm vải liệm ở Turin và kết quả giảo nghiệm quốc tế tháng 10 - 1978 là hồ chôn toàn hệ thống Ki Tô Giáo (gồm Công Giáo La Mã, Chính Thống Giáo, Anh Giáo và tất cả các giáo phái Tin Lành). Đó cũng là tất cả sự thật về cái gọi là sự Phục Sinh của Kitô (The Truth of the Resurrection of Christ).

4. Vì thấy kết quả cuộc giảo nghiệm quốc tế gây nguy hại cho sự tồn vong của Công Giáo La Mã nên Tòa thánh Vatican đã đơn phương nguy tạo một cuộc giảo nghiệm khác bằng thử nghiệm

radiocarbon tests nhằm đánh lạc sự chú ý của thế giới về những kết quả xác đáng của giới khoa học quốc tế đã được công bố trước đây về những bí mật của Tấm Vải Liệm xác Jesus hiện lưu trữ tại Turin.

Nguyên bản tác phẩm này được viết bằng tiếng Đức và được chính các tác giả chuyển ngữ sang tiếng Anh vì cả hai đều tốt nghiệp Đại Học ở Đức và Hoa Kỳ. Nguyên bản Đức Ngữ đã được dịch sang nhiều thứ tiếng, riêng bản Anh ngữ của hai tác giả này đã được dịch ra 7 thứ tiếng khác cũng trong năm 1994. Từ đó đến nay, có thể tác phẩm này đã được tái bản và dịch thêm ra nhiều ngoại ngữ khác nữa.

Sau trên 10 năm nghiên cứu lịch sử và tiếp xúc với rất nhiều nhà khoa học đã từng tham dự vào các cuộc điều tra khoa học và giáo nghiệm liên quan đến các chứng tích lịch sử Kitô Giáo, các tác giả mới có đủ các dữ kiện hoàn thành tác phẩm độc đáo này. Bài viết của Elma. R. Gruber trong tác phẩm *The Jesus Conspiracy* mang tựa đề "Những chuyện bí mật ở Núi Sọ Ngươi" (The Secrets of Golgotha) đã tố cáo trước dư luận quốc tế rất nhiều bằng cứ về những âm mưu bí hiểm chung quanh cái chết của Jesus như sau:

Khoảng cuối thập niên 20 đầu Công nguyên, Jesus 33 tuổi, nguyên là thợ mộc ở Galilee, đã bị quan toàn quyền La Mã Pilate kết án tử hình về một tội phạm chính trị: "Âm mưu gây bạo loạn chống chính quyền". (Ghi chú: Tên thật của Pilate theo tiếng La Tinh là PONTIUS PILATUS). Nguyên nhân vì trong dịp cả nước Do Thái kỷ niệm đại lễ Vượt Qua (Passover) dân chúng tứ phương đổ về Jerusalem rất đông. Để đề phòng một cuộc bạo loạn chính trị có thể xảy ra trong dịp có quá đông dân chúng hỗn tạp tập trung tại Jerusalem, quan toàn quyền Pilate đã điều động nhiều đơn vị quân đội từ nhiều nơi về bố trí tăng cường bảo vệ an ninh cho thủ đô Do Thái trong dịp đại lễ này. Việc du kích và nhân dân Do Thái lợi dụng cơ hội này nổi loạn chống chính quyền là điều rất dễ xảy ra trong hoàn cảnh tình thế rất hỗn tạp này. Chính vì chuẩn bị đối phó với mọi bất trắc có thể xảy ra nên Pilate đã điều động nhiều đơn vị quân đội từ nhiều nơi về Jerusalem để tăng cường bảo vệ an ninh.

Cũng trong dịp đại lễ Passover này, Jesus đã ngang nhiên phá rối trật tự an ninh tại trung tâm của buổi lễ là Đền Thánh Jerusalem của giáo phái thù địch là Phrisees. Bởi lẽ Jesus là đệ tử của Jean Baptist, giáo chủ giáo phái Essenes, vốn rất căm ghét giáo phái Pharisees từ lâu nên đã nhân dịp này xâm nhập Đền Thánh la lối phá phách, đánh đuổi những người bán lễ vật cho khách hành hương tham quan Đền Thánh hoặc đổi tiền cho những khách ngoại quốc về dự lễ.

Trong tác phẩm "The Historical Jesus", linh mục John Dominic Crossan đã viết : " Những gì đã xảy ra cho Jesus cũng là những điều đã xảy ra trước đó cho John. Đó là hình phạt tử hình mang tính chất chính trị và tôn giáo. Chỉ một hành vi phá phách Đền Thánh như vậy, nhất là trong dịp đại lễ quốc khánh trong tình hình dễ xảy ra bạo loạn này, đã hoàn toàn hội đủ yếu tố đưa đến hình phạt bị đóng đinh trên thập giá vì lý do hỗn hợp tôn giáo chính trị. (What would happen to Jesus was probably as predictable as what had happened already to John. It seems clear that Jesus confronted with The Temple 's rich magnificence . Such an act, if performed in the volatile atmosphere of Passover, a feast that celebrated Jewish liberation from inaugural imperial oppression, would have been quite enough to entail crucifixion by religiopolitical agreement. - The Historical Jesus, p. XII)

Toán lính La Mã thi hành bản án tử hình Jesus, do Đại Úy Longinus cầm đầu, đã dẫn Jesus lên đồi Golgotha xử tử bằng cách đóng đinh Jesus vào thập giá cùng với hai tử tội khác. Lúc đó là buổi chiều ngày thứ sáu. Ngày hôm sau là ngày Đại Lễ Vượt Qua (Passover) kỷ niệm Thánh Moses đã dẫn dân tộc Do Thái vượt qua Hồng Hải trốn thoát ách nô lệ Ai Cập trong nhiều thế kỷ trước. Lễ này

luôn luôn nhằm vào ngày rằm vì người Do Thái thời đó sử dụng Âm Lịch. Kỳ lễ năm ấy lại trùng vào ngày thứ bảy (Sabbath). Theo tục lệ Do Thái thì mọi tử tội đều phải được chôn cất trước ngày Sabbath. Đạo Do Thái là đạo của Luật (The Religion of Law) vì thế, nói đến luật, mọi người sẽ hiểu là luật của đạo Do Thái. Luật đạo Do Thái dạy rằng: "*Không được để ánh sáng mặt trời chiếu trên xác tử tội vào ngày Sabbath*". Do đó thân xác của tử tội Jesus sẽ được tháo xuống trong buổi chiều trước ngày Sabbath theo đúng với luật lệ tôn giáo của Do Thái.

Jesus có hai người bạn thân là Joseph Arimathea và Nicodemus, cả hai đều rất giàu và có quyền thế vì họ đều có chân trong Hội Đồng Tối Cao Do Thái (Sanherin). Hội đồng này có 70 nghị viên là đại diện cho đạo Do Thái, đồng thời cũng là cơ quan chính quyền bản xứ do La Mã lập ra để phụ trách trông coi việc thi hành các luật pháp và tục lệ của xứ thuộc địa này.

Joseph và Nicodemus, với tư cách là những nghị viên Viện Sanherin Do Thái đã có dịp tiếp xúc và quen thân với Pilate. Do đó, cả hai người được biết chính quyền La Mã đã quyết định tìm bắt và xử tử Jesus vì lý do những hoạt động gây bạo loạn vừa xúc phạm Đạo Do Thái vừa gây nguy hại đến an ninh và công cuộc trị an của La Mã.

Mặc dầu đã biết trước mọi việc sẽ xảy ra cho Jesus nhưng Joseph và Nicodemus tự biết không thể cứu Jesus thoát khỏi án tử hình, do đó Joseph và Nicodemus tìm cách hối lộ và thuyết phục Pilate cho phép họ được tháo xác Jesus xuống khỏi thập giá càng sớm càng tốt để kịp thời cứu sống ngài.

Đây là một biệt lệ vì luật pháp La Mã tuyệt đối cấm thân nhân mang xác tử tội về nhà chôn, các xác tử tội đều bị vứt vào hang hoặc bãi hoang cho kên kên, thú dữ hoặc chó hoang ăn thịt. *May mắn thay, đề nghị của Joseph và Nicodemus đã được Pilate chấp thuận.* Joseph liền bỏ tiền mua một khu vườn có cây cối rập rập nằm sát chân đồi GolGotha và xây tại đây một ngôi mộ lớn có nhiều phòng.

Nicodemus mua một số thuốc cứu thương rất lớn. Phúc âm của John cho biết: "Nicodemus đến với Chúa vào ban đêm, mang theo dầu Myrrh và Aloe nặng 100 stones" (John 19:30). Stone là đơn vị đo lường của Do Thái thời đó, mỗi stone tương đương với 100 pounds.

Aloe là chất thuốc có khả năng gây mê (coma) tẩy uế đờm dãi, tổng khứu chất độc trong người và làm các vết thương mau lành.

Khi Jesus bị treo lên thập giá, Ngài kêu khát nước, sĩ quan chỉ huy toán hành hình đã lấy miếng bọt biển, (sponge) thấm "dấm" rồi lấy cây giáo đưa miếng bọt biển đó lên miệng Jesus để Ngài uống giải khát. Viên sĩ quan đó là thuộc hạ thân tín của Pilate nhưng đồng thời cũng là một tín đồ bí mật của Chúa. Phúc âm của Mark ghi rõ (15: 39, 27: 54): "Viên sĩ quan này là người đã từng ngợi khen Chúa là con Đức Chúa Trời". Và "Sau khi uống dấm xong, Chúa phán "Công việc đã hoàn thành" rồi Ngài cúi đầu xuống và trút linh hồn".

Thánh kinh nói chất nước Jesus uống lúc còn bị treo trên thập giá là dấm, nhưng có phải là dấm thật không? Tại sao vừa uống dấm xong thì Ngài chết liền? Căn cứ vào những chất thuốc mà Nicodemus đã mang đến núi Sọ là dầu myrrh và aloe, người ta có thể suy đoán nước dấm Jesus uống có pha hai chất thuốc này để gây mê. Các nhà khoa học phân chất aloe đã tìm thấy chất phenol có tác dụng gây mê (coma). Dầu myrrh được lấy từ cây commiphora đã được người Hy Lạp sử dụng từ lâu để trị vết thương và tẩy uế (sát trùng). Ông tổ y khoa Tây phương là Hippocrate đã ca ngợi dầu myrrh là một thần dược, chẳng những chữa trị vết thương mau lành mà còn ngăn ngừa được các bệnh dịch. Ngoài ra, ở Palestine vào thời đó, người ta đã biết sử dụng thuốc phiện để làm

thuốc giảm đau.

Do đó, chất dấm mà viên sĩ quan "tín đồ bí mật của Chúa" đã cho Ngài uống có thể là một chất tổng hợp các thứ thuốc nói trên khiến cho Ngài vừa mới uống xong thì bất tỉnh liền. Cũng người sĩ quan đó lấy cây giáo "quệt sơ" vào cạnh sườn của Chúa để cho những tên lính La Mã khác thấy Chúa không giật mình cựa quậy nên tưởng Ngài đã chết rồi và tha cho Ngài cái cực hình bị đập gãy hai chân. Vì đã được phép của Pilate, Joseph và Nicodemus vội vàng tháo xác Jesus xuống và đưa ngay vào nhà mồ kín đáo trong khu vườn của Joseph ở ngay sát chân đồi.

Tại nhà mồ này, Josep và Nicodemus đã để sẵn một phiến đá dài bằng phẳng dùng làm ghé nằm, trên đó trải sẵn một tấm vải trắng thuộc loại đất tiền, dài 4m36, rộng 1m10. Vì tấm vải rất dài nên chỉ cần một nửa tấm vải cũng đủ phủ lên mặt ghé đá. Nicodemus cẩn thận rắc các thứ thuốc và dầu myrrh lên tấm vải trước khi đặt xác của Jesus lên đó. Toàn thân của Jesus lúc ấy bê bết máu đã in lên tấm vải trắng những vết roi trên lưng, hông, đùi và chân. Cũng nhờ những dấu máu trên tấm vải này, người ta đã đo được chiều dài của Jesus từ đầu xuống gót chân là 1 mét 82 và ước lượng ngài nặng 79 kilô.

Phần nửa tấm vải còn lại đã được Joseph và Nicodemus trùm qua đầu, qua ngực, xuống tới chân của Chúa. Lúc ấy, hai tay của Chúa được để vắt chéo lên bụng. Cái mào gai trên đầu của Ngài vừa mới được tháo ra đã tạo nên những dòng máu tươi chảy tràn lên trán làm ướt hết khuôn mặt của Ngài. Máu của Ngài pha lẫn với các thứ dầu thuốc đã được thoa khắp cơ thể tạo thành một hỗn hợp màu nâu. Hỗn hợp màu nâu này đã in lên tấm vải phủ phía trên thân xác Ngài hình ảnh khuôn mặt với những vết gai đâm trên trán, hai ống chân còn nguyên (không bị đập gãy) với hai lỗ đinh trên hai bàn chân và hai cánh tay vắt chéo với hai lỗ đinh trên hai bàn tay.

Lúc ấy là đêm thứ sáu, hôm sau là lễ Vượt Qua. Toàn dân thành Jerusalem lo mừng cuộc lễ nên chẳng có ai để ý đến kẻ tử tội bị đóng đinh chiều qua. Người tử tội được bạn bè tận tình cứu giúp đã từ từ hồi tỉnh sau cơn mê vài giờ. Vả lại, chất thuốc mê đến lúc đó cũng đã hết tác dụng vì Ngài đã được uống thuốc xổ.

Đêm đó lại là đêm trăng rằm, Nicodemus và Joseph được sự trợ giúp của các "thiên thần áo trắng", đã di chuyển Jesus tới một nơi an toàn và bí mật hơn để tiếp tục chữa trị. Do sự khám phá ra những cuộn sách cổ ở Vùng Biển Chết (The Dead Sea Scrolls), người ta mới biết các "thiên thần áo trắng" là các tu sĩ thuộc giáo phái Essenes của John the Baptist. Mọi tu sĩ của giáo phái này đều mặc áo dài trắng (white long tunic) và đều biết chữa bệnh. Họ đi lang thang khắp nước Do Thái để giảng đạo và chữa bệnh miễn phí cho dân nghèo. Jesus là bạn đồng đạo của họ nên được họ tận tình săn sóc trong dịp này. Lúc di chuyển Jesus rời khỏi ngôi mộ trong vườn của Joseph, họ đã để quên tấm vải trắng liệm xác Jesus tại đó. Sáng hôm sau là ngày Chủ nhật, người Do Thái gọi là ngày đầu tuần, bà Magdelene, vợ Jesus đến mộ thăm chồng. Kinh Thánh của John (12:1-18) kể chi tiết như sau: Magdelene đến thăm mộ Chúa trong buổi sáng ngày đầu tuần lúc ấy trời hãy còn tối: Bà thấy hòn đá chắn cửa mộ đã bị dời đi chỗ khác. Bà vô cùng hoảng hốt bèn vội vàng chạy đi tìm Peter (Phêrô) và John (Gioan tông đồ) than khóc với hai người rằng: "không biết ai đã mang xác Chúa ra khỏi mộ rồi". Nghe nói vậy, Peter và John chạy đến ngôi mộ của Chúa. John còn trẻ, chạy nhanh tới trước, nhưng John chỉ đứng ở cửa hang ngó vào nhìn thấy tấm vải trắng chứ không dám vào hang mộ. Peter chạy chậm tới sau bước thẳng vào hang. Peter nhặt tấm vải lúc ấy đã được cuộn lại, khi gỡ ra, Peter thấy trong đó có chiếc khăn che mặt của Chúa nữa.

Kinh Thánh của John thuật đoạn chuyện trên với các động từ thì hiện tại (present tense) muốn

chứng tỏ những sự việc này do tác giả chứng kiến trực tiếp. Sách Kinh Thánh Tân Ước được viết bằng tiếng Hy Lạp. Khi mô tả vết thương cạnh sườn của Chúa (the side wound), tác giả gọi đó là vết trầy nhẹ (nysssein = a light scratch). Saint Jerome (340-420) là người đầu tiên dịch các sách Kinh Thánh Tân Ước từ tiếng Hy Lạp ra tiếng La Tinh. Bộ sách Kinh Thánh do Jerôme dịch ra được gọi là Vulgate (Sách Phổ Thông) đã trở thành bản Kinh Thánh chính thức của đạo Kitô. Trong bản dịch Vulgate, Jerôme đã xuyên tạc nhiều điều của nguyên bản Hy Lạp. Vết thương cạnh sườn của Jesus từ một vết trầy theo đúng chữ Hy Lạp NYSSEIN có nghĩa là vết trầy nhẹ (a light scratch) trong nguyên bản, Jerôme đã biến nó thành APERIRE có nghĩa là "một vết thương mở toang" (an open wound) với máu và nước trong người của Chúa chảy ra. Mọi người đọc bản dịch Kinh Thánh của Jerôme có cảm tưởng vết thương cạnh sườn của Jesus là một nhát đâm dứt điểm, tương tự như "coup de grâce". Người La Mã không hề dự liệu thủ tục "coup de grâce". Thủ tục này do người Pháp lập ra vì lý do nhân đạo nhằm giúp các tử tội không phải chịu đựng sự đau đớn lâu dài. Người Pháp định nghĩa coup de grâce như sau: "a deathblow delivered to end the misery of a mortally wounded victim". Mục đích nhân đạo của "coup de grâce" hoàn toàn ngược lại với chủ đích của người La Mã. Khi xử dụng hình phạt đóng đinh trên thập tự, họ muốn tử tội phải bị đau đớn lâu dài, dầm mưa dãi nắng, bị lột trần truồng và bị bêu xấu ở những nơi có nhiều người trông thấy, nhằm mục đích khủng bố tinh thần của đám nô lệ hay dân các nước thuộc địa. Luật La Mã qui định thủ tục xác nhận cái chết của tử tội (confirmation of the death) bằng cách đập gãy chân tử tội. Với thể thức này, tội nhân không còn đủ sức để gượng nâng thân mình lên, toàn thân sẽ rũ xuống, đầu tội nhân cúi gằm xuống ngực khiến tội nhân chết vì ngộp thở. Luật La Mã không hề qui định việc lấy giáo đâm vào tim tử tội cho chết hẳn tương tự như "phát súng ân huệ" của người Pháp.

Người Pháp khủng bố tinh thần bằng phương pháp khác như chặt đầu chụp hình làm stamp (tem thơ, tem cò), để đàn áp tinh thần dân thuộc địa. Vụ đầu độc Hà Thành các liệt sĩ VN đã bị Pháp chụp hình đầu lâu làm tem thơ là một ví dụ.

Mọi điều vừa nêu hãy còn sờ sờ ra đó trên các văn bản của Luật La Mã và nguyên bản Kinh Thánh Hy Lạp. Bản dịch Kinh Thánh Vulgate của Jerôme đã để lộ nguyên hình là một sự gian trá cố tình. Phải chăng chính vì vậy mà Jerôme đã được ghi công và được phong thánh? Ngày nay, chúng ta hiểu tại sao giáo hội La Mã đã cấm không cho ai được phép dịch Kinh Thánh từ tiếng Hy Lạp mà phải dịch ra từ bản Vulgate của Jerôme. Mọi mưu toan dịch Kinh Thánh từ tiếng Hy Lạp đều bị trả giá bằng cái chết trên dàn hỏa. Nhưng không một sức mạnh nào có thể vượt qua được sức mạnh của sự thật. Sự thật là sức mạnh vô địch và tối hậu sẽ tiêu diệt mọi thủ đoạn dối trá nhằm che mờ lý trí và lương tri con người.

2.8 TẮM VẢI LIỆM JESUS LÀ HỒ CHỒN ĐẠO CÔNG GIÁO

Phúc âm của John (20: 1-18) đã cho chúng ta biết Peter (Phêrô) là người đầu tiên nhật tẩm vải liệm xác Jesus mà Joseph và Nicodemus đã bỏ lại tại nhà mồ. Đối với mọi người, thường thì đó là một vật ghê gớm chẳng ai dám mang về nhà, nhưng đối với các môn đệ và tín đồ sùng kính Chúa Kitô thì nó lại là một thánh tích (holy relic) thiêng liêng vô giá. Và quả thật, tẩm vải liệm xác của Chúa Jesus cho đến nay vẫn là một di vật độc nhất vô nhị có in hình khuôn mặt và thân thể Ngài. Nó cũng là một nhân chứng thầm lặng (the silent witness) duy nhất nói lên tất cả sự thật về cái chết của Chúa cũng như nói lên cái thực chất của đạo Kitô và Tòa Thánh La Mã.

Theo một cuốn sách của Thánh Nino (chết năm 335) thì tẩm vải liệm lúc đầu đã lọt vào tay bà vợ của quan toàn quyền La Mã Pilate. Bà này rất có thiện cảm với Chúa Jesus và đã từng yêu cầu chồng đừng giết Ngài. Theo cuốn *Lịch Sử Hội Thánh* của giám mục Eusebius viết năm 325 thì sau khi Chúa chết được ít lâu, một tông đồ thuộc vòng ngoài (outer circle) của Chúa tên là Addai đã đem tẩm vải liệm đến Edessa (Thổ Nhĩ Kỳ) để tặng cho vua xứ này là Abgar V. Lúc Chúa Jesus còn sống, vua Abgar đã nghe tin Chúa làm nhiều phép lạ nên đã cho người đến mời Chúa sang Edessa chữa bệnh cho vua. Nhưng Chúa chưa kịp đi thì đã bị bắt và bị giết. Theo sách của Eusebius, nhà vua có lòng tin Chúa đã tôn thờ tẩm vải liệm và đã được Chúa ban ơn khỏi bệnh (Ghi chú: Phúc âm của Luke 10:1 cho biết Chúa Jesus có 12 tông đồ thuộc vòng trong và 70 tông đồ thuộc vòng ngoài). Khoảng năm 57, vua Abgar V chết, người con lên thay là Abgar VI lại rất ghét đạo Kitô và ra lệnh cấm đạo. Các giáo dân ở Edessa đã đem tẩm vải liệm cất dấu cẩn mật, đến nỗi mấy thế kỷ sau tẩm vải liệm biệt tích.

Bỗng nhiên, vào năm 525, Edessa bị cơn lụt lớn tàn phá khiến cho trên 3000 người bị chết đuối, nhiều nhà bị cuốn trôi và cổng thành phía tây của hoàng cung bị sập. Lúc đó người ta mới thấy tẩm vải liệm được giấu trong hốc tường của cổng thành này. Vào thời kỳ đó, Edessa bị lệ thuộc đế quốc La Mã. Hoàng đế La Mã Justinien hay tin rất mừng rỡ và ra lệnh xây cất tại Edessa một thánh đường lớn, nay gọi là nhà thờ Haiga Sophia, để tôn kính thánh tích tẩm vải liệm.

Năm 639, Edessa bị quân Hồi Giáo chiếm đóng nên tẩm vải liệm được đem đi nơi khác cất giấu.

Năm 670, tẩm vải liệm xuất hiện tại Palestine. Nhân dịp đi hành hương tại Palestine, giám mục người Pháp tên Arculf Pirigeux thấy một đám đông kéo tới một ngôi nhà thờ để kính viếng tẩm vải liệm. Ông đi theo và đã được diễm phúc hôn lên tẩm vải liệm này. Sau khi trở về Pháp, ông đã viết sách kể lại chuyện trên.

Năm 944, không biết do nguyên do nào, tẩm vải liệm xuất hiện tại nhà thờ St. Mary ở Constantinople (Thổ Nhĩ Kỳ).

Năm 1203, thánh tích này được đưa về nhà thờ Balachermal (Hy Lạp). Nhà thờ này mở cửa suốt ngày thứ sáu hàng tuần cho mọi người vào kính viếng thánh tích.

Năm 1418, tẩm vải thánh tích được chuyển về pháo đài Monfort (Pháp) thuộc dòng họ Charny.

Năm 1452, Công chúa Magaret Charny tổ chức một cuộc triển lãm cho công chúng đến chiêm ngưỡng tẩm vải liệm tại lâu đài Germolles. Cuối cùng vì quá cảm mến ông quận công Savoy, công chúa đã tặng cho quận công tẩm vải liệm thánh tích vô cùng quý giá này. Bù lại, quận công tặng cho công chúa Magaret một lâu đài tráng lệ tại Genève và toàn bộ lợi tức bất động sản của quận công tại thành phố Lyon. Quận công Savoy cho xây một thánh đường tại Chambéry để tôn thờ tẩm vải

liệm.

Năm 1506, Giáo Hoàng Julius II ban hành sắc lệnh của tòa thánh công nhận tấm vải liệm là thánh tích thật của Chúa Jesus và ra lệnh cho toàn hội thánh phải dâng lễ kính thánh tích này vào ngày 4 tháng 5 hàng năm. Đây là một ngày lễ chính thức của hội thánh La Mã (The Feast Day of the Holy Shroud). Từ đó, thánh đường riêng của dòng họ Savoy trở thành một nơi hành hương của các tín đồ Kitô Giáo khắp thế giới.

Ngày 17.9.1578, quận công Philibert de Savoy dời đô về Turin (nay thuộc nước Ý) và đặt tấm vải liệm tại nhà thờ chính của thành phố này. Kể từ đó người ta gọi tấm vải liệm là "khăn liệm Turin" (The Turin Shroud).

Nhân dịp mừng đám cưới của hoàng tử Umberto Savoy vào tháng 5/1931, hoàng gia tổ chức cuộc triển lãm thánh tích trong 3 tuần lễ đã thu hút rất đông tín đồ từ khắp nơi kéo về chiêm bái.

Umberto sau đó lên làm vua nước Ý, đến thế chiến thứ hai, ông bị lật đổ, phải lưu vong tại Bồ Đào Nha. Ngày 2.3.1983, Giáo Hoàng John Paul sang Bồ Đào Nha gặp cựu hoàng Umberto để yêu cầu cựu hoàng chuyển giao quyền sở hữu tấm vải liệm cho tòa thánh. Cựu hoàng đồng ý trao tặng tòa thánh thánh tích quý giá này. Hai tuần sau, cựu hoàng qua đời vì quá già yếu. Thế là phải đợi gần 2000 năm sau khi Chúa chết, di vật duy nhất của Chúa mới thuộc về người đại diện Ngài ở thế gian này (Vicar of Christ)! Đối với niềm tin tôn giáo, tấm vải liệm là một thánh tích thiêng liêng về công ơn cứu chuộc vô cùng của Thiên Chúa đối với loài người. Nhưng đối với các nhà khoa học, tấm vải liệm là một di vật quý giá sẽ nói lên những sự thật về con người của Chúa. Họ coi đó là một nhân chứng trầm lặng có khả năng tố giác sự thật về cái chết của Ngài. Các nhà khoa học không cần quan tâm đến các khía cạnh triết lý hay thần học. Cái họ quan tâm duy nhất là đi tìm sự thật khách quan, với mục đích cuối cùng là để phụng sự những lợi ích của nhân loại.

Nước Pháp là nơi đầu tiên có sáng kiến điều tra sự thật về tấm vải liệm hoàn toàn trên phương diện khoa học.

Năm 1900, trường đại học Sorbonne (Paris) thành lập một phái đoàn gồm các nhà sinh vật học (biologists), do giáo sư Paul Vignon cầm đầu, đã tới Turin nghiên cứu và khảo nghiệm vải liệm. Ngày 21.4.1902, giáo sư Paul Vignon đã đến Viện Hàn Lâm Khoa Học Pháp để đọc bản tường trình về hình ảnh của Chúa Jesus trên thánh tích vải liệm (The image of Christ visible on the Holy Shroud of Turin). Trong đó có đoạn viết: *"Về phương diện y khoa, những vết thương và những dữ kiện khác trên tấm vải liệm thật là hoàn hảo, không có chỗ nào hư hỏng và không có một nghệ sĩ nào có thể làm giả được"*. (From a medical point of view, the wounds and the other data so automatically flawless that it seemed impossible that the work of any artist). Để giải thích nguyên nhân nào hình ảnh của Chúa Jesus đã được tạo thành trên tấm vải liệm, giáo sư Paul Vignon khẳng định: *"Tôi cho rằng hình ảnh trên tấm vải liệm là của Chúa Kitô được cấu tạo bởi tiến trình vừa vật lý vừa hóa học trong lúc Ngài nằm trong mộ"*. (I considered the shroud image to be of Christ, created by a special physio-chemical process while he had laid in the tomb). Giáo sư Vignon và phái đoàn sinh vật học của ông đồng nhận định: những dấu vết in trên tấm vải liệm phù hợp với vóc dáng của một người cao lớn miền Địa Trung Hải. Hai vai rộng và chân tay gân guốc phù hợp với nghề tay chân hay nghề mộc của Chúa.

Năm 1930, một cuộc điều tra thứ hai do bác sĩ Barlet và một số các bác sĩ chuyên gia giải phẫu thuộc bệnh viện Saint Joseph Paris thực hiện với kinh nghiệm lâu năm trong việc giải phẫu người sống và xác chết, phái đoàn này đã đến Turin nghiên cứu tấm vải liệm và đưa ra nhiều nhận xét tỉ

mì: *"Người để lại dấu vết trên vải liệm đúng là một tử tội bị đóng đinh, tuổi từ 30 đến 35, cao 6 feet và nặng 175 pounds, thân hình rắn chắc gân guốc"* (Well-built and muscular). Phái đoàn của Barbet không tìm ra được loại máu (blood type) hay tài liệu về răng (dental record), nhưng quả quyết các dấu vết là máu người chứ không phải là sơn hay bất cứ một hợp chất nào khác.

Bác sĩ Barbet báo cáo thêm rằng: Trong quá trình bị đóng đinh, xương cổ tay của nạn nhân đã bị gãy (the wrist bones would have been broken in the process). Điều này trái với lời tiên tri trong Cựu Ước về Chúa Kitô: *"Không một xương nào của Chúa sẽ bị gãy"*. (PS 34:20, EX 12:46) (Not a bone of his should be broken).

Tại Anh quốc, một hội nghị nghiên cứu tấm vải liệm vào thập niên 1960 mang tên "British society for the Turin shroud" do học giả Ian Wilson làm chủ tịch. Sau nhiều năm sưu tra xuất xứ của tấm vải liệm và nghiên cứu nhiều khía cạnh của đề tài, hội khoa học này cho xuất bản cuốn *The Shroud of Turin – The burial cloth of Jesus Christ* (272 trang, Double Day and Co. USA. 1978). Cuốn sách thuật lại cuộc đời lưu lạc của tấm vải liệm khá ly kỳ trong một thời gian kéo dài non hai mươi thế kỷ qua. Cuốn sách cũng đưa ra những ý kiến và những nhận xét của các nhân vật nổi tiếng về tấm vải liệm:

- Giáo Hoàng Paul VI cho biết Ngài đã đến kính viếng thánh tích vào năm 1931. Đối với Ngài, *thánh tích là rất thật, rất sâu sắc, rất người và cũng rất thiêng liêng. Chúng ta không thể say mê thần phục và tôn kính một hình ảnh nào khác được.* (It seemed to me so true, so profound, so human and so divine, such as we have been unable to admire and venerate in any other image).

- Văn hào Pháp Paul Claudel tuyên bố: *"Một cái gì đó thật đáng sợ hãi và cũng tuyệt đẹp ẩn trong hình ảnh của Chúa mà người ta không thể làm gì khác hơn là tôn thờ Ngài ."* (Something so frightening and yet so beautiful lies in it that a man can only escape it by worship).

- Bác sĩ Anh, David Wills đã từng tham gia cuộc khảo nghiệm tấm vải liệm tuyên bố: *"Các vết thương in trên tấm vải liệm rất phù hợp với những điều được nói trong Tân Ước. Các vết sưng trên mặt, má và mắt chứng tỏ Chúa đã bị đánh bằng tay (vả) trước khi bị đóng đinh"*.

- Tại Hoa Kỳ: Sự tổ chức công cuộc nghiên cứu tấm vải liệm tuy muộn nhưng lại rất qui mô với sự tham gia của nhiều ngành khoa học và với phương tiện kỹ thuật vừa dồi dào vừa tân tiến. Hoa Kỳ thành lập kế hoạch nghiên cứu mang tên "American Scientists and the Shroud of Turin Research Project". Kế hoạch này qui tụ các khoa học gia hàng đầu của Mỹ trong các ngành nguyên tử và không gian (NASA), 15 học giả chuyên về các vấn đề khoa học và 9 chuyên gia về lịch sử tôn giáo. Kết quả nghiên cứu của họ được báo cáo tại hội nghị họp tại Albuquerque New Mexico vào tháng 3.1977.

Ngày 8.10.1978, tất cả các hội nghiên cứu tấm vải liệm từ nhiều nước đã cùng qui tụ tại Turin để phối hợp trong một nỗ lực chung nhằm khám phá sự thật về cái chết của Chúa Jesus. Riêng phái đoàn Hoa Kỳ có 25 nhà bác học và hàng tấn hóa chất và dụng cụ máy móc tối tân. Một số máy móc được chế tạo đặc biệt để dùng riêng cho cuộc khảo nghiệm này. Phía Tòa Thánh La Mã có một số khoa học gia đại diện như nhà vật lý học Luigi Gonella, chuyên gia kính hiển vi Giovanni và nhà bệnh lý học Baina Bollone.

Tấm vải liệm được đưa đến tòa nhà rộng lớn Palazzo ở cạnh nhà thờ Turin và được đặt trên một cái bàn rất lớn có chấn kiếng an toàn. Tấm vải được phân ra 60 khu vực nghiên cứu. Sau hơn 2 tuần lễ làm việc miệt mài với tinh thần khoa học vô tư, các nhà khoa học hàng đầu thế giới đã đi đến những kết luận sau đây:

- Tấm vải được dệt bằng sợi bông Ai Cập tại Syria cách đây 2000 năm với kỹ thuật dệt theo hình xương cá trích (herring bone pattern).

- Các vết máu trên tấm vải liệm là máu người.

- Hình mặt người trên tấm vải liệm được cấu tạo bởi phản ứng hóa học và sự oxyt-hóa của chất nhờn da mặt (skin oil) mỡ hôi, dầu aloe và dầu Myrrh đã thấm vào sợi bông lâu ngày mà thành.

- Người nằm trên tấm vải là người bị thương nặng và ở trong tình trạng hôn mê (coma) vì các vết máu trên tấm vải có hai loại. Loại máu khô từ trước khi được đặt nằm trên tấm vải và loại máu tươi chung quanh có vành huyết tương. Người chết không đổ loại máu này (chỉ có người bị thương mới có loại máu này).

- Các vết máu của đầu, cổ, lưng, hông, đùi và hai chân đều nằm trên một mặt phẳng chứng tỏ một tư thế nằm của người còn sống. Một người chết không thể có một tư thế nằm như vậy.

Trên đây là kết quả của một nỗ lực lớn lao của nền khoa học thế giới đã vén lên bức màn bí mật của đạo Kitô trong 2000 năm qua. Sự thật lịch sử đã được xác nhận: Jesus đã thoát chết sau khi bị đóng đinh trên đồi Golgotha, do đó chẳng có chuyện Chúa chịu chết để chuộc tội cho nhân loại. Cũng vì Jesus không chết nên cũng chẳng có chuyện Phục Sinh và lên trời với Đức Chúa Cha.

Tấm vải liệm xác Chúa là một thánh tích thiêng liêng và cao quý nhất của đạo Kitô suốt gần 2000 năm qua, nay bỗng một sớm một chiều trở thành một trái bom nổ chậm có nguy cơ phá nát giáo hội từ căn bản giáo lý. Khoa học quả là một tôn giáo chân chính duy nhất của chân lý! Khoa học đã làm cho những nhân vật bảo thủ ở Vatican vô cùng lo sợ và tính đến việc thủ tiêu thánh tích. Tuy nhiên, vì thánh tích này đã quá nổi tiếng và đã trở thành một báu vật lịch sử chứng minh cái tội gian dối vĩ đại của Kitô Giáo, nó luôn luôn được các giới khoa học và truyền thông quốc tế canh chừng. Vatican dù có muốn thủ tiêu thánh tích này cũng khó có thể thực hiện được. Các hãng thông tấn Reuter và UPI có những mật báo viên thường xuyên theo dõi sự an toàn của tấm vải liệm.

Nước Mỹ tuy sinh sau đẻ muộn nhưng đã và đang dẫn đầu thế giới trên lãnh vực khoa học. Cuộc giảo nghiệm quốc tế tháng 10.1977 nói trên đã đạt được kết quả về vang phần lớn do công lao của các nhà khoa học Mỹ. Các báo chí Mỹ cực lực hoan nghênh kết quả của cuộc giảo nghiệm. Đài truyền hình ABC gọi cuộc giảo nghiệm quốc tế này là một nỗ lực lịch sử (a historic effort).

Ông William Deerfield, chủ bút tờ Guide Post viết: *"Chúa Jesus đã để lại trong mộ của Ngài một hình ảnh màu vàng mờ nhạt trên tấm vải mong manh, nhưng đó là cả một tờ khai lý lịch về Ngài"* (Jesus did leave something in the tomb on that First Easter Morning – a kind of affidavit).

Tu sĩ dòng Tên người Anh Herbert Thurston tuyên bố: *"Bằng có khoa học đã làm sáng tỏ vấn đề là tấm vải liệm là thật và Jesus đã được Kitô hóa"* (The scientific evidence makes abundantly clear that this shroud is not a fabricated fake and that Jesus was Christed).

Cơ quan Truyền Hình Công Cộng Hoa Kỳ (Public Television) thực hiện cuốn phim tài liệu mang tên "The Silent Witness" nói về cuộc giảo nghiệm quốc tế trên tấm vải liệm để phổ biến nhằm mục tiêu giáo dục quần chúng Hoa Kỳ.

Tạp chí National Geographic và Harper's magazine đã phát hành những số báo đặc biệt nói về tấm vải liệm nhân dịp lễ Phục Sinh trong tháng 4.1981 và tháng 4.1982.

Để đỡ bị mất mặt trước sức tấn công của giới khoa học và giới truyền thông quốc tế, vào tháng 10.1988, tòa tòa thánh Vatican tuyên bố tấm vải liệm là một vật giả mạo, được ngụy tạo trong thời

trung cổ vào khoảng các năm từ 1260 đến 1390! Tòa thánh không dám công bố điều này tại Vatican mà chỉ công bố trong một cuộc họp báo thường tại London. Tuy nhiên, khi phủ nhận tính cách xác thực của tấm vải liệm, tòa thánh La Mã đã công nhiên xác nhận hai điều quan trọng về giáo lý:

1) Quyết định của Giáo Hoàng Julius II năm 1506 là sai lầm khi Ngài công nhận tấm vải liệm là thánh tích đích thực của Chúa Jesus và ra lệnh cho giáo hội làm lễ kính thánh tích vào ngày 4 tháng 5 hàng năm. Tòa thánh đã tự phủ nhận tín điều "giáo hoàng không thể sai lầm"!

2) Tòa thánh bác bỏ luận điểm khoa học cho rằng Chúa Jesus đã thoát chết sau khi bị đóng đinh trên đồi Golgotha. Nói khác đi, tòa thánh vẫn nhất mực cho rằng Chúa đã chết 3 ngày rồi sống lại và lên trời. Trong khi đó giáo lý dạy rằng Thiên Chúa là "Đấng Hằng Sống", chẳng lẽ "Đấng Hằng Sống" đã chết 3 ngày? Nếu đã không thể gọi Jesus là "Đấng Hằng Sống" thì tại sao lại có thể gọi Ngài là Thiên Chúa?

Sau cuộc họp báo tại London tháng 10.1988, tòa Thánh Vatican chính thức bãi bỏ ngày lễ kính thánh tích hằng năm vào ngày 4 tháng 5 do Giáo Hoàng Julius II lập ra từ 1506. Từ ngày 4.5.1999, tòa thánh ra lệnh đóng cửa vĩnh viễn nhà thờ Turin và cắt đứt nguồn lợi du lịch khách xù của thành phố này. Những thế kỷ vinh quang của thành tích tấm vải liệm lịch sử đã chính thức cáo chung trong niềm tủi nhục bất ngờ của Công giáo La Mã.

Cuộc họp báo trở trên của tòa thánh Vatican tổ chức tại London tháng 10.1988 là nguyên nhân thúc đẩy hai tác giả Holger Kersten và Elma Gruber hoàn thành tác phẩm "*The Jesus Conspiracy*" (đã nói trong chương 6). Các tác giả gọi cuộc họp báo nói trên của tòa thánh là vụ bịp của thế kỷ (Fraud of the Century)!

3 TỘI ÁC (**)

3.1 CON BẠCH TUỘC CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (Octopus Dei)

(** : tựa do người chép sách tự đặt)

Ký giả Paul Hofman của New York Times, tờ nhật báo lớn nhất thế giới, đã định cư tại Rome từ năm 1938 và làm việc tại đây liên tục trong 35 năm liền với tư cách ký giả chuyên nghiệp kiêm siêu điệp viên quốc tế. Ông trở thành "bạn thân" của hầu hết các giới chức cao cấp tại Vatican qua các triều đại giáo hoàng từ Pio XII (38-39) cho đến đương kim giáo hoàng John Paul II. Giới ký giả quốc tế gọi ông là "The Vatican Watcher" hoặc "The Vatican Insider" có nghĩa là điệp viên nằm vùng tại Vatican. Ông viết nhiều tác phẩm giá trị về Vatican như *"Rome: The Sweet Temptuous Life"*, *"O Vatican, A Slight Wicked View of The Holy See"* và tác phẩm độc đáo mang tựa đề La Tinh *"Octopus Dei"* có nghĩa là "Con Bạch Tuộc của Đức Chúa Trời".

Qua các tác phẩm của ông, người đọc được biết rất nhiều chuyện thuộc loại thâm cung bí sử của Vatican. Ở đây chúng tôi xin tổng hợp các tác phẩm trên của ông và chỉ thuật lại mấy nét điển hình về quốc gia đô thị (State City) có một không hai này của thế giới.

- **Về phương diện thần quyền**, Vatican là thủ đô của một đế quốc tinh thần bao gồm gần một tỷ thần dân là các tín đồ Công Giáo La Mã rải rác khắp năm châu. Giáo hoàng là hoàng đế, các hồng y là hoàng tử, 4000 giám mục là các cán bộ cao cấp, 400.000 cán bộ hạ tầng cơ sở được mệnh danh là "linh mục", tương đương với cấp "manager" trong các đại công ty. Ngoài ra, Vatican còn có một đội ngũ gồm 1 triệu nữ tu, phần đông hành nghề dạy học, y tá và sản xuất các mặt hàng tiểu công nghệ.

- **Về phương diện thế quyền**, Vatican là một tiểu quốc, giáo hoàng là quốc trưởng với 450 cư dân, tuy nhiên chỉ có 280 cư dân mang quốc tịch Vatican mà thôi. Vatican là lãnh thổ quốc gia nhỏ nhất thế giới, diện tích vỏn vẹn 44 hectares (bằng 1/6 Monaco) nhưng có quốc kỳ, quốc ca riêng biệt và có liên hệ ngoại giao trên cấp bậc đại sứ với hầu hết các quốc gia trên thế giới. Tổng số các nhân viên phục vụ thường xuyên cho Vatican gồm có 4500 người sống rải rác chung quanh Rome (quét đường, cắt cỏ, xây cất sửa chữa lầu đài dinh thự...). Vatican cung cấp lợi tức cho 3 triệu dân Rome qua ngành du lịch của khách hành hương, ngành sản xuất các ảnh tượng và các dụng cụ làm lễ của tu sĩ. Nếu vì lý do nào đó Vatican bị sụp đổ, hậu quả trước mắt là 3 triệu dân Rome sẽ bị thất nghiệp!

Vatican là sở hữu chủ của một tài sản khổng lồ lên tới nhiều ngàn tỷ đô la. Tại Ý, Vatican là địa chủ lớn nhất. Cho nên Vatican khó có thể chui lọt qua cổng Thiên Đàng vì Chúa đã phán "Kẻ giàu vào nước Thiên Đàng còn khó hơn lạc đà chui qua lỗ kim". Vatican City có 50 cung điện gồm 1000 phòng có máy lạnh, 977 cầu thang, 12.000 cửa sổ, 5 nhà thờ lớn và 11 viện bảo tàng, một tiệm thuốc tây, một ty bưu điện, 2 phi trường, 350 mét đường xe lửa và một đài phát thanh cổ nhất thế giới.

Mỗi hồng y được cấp một xe limousine màu xanh đậm, mỗi tháng được lãnh pay-check 1500 đô la và được chính phủ Ý miễn các thứ thuế.

Giáo hoàng có phi cơ phản lực riêng để đi xa. Muốn đi gần, ngài chỉ cần nhắc phone là không lực Ý

phái trực thăng tới liền.

Văn phòng làm việc của giáo hoàng ngày nay là lâu đài Apostolic (Lâu Đài Tông Đồ) được xây cách đây một ngàn năm. Trong những thế kỷ đầu sau Công nguyên, Kitô Giáo không có giáo hoàng và chính thánh Phêrô cũng chẳng được làm giáo hoàng ngày nào. Ngài có vợ có con và rất nghèo, không có nổi một chỉ vàng làm nhẫn cho tín đồ hôn tay. Tính ngài vốn bình dân vì ngài cả đời chỉ chuyên đánh cá trên hồ Galilee nên không muốn mọi người cúi chào mình. Sách Tông Đồ Công Vụ thuật chuyện: Một hôm Phêrô đến nhà Cornelius, chủ nhà quì mọp xuống tỏ vẻ kính trọng. Phêrô nâng chủ nhà dậy và nói: *"Hãy đứng dậy, tôi chỉ là người thường thôi"* (Stand up, I myself am a man – Act 10: 25-26).

Công trường Thánh Phêrô là một công trường quốc tế. Đây là nơi hành hương mà hàng tỷ người mong ước được đến đó một lần trong đời chỉ để quì gối xuống sân đá đón nhận phép lành tòa thánh của giáo hoàng giơ tay lên ban xuống từ khung cửa sổ tòa lâu đài Apostolic! Đây là những show được trình diễn quanh năm. Không có một tôn giáo nào trên thế giới có thể có được những show độc đáo và thường xuyên như vậy. Ký giả Paul Hofman cho biết những show này đều được dàn dựng để trình diễn (tailor-made show for video) nhằm mục đích làm nổi bật vai trò của "Người Khổng Lồ Ngồi Sau Cửa Sổ!". Cũng từ cái cửa sổ này, giáo hoàng giống như con rùa lâu lâu lại thò đầu ra để công bố tín điều hoặc ban huấn thị cho toàn thể Hội Thánh. Từ hơn ngàn năm qua, các giáo hoàng đều tự cho mình là kẻ duy nhất trên hoàn cầu có thẩm quyền xác định hay phủ nhận mọi giá trị tinh thần tối hậu (Pope is the only one on earth to proclaim ultimate moral values).

Nhưng tất cả đều chỉ là những màn kịch. Người thực sự cai trị giáo hội không phải là giáo hoàng mà là CURIA tức "Văn phòng Điều khiển Giáo hội" gồm toàn những chuyên viên thuộc mọi lãnh vực. Những người điều khiển CURIA lại là những người dẫu mặt (faceless) thuộc siêu quyền lực.

Các thành viên của CURIA đều là đàn ông. Vatican không chấp nhận cho đàn bà làm linh mục hoặc cho giữ một chức vụ nào trong Tòa Thánh. Lý do rất chính đáng là Chúa ngày xưa cũng chỉ chọn các thánh Tông đồ đều là đàn ông cả. Thật vậy, chẳng có một việc nào quan trọng của Chúa và của Hội Thánh có thể tin cậy mà giao cho cái đám đàn bà vô tích sự được !.

(Nhân tiện đang đề cập đến truyền thống kỳ thị phụ nữ của đạo Công giáo, tôi nhớ đến một số tín điều về Thiên Chúa Ba Ngôi nên xin phép quý độc giả bàn thêm ở đây mấy điều quan trọng là thậm chí ở trên trời, Ba Ngôi Thiên Chúa của đạo Ki tô (Christian God = Trinity God) cũng đều là đàn ông cả : Chúa Cha mũi lõ mắt xanh râu xồm, vừa tàn bạo vừa lảm điều và thường hay dùng ngón tay chỉ chỗ. Chúa Con Ngôi Hai nửa người nửa thần linh, mặt mũi đẹp giai trung bình nhưng nhờ khá to con khoẻ mạnh khéo nói nên được quý bà quý cô ngày xưa đi theo khá đông. Ngôi Hai Thiên Chúa cao 1 mét 82, nặng 79 kí lô. Các chi tiết này được ghi nhận trên giấy trắng mực đen theo kết quả giáo nghiệm của phái đoàn quốc tế điều tra về Tấm Vải Liệm ở Turin tháng 10 - 1978 . Còn về phần Đức Chúa Thánh Thần là Ông Xã của Đức Mẹ Maria thì cũng chính là Đức Chúa Jesus vì Ba Ngôi cũng là Một Đức Chúa Trời mà chớ!. Ai dám bảo Chúa Jesus không phải là chính Đức Chúa Thánh Thần (Ông Xã của Đức Mẹ) thì kẻ ấy là rối đạo vì nó không tin Chúa Jesus là Thiên Chúa thật. Nó đáng bị đưa lên dàn hỏa mà đền tội ở đời này và còn bị sa hỏa ngục đời đời chẳng cùng.

Kẻ nào không tin Đức Chúa Thánh Thần là con cháu vua David thì tức là kẻ đó đã phủ nhận Chúa Jesus là Đấng Cứu Thế vì Chúa Cứu Thế phải là người thuộc dòng dõi vua David. Kinh Thánh không kể về gia phả của Đức Mẹ mà chỉ kể về gia phả của Thánh Giuse thuộc dòng dõi vua David, nhờ có chút hạt giống truyền đời của David với bà Bethsabe (mối tình tội lỗi) nên Chúa Giêsu mới

được coi là Chúa Cứu Thế đúng như Cựu Ước đã tiên tri. Như vậy Thánh Giuse là cha ruột của Chúa Giêsu và Đức Mẹ không thể là bạn thanh sạch của Người. Kinh Thánh không có chỗ nào xác định ông Joachim và bà Anna, tức cha mẹ của Mẹ Maria và là ông bà ngoại của Jesus, thuộc dòng dõi vua David cả. Ai biết xin chỉ dùm, tôi xin hậu tạ và cảm ơn.

Thêm một điều nữa là Đức Mẹ Lá Vàng (Nữ Vương Các Thánh Tử Đạo Việt Nam, Nữ Vương của thánh Trần Lục và 5000 đệ tử của Người, Nữ Vương Không Độ Trời Chung Với Đỉnh Công Tráng và Bọn Giặc Văn Thân cùng những người Việt Nam yêu nước) không phải là Mẹ của Đức Chúa Trời (Mother of God / Theodokos) như Cố I-Nhê-Khu hoặc Cố Đắc-Lộ đã dạy, vì Đức Mẹ Lá Vàng (Tây đọc trại ra thành Lavang) là con cháu A-dong Evà. Nếu Đức Mẹ Lavang là Mẹ Thiên Chúa thì A-dong Evà cũng là tổ phụ sinh ra Thiên Chúa hay sao?. Xin quý cha giảng dùm con với. Con nguyện xin Chúa và Đức Mẹ Lá Vàng trả công bội hậu cho quý cha. Con, Domimico Ng. Ch.

Trở lại với ông ký giả Hofman, theo thống kê thì Vatican có khoảng 900 triệu tín đồ, nhưng trên thực tế số tín đồ Công Giáo La Mã hiện nay thực ra chỉ còn vài trăm triệu thôi. Giáo dân tại các nước giàu có như Mỹ, Anh, Pháp, Đức và các nước có trình độ văn hóa cao đều rất ghét Vatican và khinh bỉ giáo hoàng ra mặt. Chỉ những nước như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha (Philippines và Việt Nam - Ch. Ng.) trình độ giáo dân hãy còn thấp kém nên vẫn kính sợ giáo hoàng như xưa! Ngày nay, giáo hoàng đi đâu cũng sợ bị phản đối và ám sát nên phải chui vào xe bọc sắt với những tấm kính chắn đạn. Thực ra, chính giáo hoàng cũng không còn tin tưởng vào sự che chở quan phòng của Thiên Chúa nữa! Xe chắn đạn của giáo hoàng được gọi là "The Pope Mobile" hiệu Mercedes, kiểu station-wagon, mang bảng số viết tắt là SCV (Stato Citta del Vaticano). Người Pháp chế diễu đọc là "*Si Christ Voyait*" (Ước gì Chúa Kitô nhìn thấy nó).

Vatican có một bệnh viện cổ nhất thế giới mang tên Gemelli Clinic được xây từ thời Phục Hưng. Năm 1981, Giáo Hoàng John Paul II bị thương trong một vụ ám sát hụt và được đưa vào điều trị tại bệnh viện này. Vì các trang bị quá cũ và không hợp vệ sinh, khiến giáo hoàng suýt được về với Chúa vì bị nhiễm trùng.

Phụ tá công việc cho giáo hoàng là Hội Đồng Hồng Y (The Sacred College) tương đương với thượng nghị viện. Các giám mục muốn trở thành hồng y phải có uy tín tương đương với các người được lãnh giải Nobel. Giám mục nào muốn vận động để được phong lên hồng y phải có khả năng vận động tương đương với các thượng nghị sĩ Hoa Kỳ. Các hồng y da trắng nắm hết các chức vụ quan trọng, các hồng y da đen có nhiệm vụ đi tới đi lui ở công trường Thánh Phêrô để du khách quay phim chụp ảnh.

Theo lý thuyết thần học Công giáo, các giáo hoàng là Đại diện của Chúa Kitô tại thế gian (Vicar of Christ) nên chức vụ giáo hoàng là do Thiên Chúa chọn lựa. Trong thực tế, các giáo hoàng cũng chịu chung số phận như các vua chúa thế gian: "càng cao danh vọng, càng nhiều gian nan!".

Vatican không phải đã được thành lập từ thuở ban đầu của đạo Kitô. Nó bắt đầu trở thành thủ phủ của giáo hội Công Giáo từ năm 378, tức là 53 năm sau khi Constantine lập ra đạo Công Giáo (năm 325) với giáo hoàng đầu tiên là Demasus. Trước năm 378 không có Giáo Hoàng mà chỉ có chức giám mục (bishop) là cao nhất trong Giáo Hội Kitô nguyên thủy (The Early Christianity). Hội Nghiên Cứu Thánh Kinh Ralph Woodrow California ghi nhận về điều này như sau: Chức Giáo Hoàng tiếng La tinh gọi là Pontifex Maximus có nghĩa là Đấng Tối Cao của Hội Thánh (Head of Church). Sau khi lập đạo Công giáo người ta bầu Hoàng Đế Constantine lên làm Giáo Hoàng nhưng Ngài không nhận. Các hoàng đế kế tiếp cũng chẳng có ai chịu nhận chức này. Cho nên khắp nơi của Giáo hội

chỉ có chức Giám mục là cao nhất. Trong ba thế kỷ đầu Công nguyên ở La Mã cũng chỉ có giám mục mà thôi (Bishop of Rome) . Dần dần Giám mục ở Rome dùng mọi thủ đoạn thâm độc nắm quyền lực chính trị và tăng thêm uy thế. Cuối cùng, vào năm 378, Giám mục ở Rome là Damasus là người đầu tiên được bầu giữ chức Pontifex Maximus đứng đầu Hội Thánh Toàn Cầu từ đó. (Babylon Mystery Religion p. 72)

Vatican cũng chẳng phải là giáo đô thường trực của Giáo hội. Năm 1309, vua Pháp Philip IV tấn công Rome và bắt cóc giáo hoàng đem về giam tại Avignon thuộc tỉnh Provence miền Nam nước Pháp. Trong 68 năm, từ 1309 đến 1377, Avignon trở thành thủ đô chính thức của giáo hội Công Giáo. Các giáo hoàng được bổ nhiệm hay bị truất phế đều do vua Pháp quyết định chứ không do Hội Đồng Hồng Y bầu ra dưới sự soi sáng của Đức Chúa Thánh Thần .

Ngoài các sách của giới ký giả chuyên săn tin tòa thánh, còn có nhiều nhà nghiên cứu sưu tầm sử liệu công phu giúp chúng ta tìm hiểu về các Giáo Hoàng La Mã một cách đầy đủ, không sót một ai. Một trong những sách thuộc loại này thiết tưởng không gì hơn là tác phẩm *Giáo Hoàng Bách Khoa Tự Điển* (The Pope Encyclopedia của Matthew Bunson, Crown Trade Paperbacks NY-1995). Tác giả đã dày công sưu tầm tài liệu trực tiếp trong các kệ tủ niên giám của Vatican để hoàn thành tác phẩm này. Theo lịch sử giáo hội Công Giáo La Mã, tổng cộng cả thảy có 263 giáo hoàng (tính đến năm 2001).

Trên phương diện giáo lý Công Giáo, giáo hoàng là vị đại diện của Chúa Kitô và những quyết định của Ngài về các vấn đề tín lý và giáo lý là những điều rất quan trọng cho phần hồn của gần một tỷ tín đồ trên thế giới nên Thiên Chúa không thể để cho Ngài có thể sai lầm. Công đồng Vatican I năm 1870 (Vatican Council of 1870) đã đưa điều này lên thành tín điều được gọi là "**Tín điều giáo hoàng bất khả ngộ**" (The dogma of Papal infallibility).

Theo nhận định của Hội Nghiên Cứu Thánh Kinh Ralph Woodrow California thì nếu đứng trên phương diện lịch sử khách quan, chúng ta sẽ nhận thấy có nhiều giáo hoàng bất xứng vì họ đã sống hoàn toàn vô đạo đức, thậm chí có nhiều giáo hoàng đã ám hại nhau để cướp ngôi. Hiệp Hội này viết rất xác đáng như sau : "*Những sự bất đồng gay gắt giữa các giáo hoàng chắc chắn đã phản bác ý tưởng cho rằng giáo hoàng không thể sai lầm!*" (Such sharp disagreement between popes certainly argues against the idea of papal infallibility – Babylon Mystery Religion, p.93).

Cũng theo nhận định của Hiệp Hội này, Vatican là "*cái lò chuyên sản xuất các thánh lớn nhất thế giới*". Thuở xa xưa người Babylon đã sản xuất tới 5000 thánh mà cũng không cứu được đế quốc Babylon khỏi bị hủy diệt hoàn toàn (Babylon Mystery Religion p. 24.). Điều khôi hài là ngày nay Vatican suy tôn nhiều vị thánh đã được phong từ xa xưa làm thánh quan thầy (patron) cho nhiều phát minh hiện đại như : St.Cominic quan thầy ngành không gian, St. Matthew quan thầy các chủ nhà băng, St. Fiace quan thầy những người lái taxi, St. John Bosco quan thầy các nhà xuất bản (như Giao Điểm chẳng hạn) , St. Dorothy quan thầy các tiệm bán hoa và áo đám cưới, St. Gemma Galgani quan thầy các chủ tiệm thuốc pharmacy v.. v.. (p.25)

Trở lại với "Giáo Hoàng Bách Khoa Tự điển", (The Pope Encyclopedia) chúng ta điểm qua tiểu sử của một số giáo hoàng tiêu biểu:

- **Baby Pope:** John XII. Lên ngôi giáo hoàng năm 18 tuổi, cai trị Hội Thánh Công Giáo 9 năm (955-964).

- **Giáo Hoàng Mặt Heo (Bucca Porci):** Năm 909, một tu sĩ được bầu lên làm giáo hoàng lấy hiệu là Sergius IV. Trước khi làm giáo hoàng, y tăng tịu với cô gái 15 tuổi tên là Mezozia, sinh ra đứa con

tra tên Alberic. Sau khi làm giáo hoàng, y gian dứ với rất nhiều đàn bà con gái khác nên được mọi người tặng cho cái danh hiệu là "Giáo Hoàng Mặt Heo" (Bucca Porci). Giáo Hoàng Sergius IV dùng quyền lực của mình đã đưa Alberic lên làm hoàng đế cai trị La Mã. Alberic về sau cũng hoang dâm như cha và có rất nhiều con hoang. Năm 955, bạo chúa Alberic đã ép Vatican phải chấp nhận cho một đứa con hoang của y mới 18 tuổi lên ngôi giáo hoàng. Đó chính là Giáo Hoàng John XII nói trên. Như vậy, trong lịch sử giáo hội La Mã đã có hai ông cháu đều làm giáo hoàng! Cả hai giáo hoàng này đều nổi tiếng về tính dâm dục. Năm 962, dân La Mã nổi lên chống Giáo Hoàng John XII. Giáo hoàng bèn kêu cứu vua nước Đức là Otto the Great mang quân sang Ý đàn áp dân chúng. Cuộc đàn áp hết sức dã man đã tiêu diệt mọi sức chống cự của quần chúng. John XII chẳng những vẫn duy trì được ngôi giáo hoàng mà còn được Otto the Great phong làm hoàng đế La Mã nữa. Tháng 2 năm 964, Otto the Great truất phế John XII để đưa người thân tín của y lên làm giáo hoàng lấy hiệu là Leo VIII. John XII sợ bị giết đã rời bỏ Vatican trốn đi biệt tích.

- **Hai Giáo Hoàng John XXIII:** Trong lịch sử giáo hội Công Giáo có hai giáo hoàng cùng lấy hiệu là John XXIII:

* *Người thứ nhất* là Baldassare Cossa sinh tại Naples năm 1378. Năm 1410, Cossa được phong chức giáo hoàng. Ít lâu sau người ta phát giác Baldassare Cossa có nhiều vợ và đã đầu độc giáo hoàng tiền nhiệm là Alexander để cướp ngôi. Do đó, hội đồng hồng y họp tại Constance năm 1414 đã xác định John XXIII (tức Cossa) là giáo hoàng giả (antipope) và truất phế y. Cuối cùng John XIII giả bị giáng chức xuống làm giám mục ở Tusculum, chết tại Florence năm 1419.

* *Người thứ hai* lấy hiệu John XIII là hồng y Roncalli, lên ngôi giáo hoàng năm 1953, qua đời năm 1963. Đó chính là vị giáo hoàng đã khai sinh Công Đồng Vatican II. Chúng ta sẽ tìm hiểu thêm một số chuyện về Ngài trong chương sau.

- **Giáo hoàng kiêm bạo chúa La Mã:** Alexander VI (1492-1503) tên thật là Rodrigo Borgia, đã không do hội đồng hồng y bầu lên mà do cậu ruột là Giáo Hoàng Callistus III truyền ngôi cho. Lúc lên làm giáo hoàng, Rodrigo đã có vợ là nữ quý tộc Vannozza và có 4 con với bà này. Các con của y đều đã trưởng thành. Giáo Hoàng Alexander VI phong cho đứa con trai thứ hai chính thức của y và 5 đứa con hoang chức vụ hồng y. Sau khi ở ngôi giáo hoàng được 5 năm, tức vào năm 1497, y muốn truyền ngôi giáo hoàng cho đứa con trai lớn tên là Juan. Phe chống đối đã bí mật giết chết Juan và ném xác xuống sông Tiber. Giáo Hoàng Alexander VI nghi cho phe quý tộc đã ám hại con mình nên đã khởi động một cuộc khủng bố đẫm máu chống giới quý tộc La Mã.

Trong 11 năm làm giáo hoàng kiêm bạo chúa La Mã, Alexander VI đã gây quá nhiều thù oán nên đã bị đầu độc chết ngày 18.8.1503. Tuy nhiên, giáo hoàng này đã hoàn thành một công trình kiến trúc để đời, đó chính là Đền Thánh Phêrô tại Vatican ngày nay. Trước khi chết vào năm 1503, Alexander VI đã coi thế giới như của riêng mình nên chia ra làm hai: Một nửa thế giới phương Tây giao cho Tây Ban Nha độc quyền đi chinh phục. Một nửa thế giới về phương Đông, trong đó có Việt Nam, do Bồ Đào Nha nắm độc quyền khai thác. Đầu thế kỷ 16 Phanxico Xavie là người Tây Ban Nha và đầu thế kỷ 17 cố đạo Đắc Lộ là người Pháp muốn giảng đạo tại Á châu đều phải xin phép Hoàng gia Bồ Đào Nha.

- **Giáo hoàng bị Napoléon cách chức:** Năm 1808, Napoléon mang đại quân đánh chiếm Rome và Vatican, bắt Giáo Hoàng Pio VIII giải về Paris tống giam. Sau khi Napoléon bị bại trận tại Waterloo, Giáo Hoàng Pio VIII được phóng thích nhưng chỉ được giữ chức hồng y. Cuối cùng y bị đầu độc chết năm 1830.

- Các giáo hoàng của chủ nghĩa thực dân và bạo lực:

* **Leo XIII** là một học giả uyên thâm cai trị giáo hội 25 năm (1878-1903). Trong thời đại của Ngài, chủ nghĩa thực dân Âu Châu đạt tới đỉnh cao của công cuộc xâm chiếm thuộc địa rộng khắp thế giới. Leo XIII đã khôn khéo lợi dụng sự kiện các nước thực dân, hầu hết đều là những nước Công giáo ở Âu Châu, để dựa vào đó phát triển thêm rất nhiều địa phận Công giáo ở Á Châu, nhất là tại Ấn Độ và Phi Châu. Riêng tại Mỹ Châu, Vatican có thêm 28 giáo phận mới.

Leo XIII là người đầu tiên lên án chủ nghĩa Cộng Sản khi chủ nghĩa này mới nhú lên ở Âu Châu. Ngài cũng là người đầu tiên xây dựng các Phong Trào Thanh Niên Công Giáo Vũ Trang tạo thành bạo lực phản công để chống lại các lực lượng chống Công Giáo. Điển hình là các Lực Lượng Thanh Niên Công Giáo Đức đã thành công trong việc đấu tranh chống lại Phong Trào Bài Công Giáo do Thủ Tướng Bismark chủ trương vào cuối thế kỷ 19. Kết quả Thủ Tướng Bismark đã bị buộc phải từ chức ngày 18.3.1890. Tuy nhiên, ác giả ác báo, GH Leo XIII đã bị bí mật đầu độc chết sau đó !

Nơi gương Leo XIII là **Pio X** (1903-1914). Ngài cương quyết chống lại mọi đề nghị canh tân giáo hội và chủ trương chống lại mọi kẻ thù của giáo hội bằng bạo lực. Pio X thành lập tổ chức mệnh danh là "Công Giáo Hành Động" (Catholic Action) và võ trang cho những tổ chức này thành những lực lượng quân sự. Một ngày trước khi Đệ Nhất Thế Chiến bùng nổ, tức 20.8.1914. Pio X bị đầu độc chết. Ngài được Pio XII phong thánh ngày 29.5.1954.

- Đương kim Giáo Hoàng Jean Paul II và cái chết mờ ám của Giáo Hoàng Jean Paul I tiền nhiệm.

Ngoài cuốn tự điển Bách Khoa về Giáo Hoàng, hiện nay có rất nhiều sách best-sellers nói về Vatican và giáo hoàng. Trong số đó phải kể đến tác phẩm IN GOD'S NAME (Nhân Danh Chúa) của David Yallop, Bantam Books, NY xuất bản năm 1984.

John Paul I được bầu làm giáo hoàng vào tháng 8 năm 1978 lúc Ngài 65 tuổi. Ngài là vị giáo hoàng đầu tiên lấy danh hiệu bằng hai tên thánh John Paul. Ngài luôn luôn tươi cười vui vẻ nên được giới ký giả quốc tế tặng danh hiệu là Đức Giáo Hoàng Di Lạc Công Giáo (Smiling Buddha Pope). Ngài bị đầu độc chết sau khi uống một ly cà phê vào lúc 11 giờ tối 28.9.1978. Người mưu sát Ngài là Hồng Y Jean Villot, quản nhiệm địa phận Lyon (Pháp), lúc đó làm Quốc Vụ Khanh Tòa Thánh (tương đương thủ tướng). Hồng Y Jean Villot là hội viên Tam Điểm (Free Masonry) bí danh Jeanni, được kết nạp tại Zurich ngày 6.8.1976, đứng đầu "Đại Tổ Vatican" (The Great Vatican Lodge). Trước khi gia nhập Tam Điểm, Hồng Y Jean Villot đã nắm trọn guồng máy hành chánh của triều đình Vatican từ năm 1962. Dưới quyền Jean Villot có 121 cán bộ nằm vùng nắm giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các cơ quan của Tòa Thánh. Tháng 3.1979, Jean Villot qua đời. Đương kim Giáo Hoàng Jean Paul II bổ nhiệm đàn em thân tín của Jean Villot, một trong số 121 cán bộ Tam Điểm, là Hồng Y Casaroli đảm nhiệm chức vụ Quốc Vụ Khanh từ tháng 3.1979. Tất nhiên, GH Jean Paul II biết hết mọi chuyện bí mật của Jean Villot và phải là người trong nhóm bí mật của siêu quyền lực dấu mặt mới có thể được cất nhắc lên ngôi vị giáo hoàng như hiện nay.

- Nữ Giáo Hoàng Joan. Tiểu sử của nữ giáo hoàng này đã trở thành một huyền thoại rất nổi tiếng tại các nước Âu Châu trong hơn ngàn năm qua. Bà là một phụ nữ lanh lợi tài hoa, ham mê hoạt động và có tham vọng khuynh đảo thế giới. Từ lúc còn nhỏ, bà cải trang thành con trai và xin vào tu tại dòng tu nam giới. Sau bà trở thành một tu sĩ rất nổi danh về sự thông thái và tài hùng biện. Năm 855, bà được hội đồng hồng y bầu lên ngôi giáo hoàng. Sau khi cai trị hội thánh được hai năm bảy tháng, giáo hoàng hạ sinh một đứa con trong đám rước kiệu từ đền Thánh Phêrô đến Lateran. Do

đó giáo hoàng bị phát giác là đàn bà giả trai. Ngay lập tức nữ giáo hoàng bị dân chúng nổi giận lột hết quần áo và bị đưa tới công trường Colosseum để dân chúng ném đá đến chết. Tại kho văn khố của Vatican hiện còn lưu trữ nhiều bài diễn văn nổi tiếng của Nữ Giáo Hoàng Joan. Bà là người đầu tiên tuyên bố "*Giáo Hoàng là người thừa kế của Thánh Phêrô*" (The Pope is the successor of St. Peter). Tiểu sử của bà được thuật lại đầy đủ trong các sách của các sử gia Petrarch và Boccaccio. Tự Điển Bách Khoa Công Giáo (The Catholic Encyclopedia) xác nhận: "*Trong các thế kỷ 14 và 15, nữ giáo hoàng được coi là một nhân vật lịch sử, sự hiện diện của bà là điều không thể ai có thể nghi ngờ*" (In the fourteenth and fifteenth centuries, this popes was already counted as a historical personage, whose existence no one doubted).

- **Các giáo hoàng dâm loạn.** Tác phẩm Babylon Mystery Religion của Hội Nghiên Cứu Thánh Kinh Ralph Woodrow (California) xuất bản năm 1966, tái bản năm 1990, nơi các trang 88-90 có liệt kê nhiều tên giáo hoàng dâm loạn đến mức không thể tưởng tượng được!

* Trong thế kỷ 15, tại Công Đồng Constance (Council of Constance), giáo hội Công Giáo có tới 3 giáo hoàng cùng một lúc. Các giáo hoàng này chửi rủa nhau và gọi nhau là quỷ hoặc là kẻ chống Chúa Kitô (antichrist), kẻ thù của Chúa và loài người... Đặc biệt họ đã tố cáo nhau về các tội dâm loạn, ngoại tình, loạn luân, đồng tính luyến ái (sodomy).

Giáo Hoàng John XXIII (1410-1415) bị hàng chục giám mục và rất nhiều nhân chứng tố cáo đã xâm phạm tiết hạnh ba trăm nữ tu và có một cung viện tại Bologne chứa trên hai trăm cô gái. Ngoài ra, John XXIII còn bị Công Đồng kết án về 54 tội đại hình khác!

Hồ sơ lưu trữ tại Vatican còn ghi nhận John XXIII thông dâm với em dâu, phá trinh nhiều cô gái, dụ dỗ nhiều phụ nữ có chồng và phạm đủ loại tội dâm dục. Công Đồng gọi y là "con quỷ hóa thân" (The Devil Incarnate – Sacrorum Consilioritum Vol.27, p. 663).

- **Pio II** (1458-1464) và **Paul II** (1464-1471) là hai giáo hoàng kế tiếp nhau đều có cung viện (harems) chứa rất nhiều cung nữ.

- **Giáo Hoàng Innocent VIII** (1484-1492) thông dâm với nhiều phụ nữ và có 16 đứa con. Nhiều con của y được tổ chức đám cưới linh đình ngay tại Vatican (The Catholic Encyclopedia Vol.8, p.19).

- **Giáo Hoàng Alexander VI** (1492-1503) có vợ 5 con lúc còn làm hồng y. Sau khi lên ngôi giáo hoàng, y loạn luân với hai em gái và với con gái ruột tên Lucretia. Y có một đứa con với con gái ruột của mình! (History of the Reformation D'Aubigne P.11). Ngày 31.10.1501, Alexander VI tổ chức dạ hội với 50 cô gái thoát y. Giáo hoàng treo giải thưởng cho người đàn ông nào làm tình lâu nhất.

- **Giáo Hoàng Paul III** (1534-1549) lúc còn là hồng y đã có ba con trai, một con gái. Lúc lên ngôi giáo hoàng, y làm lễ rửa tội cho hai đứa cháu nội và ngoại. Giáo hoàng hay tin dị đoan và thường hỏi ý kiến các thầy bói.

- **Giáo Hoàng X** (1513-1521) đi tu năm 7 tuổi, được phong chức hồng y năm 13 tuổi và lên làm giáo hoàng lúc 38 tuổi. Y sống cuộc đời của một giáo hoàng hết sức xa hoa, thường xuyên tổ chức dạ vũ với những mục giải trí đất giá và trụ lạc.

- Trong thời gian này, tu sĩ Martin Luther đến Rome để hành hương với ý tưởng rằng Rome là thành phố thánh thiện (a holy city). Không ngờ tu sĩ Luther đã được chứng kiến một bữa tiệc tại triều đình Vatican có 12 cô gái vũ thoát y. Tu sĩ Luther trở về Đức phát động phong trào chống đối Vatican và lập ra đạo Thệ Phản (Protestanism). Martin Luther tuyên bố: "*Không ai có thể tưởng tượng nổi ở Rome đầy dẫy những hành động tội lỗi xấu xa. Người ta phải đến đó để nghe để thấy mới tin. Thật*

đúng như người ta vẫn thường nói: Nếu có một địa ngục thì Rome đã được xây dựng trên cái địa ngục đó!" (No one can imagine what sins and infamous actions are committed in Rome. They must be seen and heard to be believed. Thus they are in the habit of saying: If there is a hell, Rome is built over it!)

Dưới con mắt của các nhà quan sát quốc tế hiện nay thì Vatican là đầu não của chủ nghĩa đế quốc tinh thần (Spiritual Imperialism) giống như con bạch tuộc có nhiều vòi. Mỗi giáo hội Công Giáo tại mỗi quốc gia là một cái vòi của nó. Trong một thời gian không xa, cái đầu con bạch tuộc Vatican sẽ bị đập nát. Lúc đó, các cái vòi của nó trên khắp thế giới sẽ từ từ tiêu vong mà không cần phải diệt. Tuy nhiên tổ chức giáo hội Công Giáo còn để lại đằng sau một khối đông đảo tín đồ mê muội của nó. Vấn đề chính yếu không phải là dùng bạo lực tiêu diệt các tổ chức giáo hội địa phương mà là giáo dục tập thể quần chúng tín đồ, với lòng nhân ái bao dung thông cảm, để họ nhận biết sự thật về giáo hội đã lừa mị họ bấy lâu. Khi mọi người đều nhận thức được sự thật thì tà đạo Công giáo sẽ tự nhiên biến mất như cục nước đá đem phơi nắng giữa buổi trưa hè! Sự Thật là linh dược giải cứu tất cả chúng ta.

3.2 DÒNG TÊN

Thánh Phanxico Xavie, Cổ Đạo Đắc Lộ và chữ Quốc ngữ.

"Ai chơi dao sẽ chết vì dao" (Lời thật của Jesus).

Dòng Tên là một dòng tu đặc biệt của Công Giáo La Mã (CGLM) mang tên Chúa Jesus. Từ căn ngữ tên của Chúa, các tu sĩ dòng Tên được gọi là Jesuits. Đặc tính của các tu sĩ dòng Tên là cực kỳ hung hăng hiếu chiến như những tên lính xung kích trong công tác phá hoại các tôn giáo khác và chống các chính quyền không tuân phục La Mã. Do đó, dòng Tên được La Mã đặt tên là Đạo Binh Của Giáo Hội (The Church Militant), Đoàn Quân của Chúa Jesus (The Company of Jesus).

Kẻ lập ra dòng Tên là Ignatius de Loyola, được mệnh danh là "thiên tài của quỷ Satan" (a Satanic genius). Y đã lập ra một đạo quân tu sĩ (an army of priests) tuyệt đối trung thành với Giáo Hoàng La Mã dưới những kỷ luật đặc biệt được cam kết bằng máu. Chẳng bao lâu, dòng Tên đã trở thành một lực lượng tôn giáo có sức công phá khủng khiếp nhất trong lịch sử nhân loại. Đến nỗi Tổng Thống Abraham Lincoln (Hoa Kỳ) cũng phải khiếp sợ và gọi nó là "đám mây đen". Dòng Tên là một thành trì vững chắc của Giáo hội Công giáo gồm toàn các thành viên từ trình độ trí thức thông thường đến trình độ đại trí thức, bao gồm nhiều nhà bác học phát minh về nhiều lãnh vực khoa học. Vì vậy, văn hào Pháp Voltaire vào năm 1761 đã tuyên bố: *"Chỉ khi nào phá được dòng Tên thì mới phá được cái đạo ác ôn (Công Giáo)"*. Những tu sĩ trí thức Công Giáo cuồng tín này có cùng một tác phong với những trí thức Tin Lành cuồng tín là Khu-Klux-Klan. Chẳng khác nào *"Đạo quân hàng đầu của tử thần"* (Death's Head Legions) của SS Đức Quốc Xã, rất hợp khẩu vị của tên trùm sát nhân Himmler, đến nỗi Himmler đã gọi những thủ hạ của y là *"những Ignatius Loyola của chúng tôi"*.

Mọi tự điển trên thế giới đều có chung một định nghĩa về danh từ Jesuit (tu sĩ dòng Tên) là: *người nguy hiểm, giả nhân giả nghĩa, kẻ xảo trá phản phúc*. Ngoài ra, trong tác phẩm "German Thesaurus" xuất bản năm 1954, tác giả Đức Dornseif đã viết: *„Danh từ Jesuit - tu sĩ dòng Tên - bao gồm một danh sách dài của những tiếng đồng nghĩa: hai mặt phản trắc, gian trá, gieo rắc độc hại, gây chia rẽ, lừa lọc, nói dối, thương xót giả tạo, không biết trọng danh dự, thiếu thành thật, bất lương, chẳng bao giờ nói thật... ."* (Jesuit contains a long list of synonyms, including: two faced, false, insidious,

dissembling perfidious, mendacious, sanctimonious, dishonorable, incincere, dishonest, untruthful...) Người Pháp có câu cách ngôn rất hay: "*Khi nào có hai tu sĩ dòng Tên đi với nhau, luôn luôn tạo thành ba thằng quỷ sứ*" (Where two Jesuits come together, the devil always makes three).

Người dân Tây Ban Nha, nghèo hơn các dân Âu Châu khác, rất đau xót vì thường bị những tu sĩ dòng Tên lừa đảo để bòn rút tiền bạc của họ. Vì vậy, người Tây Ban Nha có câu tục ngữ còn "độc" hơn câu tục ngữ của Pháp nói trên: "*Đừng trao vợ cho thầy dòng, cũng đừng trao tiền cho những Jesuits*" (Don't trust a monk with your wife, or a Jesuit with your money). Loyola đã ra lệnh cho dòng tu của y một huấn lệnh nghiêm ngặt: "*Dòng tu của chúng ta không bao giờ để mình không bị quấy rối trong thời gian lâu dài bởi sự thù nghịch của thế giới*" (Our order may never be left untroubled by the hostility of the world for very long).

Người sáng lập dòng Jesuit là Ignatius de Loyola Recaldo sinh năm 1491 tại tỉnh Guipuzcoz, Tây Ban Nha, phục vụ nhiều năm trong quân đội Tây Ban Nha với cấp bậc đại úy nhưng có tham vọng lên tướng. Cuộc đời trận mạc đã biến y thành một thương phế binh bất mãn. Y có vợ con nhưng nghèo khổ nên càng thêm bất mãn hơn nữa. Tuy vậy, với bản chất cực kỳ hung bạo, say mê mạo hiểm thích lao đầu vào các cuộc chinh phục với những ước vọng quá lớn. Y quyết tâm gồng mình vươn lên thành ngọn tháp của lòng kiêu ngạo. Quyết tâm của y xảy ra đúng vào thời kỳ giáo hội Công Giáo La Mã đang lâm vào tình trạng tan rã do nạn ly-giáo (bỏ Giáo hội) của nhiều giáo phái Tin Lành, dưới triều đại Paul III (1534-1549). Đang lúc giáo hoàng lâm vào tình trạng vô cùng bối rối thì Loyola xuất hiện như một vị cứu tinh của giáo hội. Loyola trình lên giáo hoàng Paul III một kế hoạch chống nạn ly giáo bằng cách "*lập đoàn quân gián điệp gồm toàn các tu sĩ trí thức cuồng nhiệt cài vào tận trái tim của các giáo hội ly khai. Từ nay trong nội bộ các giáo hội ly khai đó, các tu sĩ gián điệp sẽ tìm đủ mọi cách, dùng đủ mọi thủ đoạn, kể các việc ám sát các thủ lãnh ly giáo để làm tê liệt và cuối cùng sẽ tiêu diệt hoàn toàn các giáo hội ly khai này*". Loyola đưa ra đề nghị phải huấn luyện các tu sĩ của y thành những nhà trí thức thật giỏi về đủ ngành, từ triết học, luận lý, siêu hình học, tâm lý học, thời miên, thần giao cách cảm (telepathy), ảo thuật, kỹ thuật gián điệp v. . . v. . Ngoài ra, các tu sĩ dòng Tên phải am tường Kinh Thánh, phải luyện tài hùng biện, có khả năng lươn lẹo thật tài tình để giải thích Kinh Thánh sao cho có lợi về phía Tòa Thánh để chống lại mọi sự khích bác của những kẻ thù của Giáo hội.

Kế sách của Loyola được GH Paul III nhiệt liệt tán thưởng. Từ một đại úy thương binh, y được giáo hoàng phong lên cấp Đại tướng Tổng Chỉ Huy đoàn quân gián điệp của tòa Thánh vào năm 1541.

Theo tác phẩm *The Jesuits – History and Legend of The Society of Jesus*" (Quil Willians Morros. NY. 1984) tác giả Manfred Barthel cho biết thêm: Cái nguyên nhân trực tiếp đã khiến cho Ignatius Loyola phải đưa ra kế hoạch lập Dòng Tên ghê gớm đó cho GH Paul III là vì chính lúc đó y đang bị tòa Hình Án Tây Ban Nha (Spanish Inquisition) ra lệnh truy nã. Y quá sợ sẽ bị đưa lên giàn hỏa như con chó thui nên vội vàng tìm cách chạy trốn qua Rome dâng lên giáo hoàng kế sách cực độc để mong giáo hoàng đặc biệt lưu tâm ngõ hầu y có thể được Tòa Hình Án Tây Ban Nha tha mạng. Sau khi kế sách của y được giáo hoàng chấp thuận và phê chuẩn dự án thành lập dòng Tên, y vội vàng về trình lại sự việc cho tòa Hình Án Tây Ban Nha. Tòa án tôn giáo nổi tiếng sát nhân kinh khiếp này vẫn không chịu tha Ignatius Loyola một cách dễ dàng. Tòa này buộc y phải cam kết thi hành mọi giao ước với Tòa thánh và y chỉ được tha mạng khi các nhiệm vụ tôn giáo của y được thực hiện hoàn toàn. Y không thể làm điều gì khác hơn là ký giấy cam kết với tòa Hình Án. Sau đó, Loyola được cấp tiền theo học 7 năm tại đại học Sorbonne - Paris, Pháp quốc - để có đủ tư cách là một chiến sĩ trí thức chỉ huy đoàn quân trí thức hung bạo hiểm độc của Giáo Hội Công Giáo.

Dòng Tên của gã đại gian manh Loyola được thành lập ngày 15.8.1534, dưới danh hiệu là "Hiệp Hội Jesus" (The Society of Jesus), được long trọng làm lễ ra mắt tại nhà thờ trên đồi Montmartre (Pháp). Từ đó, dòng Tên trở thành xương sống của Giáo Hội CGLM. Đường lối của dòng Tên được xây dựng trên nguyên tắc Trầm Tư Siêu Việt (Transcendental meditation) phối hợp với đủ thứ môn học cao cấp nhất của Âu Châu lúc đương thời.

Năm 1949, GH Pius XII ra lệnh cho dòng Tên phải chú ý nghiên cứu về các môn học mới như Cổ sinh vật học (Paleontology) môn khảo cổ học (Archeology) Văn minh học v ...v.. Nói tóm lại là phải trang bị cho các tu sĩ dòng Tên cái vốn trí thức uyên bác để sẵn sàng bảo vệ giáo hội trong thời đại mới.

Tòa Thánh La Mã còn ra lệnh cho các nhà hóa học của giáo hội cải tiến chất bột trắng giết người (the lethal white powder) thành một chất độc giết người có điều kiện. Đó là chất độc được đặc chế để nhét vào chân răng của các tu sĩ dòng Tên. Chất độc mang tên "Lentulo" được các nha sĩ Mafia của Tòa Thánh bí mật khoan răng, nhét chất độc vào rồi dùng men sứ trám lại. Chất "lentulo" biến các tu sĩ dòng Tên thành các chiến sĩ cảm tử theo kiểu "Suicide-bombs" của các giáo phái Hồi Giáo cực đoan. Các tu sĩ dòng Tên chỉ có một con đường trước mắt là phải tiếp tục chiến đấu hoặc phải chết. Mọi tu sĩ phản bội đều bị các nha sĩ Mafia của Vatican bí mật bơm một chất kích động có tác dụng làm cho độc chất lentulo tan dần vào máu, toàn bộ óc bị tê liệt, nạn nhân chết dần chết mòn trong âm thầm lặng lẽ mà không để lại một dấu vết nào. Không một bác sĩ khám nghiệm nào có thể tìm ra nguyên do cái chết của nạn nhân ngoài các bác sĩ Mafia của Tòa Thánh. Các điều bí mật trên đã được tiết lộ bởi nạn nhân (chết hụt) là linh mục tiến sĩ Alberto Rivera với các tác phẩm của ông như *The Godfathers, Duble Cross, The Force, Exorcists* và *the Crusaders*.

Năm 1537, dòng Tên được Vatican giao trọng trách đánh phá các giáo phái Tin Lành.

Năm 1541, chức vụ bề trên cao nhất của dòng được đổi thành "Bề Trên Cả" thay vì chức "thống tướng."

Năm 1550, bản Hiến Chương của dòng Tên được ban hành xác nhận nhiệm vụ "*đi khắp thế gian rao tin mừng của Chúa và dùng mọi phương tiện có thể đạt mục tiêu dưới sự phù hộ của Thiên Chúa nhằm cứu rỗi các linh hồn (phải lia khỏi xác)*".

Kết quả là "*các tu sĩ dòng Tên đã bắt cóc và làm đổ vỡ nhiều quốc gia. Họ đã gây chiến và mưu sát nhiều vua chúa và tổng thống, trong đó có Abraham Lincoln* „(The Jesuits have captured and broken nations. They have started wars and murdered kings and presidents, including Abraham Lincoln – *Fifty Years in Church of Rome*, Chick publications).

Dòng Tên là một công cụ tinh vi nhất của Vatican để thực hiện chủ nghĩa đế quốc tinh thần (Spiritual Imperialism). Trung Nam Mỹ Châu là sân khấu lịch sử thể hiện rõ nét nhất cái gọi là "Sự kinh hoàng thánh thiện" (Holy Terror) của dòng Tên. Nhất là dòng Tên của Tây Ban Nha, một dân tộc ham mê môn đấu bò không phải vì ham mê thể thao mà chỉ vì màu đỏ huyết dụ của máu mới đủ sức gây khoái cảm cho bản chất bạo dâm tinh thần của họ.

Sự xuất hiện của dòng Tên, nói chung, là một nghịch lý lớn của lịch sử giáo hội Công Giáo La Mã. Nói là mang "Phúc âm" đến những nơi dã man mọi rợ, thực tế cho thấy họ chỉ mang tai họa của âm ti đến mọi quốc gia ngoại đạo bằng những phương cách dã man mọi rợ hơn ai hết. Nghịch lý thứ hai là dòng Tên hội tụ đồng đảo số trí thức cao cấp của Giáo Hội Công Giáo La Mã tại Âu Châu. Chúng ta thật không hiểu nổi tại sao họ lại có thể mù quáng tự trói buộc mình vào những lời thề độc địa như "*Nếu giáo hội bảo tôi màu trắng là đen thì tôi sẽ trả lời vâng, đó là màu đen*" (If the church tells me

that white is black. Yes, that is black). Họ hy sinh mạng sống để tự đặt mình dưới sự xử dụng của giáo hoàng. Họ hãnh diện được thiên hạ nghĩ về họ như những chiến sĩ tiên phong của giáo hoàng (the pope's vanguards) hoặc như đoàn quân lê dương số một (the first legions). Họ tôn xưng giáo hoàng không phải là vị lãnh đạo anh minh của một giáo hội lành mạnh mà là một vị tướng quân tối cao (a superior general) của một đế quốc xâm lược nguy trang là tôn giáo.

Không có một tổ chức nào có thể đưa ra những khẩu hiệu quái gở như dòng Tên, chẳng hạn như "PERINDE AC CADAVER" nghĩa là Tôi không muốn gì hơn là chính cái xác chết của tôi. (I have no more will of my own than a corpse).. Vào thời đại của Sự Soi Sáng (The age of Enlightenment) thế kỷ 18-19, các tu sĩ dòng Tên bị hầu hết các nước Âu Châu lên án và tẩy chay. Otto von Bismarck (1815-1898) vị "thủ tướng thép" (the Iron Chancellor) của nước Đức đã trục xuất toàn bộ các tu sĩ dòng Tên ra khỏi nước Đức. Chính quyền Thụy Điển ra lệnh cấm chỉ mọi hoạt động của dòng Tên, đóng cửa tất cả các trường học do dòng này điều khiển trên đất nước họ. Tuy vậy, tại các quốc gia không có chính quyền vững mạnh, dòng Tên vẫn tiếp tục tác oai tác quái lũng đoạn chính quyền không từ một thủ đoạn tàn ác nào như bắt cóc, khủng bố, gây chiến và ám sát các vị nguyên thủ quốc gia nào không chịu hợp tác với họ. Trải qua trên 400 năm lịch sử của dòng Tên, hầu hết các quốc gia Tây phương đều bị dòng này khuynh đảo lật đổ chính quyền, chỉ ngoại trừ nước Mỹ mà thôi. Họ chủ trương cả thế giới phải trở thành "Công Giáo" theo đúng nghĩa của danh từ La Tinh "Catholica" (universal church) có nghĩa là Giáo Hội Toàn Cầu thống thuộc đế quốc La Mã cả phần hồn lẫn phần xác.

Chủ thuyết xây dựng một siêu cường tôn giáo đã được xác định trong lời thề của các tu sĩ dòng Tên: *"Đức giáo hoàng là đại diện của Chúa Jesus. Chúa ban cho Ngài quyền năng truất phế các vua chúa của mọi quốc gia. Dù có được bầu chọn, các nguyên thủ quốc gia đều là những kẻ cai trị bất hợp pháp. Mọi lãnh đạo quốc gia không chịu các phép bí tích của Chúa sẽ đều bị tiêu diệt. Trong mọi trường hợp, con (tu sĩ khẩn vào dòng) sẽ tạo ra chiến tranh nếu có cơ hội và sẽ tham chiến chống lại mọi kẻ dị giáo (heretic : a person who holds unorthodox opinion). Khi được lệnh, con sẽ tàn sát và triệt hạ tận gốc những tên này trên khắp mặt địa cầu..."*

Ngay từ năm 1556 là năm Ignatius chết, các đứa con của y (tức các tu sĩ dòng Tên) đã lập nhiều thành tích chống các dân ngoại ở Ấn Độ, Trung Hoa, Nhật Bản, Tân Thế Giới, đặc biệt là ở miền Nam nước Pháp và miền Tây nước Đức (When Ignatius died in 1556, his sons fought against the heretics in India, China, Japan, the New World, specially in Southern France and Western Germany). (The Secret of the Jesuits – Edmond Paris 1975, p. 24).

Các tu sĩ dòng Tên là những kẻ trí thức kiêu căng hợm hĩnh (intellectual arrogants) chủ trương "Cứu cánh biện minh cho mọi phương tiện" (The End justifies all the means) cực kỳ nguy hiểm vì vin vào nguyên tắc này, họ bất chấp mọi thủ đoạn lừa dối tàn ác, chỉ cốt sao thực hiện được những lợi ích của riêng Giáo Hoàng La Mã là đủ (We know best what benefits the Pontiff).

Trong thập niên 1960, linh mục dòng Tên Hoa Kỳ Roger Drinan đắc cử dân biểu quốc hội đã nhận lệnh của GH Paul VI chống chiến tranh VN và vận động buộc Nixon từ chức sau vụ tai tiếng Watergate.

Trong quá khứ 4 thế kỷ, đại học Gregorian University tại Rome, do chính Loyola đứng ra thành lập năm 1551, đã đào tạo 8 hiền thánh khét tiếng, 16 giáo hoàng và hàng ngàn hồng y, tổng giám mục, giám mục. (GH Jean Paul II, không xuất thân từ đại học này mà được đào tạo tại một tu viện bí mật của tổng giáo phận Krakow Ba lan trong thời Đệ Nhị Thế Chiến. Sau khi chịu chức linh mục, Wojtyla

được gửi theo học tại đại học St. Thomas Aquinas của dòng tu Đa Minh).

Hiện nay, 3 phần 4 các giáo sư dạy các phân khoa của trường Gregorian đều là tu sĩ dòng Tên. Trong tổng số 2000 sinh viên theo học, chỉ có non một nửa là tu sĩ của dòng mà thôi, các nữ sinh viên đều là nữ tu. Sinh viên Ý đông nhất, kể đến là các sinh viên Mỹ (họ gọi trường là The GREG). Trường rất nổi tiếng về các khoa tâm lý, xã hội học, Viện Nghiên Cứu Đông Phương và nhất là Viện Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Mác xít. Trụ sở lớn nhất của dòng Tên hiện nay ở Brazil, kể đến là các dòng tu tại Châu Mỹ La Tinh, Đức, Hung, Balan và Ý. Hiện nay tại Hoa Kỳ, rất nhiều tu sĩ dòng Tên là các nhà thiên văn, các khoa học gia đang làm việc tại các trung tâm khoa học. Trong thời chiến tranh lạnh, họ là các chuyên gia trao đổi các dữ kiện khoa học với các chuyên gia khoa học của Liên Xô.

Đài phát thanh Vatican (Vatican Radio) hoàn toàn do các tu sĩ dòng Tên thiết kế và điều khiển từ năm 1931 dưới triều GH Pius XI, phát thanh liên tục 24/24 bằng 34 thứ tiếng. Từ đầu thập niên 1990, các tu sĩ dòng Tên đã bị nhóm đối lập đẩy ra khỏi đài. Nhóm này thuộc phe quá khích, được mệnh danh là "Pháo đài của Chúa" (Opus Dei)

Dòng Tên chiếm ưu thế tuyệt đối tại Vatican dưới thời Pius XII: Toàn bộ các giáo sĩ từ các thư ký, hầu cận, cho đến tu sĩ cao cấp thân cận với Pius đều là các tu sĩ dòng Tên người Đức! Các giới chức lập hồ sơ phong thánh cho Pius XII cũng đều là Jesuits Đức cả. Hiện nay việc phong thánh cho Pius XII gặp phải nhiều trở ngại. Trở ngại lớn nhất là có nhiều ý kiến cho rằng: "Nếu Pius XII là á thánh thì Hitler phải là hiển thánh!" .

Năm 1959, dòng Tên có 36.000 tu sĩ, năm 1980, con số này giảm xuống còn 26.000. Từ năm 1980 đến nay, con số tu sĩ dòng Tên càng ngày càng giảm sút nhanh vì bị chống đối dữ dội tại các nước Trung Nam Mỹ, Hoa Kỳ và tại Philippines.

CÁC TÁC PHẨM GIÁ TRỊ TỐ CÁO DÒNG TÊN

Từ thập niên 1970 đến nay có nhiều kiệt tác phẩm của các tu sĩ dòng Tên bỏ đạo và tố cáo những tội ác tày trời của Giáo hội Công giáo La Mã. Trong số đó phải kể tới những tác giả rất nổi tiếng như cựu LM Tiến sĩ Peter de Rosa, tác giả Vicars of Christ, Cựu LM Tiến sĩ Alberto Rivera tác giả The Godfathers, Double Cross, The Forces of Devil, The Crusaders... Cựu LM Malaci Martin với tác phẩm The Jesuits . . . và nhiều vị tu sĩ dòng Tên khác. Nhưng có lẽ một người đặc biệt được thế giới Tây phương chú ý nhất là cựu linh mục dòng Tên người Pháp hiện vẫn ẩn thân nhưng đã viết nhiều tác phẩm rất giá trị. Đó là cựu LM Edmond Paris. Nói chung, tất cả các vị trí thức dòng Tên nói trên đều là những chiến sĩ lương tâm của nhân loại vì họ đã từng tuyên thệ trung thành với Vatican Khi không thực hiện lời tuyên thệ cũng đã đủ phải trả giá bằng máu rồi, huống hồ còn dám viết sách chống lại quỷ dữ thì họ đã tự biết số phận của họ sẽ phải như thế nào. Nhưng họ vẫn làm những việc mà lương tâm thúc đẩy.

Cựu LM Edmond Paris đã viết:

- *Le Vatican contre La France* (chưa dịch sang Anh ngữ)
- *Genocide in The Satelite Croatia.*
- *The Vatican Against Europe*
- *The Secret History of the Jesuits.* (được dịch sang Anh ngữ năm 1975)

Khi giới thiệu các sách của Edmond Paris, nhà xuất bản Chick (PO Box 662 CA 9171) đã viết :

Những điều nói trong sách này đều là sự thật với đầy đủ tài liệu chứng minh và mọi người tin vào Thánh Kinh Ki Tô tại Mỹ và Canada cần phải đọc vì Thánh kinh có viết rằng : "Dân của ta sẽ bị hủy diệt vì thiếu hiểu biết" (The information in this book is factual and fully documented, it should be read by every Bible-believing Christian in the US and Canada. The Bible says : "My people are destroyed for lack of Knowledge")

Người viết bài giới thiệu sách của Edmond Paris không ai khác hơn là cựu LM Tiến sĩ Alberto Rivera đã nói trên. Thiết tưởng những lời ông viết cho các tín đồ Công giáo Âu Mỹ cũng là những điều đồng bào Công giáo Việt Nam chúng ta nên biết. Vậy tôi xin tóm lược như sau:

"Những người nguy hiểm nhất là những người bề ngoài tỏ ra rất ngoan đạo, họ đặc biệt nguy hiểm khi họ được đoàn ngũ hóa và nắm giữ một chức vụ quyền lực. Họ được kính trọng sâu xa bởi đám quần chúng ngu dốt không biết gì về những động lực hoàn toàn vô thần vì họ chỉ nhắm chiếm đoạt quyền lực mà thôi" (The most dangerous of men are those who appear very religious, especially when they are organized and in a position of authority. They have the deep respect of the people who are ignorant of their ungodly push for power behind the scenes)

Những vị lãnh đạo tôn giáo này bề ngoài làm ra vẻ yêu mến Thiên Chúa nhưng lại thường hay giết người nhất. Họ thường kích thích bạo loạn và gây chiến, miễn sao đạt mục tiêu của họ. Họ là những nhà chính trị khéo léo, thông minh, ngoan đạo, nhũn nhặn nhưng thực ra họ đang sống trong một thế giới bí mật đầy âm mưu và chỉ thánh thiện ở cửa miệng. (These religious men who pretend to love God will resort to murder, incite revolution and wars if necessary to help their cause. They are crafty, intelligent, smooth religious politicians who are living in a shadowy world of secrets, intrigue and phony holiness.)

Những tổ phụ sáng lập đạo Công giáo đã bắt chước hầu như toàn bộ hệ thống tôn giáo cổ xưa của Babylon, pha trộn vào đó là thần học Do Thái và triết lý Hy Lạp. Tất cả những thứ đó đã dọn đường cho sự hình thành đạo Công giáo" (The Early Fathers observed most of the ancient Babylonian system plus Jewish theology and Greek Philosophy. They paved the way for the Roman Catholic machine that was to come into existence)

Ignatius Loyola lập ra dòng Tên để bí mật thực hiện hai mục tiêu của Công giáo La Mã:

1-Thực hiện quyền lực chính trị toàn cầu.

2-Thực hiện Giáo Hội hoàn vũ đúng theo Kinh Thánh Khải huyền Rev. 6, 13, 17 và 18.

Quyền lực của Giáo hoàng và định chế Công giáo không chỉ hủy diệt sinh mạng con người như dòng Đa Minh đã thực hiện qua các tòa án dị giáo mà họ còn tìm cách xâm nhập vào mọi lãnh vực xã hội nữa. Họ quyết tâm chinh phục Tin Lành và bắt đạo này phải phục vụ cho quyền lợi của Giáo hoàng. Chính Loyola đã đề nghị với Giáo hoàng Paul III là phải cho người xâm nhập tất cả những bệnh viện, học đường và các trường đại học. (Ignatius Loyola created the Jesuits to secretly accomplish two major goals for the Roman Catholic Institution: 1) universal political power and 2) a universal church in fulfillment of the prophecies of Revelation 6, 13, 17 and 18. Power of the Pope and the Roman Catholic institution not by just destroying the life of the people alone as the Dominican priests were doing through the Inquisition, but by infiltration and penetration into every sector of life. Protestantism must be conquered and used for the benefit of the pope . . .)

Tác giả Edmond Paris đã tố cáo sự xâm nhập của dòng Tên vào mọi chính phủ và mọi quốc gia để lèo lái lịch sử nhân loại đến chỗ độc tài (độc tài tôn giáo) và làm suy yếu các nền dân chủ. Khi Edmond Paris dám tố cáo các âm mưu đó của Vatican là ông đã tự đem mạng sống của mình làm cái giá chứng minh sự thật. Edmond Paris sẽ không bao giờ biết tôi là ai và tôi cũng chỉ biết tên tác giả thôi chứ không bao giờ gặp mặt bởi vì chúng tôi đã tuyên thệ những lời thề độc địa nên chúng tôi

đã bị lên danh sách là những kẻ nguy hiểm nhất cho những mục tiêu của định chế Công giáo La Mã. Nhưng tên của tác giả là để dành cho chúng ta. . . . Những tác phẩm của ông hiện đang bị mua chuộc và giả mạo, nhưng chúng ta hãy cầu xin Thượng Đế gìn giữ những cuốn sách đó vì chúng rất cần thiết cho sự giải cứu những người Công giáo La Mã.

Hỡi những đồng đạo Công giáo, tôi viết những dòng này vì sự cứu rỗi của các người.

Ký tên.

Tiến sĩ Alberto Rivera

(Cựu tu sĩ dòng Tên)

(Edmond Paris . . . in exposing such a conspiracy, he puts his life at stake for truth His name is given to us. We are praying that God will continue to preserve them when they are most needed for the Salvation of Roman Catholic people. Yours for the Salvation of the Catholic People - Alberto Rivera , ex-Jesuit priest. The Secret History of The Jesuits, translated from French 1975, Publisher' s Introduction)

PHANXICÔ XAVIÊ

Một đệ tử khét tiếng của Ignatius Loyola là Francis Xavier (Phanxicô Xaviê). Trên tháp chuông nhà thờ Cha Tam ở Chợ Lớn có tượng thánh Phanxico Xa-vie mặc áo giống linh mục lúc làm lễ. Ông ta là một nhân vật nổi tiếng tại Ấn Độ vào thế kỷ 16. Các vua quan Ấn Độ rất khâm phục ông.

Phanxicô Xaviê cùng các đệ tử đã đạt thành tích truyền đạo cho 100.000 người Ấn Độ nên ông đã được Vatican phong cho là Thánh Tông Đồ của Ấn Độ (The Apostle of India). Ông thất bại trong việc truyền đạo tại Nhật Bản nên muốn bỏ Nhật sang truyền đạo tại Trung Quốc. Tuy chưa đặt chân lên Trung quốc nhưng vì rất am hiểu tâm lý của người Trung Hoa nên ông đã tích cực vận động Giáo Hoàng Clement IX bãi bỏ lệnh cấm người Công giáo Đông phương thờ cúng tổ tiên.

Năm 1704, Giáo Hoàng Clement IX đã không nghe lời ông can gián và ra đạo luật cấm thờ cúng tổ tiên. Các giáo dân Trung Hoa bỏ đạo gần hết vì bị Giáo Hoàng xúc phạm đến tín ngưỡng lâu đời của họ. Người Trung Hoa tức giận với lý do rất dễ hiểu: Nếu tổ tiên là quỷ thì chính mình sẽ là "con cái của ma quỷ" chứ còn là cái gì khác hơn được! Chỉ bằng một hành động đại dột của "Đấng không thể sai lầm", Vatican đã xóa tan công trình truyền đạo trên 100 năm của các tu sĩ dòng Tên tại Trung Hoa. Các tu sĩ dòng Tên oán trách Giáo Hoàng Clement IX "đã đánh mất Trung Quốc" của họ! Do thất bại quá đau đớn này, đến thế kỷ 20, Vatican mới học được bài học kinh nghiệm nên đã cho phép mọi người Công giáo Á Đông được thờ cúng ông bà cha mẹ của mình tự do, không phải kiêng cử gì cả. Ông bà tổ tiên của chúng ta đã được Tòa Thánh La Mã sáng suốt chính thức công nhận không phải là ma quỷ trong cộng đồng Vatican II (1962).

Nhưng đến nay, Tòa Thánh mới chỉ nhượng bộ đối với đạo thờ cúng ông bà tổ tiên mà thôi. Còn đối với đạo Phật, đạo Lão vẫn tiếp tục bị kết án là các đạo thờ quỷ như thường lệ.

Trong sách kinh "Nhật Khóa" của Tổng giáo phận Sài Gòn, đã được Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Bình duyệt ngày 19.3.71, có kinh Cầu Ông Thánh Phan xi cô Xa-vie rất dài (từ trang 784 đến 791) trong đó có những câu như sau:

- Ông Thánh Phan xi cô là môn đệ rất xứng đáng của ông thánh I-nha-xi-ô (Ignatius)
- là quan thầy các nước Đông phương
- là kẻ nghịch đạo dị đoan

- phá tan đạo bụt thần ma quỷ.
- là lính rao tiếng Đức Chúa Thánh Thần cho những dân mọi rợ (vì chúng nó không biết ăn thịt uống máu của Chúa và của người ta)
- là đèn soi cho những dân ngoại đạo (tối tăm)
- ông Thánh F. Xavie làm cho quỷ thần (ám chỉ Đức Phật) kinh hoàng và làm sáng danh Đức Chúa Trời đời đời chẳng hết.

Trong sách kinh "Toàn Niên Kinh Nguyên" của hai địa phận Bùi Chu và Hà nội (do Cơ Sở Dân Chúa P.O Box 1419-Gretna - LA. 70053, LM Việt Châu chủ quản) nơi trang 18-19, có câu "*Cúi xin Chúa từ nay về sau đừng để những người ngoại đạo khinh dễ công ơn cứu chuộc (vì không chịu vào đạo Chúa). Xin chúa vì lòng nhân từ Chúa mà dong thứ cho những kẻ ấy xưa nay đã lạc đàng thờ lạy bụt thần*".

Nơi các trang 143-145 có câu: "*Xin Chúa hãy làm vua các kẻ còn ở nơi tối tăm thờ lạy bụt thần hay là theo đạo Mahomét mà rủi thương chúng nó nhận biết sự sáng thật cùng phục quyền Chúa tôi*".

Đối với người Việt Nam, tu sĩ dòng Tên nổi tiếng người Pháp Alexandre de Rhodes, tức cố đạo Đắc Lộ, là một nhân vật dòng Tên có mối liên hệ mật thiết nhất với chúng ta. Tuy không phải là người lập ra chữ quốc ngữ nhưng ông cũng một phần có công truyền bá chữ này.

Cuối tháng 3.1993, hội khoa học lịch sử của chính phủ Việt Nam đã tổ chức một hội nghị tưởng niệm 400 năm ngày sinh của ông tại hội trường Bảo tàng Viện Cách Mạng. Nhân dịp này, chính phủ Việt Nam đã quyết định khôi phục tên đường Alexandre de Rhodes tại Saigon và cho dựng lại tấm bia đá kỷ niệm mang tên ông tại khuôn viên Thư Viện Quốc Gia ở Hà nội. [Đó là một sự sai lầm lớn, nhục quốc thể không những của chính quyền mà còn của giới trí thức Việt Nam trong nước nữa.]

Linh Mục Alexandre de Rhodes đến nước ta truyền đạo 2 đợt:

- Đợt đầu ở Đàng Ngoài từ 1624 đến 1630 thì bị Chúa Trịnh Tráng trục xuất.
- Đợt sau ở Đàng Trong từ 1640 đến 1645 thì bị Chúa Nguyễn Phúc Loan trục xuất.

Linh Mục Alexandre de Rhodes là một tu sĩ dòng Tên rất hung hãn với chủ trương tấn công thẳng vào các nguyên lý đạo đức và chính trị của Nho Giáo: nhạo báng đức tính hiếu thảo với cha mẹ ông bà, bôi bác đạo thờ cúng tổ tiên đồng thời khuyến khích giáo dân không nên trung thành với nhà vua và chính quyền Việt Nam. Ông ra sức cổ vũ con chiên phải đặt Vatican lên trên Tổ Quốc Việt Nam.

Phan-xi-cô Xa-viê hoàn toàn phủ nhận chủ quyền của mọi quốc gia mà ông ta đặt chân đến truyền đạo, ngụ ý một khi giáo dân đã "trở lại đạo" là đã trở thành công dân của Vatican chứ không còn là công dân bản quốc nữa!.

Để hiểu về Alexandre de Rhodes, xin hãy đọc thêm các bài viết của LM Trần Thái Đình, giáo sư Chương Thâu và Nguyễn Kha trong cuốn *Kitô Giáo từ thực chất đến huyền thoại* (Nhà Văn Hóa xuất bản, 1996). Đúng trên lập trường dân tộc, Alexandre de Rhodes là kẻ thù của chúng ta vì y chủ trương làm sạch địa bàn cho văn hóa Kitô Giáo độc diễn và dọn đường xâm lược cho thực dân Pháp. Y chính là kẻ "bất nhip" cho bài ca "quân hành" hoặc đúng hơn là bài ca "song hành" cho cặp bài trùng đế quốc thần quyền Vatican và đế quốc thực dân Pháp trên con đường nô lệ hóa dân tộc Việt Nam

VẤN ĐỀ CHỮ QUỐC NGỮ, tôi thiết tưởng chúng ta không cần phải biểu lộ lòng biết ơn đối với các

cố đạo vì họ không tri tình làm ơn cho dân tộc ta. Họ phát minh ra chữ Quốc Ngữ chỉ nhằm mục tiêu duy nhất là tạo ra một phương tiện truyền đạo để gieo rắc biết bao tai ương cho đất nước ta mà thôi. Các cố đạo thừa sai là những kẻ địch thù của tổ quốc Việt Nam. Hãy coi chữ Quốc Ngữ là CHIẾN LỢI PHẪM chúng ta tịch thu được từ tay địch. Chúng ta không cần phải quay cổ lại phía đồn địch để cảm ơn địch đã cho chúng ta những chiến lợi phẩm đó. Chúng ta cần phải dùng vũ khí tịch thu được của địch để giết hết bọn địch và bè lũ tay sai của chúng là bọn Việt gian đã tự biến mình thành những kẻ ăn đậu ở nhờ trên quê hương mình.

- Đối với đạo Phật, chúng đã vô cớ lăng mạ và hạ đức Phật xuống thành quỉ dữ, lên mặt vênh váo láo xược với mọi giá trị tinh thần cao quý của dân tộc Việt Nam và các bậc anh hùng của chúng ta. Chúng ta phải bắt chúng quỉ xuống tạ tội hỗn láo với tổ tiên, với Đức Phật và với Hồn Thiêng Tổ Quốc. Chúng ta sẵn sàng tha thứ nếu chúng tỏ ra biết ăn năn hối cải. Nếu chúng vẫn tiếp tục ngoan cố láo xược, nhất định chúng ta không tha. Tội ác của bọn bán nước và cướp nước hãy còn nguyên đó!

Ban Chủ trương & biên tập nhà xuất bản Giao Điểm:

Bùi Kha - Nguyễn Văn Hóa - Phan Mạnh Lương

Kỹ thuật trình bày:

Họa sĩ Khánh Trường

Chân thành cảm ơn bạn đọc đã theo dõi tác phẩm "Công Giáo, huyền thoại và tội ác" của cựu Trung tá Thẩm phán Tòa Quân sự Mặt trận Vùng 4 VNCH - Charlie Nguyễn. Các bạn muốn có đủ trọn bộ hai tác phẩm hùng tráng chấn động lương tri Giáo hội Công giáo Việt Nam này [cuốn hai:"Công giáo trên bờ vực thẳm"], xin liên lạc về nhà xuất bản. Địa chỉ PO. Box 2188 Garden Grove, Ca. 92842. USA.

Lần nữa, cảm ơn bạn đọc đã chia sẻ sự đau vật đau thương chồng chất hàng thập niên của một người Công giáo đã hoàn toàn tình ngộ. GĐ.

THAY LỜI KẾT (**)

(** : tựa do người chép sách tự đặt)

Bạt: Gửi bạn hiền Charlie Nguyễn
NGUYỄN QUỐC SÚY

Tôi vừa đọc xong cuốn "Công Giáo Huyền Thoại và Tội Ác". Tôi thực sự sửng sốt với những khám phá mới lạ của bạn đối với một tôn giáo tôi vẫn kính nể. Trong quá khứ cũng như trong tận cùng tâm thức tôi chưa từng phân biệt tôn giáo giữa các bạn bè; Nhiều bạn hiền của tôi đạo Công giáo, tôi rất mến mộ vì bản chất triết nhân thánh thiện.

Đọc sách của bạn tôi nhớ lại một kỷ niệm trong nhóm bạn bè thân thiết tranh luận hăng say chỉ vì một bài khảo luận tôn giáo đăng trên tạp chí. Cách đây gần nửa thế kỷ, trong nhóm bạn vừa mới bước chân vào Đại học năm thứ nhất luật khoa, Nguyễn v. B. mở tạp chí Đại Học (hình như Đại Học Văn Khoa (?), lướt qua vài hàng trên bài Khảo Luận về Phật Giáo của Giáo Sư Nguyễn Văn Trung là tự nổi sùng, chỉ vì B. thường tự nhận là Phật giáo, nhưng theo tôi biết anh cũng chẳng hề biết kinh kệ là gì ! Cùng ngay lúc đó thì Vũ Hữu Q. một người Bùi Chu cùng quê với Charlie lên tiếng bênh vực G.S. Trung. Tìm hiểu thêm tôi mới vỡ lẽ ra rằng Q. cũng chưa hề đọc bài khảo luận, nhưng đã được nghe linh mục Thanh Lăng đề cao luận án tiến sĩ của GS Trung về vấn đề Phật giáo và tất nhiên bài báo chỉ là một phần trích dịch từ luận án. Tôi đã mượn cuốn báo về nhà đọc. Dù trong đơn từ nhập học hay xin việc làm (công chức) thời T.T. Ngô Đình Diệm có câu hỏi "Tôn giáo gì ?" tôi vẫn đề là Phật giáo, nhưng thực chất vốn liếng Phật học tôi chẳng có là bao. Đọc hết bài Nhận Định tôi thấy nhiều nhận xét của GS Trung có lý. Ví dụ Phật giáo nói là vô ngã nhưng lời đức Phật nói "Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn" thì phải nói là đại ngã mạn , cao ngạo hơn ai hết; đức Phật thuyết pháp suốt cả cuộc đời, nhưng cuối cùng lại nói "Trong bốn mươi chín năm ta chưa hề nói lời nào"; hoặc một tôn giáo lớn nhất Việt Nam, nhưng các người hành đạo thì ngu si dốt nát, tổng số các tăng ni tốt nghiệp đại học đếm trên đầu ngón tay , dân gian châm chọc sư sãi bằng những ca dao độc địa... Chỉ sau này khi đọc cuốn "Hố Thẳm Tư Tưởng" của Phạm Công Thiện, tôi mới biết được khuyết điểm lớn lao của GS Trung. Tuy nhiên đó không phải là đề tài của bài viết này. Đưa ra ví dụ trên tôi chỉ muốn nhắc nhở bạn đọc hãy gạt bỏ hẳn thành kiến tôn giáo của mình, đừng vừa nghe tên tác phẩm "Công Giáo Huyền Thoại và Tội Ác" là đã có ngay thành kiến hoặc nổi giận hoặc hồ hởi. Trước khi đưa ra một lời phê bình xin hãy đọc hết tác phẩm của Charlie Nguyễn. Thái độ đứng đắn nhất là đọc xong xin bạn hãy suy gẫm bằng chính kinh nghiệm của mình để đưa ra kết luận đứng đắn.

"Công Giáo Huyền Thoại và Tội Ác" không phải là một cuốn tiểu thuyết luận đề, cũng không phải là một huyền thoại siêu hình học, thực chất đây là một cuốn khảo sử tôn giáo dựa trên những dữ kiện lịch sử, hoặc trên những nhân chứng, tác phẩm đã xuất bản hay trên những bằng chứng khảo cổ. Tuy nhiên tính cách xác thực đến mức độ nào thì tùy bạn tìm hiểu. Bản thân tôi, tôi cũng không hiểu biết nhiều về thánh kinh và tổ chức Công giáo, tôi ước mong bạn đọc Công giáo muốn phê bình tác phẩm đứng đắn và trung thực xin hãy kiểm tra kỹ càng những khám phá mới mẻ của ngành khảo cổ liên quan tới "Độc Thần giáo" cùng những sử liệu và tác phẩm tra cứu đã được Charlie nêu tên. Điều quý trọng nhất trên đời này là "sự thật" chứ không phải là cầu mong sự thật đã diễn tiến đúng như mình cũng như nhiều người có uy tín tin tưởng và truyền bá, và tệ hại hơn nữa là sự thật đã hiện ra trong lâu đài mình đang tưởng tượng.

Trong địa hạt khoa học, kỹ thuật, văn chương, con người nhờ học vấn mà tiến bộ, nhưng trên phương diện tâm linh, siêu hình thì những tri kiến nhiều khi lại trở nên sở tri chướng; nghĩa là tri thức trở nên chướng ngại cho việc hấp thụ những tri thức mới mẻ hay những chân lý không thể chối cãi. Một đứa trẻ "to be born as Christian" hay "to be born as Buddhist", tri kiến hấp thụ từ lúc lọt lòng, mới đầu chỉ là người khách lạ, nhưng ngày ngày cầu nguyện nhập tâm thì tri kiến dần dần biến thành ông chủ, rồi đứa trẻ lại nhận ông chủ là chân lý; rồi ông chủ chân lý tự động khép kín mọi cánh cửa, không tiếp nhận thêm bất cứ một tri kiến nào khác lạ. Lớn lên với định kiến sẵn có, con người khó lòng mà thoát khỏi chân lý ngục tù. Charlie đã học trong Giáo Hoàng Chung Viện Bùi Chu cùng với 200 chủng sinh

khác. Tôi biết trước năm 1975, Charlie luôn luôn nhận mình là người Công giáo, nhưng bản chất trọng sự thật nên bạn vẫn bõn cọt với giáo điều. Mười năm trong trại cải tạo, Charlie quán chiếu cùng ôn cố lại những bài học tâm linh trong trường dòng. Khi sang Mỹ tìm hiểu thêm, Charlie trực nhận tri thức tâm linh trước kia thực sự chỉ là chân lý ngục tù. Charlie viết lại những ý thức mới khám phá và tin biết đây là sự thực và những điều học hỏi như con vẹt học nói trước kia chỉ là những nguy tạo cố ý. Trong lá thư viết cho người bạn cũ trường Dòng, Charlie đã hỏi bạn liệu có đủ can đảm đọc hết tác phẩm, hay vì chân lý ngục tù khép kín thâm lượm từ các frères trong trường Dòng nên bạn không muốn nhìn suốt sự thật, rồi sau đó lại còn nguyên rửa Charlie phản bội như Giu Đa bán Chúa ? Charlie cũng mong người bạn nếu tin tưởng vào lời Chúa Jesu "Ai tát má phải ta đơ má trái cho họ tát", và nếu người bạn cho rằng đây là cái tát vào niềm tin thì xin người bạn hãy đọc hết tác phẩm rồi tìm hiểu tính cách xác tín dù người bạn bất đồng hay nhận ra sự thật, có thể người bạn tự cảm nhận như nhận một cái tát thứ hai vào niềm tin hoặc là cánh cửa chân lý ngục tù sẽ từ từ hé mở ?

Trong hàng thẩm phán Việt Nam cũ hiện cư trú tại hải ngoại có ba vị thường viết về phê bình tôn giáo :

1. Ông biện lý Nguyễn Cần, bút hiệu là Tú Gàn thường viết những bài phê bình Phật giáo được đăng trên nhiều tạp chí hải ngoại.
2. Ông chánh án Nguyễn Kim Khanh, bút hiệu Phan Thiết với tác phẩm "Hành Hương Đất Phật" cũng viết phê bình Phật giáo.
3. Thẩm phán quân sự Charlie Nguyễn.

Điểm đặc biệt là cả ba người cùng xuất thân từ gia đình Công giáo nhưng Charlie trung ra bằng chứng chứng minh tính cách nguy tạo lịch sử của Giáo Hội La Mã , nguy tạo Thánh Kinh.

Tôi không được đọc nhiều những bài báo của Ông Tú Gàn phê bình Phật giáo, nên không có ý kiến. Riêng về tư tưởng của Ông Phan Thiết phê bình còn nặng nề hơn Nguyễn Văn Trung cách đây nửa thế kỷ (G.S. Trung về sau này đã thay đổi khá nhiều). Đọc "Hành Hương Đất Phật" tôi tự hỏi có phải đây là chính ý kiến của một vị cựu thẩm phán hay tác phẩm do một nhóm người lượm nhặt lại ý kiến từ các cố đạo thừa sai nhiều thế kỷ trước, viết về Phật giáo trong tinh thần cố ý xuyên tạc trình lên Giáo Hoàng ,đề rồi tạo lý do cho các vua chúa Âu châu lấy cớ là giáo hóa dân man di để bành trướng thuộc địa. Tác phẩm của Phan Thiết đã nhiều người phê bình,riêng tôi, tôi ước mong được gặp bạn đồng nghiệp cũ để cùng luận bàn trong tinh thân hữu về các vấn đề bạn đã viết trong tác phẩm Hành Hương Đất Phật.

Charlie Nguyễn, bạn tôi; ngay từ nhỏ tôi đã mến phục tính ngay thẳng bất khuất của bạn. Không giống như những người Bùi Chu khác "Cha nói sao, tin làm vậy". Bạn tôi xuất thân từ Giáo Hoàng Chủng Viện Bùi Chu, song thân muốn bạn trở thành linh mục. Nhưng ngay từ thời thơ ấu, trong trường dòng, bạn đã có dịp chiêm nghiệm "ngôn và hành" từ những linh mục trong trường cũng như linh mục trong thân thuộc, thích thuộc, rồi đến đức Cha, giám mục,...Tôi nhớ có lần bạn nói rằng các cha dù tốt hay xấu, quý vị đồng chung một quan niệm là phục vụ Chúa và Giáo Hội, khởi điểm từ mục đích ấy quý vị đều lấy cứu cánh để biện minh cho phương tiện. Mãi sau này tôi mới hiểu bạn ám chỉ các ngài trung thành với tư tưởng "thà mất nước, không mất Chúa".

Charlie không muốn "tin cha chứ không tin chúa", cũng không muốn hiểu Thánh Kinh theo lời giải thích của các linh mục diễn giảng theo đường hướng Tòa Thánh. Charlie muốn tự mình đọc Thánh Kinh và tự tìm ý Chúa qua Thánh Kinh. Thay vì quỳ gối để thấy niềm tin, Charlie muốn tìm ý Chúa trước khi quỳ gối và tự tìm ý Chúa thay vì phải tin nhận lời giải thích của các thừa sai Tòa Thánh. Cũng trong tinh thần tự phát ấy, khi theo diện H.O. sang Mỹ, Charlie có cả một thư viện, cả một rừng khảo cổ linh động, cũng như nhiều giáo sư khoa thần học danh tiếng để chất vấn, nghiên cứu. Thế rồi trực giác tâm linh bừng sáng thì tư tưởng bạn tôi thực sự thăng hoa. Với những lập luận đanh thép , bằng chứng khó bác khước, bố cục gán bó tạo cho tác phẩm một giá trị thật cao. Tuy vậy tôi vẫn mong đợi các nhà phê bình Công giáo chân chính hãy kiểm soát lại xác tín của các bằng chứng ghi trong tác phẩm.

Thời niên thiếu, Charlie là một học sinh giỏi, vào đời Charlie rất thành công.Tôi xin đan cử vài thí dụ;

Ngay khi còn mang lon thiếu úy quân pháp, Charlie đã được bổ nhiệm chức vụ Dự Thẩm Phòng II Tòa Án Quân Sự Saigon, trong khi Dự Thẩm Phòng I là Trung Tá Xuân. Trong Quân Đội quý bạn có thấy hơi lạ khi bổ nhiệm một thiếu úy ngang hàng với trung tá không? Người đề cử bổ nhiệm là Đại tá Trần Mộng Chu, một triết nhân trong ngành Quân Pháp, vì vậy các sĩ quan trong hàng thẩm phán quân sự không ai thắc mắc. Khi đeo lon thiếu tá, một lần nữa Charlie lại được bổ nhiệm chức vụ Trưởng Ban Quân Pháp, trong lúc Trưởng Ban Nghiên cứu là Đại tá Nguyễn Trọng Liệu (hiện cư ngụ tại Orange County). Với chức vụ này, Charlie trực tiếp thẩm cung các tướng lãnh can tội hình sự, điển hình là vụ Tướng Lam Sơn và Trần Quốc Lịch. Cũng trong chức vụ này, Charlie thường xuyên tháp tùng Giám Đốc Nha Quân Pháp thuyết trình trước Bộ Trưởng Quốc Phòng trước khi Bộ Trưởng ký án lệnh khởi tố trong những vụ án quan trọng.

Sau năm 1975, Charlie bị đi "cải tạo" gần 10 năm, Đại Úy Nguyễn Quang Điền (hiện cư ngụ tại Seattle) phẩm bình về Charlie trong thời gian tù đầy này là con người "uy vũ bất năng khuất"... Khi gặp lại Charlie tại Canoga Park, Cali năm 1992, Charlie đã 55 tuổi, nhưng tôi không hề thấy bạn tôi thay đổi từ tinh thần đến thể chất, từ vóc dáng thanh tú cho đến nụ cười hồn nhiên, dù rằng đã gần một phần tư thế kỷ xa cách. Ngày chủ nhật tôi vẫn thấy Charlie cùng vợ con đi lễ. Ông Võ Tráp, thườ ầy đang là Chủ Tịch Hội Đức Mẹ La Vang, và đã có thời là Chủ Tịch Cộng Đồng Công Giáo Nam Cali (?) đã khen Charlie là "ngoan đạo".

Rồi Charlie di chuyển sang Texas, bằng đi một thời gian tôi nhận được tin Charlie bị khủng hoảng tinh thần (?). Tôi ngạc nhiên và tự hỏi con người thông minh, tự tin và bất khuất như Charlie có lẽ nào vì quá stress trong "manh áo túi com" nơi xứ lạ quê người đến nỗi tinh thần khủng hoảng? Cho đến khi nhận được tờ Đông Dương Thời báo với bài viết "Bức Tâm Thư của Người Công Giáo bị Khủng hoảng đức tin", tìm hiểu thêm qua hai người bạn cựu thẩm phán quân pháp là Lư Tấn Hồng và Nguyễn Hữu Kính (hiện cư ngụ tại Houston Texas) tôi mới vỡ lẽ ra rằng con người bốn biển giang hồ lạc phách ấy cuối cùng "sa vào vết chân trâu"! Từ Hải "tứ hải anh hùng còn đại gái". Bạn tôi, Charlie "phú quý bất năng dâm... uy vũ bất năng khuất" cuối cùng phải mềm lòng vì các con đồng quỳ xuống xin cha theo bầy con và vợ ngoan đạo đến nhà thờ! Quý bạn đã đọc qua những bài viết của Charlie nghĩ sao về hình ảnh Charlie quỳ gối trong nhà thờ và nghe linh mục chủ chiên thuyết giảng Thánh Kinh? Tôi đang hình dung một linh ảnh bất khuất của Trần Bình Trọng bị đập dập đầu gối đang quỳ trước mặt Thoát Hoan! hoặc hình ảnh bất phục của một cậu học trò quỳ trên sơ mít trước ông thầy đồ nghiêm khắc... Sống trong nghịch cảnh đầu hàng vợ con, hàng tuần quỳ gối trước chân lý ngục tạo ấy, tâm thức Charlie triền miên khắc khoải và chỉ cần một giọt cuối cùng là tràn ly nước đầy.

Một buổi chiều đông đi làm về nhà, Charlie đã khám phá ra rằng bao công trình nghiên cứu, sử liệu sự thật về Thiên Chúa Giáo đã bị bà vợ hiền tìm ra và quăng hết vào lò sưởi. Biết được sự thật phũ phàng Charlie nổi khùng lên và đập phá, rồi Charlie được đưa vào bệnh viện tâm thần... Xuất viện biết rằng không thể sống mãi trong nghịch cảnh của tâm thức dằn vặt triền miên, và cũng không muốn vợ con có thể liên lụy vì những tác phẩm táo bạo sắp xuất bản như sẽ nói dưới đây, Charlie lặng lẽ thoát ly mà túi rỗng không một xu, nhưng quyết định chấp nhận nghịch cảnh màn trời chiếu đất nơi điểm cỏ cầu sương để tìm đường giải thoát tâm thức ngục tù; nhưng Charlie có thực sự tìm được giải thoát trong tự do không? Đây lại là vấn đề khác. Thế mới biết 10 năm cải tạo không sờn lòng, bạn tôi thắng được vạn quân, thắng được chính mình... nhưng bạn tôi đã không vượt khỏi bức tường vô hình của nghĩa phu thê, tình phụ tử.

Sau này tìm hiểu thêm tại sao bạn tôi lại phải thay tên đổi họ, tôi lại khám phá thêm một yếu tố đáng sợ khiến Charlie luôn luôn khủng hoảng: Đây là sự ám ảnh của kinh nghiệm quá khứ về những kẻ cuồng đạo. Đã từng sống trong vùng Bùi Chu Phát Diệm, đã từng chứng kiến những cảnh ám sát, thủ tiêu không để lại dấu vết của hàng cha anh; Vào trong Nam, Charlie cũng biết rõ những nhân vật mật vụ Tư Đen, Hùm xám... quá nổi tiếng trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa về những hành vi tra tấn, thủ tiêu rất tàn bạo; khôn thay những nhân vật ấy vốn xuất thân cùng nơi quê cha đất tổ và có người Charlie còn quen biết từ thời thơ ấu. Bạn bè Charlie vốn 90% công giáo, không hiếm những tên cuồng tín, sẵn sàng hy sinh đi thẳng Giu Đa bán Chúa để cầu phước mai lên Thiên Đàng... Xin đừng trách họ, vì lịch sử những cuộc thánh chiến thời Trung cổ vẫn thường được các vị thừa sai Tòa Thánh rêu rao là giết kẻ ngoại đạo không tin Chúa cũng như giết những tên Giu Đa bán Chúa thì không có tội và mai

kia được hưởng phước đời đời trên thiên đường...

Mới ngày hôm qua, bạn tôi Bác Sĩ G. khi vừa đọc xong tác phẩm, nhưng chưa từng biết tác giả, khi nhìn tấm hình trong sách đã phân hỏi tôi có phải chính là Charlie không sao y quá trẻ so với tôi và đẹp trai thế ? Tôi vội vàng mở sách thì "chính hần chứ còn ai ?" Tôi ngắm lại tấm hình Charlie ngẫu nhiên đứng trên đồng tuyết lầy mà tưởng như đóa sen đang vươn lên nở trên vùng tuyết trắng.

Suốt quãng đời thiếu niên, thanh niên và trung niên Charlie luôn luôn tin tưởng Chúa là chân lý; Tìm Chúa qua niềm tin, nhưng bạn tôi đã không tìm được niềm tin qua những hoa ngôn của ông linh mục hay mỹ từ ghi trong Thánh Kinh. Bây giờ ngoài lục thập, tuổi lục thập vô vọng, tuổi hưu trí và cũng là tuổi xuất thế tâm đạo, Charlie như một hành giả, tự mình quán chiếu và trực nhân ra rằng những hoa ngôn và mỹ từ chỉ là rừng tà kiến của những kẻ mượn danh đạo tạo danh đời, Đức Chúa Jêsus chỉ nói về tình thương mà không hề nói tới bành trướng giáo quyền. Nêu cao cái dưng của người quân tử đầy nghĩa khí như Mạnh Tử đã viết "Nói mà không biết là bất nhân, biết mà không nói là bất nghĩa". Charlie bất chấp mọi đe dọa, dám nói lên hay rõ nghĩa hơn là đà dùng bút như một hiệp sĩ vung kiếm vạch đường cho nhiều người vượt khỏi rừng tà kiến. Xa hơn thế nữa Charlie còn rung lên một tiếng chuông cảnh giác các nhà lãnh đạo Việt Nam hiện thời và trong tương lai về hiểm họa giáo quyền quốc tế...

Bây giờ nụ cười của bạn tôi thực sự chưa trọn vẹn , nhưng tôi luôn luôn lạc quan, bởi vì con đường giải thoát đời hành giả có đủ ba tâm : trực tâm, chân tâm và bồ đề tâm . Với trực tâm, Charlie đã thẳng thắn viết bất chấp kẻ cuồng đạo; với chân tâm Charlie đã nhìn thấu thực tại, tính cách như thực, sự thật phải là sự thật không phải là những sở tri, kiến chấp sai lầm thâm nhập hồi nhỏ... Con đường an lạc của bồ đề tâm hẳn không còn xa vời với bạn.

NGUYỄN QUỐC SÚY

Ngày 4 tháng 7 năm 2001